VĂN HỌC

XUÂN NHÂM NGỌ 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

chúc mừng năm mới

Tạp chí Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác trong số báo này kính chúc quý độc giả và văn hữu một năm Nhâm Ngọ gặp nhiều may mắn và dồi dào sức khỏe.

châu văn thọ ● nguyễn mộng giác ● mai kim ngọc thạch hãn ● võ thắng tiết ● thụy khuê ● nguyễn khắc phú ● ngu yên ● nguyễn khánh hòa ● tạ quốc tuấn ● ngữ an ● trần văn tích ● nguyễn hưng quốc ● nguyệt thư ● ngự thuyết ● huỳnh liễu ngạn ● nguyễn quảng tuân ● trần doãn nho ● nguyễn thanh châu ● nguyễn thị thảo an ● như chi ● trần mộng tú ● triều hoa đại ● võ đình ● mạc hoài ● thảo trường ● lệ hằng ● trần hồng châu ● nguyễn hoàng văn ● nguyễn thị hoàng bắc ● lê cần sơn ● lê minh hà ● trúc chi ● hoàng xuân sơn ● tuấn huy ● sâm thương ● khánh hà ● tâm thanh ● song thao ● vạn giả ● thơ thơ ● đỗ quỳnh dao ● hồ đình nghiêm ● nguyễn việt thường ● tràm cà mau ● hoàng chính ● hoài ziang duy ● thái tú hạp ● thế quân ● thụy vũ ●

Văn Học Tết Nhâm Ngọ

số 189&190 ● tháng 1&2 .2002

VĂN HỌC	1	lời chúc mừng năm mới
VĂN HỌC	2	mục lục số Tết
NGỮ AN	4	*về chào tiếng lạ*
TRẦN VĂN TÍCH	5	hoa xuân hương thiền trong thơ lý trần
NGUYỄN HƯNG QUỐC	24	báo tết và văn hóa tết
NGUYỆT THƯ	31	*gọi mùa xuân muộn*
NGỤ THUYẾT	32	nghĩ về tết
HUỲNH LIỄU NGẠN	41	*tân xuân*
TẠ QUỐC TUẤN	42	đêm trừ tịch với thi nhân trung quốc
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	50	hình ảnh con ngựa trong truyện kiều
TRẦN DOÃN NHO	54	ngày 11 tháng chín
NGUYỄN THANH CHÂU	74	*lục bát quê nhà*
NGUYỄN THỊ THẢO AN	76	726256-B526
NHƯ CHI	88	*ước chi*
TRẦN MỘNG TÚ	89	trong khu vườn mùa xuân
TRIỀU HOA ĐẠI	94	*hãy ở cùng ta*
VÕ ĐÌNH	96	người leo núi
MẠC HOÀI	98	*lặng thầm*
THẢO TRƯỜNG	99	...trang cuối
LỆ HẰNG	102	thần bội bạc
TRẦN HỒNG CHÂU	110	*cội thông bên bờ thế kỷ*
NGUYỄN HOÀNG VĂN	111	thơ ngắn

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC 114 thư gửi mẹ
LÊ CẦN SƠN 118 *nằm xoay lưng nghe quạ kêu*
LÊ MINH HÀ 120 những người muôn năm cũ
TRÚC CHI 125 thư gửi hạc
HOÀNG XUÂN SƠN 136 *lượng xuân*
TUẤN HUY 137 hà nội lung linh trong trí nhớ
SÂM THƯƠNG 143 tên đao phủ trên cổ thành
KHÁNH HÀ 150 *chùm lục bát*
TÂM THANH 151 khe sáng
SONG THAO 161 rời nơi giấu mặt
VẠN GIẢ 171 *vẫn chờ xuân*
THƠ THƠ 172 chuyện của ti
ĐỖ QUỲNH DAO 177 đối gương
HỒ ĐÌNH NGHIÊM 189 sứ giả
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG 198 *đêm mộng về gác gió*
TRÀM CÀ MAU 204 xứ khỉ khọn
HOÀNG CHÍNH 213 thư tình của mỵ nương
HOÀI ZIANG DUY 221 bốn ngàn năm chen lấn
THÁI TÚ HẠP 237 *sát na hạnh ngộ*
THẾ QUÂN 238 tin văn
VĂN HỌC 249 giới thiệu sách mới
VĂN HỌC 253 hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

trình bày bìa: thụy vũ

Về chào tiếng lạ

NGŨ AN

ngủ một giấc không mộng
tỉnh ra xuân vẫn còn
hỏi thăm hoa lá cỏ
bao giờ xanh nước non

ngồi bên ngọn triều khê
mới hay đời sóng nổi
bao năm vẫn chưa về
bên quê nhà dâu bể

tuổi trẻ là mùa xuân
tươi như hoa mới nở
nửa đời lại bâng khuâng
đứng nhìn mây qua cửa

áo lụa vàng em mặc
thắp nắng bên đồi xưa
ngày sau ta qua đó
nắng đã phai bao giờ

rót mãi ly rượu đời
ướp men buồn viễn xứ
cuối năm lặng lẽ ngồi
nhìn bóng chiều qua phố

về chào nhau năm mới
khi tình đã cũ rồi
ngập ngừng nâng ly rượu
thấy bóng hoa đào rơi.

Hoa xuân hương thiền trong thơ Lý Trần

Trần Văn Tích

Hoa vốn có duyên với thiền từ thuở Đức Thích Ca Mâu Ni khai đạo lập ngôn. Theo truyền tụng, trong một buổi thuyết pháp nơi xứ Thiên trúc xa xôi, Đức Thế Tôn cầm bông hoa sen giơ lên, các môn sinh còn ngơ ngác thì Ma Ha Ca Diếp mỉm cười. Thế Tôn biết là người học trò giỏi đã giác ngộ nên sẽ truyền y bát cho. Vua Trần Thái Tông, qua bài *Niêm tụng kệ*, đã nhắc lại dật sự đẹp đẽ này. Dùng thể loại đặc biệt của văn học Phật giáo kết hợp hai hình thức ngữ lục và kệ, nhà vua vừa diễn giải vừa đúc kết những điều cốt yếu của thiền học để môn sinh dễ ghi nhớ. *Niêm tụng kệ* gồm nhiều tiết, mỗi tiết chia làm ba phần: *cử* nêu lên một câu chuyện Phật thoại, một công án thiền làm dẫn; *niêm* trình bày ý kiến của tác giả về nội dung liên hệ; và *tụng* tóm tắt kiến giải của thiền giả thành một bài kệ cô đọng, có vần, có điệu, có hình tượng để học trò tụng. *Tụng* hay *tụng cổ* là đọc một cách tập trung, thường xuyên, một biện pháp tu luyện của các tín đồ nhà Phật, qua đó người đọc đần dà hiểu ra và ghi nhớ được những điều giáo lý rất cao sâu. Tụng cổ là tụng theo những câu nói của người xưa dùng làm phép tắc để tham thiền; là một hình thức quen thuộc của thiền học, thường mệnh danh là *tu tập công án*. Bài kệ của vua Trần Thái Tông ghi lại câu chuyện Ca Diếp giác ngộ như sau :

Thế Tôn niêm khởi nhất chi hoa,
Ca Diếp kim triêu đắc đáo gia.
Nhược vị thử vi truyền pháp yếu,
Bắc viên thích Việt lộ ưng xa.
(Thế Tôn đưa cao một cành hoa,
Ca Diếp mừng vui trở lại nhà.
Nếu bảo phép truyền chủ yếu là vậy,
Thì xe bắc theo đường Việt còn xa).

Từ thời điểm đó, văn học chịu ảnh hưởng thiền sẽ sử dụng nhiều điển tích, thành ngữ lấy hoa làm trung tâm.

Khi dè, đánh mạnh vào hai mắt thì gây tác dụng sinh lý bất thường khiến mắt đổ dom đóm, tưởng như trông thấy những tia sáng. Ngôn ngữ thông dụng gọi là đổ hào quang, đổ đom đóm quang. Thuật ngữ thiền học lại gọi hiện tượng này là *hoa không*, hoa trong không gian. Trong không gian thực ra không có gì cả, nhưng do kích thích thần kinh mà mắt bị lầm lạc nên nhìn thấy rất nhiều hoa. Tương tự như vậy, những tướng, những vật trong thế gian theo quan niệm nhà Phật đều là giả, là ảo, nhưng chúng sinh mê muội nên cho là thật, là hữu. Thế giới ảo vọng đó chính là *hoa không*. Trong tác phẩm nổi tiếng *Khóa hư lục*, phần *Phổ thuyết tứ sơn*, mục *Tam sơn*, một vị vua đời Trần viết về tri kiến thấp kém :

Tâm sinh ám quỉ đầu đầu, nhãn kiến không hoa đóa đóa.

(Lòng sinh những loài quỉ ám, mắt nảy bao đoá hoa không)

Trong *Sám hối tỵ căn tội*, nhà vua lại dùng cụm từ (1) quen thuộc của thiền tông *giác thụ tâm hoa* (cây giác hoa tâm) để chỉ cái tâm bản thể giác ngộ, được ví như một ngọn cây nở hoa. Tuệ Trung Thượng sĩ cũng dùng chữ *hoa tâm* nhằm diễn tả tình trạng vua Trần Thánh Tông đã thông suốt mọi yếu chỉ của thiền tông, đã thấm nhuần thiền học đến tận cốt tủy trong bài *Tụng Thánh Tông đạo học* (Ca tụng đạo học của Thánh Tông) :

Thánh học cao minh đạt cổ câm,
Thiết nhiên long tạng quán hoa tâm.
(Cái học bậc thánh cao minh thông suốt xưa nay,
Rõ ràng kinh tạng long cung đã thấu suốt tâm hoa)

Một thế ngồi thiền quen thuộc là *già phu tọa*, thiền gia ngồi bắt hai chân lên đùi, được xem là thế ngồi hoa sen. Thơ Bạch Cư Dị đời Đường :

Trung tiêu nhập định già phu tọa,
Nữ hoán thê hô đa bất ứng.
(Trong đêm ngồi thiền theo kiểu già phu,
Con gọi vợ kêu không trả lời)

Cheng Wing fu và Hervé Collet dịch :

Au milieu de la nuit je médite, assis en lotus.(2)
Ma fille et ma femme mõappellent, je ne réponds pas.

Nhập định là tập trung tư tưởng để suy nghĩ đến một cảnh trong bốn tầng trời vô sắc giới, khi *định* và nhất là khi đã *định* thì tâm không lay động, trí không phân tán. Động từ *méditer* của Pháp ngữ chưa lột trọn hàm nghĩa của thuật ngữ thiền môn.

Hình tượng *hoa sen nở trong lò lửa* là một hình thức tu từ mãnh liệt, kích động của riêng từ vựng thiền học. Thơ văn Lý Trần nhiều lần sử dụng

hình ảnh đó để biểu tượng chân tâm bậc đạt đạo. Bài *Phật tâm ca* của Tuệ Trung Thượng sĩ:

Hành diệc thiền, tọa diệc thiền,
Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên.
(Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Một đóa hoa sen trong lò lửa hồng)

Kinh kệ Phật giáo dùng biểu tượng *hồng lô hỏa lý liên* để tượng trưng sự vĩnh cửu, bất diệt, hằng thường, vượt lên trên các qui tắc phàm trần thuộc khoa vật lý, của môn sinh học. Luật sinh diệt của cõi thế bị phủ định: một đóa hoa sen tươi mát ném vào lò lửa đỏ rực mà vẫn nguyên hình không dổi sắc. Lò là lò tạo hóa, tinh luyện sinh hóa, nhào nặn vạn vật. Khi tâm bậc hành giả đã giác ngộ thì trở thành hư không, tịch tĩnh nên không lửa nào thiêu dốt được nó. Cái tâm đó đã hòa đồng cùng bản thể vô sinh bất diệt nên người ngộ đạo tự tại an nhiên trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Nó trường tồn miên viễn (vẫn trong thơ Tuệ Trung, bài *Thướng Phúc Đường Tiêu Dao thiền sư*, Trình thiền sư Tiêu Dao ở Phúc đường) :

Tu tri thế hữu nhân trung Phật,
Hưu quái lô khai hoả lý liên.
(Biết rằng ở đời trong dám người bình thường có Phật,
Thì chớ lạ gì đóa sen nở trong lò lửa)

Thiền sư Đàm Khí, dòng thiền Quan Bích, trong bài tứ tuyệt *Thị tịch* (Dặn lại trước khi mất) cũng khẳng định :

Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị can.
(Ngọc thiêu trên núi sắc vẫn tươi,
Sen nở trong lò nhưng vẫn cứ ướt)

Thiền sư Âu Đạo Huệ khi bàn về lẽ sắc thân lại dùng thành ngữ *cành hoa trong lò* dẫu rằng với nội hàm ngữ nghĩa khác :

Nhược nhân yếu nhân biệt,
Lô trung hoa nhất chi.
(Ví thử có kẻ muốn tách biệt,
Thì có khác gì cành hoa nở trong lò)
(Sắc thân dữ diệu thể, Sắc thân và diệu thể)

Bài kệ muốn nói lên bản chất của sắc thân và diệu thể, chẳng hợp nhất cũng chẳng phân ly; giả như có kẻ muốn tách biệt chúng cho kỳ được thì có khác gì tình trạng nghịch thường cành hoa nở trong lò lửa.

*

Thơ thiền thiện dụng thủ pháp ẩn dụ và qua thủ pháp này, các thiền sư Lý Trần mượn hoa để vừa vẽ thành cảnh thiên nhiên sinh động giàu

chất thơ vừa nói lên cách chiêm nghiệm cuộc đời nhẹ nhàng, bình đạm. Qua hình tượng hoa, bậc hành giả đề cao tinh thần vô ngôn và trạng thái hội nhập cùng vũ trụ, đồng thời chỉ rõ thế giới hiện tượng là hư ảo, vô thường nhưng vận động biến đổi theo qui luật, chu kỳ. Những câu thơ, nhiều khi lộng lẫy, tả hoa của tâm hồn thi sĩ thật ra nhằm trình bày chân lý của triết gia thiền tông giác ngộ qui luật :

Xuân chức hoa như cẩm,
Thu lai diệp tự hoàng.
(Xuân dệt hoa như gấm,
Thu gieo lá đốm vàng)
Uyển trung hoa lạn mạn,
Ngạn thượng thảo ly chi.
(Trong vườn hoa tươi sáng,
Trên bờ cỏ thưa thớt)
Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phức thần hương.
(Hoa rợp cành khô lúc gặp xuân,
Gió đưa hương thần nức nghìn dặm)
(Viên Chiếu. *Tham đồ hiển quyết)*

Sư Viên Chiếu không luận chứng trực tiếp vào giáo lý để chỉ rõ bí quyết đạo thiền cho môn đệ như đâu đề bài thơ nêu ra mà dùng những hình tượng thiên nhiên ngẫu nhiên, đột ngột nhằm kích thích trực giác của người tu hành. Nội dung các câu thơ là những mẩu đối thoại giữa thầy và trò, bàn bạc về những vấn đề giáo lý rất khô khan như cái thể, cái dụng, cái chân, cái vọng, niết bàn, bồ tát, hoặc những điểm khác nhau giữa Phật và Thánh, quan hệ giữa Phật và chúng sinh, và nhất là phương pháp tu hành để đạt đến chính giác. Để biện luận về những nội dung này, người hỏi và người trả lời, đặc biệt là người trả lời, đã đưa ra nhiều câu thơ rất bóng bẩy, hoa lệ, gợi cảm. Thông qua đó, và thông qua hình tượng hoa xuân, nhà sư nêu lên một nguyên lý triết học : bản thể - trong quan niệm thông thường tức là Phật - không phải là một cái gì cao xa, diệu vợi, trái lại, nó rất phổ biến, hiển nhiên. Phật ở trong tất cả mọi người, chúng sinh thảy đều có Phật tính (*Phật tính thường trụ, Phật tính chân như* v.v..). Phật ở trong tất cả mọi vật, cả trong bông hoa hữu hình mà vô tướng. Chân lý đó xác thực như qui luật tuần hoàn của vũ trụ, xuân về thì hoa nở, thu sang thì lá vàng. Thế nhưng người đời bị lệ thuộc vào những thành kiến thiển cận, bị ràng buộc bởi những qui chế lễ nghi, lại không hiểu được chân lý, mà trở nên cố chấp, máy móc. Không nhận ra cái tâm bản thể, để nó bị che lấp, trong khi đó lại khư khư xem thế giới hiện tượng là

có thật, chúng sinh phải được giải thoát khỏi tình trạng *lấp tâm chấp tướng*. Cũng dùng hình thức vấn đáp cùng đệ tử, vua Trần Thái Tông bảo:

Xuân vũ vô cao hạ,
Hoa chi hữu đoản trường.
(Mưa xuân không cao thấp,
Cành hoa có ngắn dài)
(*Ngữ lục vấn đáp môn hạ*. Ngữ lục hỏi đáp với học trò)

còn trong *Lục thì sám hối khoa nghi tự* (Tựa lục thì sám hối khoa nghi) thì nhà vua kết luận :

Bất nhân tử mạch hoa khai tảo,
Tranh đắc hoàng oanh hạ liễu diêu.
(Không vì hoa cười sớm nơi ngõ tía,
Sao có hoàng oanh đậu nhành liễu).

Đến lượt vua Trần Nhân Tông khi lên núi Bảo đài (*Đăng Bảo đài sơn*) trong dãy Yên tử thì đã nhìn rặng núi và ngõ hoa qua lăng kính tiêu sái, qua tâm hồn sắc không :

Vân sơn tương viễn cận,
Hoa kính bán tình âm.
(Núi mây như xa như gần,
Ngõ hoa nửa rợp nửa nắng)

Hai đối cực giả và thực, động và tĩnh, cái mong manh hữu hạn và cái trường cửu vô cùng, cái xa cái gần, bên rợp bên nắng v.v..là những cặp đối lập nhưng chúng chỉ là hai mặt của một sự vật hay hiện tượng, cái này tồn tại nhờ cái kia và ngược lại :

Tự đắc nhất triêu phong giải đống,
Bách hoa nhưng cựu lệ xuân dài.
(Một sớm gió đông thổi tan băng giá,
Trăm hoa như cũ reo trước gió xuân)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Nhập trần*. Vào vòng cát bụi).

Hoa hôm nay là nhất thời, nhưng hoa mùa xuân là vĩnh cửu vì cứ xuân về thì hoa nở, ngàn năm qua và ngàn năm sau vẫn vậy. Hoa có tươi thì có héo, xuân đã đi thì lại về.

Xuân lai xuân khứ nghi xuân tận,
Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân.
(Xuân qua xuân lại ngỡ xuân hết,
Hoa rụng hoa nở vẫn là xuân)
(Vương Hải Thiềm. *Đáp đệ tử diệu đạo chi vấn*.
Trả lời đồ đệ hỏi về diệu đạo)
Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,

Hoa điệp ứng tu cộng ứng kỳ.
Hoa điệp bản lai giai thị huyễn,
Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì.
(Xuân sang hoa bướm khéo quen thời tiết,
Hoa bướm đều phải thích ứng với kỳ hạn.
Nhưng hoa bướm vốn dĩ đều hư ảo,
Vậy chớ bận tâm về hoa với bướm)
(Nguyễn Giác Hải. *Hoa điệp*. Hoa bướm)
Xuân lai oanh chuyển bách hoa thâm,
Thu chí cúc khai một mô dạng.
(Xuân đến oanh hót trăm hoa thắm,
Thu về cúc nở chẳng hoa nào còn)
(Phan Trường Nguyên. *Qui thanh chướng*. Về núi xanh)
Tuế tuế hoa tùy tam nguyệt tiếu,
Triêu triêu kê hướng ngũ canh minh.
(Hằng năm hoa vẫn nở vào tháng ba,
Sáng sớm gà vẫn gáy vào canh năm)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *An định thời tiết*. Thời tiết an định)
Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt,
Tân niên hoa phát cố niên hoa.
(Trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay,
Hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Đốn tỉnh*. Chợt tỉnh)
Xuân lai tự thị xuân hoa tiếu,
Thu đáo vô phi thu thủy thâm.
(Mùa xuân tới hoa xuân cười,
Mùa thu về không chỗ nào là nước thu không sâu)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Phật tâm ca*. Bài ca tâm và Phật)
Xuân hoa sắc đóa đóa hồng tiêu,
Thu nguyệt ảnh đoàn đoàn viên điệu.
(Sắc hoa xuân đóa đóa tươi hồng,
Bóng trăng thu tròn đầy viên diệu)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Trữ từ tự cảnh văn*.
Bài văn trữ tình tự răn)

*

Hình tượng hoa xuất hiện theo tần số cao trong thi ca thiền tông Việt ngữ. Điểm qua bộ Thơ văn Lý Trần ba tập của nhà xuất bản Khoa học Xã hội Hà nội để chọn những bài thơ trực tiếp thuyết giảng về yếu chỉ thiền

tông - thường là những bài kệ -, gián tiếp thuyết giảng về giáo lý cửa thiền bằng hình ảnh thiên nhiên theo các biện pháp tu từ ẩn dụ, nghịch ngữ, lộng ngữ v.v..và bày tỏ cảm xúc đầm ý vị thiền trước ngoại cảnh, trước nội tâm; tôi đếm được lối 190 bài tất cả. Trong số 190 bài này, có ít nhất 50 bài nhắc đến hoa, như vậy tỷ lệ gần một phần tư. Trong khi đó cuốn *Poètes bouddhistes des Tang* (Các nhà thơ thiền đời Đường), Paul Jacob biên soạn, nhà xuất bản Gallimard (nrf) Paris, 1987, trình bày 111 bài thơ thiền thì chỉ có 15 bài đề cập đến hoa. Cuốn *Poèmes chinois d'avant la mort* (Thơ Trung hoa trước khi chết) của Paul Demiéville, nhà xuất bản L'Asiathèque, Paris, 1984, qui tụ 41 bài biệt kệ(3), mà không có bài nào đan cử hoa hay các loài hoa. Thật ra những con số này không hoàn toàn chính xác và chúng không hề có tính chất thống kê vì hai lẽ :

- sự đánh giá các bài thơ Lý Trần, bài nào thiền nhiều thiền ít hay không thiền là một sự đánh giá nhiều ít chủ quan, qua thước đo cảm thức của người viết;

- các bài trong công trình của P.Jacob không kèm nguyên tác chữ Hán và là những bản dịch thành thơ Pháp ngữ ; trong quá trình chuyển ngữ, có thể người dịch đã không triệt để tôn trọng chữ tín và không chuyển trung thực khái niệm "hoa" hay tên gọi các loài hoa từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích. Dầu sao mục đích của sự kiểm kê chỉ là muốn có một ý niệm khái quát về vai trò của hoa và của các loài hoa trong thi ca thiền học dân tộc.

Nên thi ca đó đề cập đến các loài hoa quen thuộc của giới thực vật nước nhà, cá biệt có một vài loài xa lạ hay rặt thiền, như hoa ưu đàm, hoa chiên bặc.

Trước hết là hoa sen trong thơ Tuệ Trung Thượng sĩ :

Sương dung tẩy hạ hà phương trạm,
Phong xác lai xuân mai dĩ hoa.
(Vẻ sương tắm hạ, sen mới ra bông,
Sắc gió xuân về, mai đã nở hoa).
(*Thế thái hư huyễn.* Thói đời hư ảo)

Dục tri thân dữ Phật,
Chủng ngẫu xuất hồng liên.
(Muốn biết thân với Phật,
Nhìn sen nảy dóa hồng).
(*Tụng cổ.* Tụng cổ)

Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc,
Liên nhị hồng hương bất trước nê.
(Ánh thu tùy duyên mà lúc đen lúc trắng,

Nhị sen đỏ thơm không nhuốm bùn).
(*Thị chúng*. Bảo mọi người)

và trong thơ Trần Thánh Tông :

Yểu điệu hoa đường trú ảnh trường,
Hà hoa xuy khởi bắc song lương.
(Nhà hoa thăm thẳm bóng ngày rũ dài,
Hoa sen đưa hương mát đến cửa sổ phía bắc).
(*Hạ cảnh*. Cảnh mùa hè).

Thật ra sen nở hoa vào mùa hè, gương sen hạt sen thu hoạch vào mùa thu, nên các bài thơ thiền viết về mùa xuân không đề cập đến, dẫu rằng hoa sen là hoa đại biểu của Phật học. Hình tượng sen vốn rất quen thuộc trong thuật ngữ thiền. Sen được thơ thiền vận dụng thường là để mô tả thời gian chuyển động, thời gian hiện thực trong khung thời gian hằng thường, thời gian phi hiện thực. Nhìn sen nở tức là ghi nhận thời điểm vật lý trong thời gian lịch pháp, thời gian vũ trụ, thời gian khách quan, thời gian chu chuyển. Nhưng cái tâm đạt đạo - rất rõ trong bài *Thị chúng*, bài *Tụng cổ* - thì nhìn sen nở qua thời gian thiền học, thời gian triết học, thời gian chủ quan, thời gian trực tuyến. Hai lớp thời gian đồng hiện trong tâm cảnh vô thường. Cái tĩnh tại hiện hữu trong cái luân lưu.

Hoa đào là hoa xuân. Nhưng hoa đào cũng là hoa ngộ đạo. Thiền sư Chí Cần, cao tăng đời Đường, tu hành ở núi Linh vân nên có hiệu là Linh Vân, lúc thụ giới ở Qui sơn, một hôm nhìn hoa đào nở mà ngộ đạo. Bài kệ thất ngôn tứ tuyệt ghi lại câu chuyện đó :

Tam thập niên lai tầm kiếm khách,
Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi.
Tự tòng nhất kiến đào hoa hậu,
Trực đáo như kim cánh bất nghi.
(Ba mươi năm qua là khách đi tìm gươm,
Đã lắm phen hoài công làm rụng lá lay cành.
Từ sau khi được thấy hoa đào nở,
Đến hôm nay thực không còn gì nghi ngờ).

Điển tích này được vận dụng trong Thượng sĩ ngữ lục :

Đào hoa bất thị bồ đề thụ,
Hà sự Linh Vân nhập đạo trường?
(Bồ đề nào phải ở hoa đào,
Cớ sao lại hỏi chuyện Linh Vân giác ngộ?)

Cần nhìn thấu sự kiện (hoa đào nở) để thấy bản thể (sự giác ngộ). Đừng lầm lạc chấp nê cái hiện hữu cụ thể. Triết lý là vậy, nhưng thi ca dùng thiên nhiên sinh động để trình bày. Ở đây, ẩn ý nếu có thì cũng rất

pha loãng, mờ nhạt; liên thơ như một lời khẳng định trực tiếp, mạnh mẽ nhằm phá bỏ cái nhìn phân biệt vọng tưởng. Thiền sư Linh Vân đã sống một thời điểm xuất thần khi đôi thần kinh thị giác bất chợt tiếp thu hình ảnh hoa đào nở. Bài kệ của vị thiền sư đời Đường cũng như hai câu thơ trả lời của Tuệ Trung Thượng sĩ đời Trần chứa đựng những năng lượng trí tuệ tích tụ đến độ căng thẳng; chúng có tác dụng to lớn nhằm khai ngộ cho các tâm hồn khao khát chân lý thiền học. Bài kệ ngắn gọn, liên thơ súc tích chỉ mượn cành hay cánh hoa dào như một chìa khóa, như một mật hiệu nhằm mở rộng khung cửa giác tha để đi vào thế giới chính giác :

Xuân hồi hư đối khai đào nhị,
Phong khởi không văn kích trúc can.
(Xuân về lặng lẽ ngấm đào nẩy nhị,
Gió lên luống nghe khóm trúc khua vang).
(*Thướng Phúc Đường Tiêu Dao thiền sư.*
Trình thiền sư Tiêu Dao ở Phúc Đường)

Vần là thơ bậc Thượng sĩ đời Trần. *Xuân* đi với *khai, phong* đi với *kích* và nhất là *hư* đối với *không*. Tác động khí tượng khiến đào nở, chuyển vận thiên nhiên khua khóm trúc. Thế giới ngoại vật đa dạng và phức tạp, nhưng đồng thời cũng phục tùng các qui luật vật lý; thế giới đó có một trật tự, một bố cục riêng, ngoài mọi toan tính và can thiệp. Vậy chớ phí thì giờ công sức phân tích, mà nên giữ cái tâm cho thuần thục để ghi nhận vòng tuần hoàn luân chuyển :

Hồng đào thụ thượng chân thời tiết,
Hoàng cúc ly biên bất thị xuân.
(Trên cây đào thấm đúng thời tiết,
Cúc vàng bên giậu chưa chắc là xuân).
(*Đối cơ.* Tùy theo cơ duyên mà ứng đối)

Ứng đối theo cơ duyên, khai hóa theo cơ duyên. Tuệ Trung Thượng sĩ đang dùng biện pháp sư phạm *cơ phong* của thiền học.(4)

Phật Di Lặc là Phật vị lai, là Phật sẽ xuống trần sau Phật Thích Ca 4000 năm thượng giới, tương đương với 5.670.000.000 năm trần gian.(5) Phật Di Lặc còn có tên là Mai đê lê, Mai đát lệ, phiên âm chữ phạn Maitreya. Có thể chỉ là ngẫu nhiên mà trong danh hiệu phiên âm hán ngữ, tên Ngài có hoa mai. Để cho hoa mai trở thành biểu tượng lạc quan, tin tưởng vào tương lai trong bài kệ nổi tiếng *Cáo tật thị chúng* (Bệnh bảo mọi người) của thiền sư Mãn Giác :

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,

Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.
(Xuân qua trăm hoa rụng,
Xuân tới trăm hoa nở.
Việc trôi qua trước mắt,
Cái già đến trên đầu.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Trước sân đêm qua một cành mai nở)

Ngô Tất Tố dịch thơ :

Xuân trỗi, trăm hoa rụng,
Xuân tới, trăm hoa cười.
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu, già đến rồi.
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một cành mai.

Thiền sư nêu ra một loạt các dữ kiện biểu thị sự thay đổi tuần hoàn: xuân đi trăm hoa rụng, xuân đến trăm hoa tươi, sự đời qua trước mắt, mái tóc đã già rồi. Đó là sự biến thiên vô thường của vạn vật. Tất cả được tâm hồn đại giác và bản lĩnh thi tăng đặt đối lập với một - chỉ có *một* thôi - mẫu để thoát vòng chi phối của vũ trụ tạo hoá: *nhất chi mai*, một cành mai. Biến thiên của đất trời, sinh lão của con người nghịch lại với thường tồn của nhánh hoa, vĩnh cửu của biểu tượng. Một bên là vạn vật, một bên là nhất chi. Mở ra với nhận thức, đóng lại với trí thức. Những yếu tố cụ thể được nêu ra ở phần đầu bài kệ nhằm dẫn đến một khẳng định tương phản nơi hai câu cuối bài kệ. Bậc tu hành giác ngộ lẽ đạo thì có thể vượt khỏi vòng luân hồi của pháp tướng, của thế giới hữu tình, khác nào như cành mai kỳ diệu vẫn cứ nở trong khi muôn hoa đã rụng hết vào tiết cuối xuân. Thiền sư viên tịch nhưng do giác ngộ lẽ đạo mà châu thân thoát vòng sinh tử, nở hoa vĩnh cửu, bất chấp mọi biến động pháp tướng. Tính chất ngắn ngủi vô thường của thời gian trần thế cần được ghi nhận không phải để bi luỵ yếm thế mà để vượt lên khỏi nỗi sầu cố hữu, đạt đến tâm thái toàn giác. Ba chữ *nhất chi mai* là ba chữ không biết đến biên giới ngữ nghĩa, chúng không có kích thước hàm lượng, chúng không có phương hướng biểu đạt. Vì chúng là *ngôn hữu tận nhi ý vô cùng*.(6) Vì chúng là *văn dĩ tận nhi ý hữu dư*.(7) Vì chúng là *phiến ngôn khả dĩ minh bách ý*.(8) Vì chúng là ngôn ngữ thiền kết tinh thành kim cương xá lợi. Thật vậy, cũng là *nhất chi mai* nhưng cành mai nở sớm đón gió xuân của vua Trần Nhân Tông trong bài *Tảo mai* chỉ phảng phất ý vị thiền :

Nhất chi mê nhập cố nhân mộng,
Giác hậu bất kham trì tặng quân.
(Một cành hoa lạc vào giấc mộng người cũ,
Tỉnh dậy không thể mang tặng bạn được).

Cành mai trong mộng tượng trưng cho huyễn tưởng, huyễn không, ảo ảnh. Nó không có thực, vậy bạn cũng chớ nên mong được tặng biếu. Cả hai cành mai dẫm thiền hoặc thoáng thiền đều khác xa cành mai trong thơ nho trần tục, ví dụ trong thơ Lục Khải :

Chiết mai phùng dịch sứ,
Ký dữ Lũng đầu nhân.
Giang nam hà sở hữu,
Liêu tặng nhất chi xuân.
(Bẻ cành hoa mai gặp phu trạm,
Gửi cho người ở Lũng đầu.
Đất Giang nam có gì đâu,
Hãy tặng bạn một cành xuân).

Đó là cành mai hữu tướng, nó nhất định sẽ héo tàn cho dù người phu trạm không hề đi chậm hay con ngựa trạm chẳng hề ngừng phi. Bởi cành mai Lục Khải mang tính sinh học, thực vật, xã hội, nó là cành mai của tâm trạng, của hành động. Cành mai Mãn Giác mang tính triết học, biểu tượng, siêu thoát, nó là cành mai của tâm linh, của viên giác.

Hoa cúc là hoa Đào Tiềm. Nó là hoa mùa thu, nó không nở vào mùa xuân. Nhưng nhà sư Viên Chiếu trong *Tham đồ hiển quyết* (Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ) đem nó vào thơ để liên hội đến oanh mùa xuân :

Ly hạ trùng dương cúc,
Chi đầu noãn nhật oanh.
(Tiết trùng dương cúc nở dưới giậu,
Mùa xuân ấm oanh náu đầu cành).

Muốn biết Phật là gì, Thánh là gì thì chỉ cần nhìn hoa cúc dưới giậu vào tiết trùng dương hay chim oanh đầu cành trong một ngày xuân ấm. Phật và Thánh xét về bản thể chẳng khác gì nhau cả. Cặp mùa tiết xuân-thu thường song hành trong thơ thiền. Các thiền sư không chọn mùa hạ, mùa đông mà lựa mùa xuân mùa thu, do dấu ấn triết học đông phương *xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn*. Mùa xuân hoa cỏ sinh sôi nẩy nở, ngược lại mùa thu hoa cỏ héo uá tàn khô. Đó là hai hướng phát triển ngược nhau nhưng chưa đến tột đỉnh để biến đổi về chất. Mùa xuân là mùa dương khí chưa trưởng thành viên mãn, mùa thu là mùa âm khí chưa hưng vượng đầy đủ. Hai mùa xuân và thu vừa tiêu biểu cho hai trạng thái đối nghịch nhau của thời tiết vận hành vừa hàm chứa khả năng tiếp tục

phát triển của quá trình chuyển biến, cho nên được dòng thiền Lý Trần đề cập nhằm làm biểu tượng cho qui luật *hoàn vô đoan* (chiếc vòng không mối đầu) của tự nhiên. Bên kia Ngũ lĩnh, vị Thi Phật cũng có cùng sự lựa chọn : thi tuyển *Les Saisons Bleues* (Mùa lam), Patrick Carré biên soạn, nhà xuất bản Phébus, Paris, 1989, liệt kê 52 đề thơ mùa xuân, 35 đề thơ mùa thu của Vương Duy mà chỉ có 6 đề thơ mùa hè và 10 đề thơ mùa đông.

*

Xuất phát từ luận thuyết căn bản *sắc không*, thơ thiền Lý Trần còn ưa thích nhắc đến hương thơm của hoa cỏ. Vốn dĩ không gian trong thi ca thiền môn là không gian trong sáng, yên tĩnh và thanh khiết, thanh khiết bình đạm đến vô cùng vô tận. Bầu khí tượng hư tâm của đất trời là môi trường làm chất xúc tác để con người gạn lọc mọi suy tư trần trọc, quên khuấy những ưu phiền lo lắng. Tính yên lặng của khung không gian nghệ thuật thiền học càng làm dậy lên mùi hoa, nhất là những loài hoa vô sắc :

Khách khứ tăng vô ngữ,
Tùng hoa mãn địa hương.
(Khách về sư không nói,
Đất ngát mùi hoa thông).
(Trần Quang Triều. *Đề Gia Lâm tự.* Đề chùa Gia Lâm)

Thực ra không phải chỉ hoa thông mới có hương thơm mà lá thông cành thông cũng sản xuất tinh dầu térébenthine. Cho nên cây thông cây tùng được trồng trong các thành phố để vừa tinh lọc không khí vừa ướp thơm môi trường. Bậc hành giả tiếp khách mà không nói, chỉ có mùi tùng hương nói hộ người. Mùi tùng hương trở thành một trường giao cảm giữa thi nhân, độc giả và không gian, cảnh vật. Hai con người lặng yên trong thơ (khách và tăng), hai đối tượng thưởng ngoạn ngoài đời (thiền sư và người đọc) đều im tiếng nhưng dạt dào, tuy vô thanh mà hữu thức. Cái ma lực của thiền ngữ, cái mỹ học của vô ngôn qua bản lĩnh tạo từ lập ý của bậc thi tăng đã thổi vào thơ luồng sinh khí của một vũ trụ xúc cảm tân kỳ và khai phóng đến vô lượng vô biên. Mượn hương hoa, mượn ngoại giới, hầu hết các tác gia thiền Lý Trần đều đề cao tinh thần hội nhập với vũ trụ trong trạng thái trầm mặc lặng tiếng đó. Bài *Xuân cảnh* (Cảnh mùa xuân) của vua Trần Nhân Tông :

Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Cộng ỷ lan can khán thúy vi.
(Khách đến chơi không hỏi việc đời,
Cùng tựa lan can ngắm màu xanh mờ mịt).

Một vị vua anh hùng, một người lãnh đạo tài giỏi, một tâm hồn lạc

quan hào mại khi đứng trên cương vị và khi gánh trách nhiệm quốc trưởng thì viết nên những dòng thơ hoành tráng lúc yết Chiêu lăng mùa xuân :

Tì hổ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.
(Thị vệ như hùm gấu túc trực trước nghìn cửa,
Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,
Thường kể lại chuyện đời Nguyên Phong)

nhưng khi quay về ẩn bóng thiền môn thì làm thơ không nói nên lời. Chỉ có tinh thần vô ngã, vô ý, vô ngôn, vô thanh, vô thường, vô dật, vô kỷ, vô lượng, vô niệm, vô nhiễm, vô sinh, vô tạp, vô sắc giới, vô câu vô thúc của thiền học mới tạo được những nhân vật vừa là thi nhân đam mê vừa là cao tăng đại giác.

Hương hoa thoảng ngát thơ thiền. Đó là hoa sen trong ánh trăng :

Hạo hạo Lăng già nguyệt,
Phân phân Bát nhã liên.
(Trăng Lăng già vằng vặc,
Sen Bát nhã ngát hương).
(Lý Thái Tông.*Truy tán Tỳ Ni Đa Lưu Chi thiền sư.*
Truy tán thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi)

hoặc trong không gian thanh khiết :

Thanh sơn đê xứ kiến thiên khoát,
Hồng ngẫu khai thời văn thủy hương.
(Non xanh nơi thấp thấy trời rộng,
Mùa sen đỏ nở nghe nước thơm).
(Trần Thái Tông.*Phổ khuyến phát bồ đề tâm.*
Rộng khuyên mở lòng bồ đề)

Đó là mùi thơm của hoa trong gió thoảng :

Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phức thần hương.
(Hoa rợp cành khô lúc gặp xuân,
Gió đưa hương thần nức nghìn dặm).
(Viên Chiếu. *Tham đồ hiển quyết.*
Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ)

Đó còn là hương hoa trừu tượng :

Nhị nguyện nạp nhập tuệ hương huân.
(Hai nguyền hít vào hương tuệ mùi thơm)

Bát nguyện khứu trước giác hoa tân.
(Tắm xin được ngửi hương hoa giác ngộ).
(Trần Thái Tông. *Chí tâm phát nguyện.* Dốc lòng phát nguyện)

Hương hoa trong không gian là nơi đắc địa cho ánh sáng trực giác trong tâm hồn thiền giả khai thông sự hoà nhịp giữa châu thân và vũ trụ. Không gian rộng lớn bao la, mát mẽ tĩnh lặng, mở ra không giới hạn. Hương hoa lan toả rộng rãi, dịu dàng thanh khiết, tiết ra từ mỗi phân tử. Chính vì lẽ đó nên hoa trong thơ thiền không rực rỡ, không lộng lẫy, không mỹ lệ. Không có những cánh hoa của *Truyện Kiều*, của *Chinh phụ ngâm:*

Hải đường lả ngọn đông lân.
Đoá trà mi đã ngậm gương nửa vành.
Phù dung lại đã bên sông bơ sờ.

Xem *sắc* chỉ là *không* nên loài *tam sắc túy phù dung* không làm sao có chỗ trong thơ xuân mùi thiền.

Cùng xu hướng đó và theo nhãn quan đó, thơ thiền dùng mô-típ *hoa quế cây quế* khác hẳn thơ nho. Hệ thống ngôn ngữ, hình tượng thi ca thiền học tuy đa dạng, nhiều màu vẻ nhưng vẫn nhắm đạt đến cái ý vị của thiền tông là sự đạm bạc, khinh sác đến tẻ lạnh, giá buốt. Bậc chân tu và người tầm đạo phải biết vượt qua cái đẹp tầm thường hữu hạn của hình sắc để đến cái đẹp đích thực, hằng thường của chân tâm. Cho nên *quế* hoặc *quế hoa* chỉ xuất hiện trong thơ thiền qua điển tích cây quế nơi cung trăng :

Hằng Nga nhược thức hoa giai xứ,
Quế lãnh thiềm hàn chỉ má hưu.
(Nếu Hằng Nga biết được vẻ đẹp của hoa,
Thì ưa gì cây quế với cung thiềm lạnh lẽo)
(Trần Nhân Tông. *Tảo mai.* Hoa mai sớm)
Vạn cổ nguyệt trung quế,
Phù sơ tại nhất luân.
(Ngày xưa cây quế trong cung trăng,
Đều không ra khỏi vòng nguyệt)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Tham đồ hiển quyết.*
Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ)
Nguyệt diện vĩnh dan quế,
Đan quế tại nhất luân.
(Cung trăng khiến cây quế đỏ tươi,
Nhưng cây quế vẫn ở giữa cung trăng)
(Nguyễn Y Sơn. *Hóa vận.* Biến hóa và chuyển vận)

Trong khi đó thì thơ nho thường dùng cây quế theo nghĩa con cháu

đông đúc:

Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc, một sân quế hòe.
(Truyện Kiều)
Móc mưa nhuần gội ơn sang,
Nền nhân cây đức rạng hàng quế lan.

và:

Vườn xuân phơi phới mưa sa,
Quế non Yên đã nảy ra một cành.
(Phan Trần)
Đông hàng lông phượng gót lân,
Kìa nhà ngủ quế, nọ sân bát đông.
(Nhị độ mai)
Rằng : Anh gặp khách cung tiên,
Đào yêu đã vịn, quế hiên mấy chồi.
(Lưu nữ tướng)
Đôi sinh quế tử lan tôn,
Một mai phục dưỡng gia môn đời đời.
(Phương Hoa)
Trận đào vừa mách tin oanh,
Gốc du sớm đã nảy cành quế Yên.
(Bích Câu kỳ ngộ)
Phúc dào lưu loát môn đình,
Quế hòe được sáu bảy cành nở bông.
(Ngọc Kiều Lê)
Đồng thời cao chiếm khôi khoa,
Rỡ ràng chồi quế, rợp rà cành dao.
(Song tinh bất dạ)
Quế lan nay đã nảy cành,
Thu đi thu lại một ngành hoá ba.
(Thạch Sanh)
Công rằng: đan quế hai nhành,
Bảng vàng thẻ bạc, đã đành làm nên.
[Nguyễn Đình Chiểu(?)]

Tất nhiên điều này không có nghĩa thi ca nho gia không biết đến điển tích *thềm trăng cung quế.*

Thơ thiền Lý Trần còn đề cập đến vài loài hoa hiếm và lạ. Hoa dương liễu được mô tả trong cảnh xuân về của vua Trần Nhân Tông :

Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì,

Hoa đường thiềm ảnh mộ vân phi.
(Trong khóm hoa dương liễu rậm chim hót chậm rãi,
Dưới bóng thềm nhà mây lướt thướt bay)
(*Xuân cảnh*. Cảnh xuân)

Ngoài ra sương cũng có hoa và núi cũng nở hoa trong tâm cảnh không môn :

Dạ mộng Quan Âm nhập hoang thảo,
Thu giang thanh thiển lộ hoa hoành.
(Đêm mơ Phật Quan Âm vào chốn cỏ hoang,
Sông thu trong cạn tỏa hoa sương mọi nơi)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Thoái cư*. Lui về)
Vũ trích nham hoa thần nữ lệ,
Phong xao đình trúc Bá Nha cầm.
(Mưa dội non hoa, thần nữ khóc,
Gió khua đình trúc, Bá Nha đàn)
(Viên Chiếu. *Tham đồ hiển quyết*. Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ)

Tứ thơ cố ý dùng từ ngữ khác thường nhằm tạo ấn tượng mạnh bằng đôi nét phác thảo, gây cảm giác tức khắc trực quan.

*

Muốn làm một thiền sư đúng với ý nghĩa của chữ thiền sư thì tất nhiên không thể đồng thời cũng là một thi sĩ, một nghệ sĩ sống cuộc sống đam mê sắc tướng của chúng sinh tri kiến bình thường. Huống chi yếu chỉ thiền tông vốn là *vô ngôn, vô ý*. Huống chi bản thân Đấng Thế Tôn đã từng *tứ thập cửu niên, vị thường thuyết nhất tự* (suốt bốn mươi chín năm chưa hề nói một tiếng). Nhiều công án thiền học nhắc đến chuyện *tăng vô ngữ* (9) Nhưng chính tình trạng và hoàn cảnh tưởng chừng tự phủ nhận đó của các thiền sư thi sĩ Lý Trần đã càng đòi hỏi bản lĩnh cao cường trong sử dụng ngôn ngữ để một mặt ký thác lòng thơ lai láng của thi nhân, mặt khác phổ thuyết diệu lý của đạo thiền.

Hoa xuân trong thơ thiền là hoa xuân biểu tượng bản chất và qui luật vận động của vũ trụ cùng nét đại hòa điệu của vạn vật trong đó có con người, thảo mộc, động vật; chúng trải qua sự nảy nở tốt tươi để rồi sẽ tàn tạ khô héo. Hoa vàng, hoa xuân, hoa thơm đều là hình ảnh của chân như ngay trước cặp mắt thiền. Qua hình ảnh chân như hiện thực đó, ý tứ thơ thiền Lý Trần hướng dẫn tâm hồn đồng điệu đến chốn tam muội chân như, đến cõi tịch diệt nhất như, đến bến bờ viên giác.

Thơ thiền Lý Trần từ bản chất là thơ ẩn sĩ, khổ hạnh. Đối với giới thưởng ngoạn, đó là loại thơ vừa cật vấn trí tuệ vừa quyến rũ tưởng tượng. Các thiền sư tuy đã rời khỏi gia đình - *xuất gia* - nhưng vẫn quay lại nói

với người cùng thế kỷ nhiều hơn là nói với giáo hội. Thật ra bộ phận thi ca đó cũng có một số bài không được thi vị lắm. Đó là trường hợp các bài sáng tác nhằm mục tiêu sư phạm, ở đấy vai trò thiền sư là chính, vai trò thi nhân hầu như không có. Đó là những bài gọi là thơ vì được bố trí, sắp xếp theo vần theo điệu, thế thôi. Và sắp xếp như thế để môn đồ dễ dàng đọc đi lặp lại, dễ *tụng*. Tuy nhiên có những dòng thơ, những bài thơ thiền Lý Trần thật sự hoa lệ, và đọc chúng, cứ phân vân không biết đây là tiếng nói thiền hay tiếng nói thơ.(10) Ở đa số những trường hợp thi thiền hoà đồng này, thiền sư thi sĩ thường vận dụng những yếu tố tả thực ở mức độ tối thiểu và bố trí các hình tượng biểu trưng thành một toàn khối thuần nhất trong trật tự không gian và thời gian nghệ thuật thích hợp, ở đó chủ và khách, ngoài và trong, xa và gần là những mặt của một lăng trụ phát quang liên tục.

Trong dòng văn học dân tộc, giới thiền sư thi sĩ Lý Trần tạo thành một mẫu người rất giàu cá tính chỉ xuất hiện vào một giai đoạn nhất định bên cạnh mẫu người nho gia thi sĩ hiện diện trên suốt chiều dài lịch sử văn học chữ hán. Hai mẫu nhân vật khác nhau. Nếu nhà nho có thiên hướng du lãng, phiêu bạc vì thuyên chuyển, hoán bổ, có khi vì biếm trích, lưu đày thì thiên hướng nhà thiền là có định sở. Sau những tháng năm niên thiếu hành hương tầm đạo, thiền sư thường chọn cho mình một sơn phòng, một tự viện, một cảnh chùa, một am mây. Dĩ chí có trường hợp thiền sư gắn bó cùng một ngọn núi và dùng luôn tên núi làm pháp hiệu. Nhưng hành giả vẫn hằng tiếp xúc với nho gia, đôi khi đấng chân tu đi tìm người học thức, hoặc ngược lại và thường hơn, môn sinh cửa Khổng đến với đệ tử cửa thiền. Vả lại trong cùng một con người nhưng ở những giai đoạn khác nhau của cuộc đời trần thế, hoạn lộ có thể được khổ tu nối tiếp.

Văn chương thiền học Việt nam chịu ảnh hưởng văn chương thiền học Trung quốc. Chúng ta không được biết chi tiết hoàn cảnh viên tịch của các đấng chân tu đông hương như đối với các thiền sư Trung hoa Trí Khải, Hoằng Nhẫn, Lương Giới, Viên Chiếu, Huyền Thái, Huệ Tịch v.v.. Nhưng chúng ta biết chắc là chư vị Mãn Giác, Tuệ Trung, Viên Chiếu - của Việt Nam, vì Trung Hoa cũng có ít nhất hai thiền sư Viên Chiếu - đều đọc nhiều thi ca thiền tông hán ngữ. Có trường hợp thơ ta mượn nguyên lời thơ bác. Câu *Bản lai vô nhất vật* trong một bài kệ của Tuệ Trung Thượng sĩ nguyên là của thiền sư Huệ Năng, vị tổ thứ nhất dòng thiền Nam tông. Câu *Hành diệc thiền, tọa diệc thiền* của Thượng sĩ đã được chép trong *Chứng đạo ca* của thiền sư Huyền Giác đời Đường. Nhưng nếu Bồ Đề Đạt Ma đã dạy *trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật* [chỉ thẳng vào tâm con người để cho (con người) nhìn thấy bản thể và trở thành

Phật]; nếu thiền sư Trí Khải đời Đường đã vĩnh quyết bằng hai câu trong bài kệ mười câu

Di văn không mãn cú,
Đồ nhiên muội lai sinh.
(Văn để lại đầy thúng chỉ là không,
Và còn làm mê muội kiếp sống tới)

thì sá chi nguồn gốc căn nguyên hay bản quyền tác giả một đôi câu thơ thiền học.

Là thi ca tôn giáo, thơ thiền Lý Trần vừa mang bản sắc mỹ học vừa có chức năng giáo dục.

Gesang, wie du ihn lehrst, ist nicht Begehr,
nicht Werbung um ein endlich noch Erreichtes;
Gesang ist Dasein.
(Tiếng hát trong lời người dạy không phải là thị dục,
cũng không là đi tìm điều gì cuối cùng có thể đạt được;
tiếng hát là tồn tại)
[R.M.Rike.*Die Sonette an Orpheus*.Erster Teil,III
(Xonnét gửi thần Oóc-phê.Phần Một)]

Các thiền sư thi sĩ Lý Trần khắc họa tồn tại qua cảnh trí. Hiện thực, tồn tại là hình thức chuyển đạt nội dung triết học, tôn giáo. Mùa xuân hoa nở, trời xuân ngát hương là môi trường hiện hữu để chủ thể và khách thể tự hủy mà hòa đồng, để tự nhiên sống cùng và đi vào tâm hồn nghệ sĩ, để tâm hồn nghệ sĩ thăng hoa thành vũ trụ. Không phải vì cuộc sống vốn phù du nên con người không có mặt trên cõi thế trong thơ. Trái lại, cảm thức hiện hữu là một cảm thức rất mãnh liệt trong những dòng thơ thiền học. Càn khôn và nhân thân cộng hưởng. Phong cảnh quyện vào nội tâm và cảm xúc tan vào ngoại giới. Thiền học là giáo lý nội tại, thơ thiền là thi ca duy lý : trong bất cứ vật gì tầm thường nhất, thô lậu nhất cũng hằng có Phật.

Dục tham thi luật dĩ tham thiền,
Diệu thú bất do văn tự truyền.
(Tương thông cùng luật thơ cũng như tương thông với thiền,
Điều đã nói không được thì cũng chẳng thể truyền lại)

Thái Phục Cổ đời Minh nhận định như vậy về mối tương đồng giữa thi và thiền. Không thể truyền lại bằng lời, không thể chuyển qua bằng ý thì ghi lại thành thi, thì đúc lại thành kệ.

Là Phật tử, các thiền sư Lý Trần biết rằng mình sẽ trở về chốn không môn nhưng là người Việt, chư vị lại quá thương mến cuộc đời nên khi hành đạo, lúc thị tịch vẫn còn chút lòng lưu luyến. Chư vị, nhìn như vậy,

rất người. Chư vị theo lời dạy Đấng Thế Tôn mà cố gắng diệt dục nhưng chư vị vẫn còn một chút đam mê cái đẹp của hoa, của xuân, cái đẹp thiên nhiên, cái đẹp nghệ thuật.

1. Ở quốc ngoại, có người cho rằng hai chữ "cụm từ" là kết quả lối tạo từ thiếu đứng đắn của trong nước vì ghép một yếu tố nôm với một yếu tố hán. Quả là khi ghép tiếng với tiếng để tạo thành từ ghép nghĩa, chúng ta có thiên hướng chỉ ghép yếu tố Hán-Việt với yếu tố Hán-Việt, ghép yếu tố thuần Việt với yếu tố thuần Việt; vì vậy có người chống đối việc tạo ra những từ ghép nghĩa trong đó có yếu tố Hán-Việt kết hợp với yếu tố thuần Việt. Thực ra đây có lẽ chỉ là một xu thế có tính chất phổ biến chứ không phải một nguyên tắc tuyệt đối. Nó từng được ngôn ngữ Việt nam chấp nhận từ lâu. Chẳng hạn, *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của ghi nhận các từ *trùm trưởng, trùm ấp*. Có người đề nghị thay *cụm từ* bằng *nhóm chữ*. Nhưng trong lĩnh vực ngữ pháp, thi pháp, cú pháp, *cụm* và *nhóm* không hoàn toàn đồng nghĩa, còn từ và *chữ* thì lại rất khác nhau. *Cụm từ* tiếng Anh là *wordgroup, combination of words;* tiếng Đức là *Wortgruppe, Wortblock;* tiếng Pháp là *groupe de mots*. Trong thuật ngữ thiền học, *bản lai diện mục* là một cụm từ, trong tiếng Đức, *Madchen fur alles* là một cụm từ. *Wordgroup* cũng có khi được dịch là *từ tổ*.

2. Cheng Wing fu & Hervé Collet.- *Carrément Zen*. (Dứt khoát thiền). Moundarren. Millemont. 1997. :106.

3. *Biệt kệ* là loại kệ làm khi vĩnh biệt cuộc đời, khi *thị tịch*.

4. *Cơ phong* (cơ : máy móc, phong : mũi nhọn) cũng gọi là *cơ giáo* : giảng dạy tùy theo tình huống. *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* : Potentiality and teaching, opportune teaching, suited to the occasion. Từ điển này được in lại ở Đài Bắc năm 1975 với tên gọi Hán-Anh là *Hán-Anh Phật học đại từ điển. A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. Thành Văn xuất bản xã.

5 *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. :456.

6 Lời có hết mà ý không cùng. (Nghiêm Vũ. *Thương Lăng thi thoại)*.

7 Văn đã hết mà ý vẫn còn. (Chung Vinh. *Thi phẩm, Tổng luận)*.

8 Mảnh lời có thể tả trăm ý. (Lưu Vũ Tích. *Đồng thị Vũ Lăng tập ký*).

9 Ví dụ công án về thiền sư Mục Châu, trụ trì chùa Long Hưng, môn độ của thiền sư Hoàng Bá. Mục Châu hỏi một thiền tăng từ đâu đến. Thiền tăng chỉ quắc mắt, không đáp (*trừng mục, vô ngữ*).

10 Trong *Poètes bouddhistes des Tang*, tldd, trang 11, Paul Jacob cũng phân biệt hai trường hợp *doctrine mise en vers* và *doctrine mise en poésie*.

Báo Tết và Văn hóa Tết

Nguyễn Hưng Quốc

Từ thập niên 1930, bắt đầu với sáng kiến của nhóm Tự Lực Văn Đoàn trên báo *Phong Hoá*, báo Tết đã trở thành một hiện tượng nổi bật trong sinh hoạt mừng xuân của người Việt Nam. Bên cạnh những "thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ". Bên cạnh những "cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh". Bên cạnh? Không phải. So với các món Tết cổ truyền vừa kể, vị thế của báo Tết quan trọng hơn nhiều. Ngày nay, cây nêu, câu đối đỏ hay dưa hành chỉ còn là những kỷ niệm, có khi thật xa vời, hun hút nằm ngoài trí nhớ của nhiều người Việt Nam. Riêng pháo thì, từ nhiều năm rồi, bị cấm; và thịt mỡ thì dần dần, cùng với đà phát triển của kinh tế, không còn là một giá trị điển hình cho ngày Tết nữa. Trong khi đó báo Tết không những không suy giảm mà càng ngày càng phát triển, từ trong nước ra đến hải ngoại. Đâu đâu cũng có báo Tết. Báo chuyên nghiệp ra số Tết đã đành. Ngay cả các đặc san của các hội đoàn cũng chọn dịp Tết để ra báo như để cố góp vào cái rừng báo Tết vốn đã rậm rạp của người Việt bằng chút hương hoa địa phương.

Tôi không biết ở các nước khác thế nào, chứ riêng tại các quốc gia nói tiếng Anh, rõ ràng là người ta không có thói quen làm báo Tết. Ngay cả đầu năm 2000 và đầu năm 2001, thời điểm kết thúc và mở đầu không những của một thế kỷ mà còn của cả một thiên niên kỷ, các tờ báo lớn tại Mỹ, Anh, Úc và Canada... cũng chỉ phát hành những phụ trương mong mỏng tổng kết những sự kiện và những nhân vật nổi bật nhất trong một số lãnh vực nào đó mà thôi. Hoàn toàn không có những số báo Tết hay những giai phẩm xuân như ở ta. Bởi vậy, trong chừng mực nào đó, một cách dè dặt, chúng ta cũng có thể nói báo Tết là một hiện tượng khá đặc thù của Việt Nam.

Cái đặc thù ấy không chừng xuất phát từ tham vọng làm... văn chương

của những người làm báo. Nên lưu ý là báo Tết thường gắn liền với các nhật báo hoặc tuần báo. Các tạp chí ra hàng tháng hay nhiều tháng, nếu có số Tết, cũng chỉ là một cách gọi tên cho tiện và cho... vui; thực chất chúng cũng chỉ là một thứ giai phẩm khá bình thường, may lắm, thoáng chút hương xuân ở đôi bài tổng luận hay phỏng vấn. Những số báo Tết tiêu biểu nhất thường được tìm thấy ở những người làm báo thực sự. Có thể xem báo Tết như một thứ đại yến của những tờ báo tin tức và thời sự: đó là dịp để những người quanh năm tất bật với những tin vắn tin dài có thể ngồi xuống làm... thứ văn chương mà họ tin là nghiêm túc. Với bìa cứng và được bấm gáy cẩn thận, số báo Tết được xem như một sự hoá thân: từ báo, nó trở thành tạp chí; từ tin tức, nó trở thành nghệ thuật; từ giải trí, nó trở thành văn chương; từ việc đáp ứng những nhu cầu bức thiết nhưng rất phù du hàng ngày, nó trở thành một thứ tác phẩm có thể được lưu giữ lâu dài trên các giá sách. Những sự hoá thân ấy có tác động thăng cấp về tâm lý: với các số báo Tết, một nhà báo thích thú với chữ nghĩa có thể tự cảm thấy mình là một nhà văn hay một nhà thơ; một nhà báo khác say mê bình luận tin tức có thể tự cảm thấy mình là một nhà... bình luận chiến lược, hoặc thậm chí, một nhà chiến lược..

Tuy nhiên, trên thực tế, ý nghĩa văn chương và nghệ thuật của các số báo Tết ấy rất mong manh.

Trước đây, về phương diện nghệ thuật, các số báo Tết có một đặc điểm nổi bật là in màu nên trông rực rỡ hơn hẳn các số báo thường. Nhưng khi phần lớn các số báo thường cũng được in màu, ít nhất là ở cái bìa, thì vẻ rực rỡ không còn là một tín hiệu của Tết nữa. Đó là chưa kể, loại bỏ yếu tố màu sắc ra, hình ảnh in trên các bìa báo Tết thường khá giống nhau: hoặc hình thiếu nữ hoặc hình ông bà cụ già với cháu nhỏ trong y phục cổ truyền, hoặc hình một vật gì đó gắn liền với ngày Tết: hoa, cây nêu, pháo, bánh chưng, v.v... Đại khái thế. Rất ít có sự thay đổi. Mà hình như người ta cũng ngại thay đổi: Tết đồng nghĩa với truyền thống.

Văn chương của báo Tết cũng thế. Cũng ngại thay đổi. Ngại thay đổi từ đề tài trở đi: Bài vở khác nhau, các cây bút cộng tác khác nhau, nhưng hầu như tờ báo Tết đ thực sự là báo Tết đ nào cũng có những phần mục y như nhau. Bao giờ cũng có phần tổng kết tình hình trong năm. Nghiêm túc thì người ta viết bài tổng kết ấy dưới hình thức tiểu luận. Nặng tính thần giải trí thì người ta viết dưới hình thức sớ Táo quân. Nhiều báo còn cụ thể hoá tình hình trong năm bằng cách chọn ra những thành tích xuất sắc và những gương mặt tiêu biểu nhất để biểu dương. Hơn nữa, người ta còn đi xa hơn trong việc tổng kết bằng cách nhìn lại toàn bộ những năm mang cùng tên con giáp trong suốt lịch sử, từ đó, có những bài như "Những

năm Ngọ trong lịch sử", "Những năm Thìn trong lịch sử", v.v... Đi kèm với những bài như thế bao giờ cũng có những bài viết khác tìm hiểu những đặc điểm của những con vật được chọn đặt tên cho năm: chuột, trâu, cọp, rồng, rắn, ngựa, dê, khỉ... Với những đề tài như thế, người ta không thể tránh khỏi sự trùng lặp trong nội dung. Gắn liền với một con vật nào đó thường chỉ có một số chuyện nhất định, kiểu: con ngựa trong ca dao, tục ngữ; con ngựa trong hội hoạ; con ngựa trong văn chương; con ngựa trong thế giới sinh vật học, v.v... Một số không ít những bài viết ấy sẽ được in lại hoặc xào nấu lại trong một chu kỳ cố định: 12 năm. Bởi vậy, tuy năm nào chúng ta cũng có hàng trăm tờ báo Tết, những giai phẩm xuân dày cộm và lộng lẫy, số lượng những tác phẩm về Tết có giá trị, cả trong lãnh vực sáng tác lẫn lãnh vực nghiên cứu, rất hiếm, hiếm một cách rất đáng kinh ngạc. Khi nào cần tìm một bài thơ thật hay về mùa xuân ư? Thì chúng ta lại phải quay về với Vũ Đình Liên, với Đoàn Văn Cừ, với Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên những năm trước 45 xa xôi. Khi nào cần tìm một số công trình nghiên cứu nghiêm túc và khả tín về phong tục tết nhất ư? Thì chúng ta lại phải quay về quá khứ, với Toan Ánh hay Vương Hồng Sển trước năm 1975, hay có khi xa hơn nữa, tận thời Phan Kế Bính, trước năm 1930.

Biết thế, nhưng người Việt Nam nói chung vẫn cứ yêu báo Tết. Giới làm báo yêu báo Tết: Tết, không có số báo đặc biệt, họ cảm thấy như thiếu thiếu một cái gì. Giống như những người bình thường thiếu một chậu hoa, một gói bánh chưng hay một dòn bánh tét. Giới viết văn và làm thơ cũng yêu báo Tết: rất nhiều người quanh năm không viết lách được gì cũng cố góp mặt trên trang báo Tết một bài thơ hay một tiểu phẩm gì đó. Nhiều người chuẩn bị cho báo Tết khá kỹ: ngay từ giữa năm, lúc, trừ Úc, đang còn trong mùa hạ hoặc mới vừa chớm thu, họ đã nắn nót những bài thơ nặng trĩu nỗi hoài hương và hoài cổ trong không khí giao thừa lạnh lẽo ở xứ lạ quê người. Một số người cẩn thận và cũng ngây thơ hơn, ghi chú dưới bài thơ dòng chữ đầy tính... hư cấu, kiểu "Viết giữa đêm giao thừa... 2002", trong khi trên thực tế, bài thơ ấy đã được làm và gửi đến toà soạn từ giữa năm... 2001. Độc giả, cầm đọc bài thơ với câu ghi chú như thế cả một, hai tháng trước đêm giao thừa, cũng không lấy gì làm khó chịu. Người ta dễ dàng xem đó như một thứ nghi thức. Thật ra, với họ, ngay chính việc mua tờ báo Tết cũng gần như một nghi thức: tờ báo, giống như một gói mứt; mua, chưa chắc đã ăn, nhưng không mua thì không an tâm. Mua báo Tết, có khi chỉ liếc sơ qua, nhưng nếu không mua, cứ e hương vị ngày Tết cứ nhạt đi một chút.

Thành ra, có thể nói, với người Việt Nam, báo Tết là một hiện tượng

văn hoá.

Đó là thứ văn hoá hội hè. Đặc điểm đầu tiên của văn hoá hội hè là tính chất tập thể, ở đó, ngay sự hiện diện đã là một ý nghĩa. Không cần biết ai hiện diện, chỉ cần biết là nhiều người hiện diện. Bởi vậy số báo Tết nào người ta cũng cố lôi kéo thật nhiều người tham gia. Nếu không tham gia được với tư cách tác giả thì cũng tham gia với tư cách những người được phỏng vấn. Mà các cuộc phỏng vấn chỉ cần đa dạng chứ không cần chuyên sâu. Mỗi người thường được hỏi vài ba câu, thật ngắn. Trả lời sao cũng được. Ở đây chất lượng không quan trọng: điều quan trọng nhất là mỗi người một giọng để tờ báo có không khí đình đám.

Đình đám thì phải... vui. Hầu hết những người làm báo Tết đều ý thức rất rõ là tờ báo của mình được đọc trong không khí Tết, lúc mọi người chỉ muốn tận hưởng những gì thảnh thơi và may mắn nhất. Do đó, người ta thường né tránh những đề tài và những phong cách quá nặng nề. Hí hoạ, thơ, truyện cũng như những bài phóng sự hài hước và phóng sự ngắn được đặc biệt ưa chuộng.

Nhưng đặc điểm nổi bật nhất ở các tờ báo Tết chính là nền văn hoá nhìn lại. Báo Tết, thực sự là báo Tết, trong cảm quan của cả người viết lẫn người đọc, bao giờ cũng là một sự nhìn lại, hoặc chủ yếu là một sự nhìn lại. Nhìn lại một năm. Nhìn lại một giáp. Nhìn lại một thế kỷ. Nhìn lại những thành công và những thất bại của một đất nước hoặc một lãnh vực nào đó. Nhìn lại những nếp cũ, những tục cũ. Nhìn lại những vang bóng một thời. Nhìn lại. Số báo Tết nào cũng thường nặng trĩu quá khứ và cũng man mác tâm sự u hoài.

Thì cũng hay thôi. Mỗi số Tết là một dịp ôn bài. Ôn tập thể. Và thú vị. Như nhấp một hớp trà hay nhâm nhi một miếng mứt. Có lẽ phần lớn những kiến thức của chúng ta về phong tục tập quán của dân tộc cũng như những dấu mốc quan trọng trong lịch sử đất nước nếu không đến từ, thì cũng được củng cố bởi, các dịp ôn bài như thế. Không có chúng, khó có thể tưởng tượng là đến hơn nửa cuộc đời, chúng ta vẫn nhớ đến những sự tích bánh chưng bánh dày hay những câu chuyện ngô nghê liên quan đến các giống vật được chọn đặt tên cho từng năm như chó, mèo, ngựa, khỉ, rắn, rồng, v.v... Bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên được nhiều người ghi nhớ hơn nhiều bài thơ khác có lẽ một phần lớn cũng là nhờ báo Tết. Tên tuổi của Đoàn Văn Cừ, một nhà thơ thời 1930-45, tác giả của một số bài thơ về Tết nổi tiếng, còn lại mãi có lẽ chủ yếu cũng nhờ báo Tết.

Những việc "ôn bài" dưới hình thức báo Tết như thế không phải chỉ có ích lợi là giúp bồi bổ kiến thức của mọi người. Quan trọng hơn, chúng

còn giúp tạo nên một thứ ký ức tập thể chung cho cả dân tộc, khiến cho người Việt Nam thuộc bất cứ địa phương hay bất cứ thế hệ nào cũng đều có một số hình ảnh khá giống nhau và một số khái niệm khá giống nhau về đất nước. Chính những ký ức tập thể như thế đã góp phần hình thành nên những ý niệm về cái gọi là bản sắc văn hoá; và bản sắc văn hoá, đến lượt nó, lại điều kiện hoá cách suy nghĩ cũng như cách hành xử của từng cá nhân.

Có thể nói, ở Việt Nam, ký ức có vai trò quan trọng hơn hẳn lịch sử. Thật ra, ở một góc độ nào đó, ký ức và lịch sử là một: lịch sử là thứ ký ức tập thể đã được gạn lọc và lưu giữ bằng một phương tiện vật lý nằm ngoài bộ nhớ của từng cá nhân. Đó là thứ ký ức được ghi lại. Lịch sử được viết theo phong cách hàn lâm (academic history), nói theo Lutz Niethammer, là thứ ký ức tập thể trong một thời đại khoa học(1). Tuy nhiên, chính việc ghi lại ấy đã làm cho lịch sử ít nhiều khác biệt với ký ức. Được ghi chép tức là được gạn lọc: lịch sử nào cũng ít nhiều chịu sự chi phối của các thế lực khác nhau trong xã hội, chủ yếu là các thế lực đang nắm vai trò thống trị, nói như ai đó, trong một câu nói đã thành châm ngôn: lịch sử được viết bởi những kẻ chiến thắng. Hơn nữa, được ghi chép, lịch sử, một mặt, sẽ còn lại với thời gian, nhưng mặt khác, lại bị tách ra khỏi sự sống vẫn còn đang tiếp tục vận động. Những yếu tố này làm cho lịch sử trở thành một cái gì bất toàn và đầy nghi vấn. Theo Maurice Halbwachs, trong khi ký ức tập thể về quá khứ được chia sẻ trong cả cộng đồng, lịch sử chỉ là kết quả của những công trình nghiên cứu dành cho một thiểu số; trong khi ký ức tập thể vô cùng đa dạng, lịch sử chỉ có một(2). Nhưng cũng từ hiện tượng được ghi chép, lịch sử có một đặc điểm rất tích cực: được ghi chép là được có cơ hội xác minh và bổ sung, nhờ thế, có nhiều triển vọng để gần với sự thực hơn là những ký ức được lưu giữ trong từng cá nhân riêng lẻ và đầy chủ quan. Từ khoảng giữa thập niên 1970 trở lại đây, giới nghiên cứu không còn cố gắng tìm cách đối lập ký ức và lịch sử nữa mà họ xem ký ức như một hình thức bổ sung cho lịch sử. Bổ sung ngay trong ngành sử học: bên cạnh khái niệm lịch sử thành văn quen thuộc, xuất hiện khái niệm lịch sử truyền khẩu (oral history). Bổ sung trong lãnh vực xã hội, chính trị và văn hoá: từ những ký ức tập thể của dân chúng, giới nghiên cứu có thể khám phá ra cách thức con người diễn dịch và nhào nặn lại quá khứ, cách thức quá khứ tác động lên hiện tại và phần nào, cả tương lai nữa.

Bổ sung. Dù được chú ý đến mấy, ký ức cũng chỉ đóng vai trò bổ sung cho lịch sử mà thôi. Nó không thể thay thế lịch sử. Lịch sử có tính thiên vị? Đồng ý. Nhưng ký ức, dù là ký ức tập thể, cũng không công bình hơn chút nào. Đằng sau, có khi xa lắm đằng sau hành động nhớ và quên

của một cộng đồng bao giờ cũng tiềm tàng một thái độ chính trị nhất định: người ta thường chỉ nhớ những gì họ muốn nhớ và quên những gì họ muốn quên. Hơn nữa, hình thức thành văn của lịch sử là điều kiện để phát triển tầm nhìn có tính tổng hợp và khái quát: Những khái niệm trừu tượng như phong kiến, tư bản, cộng sản, cách mạng, quân chủ, dân chủ, đa nguyên, v.v... chỉ có thể ra đời trên cơ sở của lịch sử. Ký ức, ngược lại, chỉ làm người ta quanh quẩn mãi trong những cái cụ thể gần gũi và nhí nhách.

Ký ức tập thể, muốn tồn tại lâu dài, phải gắn liền với các câu chuyện kể. Một nền văn hoá được xây dựng chủ yếu trên nền tảng của ký ức nhất thiết là một nền văn hoá mang tính tự sự (narrative culture)(3). Văn hoá Việt Nam, cho đến nay, là một nền văn hoá như thế. Lịch sử, bất kể là lịch sử gì, với chúng ta, chỉ là một chuỗi chuyện kể liên miên theo trình tự thời gian. Sáng tác, bất cứ thuộc thể loại gì, từ văn xuôi đến văn vần, từ một thiên tiểu thuyết đến một bài thơ, với chúng ta, cũng là một cách kể chuyện, hoặc những câu chuyện đầy biến cố liên quan đến đời sống chính trị, xã hội của các nhân vật, hoặc những câu chuyện ngắn ngắn, nho nhỏ, liên quan đến đời sống tâm tình, với những ước mơ và những thất vọng, những nhớ nhung và những khắc khoải, những đắng cay và những giận hờn... của chính người cầm bút. Phê bình, với chúng ta, cũng lại là một cách kể chuyện: kể lại câu chuyện xảy trong tác phẩm mình phê bình hoặc kể lại những gì mình cảm, mình nghĩ, mình liên tưởng nảy sinh từ tác phẩm ấy. Cả đến văn lý thuyết, với chúng ta, ở một mức độ nào đó, cũng là một cách kể chuyện: kể về một vấn đề, về những tranh luận chung quanh một vấn đề, về những chi tiết nhằm minh hoạ cho vấn đề ấy. Ở đó có rất ít những sự phân tích. Càng ít hơn nữa những cách nhìn có sức tổng hợp với những khái niệm trừu tượng và mang tính khái quát cao.

Đã dành dân tộc nào vào thuở sơ khai khi chưa có chữ viết hoặc chưa có điều kiện in ấn cũng đều yêu chuộng hình thức chuyện kể. Tuy nhiên, hình như ở Việt Nam, lòng yêu chuộng ấy sâu đậm một cách khá đặc biệt. Sâu đậm đến độ, với người Việt Nam, quá khứ không có gì khác hơn ngoài các câu chuyện kể. Chúng ta phá hoại không thương tiếc các di tích lịch sử; chúng ta hờ hững với những gì có khả năng trở thành di tích lịch sử; chúng ta chỉ yêu các câu chuyện kể. Chúng ta kể đi kể lại không biết mệt mỏi từ chuyện Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đến Trọng Thuỷ phản bội Mỵ Nương, chuyện Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc, chuyện Trưng Trắc trả thù chồng, chuyện Triệu Trinh Nương vú dài ba thước, chuyện Trần Quốc Toản bóp nát trái cam trong tay, v.v...

Không phải không có khía cạnh tích cực: Theo tôi, chính việc chia sẻ niềm tin và sự say mê đối với các câu chuyện kể ấy đã góp phần tạo nên

sự thống nhất của dân tộc Việt Nam, để từ Nam chí Bắc, từ trong nước ra đến hải ngoại, từ già đến trẻ, từ trí thức đến bình dân, ở đâu người Việt Nam cũng có một sự tưởng tượng chung, từ đó, ngỡ chừng như có một quá khứ chung, một cội nguồn chung. Nói một cách khái quát hơn, cái gọi là dân tộc Việt Nam, đặc biệt là cái gọi là dân tộc tính của Việt Nam, thực chất là một số câu chuyện kể chung.

Đẩy vấn đề lên một tầm khái quát như vậy, chúng ta gặp một số lý thuyết gia hậu hiện đại, những người xem những khái niệm hết sức căn bản như tổ quốc, sắc tộc, bản sắc, v.v... không phải là những gì có sẵn mà chỉ là những gì được tạo ra, hơn nữa, không ngừng được tái tạo qua thời gian. Hay, nói như Werner Sollars sắc tộc chỉ là một chuỗi những sự hư cấu có tính tập thể (a set of collective fictions)(4); nói như Benedict Anderson, tổ quốc chỉ là một cộng đồng tưởng tượng (imagined community)(5); và như Homi Bhabha, tổ quốc là những gì được kể lại(6).

Những gì được kể lại ấy hẳn đã thuộc về quá khứ. Tuy nhiên, qua việc kể, những di tích đầy huyễn tưởng của quá khứ ấy lại tác động lên việc hình thành những những giá trị văn hoá làm mẫu số chung trong xã hội để căn cứ theo đó, mọi người đánh giá các hiện tượng chung quanh, và chọn lựa cho mình những cung cách hành xử được xem là đúng đắn nhất. Nói cách khác, cái được kể sẽ dần dần được nội tâm hoá và đến một lúc nào đó, trở thành khuôn thức để hình thành nhân cách và tính cách của chúng ta: từ những người kể chuyện, chúng ta bị biến thành những người được kể, thành các nhân vật. Đây mới chính là điều đáng ngại: ở tận đầu thế kỷ 21, thật chẳng có gì vui khi cứ phải tiếp tục làm những nhân vật dễ thương nhưng rất đơn giản, đơn giản đến độ ngây ngô, như trong các câu chuyện cổ tích ngày nào.

Chính vì vậy, mỗi lần cầm các tờ báo Tết, tôi vừa mừng vừa cảm thấy có cái gì như là ngài ngại.

1. Dẫn theo Cornelus Holtprf trong bài "History & Memory" trên trang web: http://vitd.scar.utoronto.CITDPress/holtorf/2.8.html

2. Như trên

3. Về khái niệm "văn hóa tự sự" hay "kiến thức tự sự", có thể xem thêm bài "How Cultural Anthropology Contributes to Culture: The Scientific Method in Late Twentieth Century Cultural Anhtropology" của James W. Dow trên website: http://www.oakland.edu/~dow

4. Xem Werner Sollor (biên tập) (1989), *In the Invention of Ethnicity*, New York: Oxford University Press, tr. ix-xx.

5. Xem Benedict Anderson (1991), *Imagined Communities: Reflectins on the Origins and Spread of Nationalism*, New York: Verso

6. Xem Homi K. Bhabha (1994), The Location of Culture, London: Routledge.

Gọi mùa Xuân muộn.

NGUYỆT-THU

Hà nội đón em
nhịp tim phố cổ
vỉa hè khuya giọt nước mắt lá bàng,
Hà nội cùng em sóng bước lang thang
nôn nao đợi một người chưa kịp đến.

Giữ lại nhé
nắng hanh vàng phủ xuống
cơn mưa phùn nhu bụi phấn mù bay,
có mùa xuân rót nhè nhẹ heo may
từng gánh trĩu hoa thơm đồn chân bước.

Giữ lại nhé
chiều âm vang biền biệt
hoàng hôn trôi trên sóng nước Tây hồ,
Hà nội dang tay rộng năm Cửa Ô
đường khuất nẻo khúc quanh nào cho gặp.

Giữ lại nhé
đêm vừa từ giã sáng
mù sương lên che buốt mặt hồ Gươm,
liễu buông mành gờn gợn nét buồn quen
từng giọt đếm thời gian chừng đã muộn.

Giữ lại nhé
lần đầu tiên hò hẹn
băm sáu phố phường lạc dấu chân nhau,
mở trời xa sao cột mãi lòng đau
không gian chật vẫn tay chưa với tới.

Hà nội và em
mỏi mòn ngồi đợi.
Người về đâu? Héo muộn cả trời xuân.

Nghĩ về Tết

Ngụ Thuyết

Gởi Bùi Xuân Nhiếp

Một nhà văn, Sartre thì phải, có lần nói đại khái rằng đời người chẳng qua là tập hợp những kinh nghiệm về thời tiết. Lẽ dĩ nhiên đó chỉ là một cách nói trong một hoàn cảnh nào đó, nhưng nghe cũng thú vị. Vâng, trời mưa, trời nắng, trời tuyết, trời bão v.v... hẳn tác dụng mạnh mẽ lên cuộc sống của vạn vật trong đó có con người. Mà ngay cả khi, nói như Hồ Dzếnh, *"Trời không nắng cũng không mưa"* nhưng nếu có một chút gió cũng đủ làm cho lòng dạ nhà thơ bâng khuâng, *"Chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ nhung."* Vậy thì những biến thái của thời tiết tại quê nhà, những giọt mưa phùn mát dịu đầu xuân long lanh trên lá cỏ non, cơn nắng dỗ lửa mùa hè đốt nám những chùm nhãn còi, ngọn gió heo may mùa thu sc lạnh nhuộm vàng những chiếc lá bàng, và những cơn giá buốt của mùa đông xám trùm lên trên những cánh đồng trơ trụi, chắc chắn đã là những dấu ấn trong ký ức mà những người sống tha hương như chúng ta khó quên được. Và đậm nét nhất có lẽ là những ký ức về thời gian giao mùa giữa năm cũ và năm mới, khi vạn vật chuyển mình, khi lòng người xao động, khi những chuẩn bị, những chờ đón được đánh dấu, được gõ nhịp, bằng tiếng pháo nổ ròn, ánh pháo chớp loé, khói pháo mù mịt, mùi pháo thơm lừng và cả xác pháo nhuộm hồng khắp lối đi.

Xong việc lau, dọn, trang hoàng lại nhà cửa và bàn thờ tổ tiên, một tràng pháo ngắn. Chưng xong một cành mai cỗi, mấy chậu cúc vàng, một tràng pháo ngắn. Nấu xong mâm cỗ, "mâm cơm ba mươi cúng ông bà", một tràng pháo ngắn. Vớt nồi bánh chưng, bánh tét nấu từ đêm 29 tết, một tràng pháo ngắn... Hoặc chẳng làm gì cả, chỉ cảm thấy một thôi thúc tình cờ nào đó, cũng một tràng pháo ngắn. Và vào lúc giao thừa trời gây gây lạnh, lòng người nôn nao giã từ năm cũ và đón mừng năm mới, những

tràng pháo dài, hết tràng này đến tràng khác, vang dội từ nhà của ta qua nhà láng giềng gần, láng giềng xa và ngược lại, hỏi han nhau, nghe ngóng nhau, đối đáp nhau, và theo gió vang đi xa hơn, theo gió từ xa tới, khi thì nghe chát chúa bên tai, khi thì róc rách như tiếng suối reo, khi thì râm ran như ve kêu trưa hè, khi thì ì ầm từng đợt như biển sóng. Vâng, không phải chỉ riêng nơi nhà mình đang sống mà thôi, cả láng giềng, cả thành phố, cả miền quê, cả nước, bồng bềnh trên biển pháo vào giờ khắc đó.

Tết gắn liền với pháo. Được về quê ngồi tụm năm tụm ba bên cạnh bếp lửa hồng canh nồi bánh tét nghe kể chuyện ăn trộm, chuyện ma, được nghỉ học, được tha hồ đi chơi, được ăn uống phè phỡn, hồi còn trẻ thích ăn lắm, được mặc áo mới trong túi rỏn rẻng tiền lì xì, được đi rảo các sòng bạc thử thời vận, và khi lớn lên được đi nhảy đầm tất niên đi nữa, nghĩa là đã tấp tểnh du nhập vài nếp sống phương Tây, mà không có pháo để cùng chung vui thì hương vị Tết sẽ mất đi quá nhiều. Đáng tiếc thay, ở quê nhà hình như bây giờ người ta cấm đốt pháo, kể cả pháo Tết, và tại vùng Nam Ca li này pháo cũng bị cấm. Nhưng ở Bắc Ca li, vùng San Jose, nơi có đông đảo người Việt mình, đêm giao thừa nghe nói vẫn vang lừng tiếng pháo. Thế thì năm nay hãy đi lên San Jose "Ăn Tết".

Nhưng Tết cũng là dịp để gia đình đoàn tụ, lẽ nào tôi bỏ nơi này để đi ăn Tết phương xa. San Jose đâu phải là quê hương của tôi! Vậy nơi tôi đang sống tại miền Nam Ca li này đã là quê hương của tôi chưa, tôi nhiều lần tự hỏi. Hay quê hương đích thực của tôi hiện ở cách đây rất xa, *cách nhau ngàn vạn dặm*, bên kia bờ đại dương? Đó là quê hương, là đất nước, là nơi còn mồ mả tổ tiên, nơi còn mấy người thân yêu già nua gần đất xa trời, nơi còn dăm ba người bạn buồn rầu, mệt mỏi, nơi khi hơn mười năm trước tôi bỏ đi lòng đau đớn sắp đánh mất cả một cuộc đời, nơi mà tôi nhớ quay quắt mỗi khi trời đất giao mùa... Và cũng là nơi tôi đã có lần trở về thăm, bàn khoăn, bùi ngùi. Hơn thế nữa, tôi tìm thấy tôi xa lạ, lạc lõng.

Hay là Tết năm nay hãy cứ thử lên San Jose xem sao? Để thử ăn một cái Tết tha hương có tiếng pháo mà ngay cả nơi quê cũ cũng không có? "Tết tha hương", nghe có vẻ lãng mạn, và tôi mong có được vài giây phút lãng mạn.

Tôi bỗng nhớ đến Lỗ Tấn, một nhà văn lớn Trung Quốc đầu thế kỷ 20. Ông có tư tưởng mới, gay gắt bài xích nếp sống cũ, chủ trương cách mạng triệt để cho một nước Tàu mê muội, cổ hủ, khép kín mà ông ví là "một cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ." Nhưng ông cũng không thể quên được tiếng pháo Tết và cái cảm giác êm êm, buồn buồn trong một chuyến về quê cuối năm. Ông khởi đầu một truyện ngắn bằng những câu văn đầy cảm khái và những hình ảnh rất độc đáo, tạo được ngay cái không

khí Tết đang hiện lên ở lưng trời qua tiếng ống lệnh và tiếng pháo: "Cuối năm âm lịch, bao giờ cũng có vẻ đúng là cuối năm, ở nơi thôn quận thì thôi khỏi phải nói, cả ở lưng trời cũng thấy hiển hiện cái cảnh tượng 'Tết đến sau lưng'. Giữa những dám mây chiều nặng và xám, chốc chốc lại loé ra một tia sáng, tiếp theo là những tiếng ống lệnh ỳ ầm tiễn chân ông Táo về Trời; những ống lệnh đốt ở nơi tiếp cận nổ dữ dội hơn, tiếng nổ váng tai còn chưa ngừng, mà trong không khí đã ầm ỹ, tản mác mùi thơm thuốc pháo. Tôi về tới quê nhà, Lỗ Trấn, đúng vào một đêm như thế. Gọi 'quê nhà' là gọi thế thôi, chứ thực ra tôi không còn cửa nhà gì ở đây, bởi vậy cho nên tôi phải đến ở tạm nhà ông Từ họ Lỗ."(1)

Nhà văn Nhất Linh cũng có một đoạn văn đầy xúc động về ngày cuối năm. Bằng những câu đối thoại ngắn, gọn, tưởng như hờ hững nhưng mang nặng ý nghĩa, bằng những chi tiết đơn sơ, nhỏ nhặt nhưng rất gợi cảm, bằng một cái nhìn vừa có tầm xa vừa thơ mộng, và bằng một lối văn trữ tình pha một chút lãng mạn, tác giả đã nói lên được tâm trạng bùi ngùi của kẻ tha hương lữ thứ một chiều cuối năm tưởng nhớ đến người yêu ở quê nhà. Đặc biệt là trong đoạn văn đó, tiếng pháo Tết đã giữ một vai trò chủ chốt:

"– Phúc, lại đây với chú.

Phúc ngoan ngoãn lại gần hỏi:

– Năm nay chú ăn tết ở đây?

Dũng gật. Phúc lại hỏi:

– Chú không về nhà ăn tết?

Dũng mỉm cười:

– Chú không có nhà.

– Thế mọi khi chú không có nhà chú ở đâu?

Dũng nhìn đăm đăm xuống nền gạch. Câu hỏi vô tình của đứa bé nhắc chàng nghĩ tới cái đời cô độc của mình, lênh đênh nay đây mai đó, tối ba mươi tết tạm dừng chân trong chốc lát để ngắm cảnh gia đình êm đềm của người ta, mà chẳng bao giờ chàng được hưởng.

Độ thấy Dũng ngồi yên lặng đăm đăm, hiểu ý, mắng con:

– Phúc, xuống ngay dưới nhà chơi. Mày chỉ được cái hay hỏi lẩn thẩn.

Rồi Độ đứng lên nói:

– Tôi say quá, khó lòng mà thức đến giao thừa được. Vậy tôi đi ngủ trước đây. Mợ nhớ đánh thức tôi dậy.

Dũng cũng đứng lên đi sang buồng riêng của mình, nhưng Dũng không ngủ ngay, chàng tắt đèn rồi mở cửa sổ ngồi nhìn xuống chân đồi.

Hết điếu thuốc lánày, Dũng lại châm điếu thuốc lá khác, hút luôn

không ngừng, cho đến khi bốn phía nổ ran tiếng pháo tiễn năm cũ và đón mừng năm mới.

Bấy giờ Dũng mới ra đứng tựa cửa, chống hai tay vào cằm đưa mắt nhìn vơ vẩn.

Lờ mờ dưới ánh sao, dòng sông lẩn trong sương lạnh lẽo, mơ màng uốn khúc. Sau những chòm cây đen rải rác dưới chân đồi, đèn nến cúng giao thừa trong các nhà dân quê thấp thoáng ánh lửa vàng.

Dũng lắng tai cố nghe tiếng pháo ở những nơi xa xa rồi lại xa hơn đưa lại, và tưởng tượng theo mãi những tiếng pháo đó cứ một lúc một đi xa mãi cho đến tận phía chân trời, nơi Loan ở.

Một luồng khói pháo thơm đưa thoảng qua cửa sổ, đem lại cho Dũng những cảm tưởng dịu dàng êm ái như ngọn gió xuân nhẹ nhàng đem mùa xuân tới.

Dũng lẩm bẩm:

– Hay ta về thăm Loan?

Nói xong, Dũng lấy làm ngạc nhiên về ý định của chàng, ý định mà trước kia không bao giờ Dũng ngờ sẽ có ngày đến vấn vương trong tâm trí."(2)

Lỗ Tấn về quê nhà ăn Tết, nhưng lại nói "Gọi là quê nhà là gọi thế thôi, chứ thực ra tôi không còn cửa nhà gì ở đây...", như thế có nghĩa rằng nếu ông còn nhà cửa nơi đó, có lẽ cái Tết của ông sẽ ấm cúng hơn. Nhất Linh còn bất hạnh hơn, không về được quê nhà, "... tối ba mươi tết tạm dừng chân trong chốc lát để ngắm cảnh gia đình êm ấm của người ta... " Nhà thơ Thế Lữ trong bài thơ dài "Giây Phút Chạnh Lòng" cảm đề truyện *Đoạn Tuyệt*, có nhiều đoạn hay và viết rất sát với những tình huống trong cuốn *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh, và riêng đoạn thơ nhắc nhở đến lúc tạm dừng chân của nhân vật Dũng tại nhà người bạn tối ba mươi Tết, Thế Lữ còn muốn đi xa thêm một chút nữa. Thay vì Dũng ở nhà người bạn, nhà thơ cho nhân vật đó ở quán trọ đón giao thừa. Ăn Tết tha hương nơi gác trọ thì hẳn là cô đơn, lạnh lẽo và "lãng mạn" hơn!

"Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan
Trong lúc gần xa pháo nổ ran
Giũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

...

"Cát bụi tung trời – Đường vất vả
Còn dài – Nhưng hãy tạm dừng chân.
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân."

Những điều nêu trên chỉ muốn chứng tỏ rằng đối với người Việt Nam ta, cái Tết quả là thiêng liêng và là cơ hội quý giá nhất trong năm để ai ai ở phương xa cũng phải cố trở về đoàn tụ với ông bà, cha mẹ, anh em, bà con, chòm xóm. Con người càng bất hạnh nếu càng xa nhà trong dịp tết. Đi học xa, Tết phải về với gia đình đã đành. Ngay cả những người có cơ sở làm ăn tại thành phố, có nhà tại thành phố, cũng thường cố thu xếp cuối năm về quê ăn tết. Huống là cô thợ nhuộm đi tha phương cầu thực quanh năm suốt tháng.

"Có cô thợ nhuộm về ăn tết / Sương gió đường xa rám má hồng", hai câu thơ của đã đưa tâm hồn người đọc đi mông lung! Đó là hai câu thơ cuối trong bài bài thơ bốn câu ngắn ngủi "Không Đề" của Nguyễn Bính.

"Có chiếc thuyền nằm trên cát mịn
Có đàn trâu trắng lội ngang sông
Có cô thợ nhuộm về ăn tết
Sương gió đường xa rám má hồng."

Có người tỏ ý tiếc rằng tại sao tác giả không đổi tên bài thơ thành "Tết", hoặc "Có", và nếu tên bài thơ là "Có", thì phải đổi luôn câu cuối, dễ thôi, chẳng hạn: *"Có mấy cành mai mới trổ bông"* hoặc *"Có mấy cành đào mới trổ bông"* cho hợp với xứ Bắc, thay vì *"Sương gió đường xa rám má hồng"*. Họ bàn bạc theo cái lối làm thơ thù tạc đối đáp trong lúc trà dư tửu hậu: Đề ra là "Có", mỗi câu phải bắt đầu bằng chữ "có". Tương tự như thế, người ta truyền tụng một giai thoại như thế này:

Ngày xưa khi ông trạng Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Tầu, gặp lúc nàng công chúa nhà Nguyên vừa mới từ trần, nhà vua ra đề cho các sứ thần chỉ vỏn vẹn chữ "Nhất", và Mạc Đĩnh Chi đã làm một bài điếu tang như sau:

"Thanh thiên nhất đóa vân - Hồng lô nhất điểm tuyết - Thượng uyển nhất chi hoa - Dao trì nhất phiến nguyệt - Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!" (Trời xanh một đoá mây - Lò hồng một điểm tuyết - Vườn thượng uyển một cánh hoa - Hồ dao trì một mảnh trăng - Ôi! mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết!). Vua Tầu hết sức khen ngợi, sứ Triều Tiên bái phục, và ông Mạc Đĩnh Chi nhờ đó được phong thêm hai chức trạng nguyên, một của Tầu, một của Triều Tiên. Nếu theo truyền thuyết,

Ông Trạng Mạc Đỉnh Chi trở thành "Tam Quốc Trạng Nguyên", thì có lẽ do tài ba quán thế của ông chứ không phải vì bài điếu văn thù tạc chẳng lấy gì hay ho mà còn có chỗ vô lý: Một cục tuyết nhỏ trong lò lửa hồng! Cho nên trong Không Đề, Nguyễn Bính muốn nói lên điều gì chứ đâu muốn làm bài thơ "Cô", nhưng vì bí quá, nên phải để câu cuối phải lạc điệu!

"Có cô thợ nhuộm về ăn tết
Sương gió đường xa rám má hồng."

Tết đến, người làm nghề cá được nghỉ ngơi, cho thuyền nằm thong dong trên cát mịn chờ ra giêng ngày dài tháng rộng lại ra khơi, nhà nông thì ngưng tất cả công việc đồng áng, nhờ thế những con trâu cũng được thảnh thơi lội ngang sông tắm mát, và đất đai của cánh đồng đương nhiên cũng được yên thân, không bị ai cào, xới, cuốc lật, cày, bừa. Thì cô thợ nhuộm cũng về quê ăn tết chứ. Quê cô ở đâu? Có lẽ thuộc vùng châu thổ sông Hồng mà nguồn sống chính là nghề cá và nghề nông. Tết là nghỉ xả hơi, người và vật, nhưng chỉ riêng cô thợ nhuộm là lận đận hơn ai cả. Cô đi làm tại một hãng dệt ở thành phố Hà Nội hay Nam Định, phải không cô. Và vì cô còn trẻ quá, hay vì còn có bố mẹ già sống tại quê nghèo không nơi nương tựa nên cô phải gác lại chuyện chồng con đi làm ăn xa, Tết đến, dành giụm tiền bạc, mua một ít quà, một mình lặn lội tìm về quê, đi mất nhiều ngày, vượt qua bao nhiêu đồi dường, đi qua bao nhiêu chuyến đò, đi bộ, đi thuyền, không dám đi ô tô sợ tốn kém, má hồng bị rám đi vì sương gió đường xa. Như con chim bay đi kiếm ăn quanh quẩn suốt ngày, tối đến tìm về tổ ấm, cô phải quanh năm suốt tháng đi làm ăn phương xa, cuối năm tìm về quê cũ nơi có bố mẹ già đang tựa cửa đứng chờ. Can đảm lên cô nhé, dù sao cô cũng có được chút đền bù rồi, cô sẽ được trang bị lại một số hành trang tình cảm đủ ấm áp để cô lại tiếp tục lên đường sau mấy ngày đoàn tụ.

Nhưng đối với những người không thể về quê hoặc vì một lý do gì đó không muốn về quê ăn Tết thì sao? Đó là hoàn cảnh của một số lớn người Việt tỵ nạn tại nhiều nơi trên thế giới, một thế giới đang chuyển mình thay đổi lớn lao. Vâng, thế giới ngày nay là một thế giới đầy biến động trong đó nhiều giá trị cũ đang sụp đổ, nhiều vấn đề cần được đặt lại, nhiều nếp sống cũ không thể duy trì. Nhất là sau ngày tang tóc 11 - 9 - 2001 tại Nữu Ước. Hơn nữa, trong cuộc sống hiện đại này, giữa một nền văn minh vật chất, tiêu thụ, đang lan tràn khắp thế giới, và với chủ trương toàn cầu hóa đang được các nước tiên tiến theo đuổi, con người gánh chịu thêm nhiều

mất mát không thể nào tránh khỏi. Cố nhiên cũng có thể có những thuận lợi mà những biến đổi đã và sẽ mang lại cho đời sống, và ngay cả biến cố vừa qua tại Nữu Ước cũng đã khiến cho trái tim vốn cứng rắn và lạnh lùng của thành phố trở nên dịu dàng và ấm áp lại. Chẳng hạn vừa mới hôm qua (14/12/2001) tôi được nghe một thống kê cho biết rằng sau ngày bị khủng bố, thành phố Nữu Ước đã đổi khác và được đánh giá là thành phố lịch sự nhất nước Mỹ, đứng ngang hàng với một thành phố thuộc tiểu bang South Carolina. Thí dụ khách lạ muốn hỏi điều gì, người địa phương vồn vã chỉ dẫn; dân Nữu Ước bỗng cảm thấy nhu cầu tình cảm mới, thương yêu nhau hơn, giúp đỡ nhau hơn; họ lại thích làm thơ hoặc đọc thơ cho nhau nghe nhiều hơn, v.v...

Như trên đã nói, nhiều nếp sống cũ không thể duy trì. Đó là lẽ đương nhiên, "hoa bướm ngày xưa" đã đến, đã đi, và đã không bao giờ trở lại. Tôi bỗng nhớ đến bài hát *Auld Lang Syne*. Đó là bài hát rất quen thuộc mà nước Anh và những nước chịu ảnh hưởng văn hoá *Anglo-Saxon* trong đó có nước Mỹ, cứ vào giao thừa Tây đúng nửa đêm 31 tháng 12, là cho trỗi lên trên các đài phát thanh, đài truyền hình, trong các dạ vũ giao thừa. *Auld Lang Syne* là tiếng Tô Cách Lan cổ có nghĩa *"Những ngày xưa êm đềm" (Old Long Since - The Good Old Days)*. Phải chăng bản nhạc đó muốn nhắc nhở rằng cứ mỗi năm trôi qua, ta lại phải giã từ không ít thì nhiều những gì ta trân qúy. Vậy ta có nên lội ngược dòng nước tìm lại "Những ngày xưa êm đềm"? Thì cứ thử tìm đi. Nhưng còn đâu tuyết năm xưa! *(Mais où sont les neiges d'antan,* câu văn học thuộc lòng hồi nhỏ*)*.

Đành rằng thế, đành rằng đã mất mát nhiều lắm và còn mất thêm nữa, nhất là đối với người tỵ nạn như chúng ta, nhưng cũng phải cố giữ lại dăm ba thứ chứ. Giữ lại Tết và pháo nhé! Không về quê hương ăn tết được thì mang quê hương theo, mang Tết theo, mang pháo theo, được chừng nào hay chừng nấy, như ta đã từng làm từ mấy chục năm nay. Dường như người Việt ở hải ngoại đã khá thành công trong việc gìn giữ một số truyền thống tốt đẹp.

Tôi nghĩ rằng phải có một nụ cười cho bài báo Xuân nên tôi đánh bạo kể lại câu chuyện sau đây. Như trên đã nói, đi học xa nhà, Tết đến, ai cũng náo nức được về quê.

Hồi đó chúng tôi trọ học tại Đại Học Xá Minh Mạng, Chợ Lớn, ngay khi cơ sở này mới thành lập được một năm. Đại Học Xá ngoài tám dãy nhà dài dành cho sinh viên cư trú, còn có bệnh xá, thư viện, câu lạc bộ, phòng tập võ, và quán cơm. Trong dịp Tết, quán cơm đóng cửa ba ngày, ba mươi tết và mồng một, mồng hai. Lý do là vì hầu hết sinh viên đều về

quê ăn Tết, kẻ đi về Lục Tỉnh, người đi ra Trung, trừ một số sinh viên Bắc di cư 1954. Nhưng ngay cả những sinh viên di cư này cũng rất hiếm người ở lại học xá trong những ngày tết; họ đến với bà con, bạn bè, ở nhiều phố tại Sài Gòn, đặc biệt là phố Lê Thánh Tôn là nơi có rất nhiều tiệm giày sang trọng do người Bắc làm chủ.

Năm ấy không hiểu vì lý do gì, N. và tôi không về quê ăn Tết. Thì cũng thấy buồn buồn dấy, nhưng, không nói ra, chúng tôi đều đồng ý ngầm rằng mình đã lớn rồi, ăn Tết ở đâu thì cũng vậy thôi, "nam nhi bốn phương là nhà". Biết chừng đâu ăn tết xa nhà cũng có cái thú của nó. Còn lại hai đứa đi chơi với nhau cũng vui chán. Ban ngày chúng tôi đèo nhau trên xe Vespa chạy quanh đây đó, xem chợ hoa Nguyễn Huệ, bát phố, hoặc ghé quán cà phê trên đường Tự Do ngồi suốt cả buổi uống từng hớp cà phê thật đậm, hút thuốc lá *Bastos* xanh hết điếu này đến điếu khác, ngắm người ta qua lại, ngắm những cặp chân dẹp, những chiếc *mini jupes* thật ngắn bó quanh những cặp dùi thật tròn. Hồi đó váy ngắn đã bắt đầu cạnh tranh ráo riết với những tà áo dài tha thướt. Muốn chiếm ưu thế, váy càng ngày càng co lại ngắn hơn. Chỉ có phái nam là thiệt thòi, muôn năm với chiếc quần dài và cái áo sơ mi. Mọi người đều có một dáng dấp lạ lạ, tôi ngẫm nghĩ và quan sát kỹ hơn, thì ra họ vội vã hơn mọi ngày chứ không "tà tà" như chúng tôi.

Buổi tối chúng tôi ai về phòng nấy, cái phòng vắng teo, sáu người ở nay còn một. Cũng thấy có lác đác dăm ba sinh viên đi lớ ngớ ở những dãy nhà khác, mỗi dãy nhà có 14 phòng, mà mấy hôm trước đó luôn luôn ồn ào, tấp nập người ra kẻ vào. Phố xá cũng vắng dần.

Cái buồn Tết xa nhà bắt đầu hiện lên nét mặt mỗi đứa, tuy chúng tôi không thú nhận cho nhau biết. Những ngày gần Tết, chúng tôi không biết làm gì, hết vào xinê thường trực Lê Lợi đến Vĩnh Lợi, trong khi trước đó bạn tôi vẫn nói Tết nhất mà rúc vào rạp chiếu bóng là cả một điều phí phạm. Phải biết thưởng xuân chứ! Ban đêm càng gần cuối năm, pháo tết càng nổ ròn, như nhắn nhủ, như trách móc, như kêu gọi, như thúc giục. Chúng tôi thấy bồn chồn cả dạ. Bạn tôi bàn đêm giao thừa mà mình ở nhà nằm suông thì nản lắm, chi bằng đi "nhảy đầm" tại câu lạc bộ Huỳnh Hữu Bạc ngay trước cổng vào phi trường Tân Sơn Nhất do Không Quân tổ chức. Không Quân rất "lả lướt", nghĩa là tổ chức dạ vũ rất hấp dẫn mà giá vé vào cửa lại không "cắt họng". Hai cô bạn gái thì đã liên lạc được, họ bằng lòng. Tôi đồng ý ngay, chúng tôi mua bốn vé. Lại bàn thêm rằng tiền hai đứa đổn lại sau khi mua bốn vé còn quá ít, mà đi với người đẹp con nhà tử tế thì mình phải "điệu nghệ", nhảy xong phải đưa người ta đi ăn khuya, đó là chưa kể mỗi cô phải có một gói quà. Tết nhất mà. Nhưng

tiền đâu? Không còn ai để mượn, chỉ có cách đi đánh xì phé để "chấy hóa", có nghĩa là kiếm thêm tiền. Chúng tôi vẫn tự cho mình đánh xì cao, nhưng thực tế có đúng như thế hay không là chuyện khác.

Kết quả, chúng tôi cháy túi.

Sáng hôm ba mươi Tết chúng tôi phải đến nhà hai cô gái trổ tài nói láo, vì chuyện "chẳng dặng dừng" nên không thể đi dự đêm khiêu vũ giao thừa. Bốn cái vé thì chúng tôi biếu mấy thằng bạn ăn tết xa nhà như chúng tôi. Trở về Đại Học Xá vắng teo đêm hôm đó, hai đứa đến ngủ chung với nhau, nằm dài bụng lép kẹp trên chiếc đi văng bằng gỗ không nệm cứng ngắt, nghêu ngao hát giết thì giờ để đợi giao thừa. Hết Đêm Đông, Ly Rượu Mừng đến Bến Xuân, Gái Xuân, rồi Tết Này Con Không Về, v.v... Chúng tôi hát dở ẹc, nhưng cũng lấp đi được một phần nào cái bầu không khí quá im lặng chưa từng thấy tại Đại Học Xá. Bài hát được hát đi hát lại nhiều lần là nhại bài Tình Nhớ của Trịnh Công Sơn mà chúng tôi không biết tên tác giả. Có lẽ cũng giống như ca dao, tục ngữ, những bài hát nhại không có tác giả, hoặc là một "công trình" tập thể tha hồ thêm bớt cho đến khi nó ổn định. Tôi muốn nói chúng tôi có thêm bớt đôi chút cho bài nhại hợp với hoàn cảnh chúng tôi hơn:

Mình ngỡ nó đôi J
Ai ngờ nó đôi xì
Mình ngỡ nó hai đôi
Ai ngờ nó ba cây
Ôi! số sao mạt rệp
Cố theo lại bị bịp
Nên tiền thua hết sạch
Khiến cuộc đời đìu hiu...

Bỗng pháo nổ đôn đập và kéo dài, hai đứa không ai bảo ai đều thôi hát, ngồi nhổm dậy nghe ngóng rồi cùng lẩm bẩm: Giao thừa! Chúng tôi mở cửa, đi ra ngoài, vắng teo, trời tối đen, lại kín đáo nhìn quanh, không biết hướng nào là quê nhà. Tiếng pháo càng lúc càng vang rền khắp nơi, rồi vang mãi trong giấc ngủ chập chờn của chúng tôi.

Hai ngày hôm sau, mồng một và mồng hai Tết, chúng tôi không có tiền để ghé quán hàng ăn uống, mà hình như tất cả các tiệm phở, hủ tíu, bún bò Huế, bún ốc, bún thang, bún chả, bánh khoai chiên, mì quảng, mì thánh, mì sợi, đều đóng cửa. Những tiệm vừa nhắc đến, vào tết năm đó, nghe sao lôi cuốn quá! Họa chăng còn vài nơi bán cháo trắng hột vịt muối suốt đêm tại chợ cá Trần Quốc Toản, hoặc tại Ngã Tư Quốc Tế, một đồng một chén cháo trắng, thêm một đồng nữa, được thêm gần một nửa hột vịt muối, thêm hai đồng, được thêm nguyên hột. Món ăn bình dân này dành

Tân Xuân
HUỲNH LIỄU NGẠN

cuối năm nhìn dám mây bay
lòng tôi con nước trôi đầy nhớ nhung
thôi em năm tận tháng cùng
mà mùa xuân đã hư không với đời
cuối năm đứng một góc trời
rồi hoài vọng cả tăm hơi thuở nào
quê người có động âm hao
mà sương khói vẫn lao dao với mình
tân xuân gửi mộng biên đình
cho sông nước được nghi tình với xuân.

cho phu dạp xích lô, những người hay đi chơi khuya, những cô gái ăn sương, vân vân... Dù cháo trắng đi nữa cũng phải "tiền trao cháo múc", mà chúng tôi không có tiền!

Những lúc bụng quá cồn cào, chúng tôi đành phải gọi là đến thăm vài ba người bạn có bố mẹ hoặc bà con ở Sài gòn. Trước kia chúng tôi không bao giờ tới thăm họ. Cũng may mắn cho chúng tôi, tuy may mắn không được bao nhiêu, vào ngày Tết khi có khách đến, chủ nhà luôn luôn dem vài món ăn ra mời như nem, chả, dùng với rượu; mứt, hạt dưa, dùng với trà. Ấy là ăn lấy hương lấy hoa, chứ đâu dám thiệt tình. Ăn uống xong mà cặp mắt cứ hau háu, dáng dấp thì cỏ vẻ muốn nấn ná ngồi thêm. Nhưng "Đi thì cũng dở, ở không xong", cuối cùng chúng tôi cũng phải miễn cưỡng đứng dậy ngập ngừng nói mấy lời chúc tụng đầu năm khách sáo, nhạt nhẽo, trước khi ra khỏi cửa. Trên đường về lại bàn thêm – chúng tôi có cái tật ưa bàn bạc và cãi cọ nhau lắm – vì tụi mình là khách "quý" nên họ không mời bánh tét, hay xôi, hay cơm nguội, cơm cháy gì cũng được, là những thứ mình đang rất thèm. Lẽ dĩ nhiên chúng tôi cũng quá thèm thuồng, quá mong ước phải chi năm nay mình đừng trở chứng để cùng anh em về hưởng cái Tết đầm ấm tại quê nhà./.

(1) *Lỗ Tấn Tuyển Tập* - Lễ Chúc Phúc - Giản Chi dịch
(2) *Đoạn Tuyệt* - Nhất Linh

Đêm trừ tịch với thi nhân Trung Quốc

Tạ-quốc-Tuấn

Đêm trừ tịch là khoảng thời gian mang lại nhiều cảm xúc, buồn nhiều hơn là vui, cho con người. Thế mà thi nhân lại là những con người đa tình, nhạy cảm nên vào đêm giao thừa dễ có những cảm xúc, những ý nghĩ mạnh hơn người thường mà họ diễn tả bằng những lời thơ, tiếng ca. Trong bài này chúng ta sẽ tìm hiểu những cảm xúc, những ý nghĩ của các thi nhân Trung-quốc có vào đêm trừ tịch.

Ngày tết là thời gian của xum họp, của đoàn tụ. Xưa cũng như nay, khi Tết đến, ngoại trừ những người vì nhiệm vụ, nhất là binh sĩ, không thể rời bỏ nhiệm sở được, ai ai dù ở đâu xa xôi, dù đang làm việc gì cũng đều ngưng nghỉ để về nhà xum họp với gia đình, cùng gia đình qua những ngày đầu năm. Nếu họ về sớm được thì hay nhất; còn nếu không thì chậm lắm là đêm trừ tịch, cho dù là đêm tối mù mịt, vắng vẻ, lạnh lẽo, mưa gió, tuyết bão, đường xá xa xôi họ cũng hăng hái về nhà

Chẳng hạn, đêm trừ tịch Khương-Quỳ (1155-1235) mới từ Thạch-hồ (tên một hồ ở tây nam huyện Ngô tỉnh Giang-tô ngày nay) đi thuyền về nhà ở Điều-khê (còn gọi là Điều-thủy, tên một con sông ở thành phố Hồ-châu tỉnh Chiết-giang ngày nay). Trong lúc đi đường, ông đã làm 10 bài thất ngôn tứ tuyệt mang nhan đề Trừ Dạ Từ Ở Thạch-hồ Qui Điều-khê (Đêm Cuối Năm Từ Thạch-hồ Trở Về Điều-khê) mà chúng tôi trích dẫn hai bài ở đây.

(bài 1)

Tế thảo xuyên sa tuyết bán tiêu,
Ngô-cung yên lãnh thủy điều điều.
Mai hoa trúc lý vô nhân kiến,
Nhất dạ xuy hương quá Thạch-kiều

(Cỏ tơ xuyên cát tuyết hơi tiêu,

Cung Ngô khói lạnh nước điều điều.
Hoa mai trong trúc nào ai thấy,
Một tối hương đưa quá Thạch-kiều.)
(bài 2)
Lạp-trạch mang mang nhạn ảnh vi,
Ngọc-phong trùng điệp hộ vân y.
Trường kiều tịch mịch xuân hàn dạ,
Chỉ hữu thi nhân nhất khả qui.
(Lạp-trạch mênh mông bóng nhạn mờ,
Ngọc-phong trùng điệp lớp vân y.
Cầu dài tịch mịch đêm xuân lạnh,
Chỉ có ghe về của khách thơ.)

Tuy nhiên, nếu như đêm trừ tịch xuống đã lâu rồi mà người lữ thứ vẫn chưa về kịp tới nhà thì người đó sẽ hết sức buồn, một cái buồn nặng nề, thấm thiết.

Đó là trường hợp của Thôi-Đồ (?-901). Trong bài Trừ Dạ Hữu Hoài (Cảm Nghĩ Đêm Trừ Tịch) ông kể rằng đêm ba mươi Tết vẫn chưa về được tới nhà, còn đang phải lang thang tại Tam Ba (1), cách xa nhà, xa những người ruột thịt hàng vạn dặm, nên đêm tối đành phải tá túc nơi quê người, trong cảnh huống chung quanh chỉ có một ngọn nến cô đơn, một người nô bộc đi theo mình là người thân, còn thì xa xa chỉ có tuyết còn sót lại.

Thiều đệ Tam Ba lộ,
Kỳ nguy vạn lý thân.
Loạn sơn tàn tuyết dạ,
Cô chúc dị hương nhân.
Tiệm dữ cốt nhục viễn,
Chuyển ư đồng bộc thân.
Nả kham chinh phiêu bạc,
Minh nhật tuế hoa tân.
(Tam Ba đường xa xôi,
Thân muôn dặm âu lo.
Tuyết đêm rơi loạn núi,
Cô đăng thân quê người.
Dần nguôi tình cốt nhục,
Cùng tôi tớ làm thân.
Chịu trôi dạt gian truân,
Ngày mai năm mới xuân.)

Đái Thúc-luân (732-789) cũng rơi vào trường hợp tương tự. Bài thơ

Trừ Dạ Túc Thạch-đầu Dịch (Đêm Trừ Tịch Trọ Tại Trạm Thạch-đầu) của ông cho thấy vào lúc đêm của một năm sắp hết mà ông vẫn còn ở cách xa nhà cả vạn dặm không tài nào về kịp nên phải ngủ tạm ở trạm dịch Thạch-đầu (tên núi ở huyện Giang-ninh và ở phía tây thành phố Nam-kinh tỉnh Giang-tô). Tệ hơn nữa là ở nơi quê người ông chỉ có một thân một mình, cả một người nô bộc bên mình như trường hợp Thôi-Đô cũng không có, và lại chẳng có ai ở trong lữ quán thăm hỏi.

Lữ quán thùy tương vấn,
Hàn đăng độc khả thân.
Nhất niên tương tận dạ,
Vạn lý vị qui nhân.
(Quán khách ai thăm hỏi,
Đèn lạnh ở kề bên.
Một năm đêm sắp hết,
Muôn dặm người chưa về.)

Trong cảnh ngộ đó, người xa nhà Đái Thúc-luân còn biết làm gì hơn là ngồi suy nghĩ vẩn vơ, buồn cho những chuyện gì đã xảy ra để mà tự cười chê cho tấm thân phiêu bạt.

Liêu lạc bi tiền sự,
Chi li tiếu thủ thân.
(Nỗi trước buồn lặng lẽ,
Vẩn vơ tự cười chê.)

Rồi ngày mai đây lại phải gặp xuân một lần nữa trong khi mình thêm một tuổi, tóc thêm bạc, da thêm nhăn.

Sầu nhan dữ suy mấn,
Minh nhật hựu tương phùng.
(Mặt sầu cùng tóc rối,
Ngày mai lại gặp xuân.)

Tuy phải xa nhà trong đêm giao thừa, có nhiều người không vì thế mà thất vọng. Họ tin rằng khi ngày mai xuân về họ sẽ thấy được những ngày tươi sáng. Một trong những người đó là Thôi-Đô, người đã có câu "Nả kham chinh phiêu bạc/Minh nhật tuế hoa tân" như chúng ta đã thấy trong một đoạn bên trên.

Ngay những người không phải lang thang nơi quê người vào lúc năm cùng tháng tận cũng chưa chắc đã vui gì hơn dù có gia đình xum họp quanh mình. Người ta vẫn có thể cảm thấy một cái buồn đau, một cái lạnh lẽo khác của một ngày tàn và đồng thời cũng là của một năm tàn.

Cái buồn đau này, cái lạnh lẽo này có thể thấy được trong bài Trừ Dạ Hữu Hoài (Cảm Nghĩ Đêm Trừ Tịch) của Mạnh Hạo-nhiên (689-740).

Trong đêm trừ tịch, suốt năm canh trường thi nhân chỉ nghe thấy tiếng đồng hồ nhỏ nước từng giọt từng giọt một như có ý muốn giục giã thời gian qua đi mau, đều đều như khí hậu bốn mùa hết đến lại đi không chút thay đổi, trong khi đó ngọn đèn bên chiếc trướng quanh mình tàn lụi dần và than trong lò đã tan thành tro, chỉ còn lại chút hơi hương.

Ngũ canh chung lậu dục tương thôi,
Tứ khí thôi thiên vãng phục hồi,
Trướng lý tàn đăng tài khứ diệm,
Lô trung hương khí tận thành hôi.
(Năm canh chuông lậu giục nhau chi,
Bốn khí đun đưa đến lại đi.
Bên trướng đèn tàn dần dần lụi,
Trong lư hương khí tận thành tro.)

Thật là một cảnh buồn thảm, lạnh lẽo, cả về thể xác lẫn tinh thần, của một năm tàn. Đồng thời nó cũng là cái thê thảm, cái lạnh lẽo của một đời người tàn, qua hình ảnh của Mạnh Hạo-nhiên khi người đó không còn được triều đình trọng dụng, trong khi chính bản thân mình lại mang nhiều bệnh tật liên miên khiến cho người càng mau già hơn mà chung quanh lại không còn bạn bè để cùng nhau tâm sự, chia xẻ nỗi niềm đắng cay, phải sống cô đơn trong lúc vạn vật điêu tàn vắng lặng diễn tả trong bài Tuế Mộ Qui Nam-sơn (Cuối Năm Về Núi Nam) mà có tài liệu viết là Tuế Mộ Qui Chung-nam sơn (Cuối Năm Về Núi Chung-nam).

Bắc khuyết hữu thướng thư,
Nam-sơn qui cố lư.
Bất tài minh chủ khí,
Đa bệnh, cố nhân sơ.
Bạch phát thôi niên lão,
Thanh dương bức tuế trừ.
Vĩnh hoài sầu bất mị,
Tùng nguyệt dạ song hư.
(Bắc-khuyết chẳng đăng thư,
Về nhà cũ Nam-sơn.
Bất tài vua không đoái,
Bệnh nhiều, bạn lảng dần.
Tóc trắng mau già tuổi,
Sắc xuân dứt năm tàn.

Ngẫm hoài buồn không ngủ,
Song vắng nguyệt chiếu thông.)

Còn Lưu Vũ-tích (772-842), tác giả bài thơ Tuế Dạ Vịnh Hoài (Đêm Cuối Năm Tỏ Tình), thì cảm thấy buồn trong đêm trừ tịch khi nghĩ lại thấy là trong năm qua đã chẳng được chút gì vừa lòng, còn các bạn hữu tương tri thì ngày một mất dần, nay chẳng còn mấy ai.

Di niên bất dắc ý,
Tân tuế hựu như hà.
Niệm tích đồng du giả,
Nhi kim hữu kỷ da.
(Suốt năm không như ý,
Năm mới lại mong gì?
Nghĩ xưa bạn tương tri,
Mà nay còn được bao?)

Cho nên ông nghi ngờ chắc gì năm mới sẽ khá hơn, bởi vì xuân năm nay đâu có khác xuân năm trước.

Xuân sắc vô tân cố,
U cư diệc kiến qua.
(Xuân sắc đâu chi mới,
U cư đã thấy qua.)

Cũng có khi cái buồn đêm giao thừa là do một nguyên nhân khác đem lại. Chẳng hạn như cái chết của người thân yêu nhất.

Nữ thi sĩ Trương Lăng-tiên (người đời Thanh, 1644-1911) sau khi chồng là Thẩm Mỗ-chi chết đã thủ tiết. Tuy quanh năm ngày tháng bận thay chồng dạy dỗ con cái cho nên người, không còn đầu óc đâu nghĩ đến việc gì khác, nhưng khi đêm trừ tịch tới, trong lúc ở mọi gia đình khác cha mẹ vợ chồng con cái xum họp đoàn tụ bên nhau thì bà lại phải một mình vò võ trong thư phòng của người chồng quá cố, trong lòng ngổn ngang trăm mối, nhớ lại hình ảnh xưa người chồng trước đèn đọc sách học thi mà nay chồng chết đã được mười năm rồi, khiến cho trong nhà lạnh lẽo, cùng với cái lạnh lẽo bên ngoài do gió tuyết thổi bay nơi núi trống. Tâm sự này đã được nữ thi nhân diễn đạt trong bài Tuế Mộ Hoài Cảm (Tưởng Nhớ Ngày Cuối Năm).

Đăng tiền khóa tử tụng vàn biên,
Bách sự oanh tâm bức tuế lan.
Tuyền lộ thập niên âm tín đoạn,
Không sơn phong tuyết nhất gia hàn.
(Bên đèn khóa tử đọc sách bài,
Ngổn ngang trăm sự cuối năm gần.
Mười năm chín suối tin tức đoạn,
Núi không mây tuyết lạnh một nhà.)

Cái buồn đó cũng có thể là vì xuân đến đem lại cho mỗi người thêm một tuổi. Đó là định luật bất biến mà con người không sao thoát khỏi. Vương-Kiến (751-835), trong bài thơ Tuế Vãn Tự Cảm (Cuối Năm Cảm Nỗi Mình), than rằng người ta muốn mãi mãi trẻ trung, mà sao mở cửa ra thì chỉ thấy toàn là tóc bạc. Từ trước đến nay quyết phá tan sầu, mà sầu không hết, dù cho lẩn tránh khắp trăm phương, cái già vẫn cứ đến.

Nhân giai dục đắc trường niên thiếu,
Vô ná bài môn bạch phát thôi.
Nhất hướng phá trừ sầu bất tận,
Bách phương hồi tị lão tu lai.
(Ai ai cũng muốn trẻ trung mãi,
Mở cửa sao thấy toàn tóc sương.
Trước nay phá trừ sầu không hết,
Trăm phương xa lánh vẫn cứ già.)

Trong đêm trừ tịch người ta còn có thể nhớ lại những việc mình đã làm trong quá khứ. Thí dụ, trong bài thơ Trừ Tịch, Trịnh Sầu-dư (s. 1933) kể lại những chuyện ông đã viết trước năm 1953 nhưng không đưa ra một nhận xét hay phê bình, mà chỉ kể để mà kể thôi. Ngụ ý của bài thơ để tùy độc giả nhận định.

Thập cửu cá giáo đường tháp thượng dích ngũ thập tứ chích chung hưởng triệt giá tiểu trấn,
Giá nhất niên đại nãi tương tàn dục chi kim dương oanh oanh liệt thăng khởi,
Nhi uy lạc liễu đích nhất cửu ngũ tam niên đích tiểu hoa,
Cận lưu hương khí ư ngã để tiên thượng.
Giá thời, ngã ái tả nhất ta vãng sự liễu:
Nhất chích oa ngưu chi tưởng trưởng sí bàng;

Oai bột tử thạch nhân chi học tập thuyết hoang,
Hòa nhất chích ma tước đích hàm tiếu đích tử;
Dữ hồ ngã bả thoại mai hạch nhi thác trịch ư kim ngư hang lý đích sự.
(Năm mươi tư chiếc chuông trên tháp mười chín giáo đường vang vọng lên khắp tiểu trấn này,
Niên đại này thật giống như mặt trời vàng mới tắm đang rầm rộ bay lên
Nhưng những bông hoa nhỏ năm một chín năm ba đã khô héo
Chỉ lưu mùi thơm trên giấy hoa tiên tôi.
Thuở đó, tôi thích viết rất nhiều chuyện đã qua:
Một con ốc sên lại muốn mọc thêm cánh;
Tên ngu ngốc say sưa học tập nói dối,
Cùng một con chim sẻ chết vẫn hé môi cười
Và tôi đem quăng chuyện hạt mai lẫn lộn vào với chuyện cá vàng trong lu nước)

Hoặc cũng có thể là trong đêm trừ tịch người ta chẳng nhớ gì, chẳng nghĩ gì đến những việc mình đã làm hay những việc đã xảy ra cho mình hay cho xã hội trong năm qua mà chỉ đem tâm trí nhận xét những gì hiện đang xảy ra trong giờ phút giao thừa. Chúng ta hãy lấy bài thơ Trừ Tịch Thập Tứ Hàng (Đêm Trừ Tịch Mười Bốn Giòng) của Lạc-Phu (s. 1928) làm thí dụ.

Huyên hiêu chi hậu
Vãng vãng thị nhất tứ ý diên trường đích chiến âm
Đẩu đắc song ngoại đích dăng hỏa hốt minh hốt diệt
Một hữu thậm ma tỉ tử giả cánh đổng đắc hưởng thụ an tịnh
Ngẫu nhi đình điện dã hữu mỗ tá hảo xứ
Thí như thuyết
Nhất giá phi hành khí tùng ốc đỉnh bào hao nhi quá
Tựu bất trí dẫn khởi tâm tình phiền táo, tình dục sậu giảm
Trị thử tuế mộ, tịnh tựu hảo, giá dạng tựu hảo
Như bất oản tích tạc nhật chi thệ
Kim nhật chi khứ
Nhi bả thái dương dữ phong tuyết đích quyết đấu
Đính ư hân nhật
Na tựu cánh hảo liễu
(Sau hồi rầm rĩ
Thường thường có một âm rung động mặc sức kéo dài

Đèn đóm lập lòe ngoài cửa sổ chợt sáng chợt tắt
Không có gì so sánh với kẻ chết lại biết hưởng thụ yên tịnh
Điện ngẫu nhiên tắt cũng có rất nhiều chỗ hay
Thí dụ như
Một chiếc phi cơ từ trên nóc nhà gầm hét bay qua
Không đến nỗi làm cho tâm tình rối loạn, ham muốn chợt giảm
Đúng lúc năm cùng, tĩnh cũng tốt, thế này cũng tốt
Như không oán tiếc hôm qua không lại
Hôm nay lại đi
Mà đem thái dương và gió tuyết quyết đấu
Làm ngày hửng sáng
Như vậy lại càng tốt.)

Nói tóm lại, đa số các bài thơ trừ tịch của các thi sĩ Trung-quốc đều đượm vẻ u buồn, tiếc nhớ, hay thất vọng. Đó là bởi vì đêm trừ tịch là đêm cuối cùng của một năm, đêm đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp từ năm cũ sang năm mới. Trong khoảng thời gian này, người ta thường tưởng nhớ đến quá khứ mà họ không cách nào giữ lại hay kéo lại được. Trong thời gian này người ta cũng thường "tính sổ cuối năm", ôn lại các kỷ niệm, các việc đã làm hay những sự đã xảy ra cho mình, cho những người thân yêu của mình, để rồi luyến tiếc, để rồi nhớ nhung. Chúng tôi rất tiếc chưa kiếm được bài thơ trừ tịch nào, xưa cũng như nay, mang một vẻ vui tươi hay bầy tỏ hy vọng, dù chỉ là chút ít.

Chú Thích

(1) Tức Ba-quận (ở đông bộ tỉnh Tứ-xuyên, nay là vùng đất hai huyện Trung và Điêm-giang), Ba-đông (vùng nay là các huyện Phụ-tiết, Vân-dương và Vu-sơn) và Ba-tây (vùng đất ở phía tây huyện Lăng-tây ngày nay).

Năm Ngọ nói chuyện về

Hình ảnh con ngựa trong Truyện Kiều

Nguyễn Quảng Tuân

Trong *Truyện Kiều*, từ *ngựa* đã được dùng 13 lần trong 12 câu sau đây:

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm (c.48)

Dấu xe *ngựa* đã rêu lờ mờ xanh (c.72)

Tuyết in sắc *ngựa* câu giòn (c.139)

Khách đà xuống *ngựa* tới nơi tự tình (c.142)

Khách đà lên *ngựa* người còn ghé theo (c. 168)

Rằng: "Ta có *ngựa* truy phong" (c.1107)

Song song *ngựa* trước *ngựa* sau một đoàn (c.1118)

Người lên *ngựa*, kẻ chia bào (c.1519)

Vực ngay lên *ngựa* tức thì (c.1647)

Thanh gươm yên *ngựa* lên đường thẳng rong (c.2216)

Từ công ra *ngựa* thân nghênh cửa ngoài (c.2272)

Sắm sanh xe *ngựa* vội vàng (c.2951)

Sở dĩ có 13 từ ngựa vì ở câu 1118 từ ấy được dùng tới hai lần.

Chúng ta thấy cũng có chỗ Nguyễn Du đã không dùng từ *ngựa* mà lại dùng từ *câu* để chỉ con ngựa non, đương có sức mạnh chạy được đường dài như ở ba câu:

Vó *câu* khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh (c.870)

Vó *câu* thẳng ruổi nước non quê người (c.1602)

Roi *câu* vừa gióng dặm trường (c.1605)

Lại có chỗ Nguyễn Du không dùng từ *ngựa* hay từ *câu* mà chúng ta cũng thấy được hình ảnh con ngựa như ở bốn câu:

Buộc *yên* quảy gánh vội vàng (c.563)

Trước *yên* ông đã nằn nì thấp cao (c.896)

Cỗi *yên* dã thấy xuân đường đến nơi (c.1388)

Sinh đà về đến lầu hồng xuống *yên* (c.1568)

Từ *yên* đã gợi cho ta nghĩ ngay đến cái yên ngựa và *xuống yên* có thể hiểu là xuống ngựa.

Qua các câu thơ ấy, chúng ta thấy ngày xưa người ta thường dùng ngựa hoặc xe ngựa để đi xa nên trong *Truyện Kiều* cũng có những câu nói đến *xe ngựa*:

Dấu *xe ngựa* đã rêu lờ mờ xanh (c.72)

Sám sanh *xe ngựa* vội vàng (c.2951)

Lại cũng có những câu Nguyễn Du chỉ cùng chữ *xe* nhưng chúng ta cũng có thể đoán biết đó là *xe ngựa* như ở các câu:

Mé ngoài nghỉ đã giục liền ruổi *xe* (c. 894)

Một *xe* trong cõi hồng trần như bay (c.908)

Xe châu dừng bánh cửa ngoài (c. 921)

Trước *xe* lơi lả han chào (c. 925)

Cả bốn câu này đều là nói về chiếc *xe ngựa* mà Mã Giám Sinh đã dùng để đưa Thúy Kiều về Lâm Truy.

Chiếc xe ấy ở những đoạn đường xấu thì đã được Nguyễn Du tả là:

Vó câu khấp khểnh, bánh *xe* gập ghềnh (c.870)

và ở những đoạn đường tốt thì đã được tả là:

Một *xe* trong cõi hồng trần như bay (c.908)

Chiếc xe ngựa cũng có khi được Nguyễn Du gọi là *xe châu* hoặc *xe hương* để chỉ cái xe của người phụ nữ giàu sang ngồi như trong câu 1606:

Xe hương nàng cũng thuận dường qui ninh.

Nhưng *ngựa* và *xe* hồi xưa cũng làm gì nhiều như Nguyễn Du đã tả:

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm (c.48)

Người ta thường chỉ dùng *ngựa* nếu có dịp phải đi xa và phải tìm loại *ngựa cáu* cho dù sức chạy trên những chặng đường dài hoặc nếu muốn chạy cho thật mau thì phải kiếm loại *ngựa trung phong* như Sở Khanh đã dùng để đưa Thúy Kiều đi trốn. Thúy Kiều mà dám cưỡi ngựa thì cũng lạ thật! Vô lý hơn nữa là đã đi trốn mà còn:

Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.

và trong nguyên truyện còn có "tên phu ngựa vác một cái tán đi kèm" nữa!

Nguyên truyện lại kể: "... Đi mãi đến lúc trời sắp rạng đông, chợt nghe phía sau có tiếng hò hét. Thúy Kiều đoán biết có sự chẳng lành hỏi Sở Khanh rằng: Phía sau có tiếng huyên náo, nhất định là họ đuổi theo chúng ta, thế là chàng đã làm hại ta đó.

Sở Khanh đáp: "Được, nàng cứ yên tâm, ta sẽ đối phó, thử xem bọn chúng đám giở trò gì?"

Nói xong, chàng bèn quay ngựa trở lại. Thúy Kiều thấy chàng quay lại phía sau thì cũng dừng ngựa bên đường để đợi..."

Nhưng rồi Sở Khanh đã quất ngựa truy phong và cụm từ "quất ngựa truy phong" sau đã có nghĩa là chạy trốn, bỏ trốn.

Thật đáng buồn cho Thúy Kiều đã bị Sở Khanh lừa, chẳng bù với những người như Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải đã yêu nàng rất mực.

Kim Trọng đã gặp nàng trong một buổi đi du xuân cưỡi trên một con ngựa bạch:

Lỏng buông tay khấu, bước lần dặm băng
Để huề lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con.

Nguyễn Du còn tả rõ con ngựa ấy là một con ngựa câu:

Tuyết in sắc ngựa câu giòn

Khi chàng Kim nhác trông thấy chị em Thúy Kiều thì vội xuống ngựa, lấy cớ quen với Vương Quan để lại gặp.

Nguyễn Du đã tả Kim Trọng:

Hài văn lần bước dặm xanh.
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Chúng ta thấy chàng Kim thật có cái phong cách tao nhã chẳng kém gì Vương Diễn nên Nguyễn Du đã mượn để tả cái cảnh đẹp cao quí của một bậc ngoài cõi phong trần khiến cho Chu Mạnh Trinh đã khéo phụ họa thêm rằng:

Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình.

Cái sóng tình ấy của chàng Kim đã làm cho:

Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa.

Chàng Kim thực đúng là một bậc "hào hoa" khiến cho hai chị em Thúy Kiều vừa mới trông thấy nẻo xa mà:

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

và đến khi:

Khách đà lên ngựa...

thì:... *người còn ghé theo.*

Cảnh Thúy Kiều gặp Kim Trọng đã được Nguyễn Du lồng trong một khung cảnh thật nên thơ.

Nhưng cũng éo le thay, cuộc gặp mặt ấy vừa mới đưa hai người đi đến chỗ hò hẹn thề nguyền với nhau thì "đã sầu chia phôi" ngay.

Chàng Kim phải về Liêu Dương hộ tang chú. Thúy Kiều buồn bã đưa tiễn chàng lên đường. Ở đây chúng ta thấy Nguyễn Du đã không tả con ngựa mà chúng ta cũng thấy được cảnh Kim Trọng lên ngựa ra đi:

Buộc yên quảy gánh vội vàng

Mối sầu sẻ nửa, bước đàng chia hai.
(c.563-564)

Nguyễn Du đã rất tâm lý tả cảnh chia ly vội vàng ấy của đôi tình nhân mới thệ ước với nhau nên đã không có cái cảnh bịn rịn đầy lưu luyến như khi Thúy Kiều đã lấy Thúc Sinh sau này.

Hai vợ chồng còn cứ:

Cầm tay dài ngắn thở than.
Chia phôi ngưng chén, hợp tan nghẹn lời.
(c.1503-1504)

Mãi đến khi Thúc Sinh lên ngựa rồi mà Thúy Kiều còn cố níu lấy áo chưa chịu buông ra như Nguyễn Du đã tả:

Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
(c.1519-1522)

Trong cuộc đời lưu lạc của mình, Thúy Kiều còn có lần đưa tiễn Từ Hải lên đường lập chí lớn nhưng cuộc chia ly này không nặng nề sầu thương như hai cuộc chia ly trước mà Từ Hải đã:

Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió mây bằng đã đến kỳ dặm khơi.
(c.2229-2230)

và đã oai hùng:

Trông vời trời bể mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.
(c.2215-2216)

Cho đến khi thành công "nghênh ngang một cõi biên thùy" và "triều đình riêng một góc trời" thì Từ Hải cho quân về Thai Châu đón Thúy Kiều. Có thể nói, trong cuộc đời Thúy Kiều, giờ phút được rước trên kiệu loan vu qui có cờ trống dàn sáo, về tới đại doanh có súng chào mà còn được:

Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài.
(c.2272)

thì tưởng không có gì vinh dự cho bằng!

Chúng tôi xin lấy cái cảnh Từ Hải "cân đai rỡ mình" ra tận ngoài cửa đại doanh để đón Thúy Kiều làm hình ảnh cuối cùng kết thúc cho bài viết về "con ngựa trong Truyện Kiều."./.

Ngày 11 tháng Chín

Tản mạn

Trần Doãn Nho

* Trong cái thế giới đang trồi lên của xung đột chủng tộc và đụng độ văn minh, niềm tin của người Tây phương vào tính phổ quát của văn hóa Tây phương gánh chịu ba nan đề: nó sai lầm, nó vô luân và nó nguy hiểm (In the emerging world of ethnic conflict and civilizational clash, Western belief in the universality of Western culture suffers three problems: it is false, it is immoral, and it is dangerous)

* Những nhà phê bình cho rằng Hoa Kỳ là một dối trá bởi vì thực tế của nó quá khác xa với lý tưởng của nó. Họ lầm. Hoa Kỳ không phải là một dối trá; nó là một tuyệt vọng. Nhưng nó có thể là một tuyệt vọng chỉ bởi vì nó cũng là một hy vọng (Critics say that America is a lie because its reality falls so far short of its ideals. *They are wrong. America is not a lie; it is a disappointment. But it can be a disappointment only because it is also a hope)*

SAMUEL PHILLIPS HUNTINGTON

1.

Không hiểu sao, mỗi lần nhớ lại biến cố 11/9, hình ảnh chiếc máy bay từ từ đâm vào tòa nhà World Trade Center xuất hiện trong tôi bằng hình ảnh một trò chơi *game* điện tử. Hình ảnh của cả tòa nhà sụp xuống cũng thế. Như *game*. Như một xảo thuật điện ảnh. Như một trò chơi trẻ con. Hơn thế nữa, như một chuyện cổ tích. Hai tòa nhà chọc trời hiên ngang, sừng sững vươn mình như một niềm kiêu hãnh thiên cổ của Hoa Kỳ, đùng một cái, biến mất. Cuối tháng 10 rồi, đi ngang qua đó, không muốn vào. Chỉ nhìn thôi, từ xa, từ ngoài *highway*. New York vẫn thế với những nhà cao tầng chen chúc. Những hộp người. Những hộp dịch vụ. Empire State Building đó, cũ kỹ và vẫn ngạo nghễ. Tượng Nữ Thần Tự Do

đó, lặng lẽ nhìn biển cả mênh mông, ngẩn ngơ, lẻ bạn. New York chật ních người, chật ních việc, nhưng vừa thừa một khoảng trống. Một khoảng trống buồn...

Mười năm qua, những tiến bộ thần kỳ của ngành điện tử càng ngày càng biến *cái ảo* thành *cái thực*. Ngày 11/9, ngược lại, biến *cái thực* thành *cái ảo*. Cho đến giờ này, sau khi đã nghe biết bao nhiêu điều liên hệ đến biến cố rồi, mà cảm giác đó trong tôi vẫn nguyên như thế. Không đổi. Vẫn là một *cảnh ảo*. Vẫn là một xảo thuật. Vẫn là một chuyện cổ tích. Cảm giác kinh hoàng, đau đớn được thay thế bằng cảm giác ngẩn ngơ và một đầu óc...*vô niệm*. Chúng ta, những người đã từng sống trong cảnh bom rơi đạn lạc, giữa chiến trường đổ máu hay những ngày Mậu Thân kinh hoàng với *xác người nằm trôi sông, trôi trên ruộng đồng, trên nóc nhà thành phố*, với những hầm chôn tập thể, đã quá quen với chết chóc và tàn phá. Lần này, nỗi kinh hoàng không phải chỉ là từ sự đổ nát, không phải từ con số hàng ngàn người bị chôn vùi dưới đống gạch vụn, mà là kinh hoàng vì sự cực kỳ đơn giản của hành động khủng bố. Cực kỳ đơn giản trong cái cực kỳ tinh vi của nó, đưa đến một hậu quả bội phần khủng khiếp. Chỉ trừ tác giả của vụ tấn công, có thể trí tưởng tượng của con người chưa vươn tới được một sự kiện như thế. Ngay cả nhà văn nổi tiếng Hoa Kỳ về những chuyện giả tưởng Tom Clancy, tác giả của hai bộ truyện rất ăn khách "Debt of Honor" và "Executive Orders" - một cuốn kể chuyện một máy bay cảm tử đâm vào tòa nhà Quốc hội Capitol giết chết tổng thống, toàn thể quốc hội, nội các và các quan tòa Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ (Debt of Honor), và cuốn kia kể chuyện một lãnh tụ Hồi giáo tổ chức tấn công khủng bố chống "The Great Satan" bằng bom nguyên tử của nhà nghèo, tức là vũ khí vi trùng (Executive Orders) - cũng thú nhận là, với ngày 11/9, sự thật đã vượt qua trí tưởng tượng con người, ngay cả những tưởng tượng kỳ quái nhất. Truyện giả tưởng Clancy, dù sao, cũng mới dừng ngang ở chỗ *hư cấu*. Ngày 11/9 là *siêu hư cấu*!

Francois Heisbourg(1) gọi loại khủng bố mới này là "siêu khủng bố" (superterrorism), đối đầu với "cường quốc siêu đẳng" Hoa Kỳ (hyper-puissance). Nhiều năm trước đây, Walter Laqueur đã đặt tên cho chủ nghĩa khủng bố trong thế giới hiện đại là "postmodern terrorism" (2), khủng bố hậu hiện đại. Còn William Saletan (3) gọi loại khủng bố này là "human terror". Theo Saletan, liên tiếp nhiều năm, những chính khách, những nhà chiến lược, chuyên gia và tướng lãnh quân đội Hoa Kỳ, đã bao phen cãi nhau về cái gọi là "National Missile System". Những người ủng hộ chương trình cho rằng Hoa Kỳ không có hệ thống bảo vệ những thành phố khỏi bị tấn công bởi hỏa tiễn. Những kẻ chống đối thì cho rằng một

hệ thống như thế, nếu có, cũng không ngăn được những kẻ khủng bố mang những trái bom "suitcase" (bom đựng trong "va-li") vào Hoa Kỳ. Cả hai đều sai. Những kẻ khủng bố kiểu mới không cần hỏa tiễn, chẳng cần bom, cũng không cần "suitcase". Họ chỉ cần một cái bằng lái xe, Saletan nói. Phương tiện di chuyển đã có Hoa Kỳ cung cấp: những chuyến bay thương mại. Chất nổ cũng do Hoa Kỳ cung cấp: một bình máy bay chứa đầy nhiên liệu. Tất cả cái họ cần thì rất đơn giản: một ít người biết lái máy bay thương mại và sẵn sàng chịu chết. Khủng bố mới là loại khủng bố ở ngay trong nhà mình và biết biến những vật dụng bình thường của mình thành vũ khí, dùng chúng để giết công dân Hoa Kỳ. Điều khôi hài là những dụng cụ này không có ai, dù thông minh, cẩn trọng đến đâu, dù có óc tưởng tượng thần kỳ đến mức nào, nghĩ rằng chúng có thể trở thành vũ khí. Ngay cả dù hiện nay đã trải qua biến cố 11/9 rồi, không ai trong chúng ta dám tự hào có thể đoán được những vật dụng nào sẽ có thể được biến thành vũ khí giết người hàng loạt trong tương lai, gần hay xa. Điều kinh hoàng còn ở chỗ: *có những người mà ý chí tự sát đạt đến trình độ cao nhất*. Họ chuẩn bị cái chết của chính mình một cách tỉnh táo, bền bỉ, và vô cùng ngoan mục. Một trong những tay không tặc, Mohamed Atta, một ngày trước 11/9, đã viết thư cho người yêu ở Đức, bảo rằng anh ta rất vinh dự được chết và cho biết thế giới sẽ chứng kiến những thay đổi vĩ đại như thế nào.

Ngày 12/11, New York lại hứng chịu thêm một thảm kịch mới: một chiếc máy bay của hãng hàng không Hoa Kỳ American Airlines rớt tại Queens, khi vừa cất cánh khỏi phi trường JFK chừng ít phút. Khi bản tin được loan báo, cả Hoa Kỳ nghẹt thở theo dõi. Cả thế giới cũng nghẹt thở theo dõi. Thị trường chứng khoán vừa mở cửa, khựng lại. Các chỉ số Dow Jones , Nasdad...tuột dốc. Mọi người, không ai bảo ai, sững sờ tự hỏi: một vụ không tặc tự sát mới khi Hoa Kỳ đã được đặt trong tình trạng phòng ngự vô cùng nghiêm ngặt với bao nhiêu thứ báo động thường xuyên lớn, nhỏ hay sao?

Sau một ngày căng thẳng, cả thế giới thở phào nhẹ nhõm khi được biết: vụ rớt máy bay chỉ là một tai nạn (chẳng biết có phải là do chính phủ khôn khéo giấu giếm hay không) đồng thời Hoa Kỳ vừa đạt được thắng lợi tại Afghanistan: lực lượng đối lập vừa chiếm được thủ đô Kabul. Các chỉ số Dow Jones, Nasdad...lên vùn vụn. Nỗi đau vì tai nạn hoàn toàn bị lấn át bởi niềm vui, niềm hân hoan vì vụ việc không do khủng bố. Một điều khôi hài mới lại xảy ra: chỉ trừ thân nhân những người xấu số, dường như người ta nhanh chóng quên mất hai trăm mấy chục người chết trong vụ rớt máy bay.

Tuy thế, cảm giác phập phồng, lo lắng về những ngày sắp tới vẫn còn tồn tại trong mỗi người. Hình thức khủng bố mới này thiên hình vạn trạng, không một biện pháp đề phòng nào, dù chặt chẽ và tốn kém đến đâu, có thể bảo đảm an toàn trăm phần trăm.

Khủng bố vẫn như lưỡi gươm Démoclès treo trên đầu Hoa Kỳ.

2.

Hậu quả trước tiên có tính chất sâu xa và dài lâu nhất sau 11/9 là sự tổn thương về mặt tinh thần của người dân Hoa Kỳ. Niềm kiêu hãnh, tự hào của Hoa Kỳ bị đánh một đòn chí tử. Cả một xứ sở hùng mạnh tưởng chừng như bất khả xâm phạm ấy bỗng nhiên bị trúng đạn ngay tại những điểm mạnh nhất và cũng nhạy cảm nhất của nó: Ngũ Giác Đài và Trung Tâm Thương Mại Thế Giới và may không thôi thì luôn cả Tòa Bạch ốc. Người ta bỗng nhận ra ngay là anh khổng lồ này hóa ra rất dễ bị tổn thương. Một cụm từ mới phát sinh: "vulnérabilité américaine" - "American vulnerability" (tính dễ tổn thương của Hoa Kỳ). Suốt mấy chục năm, cả khối Cộng Sản tổ chức chặt chẽ với bom đạn, hỏa tiễn hùng hậu không hề làm rụng một sợi lông chân của Hoa Kỳ, thế mà chỉ cần một nhúm người không vũ trang, chịu hy sinh thân mạng, có thể làm rúng động đến tận nền tảng của Hoa Kỳ, đảo lộn hoàn toàn "giấc mơ Mỹ". Ronald Tiersky, giáo sư chính trị học ở đại học Emherst (Hoa Kỳ), cho rằng biến cố đó "gây nên một chuyển đổi căn bản những điều kiện của chiến tranh". Nó chứng minh rằng, không cần sử dụng đến các vũ khí có tính tàn sát tập thể, một kẻ yếu cũng có thể gây nên những thiệt hại không tưởng tượng nổi cho kẻ mạnh, bằng những phương tiện thông thường, thậm chí tầm thường nhất (4). Nó cho thấy dự án quốc phòng chống hỏa tiễn của chính quyền Bush, trong phút chốc, trở thành không thực tiễn, nếu không muốn nói là vô dụng.

Lần đầu tiên, Hoa Kỳ bị đặt trong thế thủ. Đùng một cái, người Mỹ cảm thấy tham vọng của họ thu nhỏ lại. Vị thế của một kẻ chuyên môn đi ban phát ân huệ và cứu vớt những dân tộc khác bỗng có cơ lật ngược. Họ chân thành nói đến mấy chữ "bảo vệ quê hương" (homeland defense). Lòng yêu nước được đề cao hàng ngày trên các hệ thống truyền thông. Họ treo cờ. Treo trong nhà, ngoài nhà, treo trong xe, ngoài xe, gắn trước ngực. Các đường phố, cửa tiệm toàn cờ là cờ. Họ cảm thấy bất an, yếu đuối. Họ thắp nến cầu nguyện, đi nhà thờ cầu nguyện. Lần đầu tiên, họ cảm thấy cái bi thiết của một nạn nhân, một kẻ thua cuộc. Nhìn họ nghiêm chỉnh treo cờ, nghiêm chỉnh hát quốc ca, thắp nến cầu nguyện, ta sẽ thấy hết nỗi xúc động của họ sâu xa và thành thật biết chừng nào. Họ bỗng trở

nên yêu thơ. Họ trích thơ, làm thơ, *email* cho nhau thơ, dán thơ lên bến xe, trong công viên, tại trạm xe bus - toàn là những bài thơ nói về thảm kịch, về sự đau thương, mất mát, đổ vỡ. Họ đột nhiên bị kéo về đời thường với những ước mơ bình thường, khiêm tốn. Những mốt miết cầu kỳ hậu hiện đại - sản phẩm của những lúc bình an và đời sống vật chất thừa thãi - đột nhiên biến mất. Bi kịch kéo họ từ trên trời hạ xuống trần gian.

Nhà giàu đứt tay bằng ăn mày đổ ruột. Lần này, họ vừa đứt tay vừa đổ ruột luôn. Tổng thống Bush gọi hành vi khủng bố này là hèn nhát (cowardly). Đó là ông nói trong tư thế của một lãnh tụ quốc gia. Thực sự trong thâm tâm, người Mỹ hãi hùng: tại sao có người chọn cái chết một cách bình thản dường ấy? Tại sao những kẻ khủng bố không sợ chết, trong lúc chỉ cần một giọt máu chảy là đã làm cho họ cảm thấy kinh khiếp.

Biến cố 11/9 thành ra một điểm phân chia giữa hai thời kỳ lịch sử. Người ta nói đến "tiền-11/9" và "hậu-11/9". Nó có nghĩa trên nhiều phương diện khác nhau: chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa...Nhà văn William Hazelgrove, thuộc viện "Ernest Hemingway Foundation", người đứng ra tổ chức dự án "The Author Project" thực hiện tuyển tập "For our Fallen Countrymen" tưởng niệm thảm kịch 11/9, phát biểu: "Tôi cảm thấy như đang sống ở một giai đoạn khác. Có cuộc sống trước 11/9 và cuộc sống sau 11/9".

3.

Chủ nghĩa khủng bố không phải là điều gì mới mẻ trong lịch sử nhân loại. Ngay từ cuối thế kỷ thứ 19, các nhà nước quân chủ Âu châu đã phải đối phó với những hoạt động khủng bố. Chủ yếu là những vụ ám sát các nhân vật có thế lực của các nhà cầm quyền đương thời. Chủ nghĩa khủng bố xuất phát từ một lý thuyết mới phát sinh vào thời đó: vô chính phủ (anarchism). Các hành động khủng bố thường diễn ra đơn lẻ hoặc trong một vài nhóm "anarchists" rất nhỏ, không liên tục. Rồi lần lượt trong thế kỷ 20, ta chứng kiến những kẻ khủng bố tả khuynh, hữu khuynh và mới đây là những kẻ khủng bố có xu hướng chủng tộc hay ly khai hoặc cả hai gọi là "ethnic-separatists". Khác với loại khủng bố thế kỷ 19, chủ nghĩa khủng bố càng ngày càng phát triển về chất lượng, tổ chức và tầm mức, trở thành những lực lượng, không những chỉ nhằm phá hoại mà là tiến đến lật đổ các nhà cầm quyền. Khủng bố trở thành công cụ của các tổ chức hay phong trào chính trị như Muslim Brotherhood, Palestinian Hamas (ở Palestine), Irish Republican Army (Ái Nhĩ Lan), Kurdish Extremist (Iraq và Thổ Nhĩ Kỳ), Tamil Tigers (Sri Lanka), Basque Homeland and Liberty (Tây Ban Nha). Ngoài ra, các đảng Cộng Sản, trong những cuộc chiến

tranh lật đổ, cũng sử dụng tối đa các hình thức khủng bố.

Nhưng nói chung, tất cả các hình thức khủng bố trên đều có tính địa phương, giới hạn trong một vùng hay một quốc gia, giới hạn về mục tiêu cũng như về thời gian.

Biến cố 11/9 gây ra bởi một loại khủng bố hoàn toàn mới với tầm mức lớn hơn nhiều. Loại khủng bố này không quốc gia, không chính phủ, không tên tuổi (hay giấu tên tuổi). Việc tiến công đồng loạt vào những nơi có tính biểu tượng của Hoa Kỳ cho thấy mục tiêu của nó rộng lớn và lâu dài. Những kẻ chủ trương không chỉ nhằm trừng trị, trả thù hay đánh đổ một chính phủ, một chính sách nào đó, mà là nhằm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của nền chính trị (và qua đó, quân sự, kinh tế, văn hóa...) toàn cầu. Trước hết, nó nhằm đánh sụp Hoa Kỳ không chỉ với tư cách là một quốc gia, mà còn với tư cách của một biểu tượng, biểu tượng cho một nền văn minh. Nó đánh vào một hệ thống mà Hoa Kỳ là đầu não. Chẳng thế mà, với những lần khủng bố trước đây nhắm vào các cơ sở kinh tế, ngoại giao quân sự của Hoa Kỳ ở nước ngoài, hầu hết các nước Âu châu biểu lộ một thái độ gần như bàng quan, thậm chí tỏ ra - dù không hoàn toàn công khai - hí hửng, vì một Hoa Kỳ kiêu ngạo bị sửa lưng cho bõ ghét. Lần này, họ - không những các chính phủ, mà còn dư luận, các cơ quan truyền thông và các phe nhóm đối lập - bày tỏ một sự hoảng hốt, khủng khiếp thấy rõ y như chính nước họ bị tấn công. Ta hãy đọc một trích đoạn tiêu biểu dưới đây trên tờ "Le monde" (Pháp) (5) hai ngày sau ngày khủng bố:

" Trong tình hình bi thảm hiện nay khi mà chữ nghĩa có vẻ chẳng đủ sức nói lên được hết nỗi xúc động của mỗi người, cái đầu tiên đến ngay trong đầu óc là điều này: tất cả chúng ta đều là người Mỹ (Nous sommes tous américains!). Tất cả chúng ta đều là người New York, cũng như tổng thống John F. Kennedy đã từng tuyên bố vào năm 1962 ở dưới chân bức tường Bá Linh "tất cả chúng ta đều là người Bá Linh" vậy. Giống như vào những lúc nguy nan nhất của lịch sử chúng ta, làm sao mà chúng ta không cảm thấy liên đới một cách sâu xa với dân tộc này và xứ sở này, xứ sở Hoa Kỳ, xứ sở mà chúng ta quá gần gũi và xứ sở mà chúng ta nợ hai chữ tự do, và do đó, nợ tình liên đới".

Cũng nên biết rằng "Le monde" (cũng như nhiều tờ báo lớn ở Pháp) thường không mấy ưa người Mỹ và không bỏ lỡ cơ hội nào để chỉ trích các chính sách của chính phủ Hoa Kỳ, nhất là trong những vụ như vụ "impeachment" năm 1999 hay vụ bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2000.

Theo "Le monde", ngày 11/9 đánh dấu sự khởi đầu một kỷ nguyên mới. Siêu cường đơn độc Hoa Kỳ đã tìm ra đối thủ, đó là chủ nghĩa khủng bố kiểu mới. Sau khi Liên Xô sụp đổ, thế giới dường như mất cân bằng,

thiếu đối trọng, trông có vẻ ổn định, nhưng nguy hiểm. Hoa Kỳ, trong sự cô đơn với cái siêu mạnh của mình, không còn hấp dẫn được người ta theo mình nữa (như hồi còn chiến tranh lạnh), ngược lại càng ngày càng hứng chịu sự thù ghét từ nhiều phía. Rất dễ hiểu: cái gì trông Hoa Kỳ cũng có vẻ độc quyền, từ quân sự đến kinh tế, văn hóa và các thứ linh tinh khác. Vốn đã nghênh ngang, anh chàng Đông Phương Bất Bại này càng nghênh ngang hơn và do đó càng...cô đơn. Bởi thế, loại khủng bố mới này như một sức mạnh man dã mới (nouvelle barbarie), tuân theo một thứ luận lý man dã (logique barbare), một loại hư vô chủ nghĩa kiểu mới không kiểm soát, trở thành một đối lực. Nó tạo ra hậu quả đôi, một mặt, giúp làm quân bình cái thế độc quyền của Hoa Kỳ, nhưng mặt khác, do tính tùy tiện, nó đâm ra còn nguy hại hơn cả sự độc quyền. Những phương tiện kỹ thuật mới lại càng làm cho nó đi xa hơn mục tiêu đầu tiên của nó, chẳng hạn như dự tính của nhóm Bin Laden muốn chế tạo loại bom nguyên tử bẩn (dirty bombs).

"Le monde" kết luận: *"Voilà pourquoi, aujourd'hui, nous sommes tous américains!"* - đó là lý do tại sao hôm nay, tất cả chúng ta đều là người Mỹ!

4.

Tôi tự hỏi: giả sử như, vì vậy, Hoa Kỳ (như ta vẫn biết hiện nay) bỗng nhiên biến mất, thì sao? Tất nhiên, điều đầu tiên là thế giới sẽ không còn được dịp trông thấy những điều "chướng tai gai mắt" mà Hoa Kỳ thường làm nữa, như hôm nay dọa đánh nước này, mai kia dọa cấm vận nước khác; sẽ chẳng còn ai đem bom ném vào Iraq, vào Afghanistan; sẽ chẳng có ai đòi các nước khác phải tôn trọng nhân quyền, tôn trọng tự do dân chủ; sẽ chẳng có ai đặt điều kiện này nọ để được hưởng quy chế tối huệ quốc; sẽ chẳng có ai đòi nước này không được thử vũ khí hạt nhân, đòi nước nọ không có quyền sản xuất vũ khí vi trùng; sẽ chẳng còn những tờ đô la làm mưa làm gió từ những nước nghèo mạt rệp ở Phi châu cho đến một làng mạc xa xôi nào đó ở Trung Quốc. Và gì nữa: Bắc Hàn sẽ đánh Nam Hàn? Trung Quốc sẽ đánh chiếm Đài Loan và xua quân qua cho Việt Nam thêm một bài học? Nga sẽ chiếm hết các nước Châu Âu? Đức Quốc xã sẽ tái sinh? Iraq sẽ mang bom vi trùng thả xuống Anh? Ấn Độ sẽ tấn công Pakistan? Và rồi: Ai sẽ thả đồ cứu đói xuống các nước Phi châu? Ai chi tiền cho Liên Hiệp Quốc? Vân vân và vân vân.

Câu trả lời có thể sẽ là: Không đến nỗi như vậy đâu. *Không có mợ chợ cũng đông.* Không có Hoa Kỳ, thế giới có lẽ sẽ ổn định hơn vì không còn nước nào bóc lột. Không có ai dọa cấm vận, nên mọi người ăn ở hòa thuận

nhau. Không có một Hoa Kỳ quá giàu nên do đó cũng chẳng còn có nước nào nghèo. Không có Hoa Kỳ viện trợ, nên không còn những tay độc tài. Không có Hoa Kỳ ăn xài vung vít, nên thế giới đỡ tốn kém, nguồn tài tài nguyên không còn bị phung phí (theo một tài liệu, một mình Hoa Kỳ đã xài đến 1/5 số nhiên liệu của thế giới hàng ngày).

Hay là, rốt cuộc, cũng sẽ có một nước nào đó nổi lên đóng vai trò của Hoa Kỳ? Và cuối cùng, mọi chuyện sẽ lại diễn ra y như hiện nay?

Ai mà biết được như thế nào!

Anh chàng bình luận viên đài truyền hình Toronto nước Canada tên là Gordon Sinclair đã bày tỏ cảm tưởng về Hoa Kỳ sau biến cố 11/9 như sau:

"Đã đến lúc nói thẳng ra rằng dân tộc Hoa Kỳ là một dân tộc độ lượng nhất và là một dân tộc ít được thông cảm nhất trên thế giới. Đức, Nhật và ở một mức độ ít hơn là Anh và Ý đã được Hoa Kỳ cứu vớt ra khỏi cảnh tàn phá vì chiến tranh do Hoa Kỳ đổ hàng tỷ đô la vào và tha nợ cho hàng tỷ đô la khác. Vậy mà rồi không nước nào trong các nước trên trả, dù chỉ là trả tiền lời cho số nợ còn lại của Hoa Kỳ. Khi Pháp có nguy cơ bị sụp đổ vào năm 1956, chính Hoa Kỳ nhảy vào cứu và phần thưởng mà Hoa Kỳ nhận được là bị sỉ nhục ngay trên đường phố Paris. (...). Khi có động đất ở những thành phố xa xôi, chính Hoa Kỳ vội vã ra tay cứu giúp. Ấy thế mà mùa xuân này (2001), 59 khu dân cư Hoa Kỳ bị những cơn lốc san bằng, chẳng có ma nào đến giúp. Kế hoạch Marshall và chương trình Truman đã bơm hàng tỷ đô la vào các xứ kiệt quệ Âu châu, bây giờ báo chí ở các nước đó đang viết những bài lên án Hoa Kỳ là những kẻ đồi trụy và chuyên làm giàu nhờ chiến tranh. (...). Tôi có thể kể cho bạn nghe hàng 5000 lần người Mỹ vội vàng giúp đỡ các dân tộc khác khi họ gặp khó khăn. Bạn có thể kể cho tôi nghe xem, dù chỉ một nước thôi, vội vã chạy đến giúp Hoa Kỳ khi Hoa Kỳ gặp khó khăn? Theo tôi, chẳng hề có một sự giúp đỡ nào từ ngoài vào, ngay cả khi có động đất ở San Franscisco. Người láng giềng của chúng ta luôn luôn phải tự đối phó lấy một mình". Kể cả bây giờ, sau vụ khủng bố 11/9!

Bênh Mỹ, phục Mỹ đến thế thì thôi!

5.

Sự lên tiếng tức thời của các nước châu Âu, rồi Nga rồi Trung Quốc, Nhật, Canada, Úc...cho thấy có một tâm thức tập thể *"nous sommes tous américains"* đó ở nơi hầu hết các nước phát triển. Dường như chính phủ (và có thể là đại đa số nhân dân) các nước đó, không phải chỉ chia sẻ nỗi đau của Hoa Kỳ, mà còn là cảm nhận nỗi đau đó như là nỗi đau của chính

mình. Họ cảm thấy chuyện khủng bố này dụng đến một cái gì sâu xa nhất của nền văn minh, nền văn minh Tây phương. Đây không chỉ là sự trả thù cho chỉ đơn thuần một sự việc, một biến cố đơn lẻ, mà có thể gọi là một sự trả thù có tính cách lịch sử!

Trong bài phân tích có tựa đề "The Roots of Muslim Rage" (6), Bernard Lewis nêu bật lên những đặc điểm lịch sử dẫn đến sự thù nghịch của những người Hồi giáo đối với Hoa Kỳ nói riêng và đối với Tây phương nói chung.

Hồi giáo, cũng như các tôn giáo khác, chủ trương tình huynh đệ và hòa bình. Tuy nhiên, về mặt lý thuyết, khi chủ trương chỉ có một đấng tối cao duy nhất để tôn thờ là God, thì đồng thời cũng phát sinh ra một ý niệm đối nghịch: kẻ thù của God. Kẻ thù của God tất nhiên phải là kẻ ác và đồng nghĩa với quỷ, với satan. Bởi thế mà luôn luôn phải có một cuộc tranh đấu để chiến thắng ác quỷ. Trong cái nhìn của Hồi giáo cổ xưa - và hiện nay đang được những người bảo thủ làm sống lại -, thế giới và toàn thể nhân loại phân chia thành hai phe rõ rệt: thế giới của đạo Hồi (the House of Islam), nơi các luật Hồi giáo được tôn trọng, và thế giới của những người ngoại đạo (House of Unbelief) mà những người Hồi giáo có bổn phận phải mang trở lại Islam. Nhưng phần lớn thế giới lại nằm ngoài Islam, không những thế, ngay trong nội bộ thế giới Islam, theo cái nhìn chính thống, cũng bị xáo trộn vì những kẻ thiếu niềm tin và thường xuyên vi phạm luật Hồi giáo, khiến cho đạo Hồi bị bào mòn dần. Chính vì thế mà những người chính thống, trong quá trình lịch sử, luôn luôn nhắc đến *Jihad*, tức là thánh chiến, chống lại những kẻ thù ngoại đạo. Giữa cái thế giới ngoại đạo đó, những người ở phía Đông và Nam (ý chỉ các nước phương đông theo Phật giáo và Ấn giáo) không có đe dọa nào nghiêm trọng, do đó không có những tranh chấp trực tiếp với Islam. Nhưng ngược lại, ở phía Tây và Bắc, người Hồi giáo, ngay từ lúc mới thành hình, đã cảm thấy bị đe dọa bởi một tôn giáo khác mà tham vọng không thua gì Hồi giáo, đó là Thiên Chúa giáo, một hạn từ mà từ lâu, người Hồi giáo vẫn xem là đồng nghĩa với Âu châu.

Cuộc tranh chấp giữa hai địch thủ này bắt đầu khi Islam mới ra đời cho đến nay đã kéo dài gần 14 thế kỷ. Đó là một chuỗi dài những cuộc tấn công và phản công, *Jihads* và *Crusades*, chinh phục và tái chinh phục. Trong 300 năm qua, kể từ khi thất bại trong cuộc phong tỏa Vienna năm 1683 và sự trỗi dậy của các đế quốc thuộc địa Âu châu ở Á và Phi châu, đạo Islam phải trở về thế phòng ngự. Và nền văn minh Thiên Chúa giáo và những nhánh phái phát sinh từ đó, đã mang hầu như toàn thế giới, kể cả Islam, vào trong quỹ đạo của nó. Islam thất bại, không những đã không

phản công lại được mà còn bị lép vế hoàn toàn trước Tây phương (the West), tượng trưng cho Thiên Chúa giáo, và bị ảnh hưởng nặng nề, từ nếp sống, cách cai trị, chế độ chính trị cho đến các hình thức sinh hoạt khác. Trong nhãn quan của người Hồi giáo, sự thành lập Hoa Kỳ - một sự kiện trung tâm, đánh dấu cho sự lớn mạnh của Tây phương - là một sản phẩm của Tây phương, một thứ "European enterprise". Vì Hoa Kỳ là một dân tộc trong đó, ưu thế về mọi mặt thuộc về châu Âu. Người châu Âu đông nhất. Âu châu cho nó ngôn ngữ, tôn giáo, văn hóa, cách sống. Di dân chủ yếu là từ Âu châu. Rất ít người đến từ các xứ Islam. Nếu có ai đến thì họ lại là những người biến chất, nghĩa là đã cải đạo sang Thiên Chúa giáo rồi. Sự hiện diện của những người này không những chẳng làm suy yếu ảnh hưởng của Âu châu chút nào mà còn làm mạnh thêm ảnh hưởng có sẵn đó.

Thực ra, có một giai đoạn , trước thế chiến thứ hai, khi thế giới Hồi giáo bắt đầu chuyển mình tiến lên thời hiện đại, vô tình hay hữu ý, họ đã chấp nhận những giá trị mới của Tây phương thì Hoa Kỳ không được (hay bị) nhìn như là những kẻ thù. Nhưng sau thế chiến thứ hai, chịu ảnh hưởng của những tư tưởng bài Mỹ xuất phát từ tuyên truyền của chủ nghĩa Cộng Sản cũng như từ chế độ Quốc Xã Đức và đặc biệt là từ một số nhà văn, nhà tư tưởng Đức (các nước Hồi giáo chịu ảnh hưởng mạnh của các luận thuyết Đức) như Martin Heidegger, Rainer Maria Rilke, Ernst Junger...rồi về sau này được tăng cường thêm bởi loại chủ thuyết của thế giới thứ ba (Third Worldism), ấn tượng về Hoa Kỳ thay đổi hoàn toàn. Hoa Kỳ, từ đó, được xem là một nước văn minh nhưng không văn hóa; giàu có tiến bộ về vật chất, nhưng giả tạo, vô hồn; kỹ thuật cao, nhưng thiếu trí tuệ, thiếu chất sống và tinh thần nhân bản. Vân vân và vân vân.

Những tư tưởng trên, tự bản chất, không mang hậu ý bài Mỹ, mà chỉ nhằm hạ thấp giá trị của Mỹ, coi Mỹ như một tay trọc phú ít học, giàu có là nhờ cơ hội và sự khôn lanh quỷ quyệt hơn là nhờ tài năng. Nhưng những trí thức Hồi giáo, vốn chịu ảnh hưởng nặng từ Âu châu, kết hợp cùng với các truyền thống Hồi giáo và các vướng mắc lịch sử, đi từ chỗ chống Tây phương (anti-Westernism) một cách chung chung đến chỗ cụ thể hóa, đơn giản hóa thành chống Mỹ (anti-Americanism).

Theo Seumas Milne (7), trong con mắt của thế giới Hồi giáo, anh chàng Hoa Kỳ khổng lồ đã tạo nên một hệ thống tài chánh và thương mại toàn cầu nhằm phục vụ cho quyền lợi của họ, phá bỏ những hiệp ước nào thiệt hại đến quyền lợi của họ. Hoa Kỳ gửi quân đi đến từng góc địa cầu, thả bom ở Afghanistan, ở Iraq, Sudan, Yugoslavia, duy trì chính sách cấm vận đối với Cuba, Iraq, ủng hộ Israel, kẻ thù bất cộng đái thiên của Islam.

Tóm lại, Hoa Kỳ tự tung tự tác làm như thể thế giới này là của riêng họ. Ở đâu họ cũng nhúng tay vào bảo ban, dọa nạt, can thiệp. Kết quả là họ bị thù ghét khắp nơi. Những gì xảy ra vào ngày 11/9 chỉ là hậu quả của sự thù ghét đai dẳng đó mà thôi. Milne Seumas viết:

" Chính Hoa Kỳ đã đổ tài nguyên vào cuộc chiến tranh năm 1980 để chống lại một chế độ được Liên Sô ủng hộ ở Kabul vào lúc mà các thiếu nữ có thể đi học và phụ nữ có thể đi làm. Bin Laden và tổ chức "Mujahideen" của ông ta đã được CIA huấn luyện và vũ trang khi đất nước Afghanistan trở thành một vùng đất hoang cằn cỗi và lãnh tụ Cộng Sản Najubullah của nó bị treo cổ trên cột đèn đường thành phố với bộ phận sinh dục nhét trong mồm (để làm nhục). Nhưng rồi Bin Laden quay sang chống người bảo trợ Hoa Kỳ của mình. Để trừng phạt đứa con ngang bướng, Hoa Kỳ liền thi hành một chính sách cấm vận đối với chế độ khiến đẩy cả 4 triệu người đến bên bờ vực của nạn đói".(...). "Giờ đây, chính quyền Bush tập hợp một liên minh quốc tế lấy theo mẫu chiến tranh chống khủng bố của Israel, y như thể những hành động giận dỗi như thế đã có một sự hiện hữu tách khỏi những điều kiện xã hội đã phát sinh ra hành vi khủng bố. Nhưng cứ mỗi một "hệ thống khủng bố" bị nhổ bỏ thì một hệ thống khác sẽ mọc lên, cho đến khi những bất công và bất bình đẳng sản xuất ra chúng được xem xét đến"

Kể ra thì một lập luận như vậy đối với các chính sách của Hoa Kỳ không chứa đựng điều gì mới lạ. Người Cộng Sản và các nước thuộc thế giới thứ ba đã dùng gần nguyên một thế kỷ để chống đối Hoa Kỳ trên nhiều mặt trận khác nhau. Và hậu quả là: chủ nghĩa Cộng Sản sụp đổ và chủ thuyết tự do dân chủ kiểu Mỹ cứ bành trướng một cách...trái tai gai mắt. Bởi vì, nếu nói Hoa Kỳ đã đóng góp một phần nào đó vào việc tạo nên bất công, nghèo đói và nhiều thứ tệ nạn khác tại nhiều nước chậm tiến (độc tài, tham nhũng...), lại không thể đổ cho Hoa Kỳ chịu trách nhiệm về tất cả mọi chuyện. Mặt khác, không thể phủ nhận việc Hoa Kỳ cũng đã mang lại biết bao nhiêu điều tốt đẹp cho thế giới mà chẳng nước nào đủ sức làm được.

6.

Trong những ngày tiếp liền sau biến cố 11/9 thì có lẽ một trong những bài báo được nói đến nhiều nhất là bài "Sự đụng độ của các nền văn minh" (The clashes of civilizations) (8) của tiến sĩ Samuel P. Huntington, giáo sư về quan hệ quốc tế tại đại học Harvard.

Huntington đã khẳng định ngay trong đoạn mở đầu bài viết nói trên như sau:

"Tôi cho rằng (9) nguồn tranh chấp căn bản trong thế giới mới này sẽ không chủ yếu là ý thức hệ hay kinh tế. Những sự phân chia lớn lao trong nhân loại và nguồn tranh chấp ưu thế sẽ là văn hóa. Các thực thể quốc gia (nation states) sẽ vẫn là những diễn viên quyền năng nhất trên sân khấu chính trị quốc tế, nhưng những tranh chấp chính trị toàn cầu chính vẫn sẽ xảy ra giữa những quốc gia và những nhóm có những nền văn minh khác nhau. Sự dụng độ giữa các nền văn minh sẽ là chặng mới nhất của diễn tiến tranh chấp trong thế giới hiện đại"

Tại sao lại có sự dụng độ giữa các nền văn minh như vậy?

Theo Huntington, trên thế giới có 7 hoặc 8 nền văn minh khác nhau: Tây phương, Trung Hoa, Nhật, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Slavic-Chính thống giáo, Châu Mỹ La Tinh và có thể là Phi châu. Có sáu yếu tố đưa đến sự dụng độ:

- Các nền văn minh khác biệt nhau về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống và quan trọng nhất là khác biệt về tôn giáo. Mỗi một nền văn minh có những quan điểm khác nhau về liên hệ giữa thần/ người, cá nhân/cộng đồng (hay nhóm), công dân/nhà nước, cha mẹ/con cái...

- Thế giới ngày nay đã trở thành nhỏ hơn, qua đó, các chủng tộc, các truyền thống cọ xát nhau, hòa lẫn vào nhau, tác động lẫn nhau do tình hình di dân, truyền thông, trao đổi, giao lưu văn hóa.

- Tiến trình hiện đại hóa kinh tế và thay đổi xã hội khiến quốc gia không còn là nguồn xác định căn cước cá nhân nữa (source of identity). Chính vì thế, người ta có xu hướng trở lại truyền thống tôn giáo để xác định căn cước của mình, do đó, tạo thành phong trào gọi là "fundamentalism" (chính thống cực đoan)(10). Chúng ta thấy có những fundamentalists Phật giáo, fundamentalists Thiên Chúa giáo, fundamentalists Judaism, fundamentalists Ấn giáo, và đặc biệt phát triển rầm rộ về cả số lượng lẫn chất lượng là các fundamentalists Islam. Hầu hết những người tham gia phong trào, lạ thay, lại là tuổi trẻ, những người có học vấn khá cao, những chuyên viên, kỹ thuật gia trung cấp, những doanh gia và những người chuyên nghiệp. Huntington đồng ý với George Weigel cho rằng chủ trương "làm sống lại niềm tin tôn giáo (insecularization) là sự kiện ưu thế vào cuối thế kỷ thứ 20". Đó là một sự "trả thù của Thượng Đế" (la revanche de Dieu), theo Gilles Kepel.

- Sự tăng trưởng của ý thức văn minh (civilization-consciousness). Chính sự tăng trưởng này khiến cho Tây phương đạt đến đỉnh cao quyền lực của mình. Nhưng mặt khác, chính điều đó lại dẫn đến hiện tượng "trở về nguồn", tức là trở về với những nền "văn minh phi -Tây phương" (non-Western civilizations) ở nhiều nước: Asianization ở Nhật, Hinduization ở

Ấn Độ, re-Islamization ở các xứ Trung Đông. Tình hình đó đưa đến sự hình thành thế giới theo chiều hướng "giải-Tây phương hóa" (de-Westernization) hay bản-xứ-hóa (indigenization) thay vì Tây-phương-hóa như trước đây.

- Những đặc tính và khác biệt về văn hóa khó thỏa hiệp hơn chính trị và kinh tế. Có thể có những người Cộng Sản chuyển thành dân chủ, những người giàu trở thành nghèo hay ngược lại. Nhưng không dễ dàng chuyển một người Nga thành người Estonia, hay một người Việt thành Tàu. Mặt khác, người ta có thể là một người lai nửa Pháp nửa Ả Rập hoặc là công dân của hai xứ sở, nhưng khó thể có người nửa Thiên Chúa giáo nửa Hồi giáo.

- Sự gia tăng các khối kinh tế vùng (economic regionalism), một mặt, khiến gia tăng thêm ý thức văn minh, mặt khác, khiến các nước có cùng một nền văn minh liên kết với nhau và các liên kết vùng đó chỉ thành công nếu họ đặt căn bản trên cùng một nền văn minh. Các nước cùng chung văn hóa dễ có tương quan với nhau về mặt kinh tế, chẳng hạn như China -Hồng Kông - Đài Loan - Singapore. Chiến tranh lạnh chấm dứt lại càng khiến họ nhanh chóng vượt qua biên giới của ý thức hệ để đến với nhau: China và Đài Loan chẳng hạn. Hoặc tổ chức "Economic Cooperation Organization" mang 10 nước không-Ả Rập Hồi giáo lại với nhau: Iran, Pakistan, Turkey, Azerbaijan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Turkmenistan, Tadjikistan, Uzbekistan và Afghanistan.

Vậy tuyến phân chia giữa các nền văn minh đã thay thế các biên giới chính trị và ý thức hệ của thời "chiến tranh lạnh" như là những điểm bùng nổ tạo nên khủng hoảng và đổ máu. Từ đó, Huntington cho rằng cuộc chiến tranh thế giới sắp tới, nếu có, sẽ là một cuộc chiến tranh giữa các nền văn minh. *"The next world war, if there is one, will be a war between civilizations"*. Hai cuộc chiến tranh thế giới trước đây cũng như chiến tranh lạnh, tuy dính líu đến toàn thế giới, thực sự vẫn là cuộc chiến tranh giữa các xứ có cùng một nền văn minh. Đó là tranh chấp nội bộ trong nền văn minh Tây phương hay nói theo William Lind, đó là những cuộc "nội chiến Tây phương" (Western civil wars). Cuộc chiến tranh sắp tới sẽ chủ yếu ở chỗ: chiến tranh giữa nền văn minh phương Tây và các nền văn minh Còn Lại, *"The West versus the Rest"*. Hay nói một cách khác, đó là sự phục thù của những nền văn minh phi -Tây phương chống lại những giá trị và quyền hành Tây phương. Trong cái nhìn của những người trong các nền văn minh đó, các ý niệm mà Tây phương đề ra không có giá trị phổ quát như họ từng rêu rao trên nhiều phương diện, chẳng hạn như chủ nghĩa cá nhân, khái niệm về tự do, dân chủ, vấn đề lập hiến, nhân quyền,

bình đẳng, kinh tế thị trường...Tây phương chỉ sử dụng quyền hành và sức mạnh quân sự cũng như kinh tế để áp đặt các giá trị của họ lên các nền văn minh khác. Xuất phát từ nhận thức đó, xứ sở của các nền văn minh khác sẽ là nỗ lực hiện đại hóa, nhưng không Tây phương hóa,"to modernize not to Westernize".

Từ đó, Huntington tiên đoán là sẽ có một sự liên kết quân sự và kinh tế giữa các nền văn minh để chống Tây phương, trong đó, "hình thức quan trọng nhất của sự hợp tác này là sự liên kết hai nền văn minh Khổng giáo - Hồi giáo" (Confucian-Islamic connection).

7.

Riêng về quan hệ giữa hai nền văn minh Tây phương và Hồi giáo, Huntington cho rằng sự xung đột đã tồn tại từ cả 13 thế kỷ nay của hai nền văn minh, sau một thời gian dài có vẻ lắng dịu, bắt đầu gay gắt trở lại và mức độ gay gắt càng ngày càng tăng. Nhất là sau cuộc chiến vùng Vịnh năm 1991. Những quốc gia Hồi giáo cảm thấy giận dỗi và bị sỉ nhục hơn trước sự hiện diện quân sự của Tây phương tại vùng Vịnh và sự bất lực không thể tự định đoạt được số phận của riêng họ. Mặt khác, xu hướng tiến tới thể chế dân chủ kiểu Tây phương, thay vì tăng cường ảnh hưởng của Tây phương thì lại tăng cường lực lượng chính trị chống Tây phương. Hiện tượng này lại trùng hợp với tình hình căng thẳng về di dân tại các nước Âu châu nhất là di dân từ các nước Ả Rập hiện đang là một trong những vấn đề âm ỉ trong các xã hội Tây phương.

Trong phần cuối bài tiểu luận đặc biệt này, Huntington viết:

"Bài này không quả quyết (argue) rằng những căn cước văn minh (civilization identities) sẽ thay thế tất cả các loại căn cước khác, rằng thực thể quốc gia sẽ biến mất, rằng mỗi một nền văn minh sẽ trở nên một thực thể chính trị đơn thuần rõ ràng, rằng những phe nhóm trong mỗi nền văn minh sẽ không tranh chấp và thậm chí đánh nhau. Bài này trình bày những giả thiết cho rằng sự khác biệt giữa các nền văn minh là có thực và quan trọng; ý thức-văn minh mỗi ngày mỗi gia tăng; xung đột giữa các nền văn minh sẽ chiếm chỗ ý thức hệ và các hình thức xung đột khác để trở thành hình thức xung đột chiếm ưu thế toàn cầu; quan hệ quốc tế, một trò chơi mà các nền văn minh Tây phương đóng trong lịch sử sẽ càng ngày bị "giải -Tây phương hóa" (de-Westernized) và trở thành một trò chơi trong đó các nền văn minh không -Tây phương là những diễn viên chính chứ không còn là những đối tượng đơn giản; các cơ sở chính trị quốc tế, an ninh và kinh tế thành công có lẽ phát triển bên trong những nền văn minh hơn là xuyên qua chúng; tranh chấp giữa các nhóm trong những nền văn minh

khác nhau sẽ thường xuyên hơn, chắc chắn hơn và bạo động hơn giữa các nhóm trong cùng một nền văn minh; những xung đột bạo động giữa những nhóm trong các nền văn minh khác nhau dễ xảy ra nhất và là cội nguồn leo thang nguy hiểm nhất có thể dẫn đến những cuộc chiến tranh toàn cầu; trục quan trọng hàng đầu của chính trị thế giới sẽ là các tương quan giữa "Tây phương và phần Còn Lại"; tầng lớp lãnh đạo trong một số nước không-Tây-phương (non-Western) bị xáo trộn sẽ cố gắng đưa xứ sở của họ trở thành một phần của Tây phương nhưng trong hầu hết các trường hợp họ sẽ gặp phải những trở lực to lớn khi thực hiện; điểm trung tâm của xung đột trong tương lai gần sẽ là giữa Tây phương và nhiều xứ Hồi giáo và Khổng giáo"

(...) "Những nền văn minh phi-Tây-phương sẽ tiếp tục tìm cách sở đắc sự thịnh vượng, kỹ thuật, kỹ xảo, máy móc và vũ khí như là thành phần của hiện đại hóa. Họ cũng sẽ tìm cách hòa giải tính hiện đại với nền văn hóa và các giá trị truyền thống của họ. Sức mạnh kinh tế và quân sự của họ trong tương quan với Tây phương sẽ gia tăng".

8.

Bài báo của Huntington vừa công bố là gây ra một sự tranh cãi dữ dội giữa phe bênh và phe chống. Bênh cũng lắm, mà chống cũng nhiều. Kể từ ngày công bố, tuy "The clash of civilizations" đã được dịch ra 26 thứ tiếng và được đem ra bàn cãi trong nhiều cuộc hội thảo quốc gia và quốc tế, luận điểm chính "sự đụng độ của các nền văn minh" bị những người không đồng quan điểm đả kích kịch liệt. Thậm chí Huntington bị lên án là nguỵ biện, lếu láo. Có người cho rằng thứ suy nghĩ của Huntington là "rất nguy hiểm về phương diện đạo đức", một "thứ tiên tri tự thỏa mãn" (self-fulfilling prophecy). Có người mang tất cả các bài viết của ông cùng với bài nói trên ra chế giễu bằng một tựa đề nhái tựa đề của ông "The clash of the two Huntingtons"

Sau biến cố 11/9, luận điểm của Huntington lại có dịp mang ra tranh cãi. Một trong những người gay gắt bài bác quan điểm của Huntington là tiến sĩ Edward W. Said, giáo sư văn học đối chiếu tại đại học Colombia. Trong một bài tựa đề "The clash of ignorance" (11), vị giáo sư này không ngần ngại dùng những từ ngữ khá nặng nề để lên án ông, như gọi ông là "một cây viết tồi", "một nhà tư tưởng bất lịch sự". Luận điểm cho rằng Tây phương và Hồi giáo là hai nguồn căn cước lớn của nhân loại đã được đặt ra một cách bất cẩn. Công thức "The West versus the Rest" được nhiều người mang ra chứng minh cho biến cố 11/9, là một công thức vụng về, hoàn toàn thiếu tính thuyết phục. Thực ra, theo Said, biến cố 11/9 xuất

phát từ những động lực bệnh hoạn và được hành xử bởi một nhóm nhỏ những kẻ có đầu óc bất thường, cuồng tín tôn giáo và ưa phá hoại. Lịch sử là lịch sử chung và tất cả mọi người, Phật giáo,Thiên Chúa giáo, Hồi giáo hay Ấn độ giáo đều dự phần trong đại dương lịch sử. Cho nên, tìm cách phân chia chúng theo tiêu chuẩn tôn giáo và văn minh là điều vô ích. Chúng ta đang sống trong thời đại căng thẳng thật, nhưng đó là căng thẳng giữa sức mạnh và sự bất lực, giữa lý trí và sự ngu dốt, giữa công bằng và bất công" (...) "Luận điểm về sự xung đột giữa các nền văn minh cũng như cụm từ "Chiến tranh giữa các thế giới" là một thứ phô trương, chỉ có hiệu quả nhằm tăng cường sự kiêu hãnh phòng ngự hơn là thừa nhận một lý giải có tính phê phán của mối tương thuộc lẫn nhau trong thời đại chúng ta".

Nhiều người khác không đồng ý với Huntington, nhưng không chỉ trích gay gắt như kiểu nói trên, mà chỉ đưa ra một cách giải thích khác về khủng bố.

Chẳng hạn như Gérard Chaliand, giáo sư thỉnh giảng tại các đại học Berkeley, UCLA. Trả lời cho một cuộc phỏng vấn (12), ông nhận xét vụ khủng bố 11/9 chủ yếu "không phải là một sự 'xung đột giữa các nền văn minh'. Xung đột này đã từng xảy ra rồi hồi thế kỷ thứ 19 với sự bùng nổ của chủ nghĩa thực dân Âu châu trong thế giới Á, Phi. Hiện nay, không hề có xung đột với thế giới Hồi giáo. Chuyện khủng bố chủ yếu là những nhóm rất nhỏ những người Hồi giáo cực đoan, có khả năng gây tai họa rất ghê gớm, nhưng chỉ có một tương lai khiêm nhường, ngược lại với nguyện vọng của họ. (...). Hiển nhiên là những kẻ gây ra khủng bố quan trọng vừa rồi với biết bao nhiêu nạn nhân, không đòi hỏi gì cả. Mục đích chỉ là để chứng tỏ sự yếu ớt của Hoa Kỳ và làm cháy bùng lên ngọn lửa nhiệt tình nơi những cảm tình viên. Giấc mơ của những người Hồi giáo là tái tạo một "Oumma", một loại cộng đồng Hồi giáo không có tính quốc gia mà là tính liên-Hồi (pan-musulmane). Mục tiêu rõ là ảo tưởng, cũng như chủ nghĩa liên-Ả rập (pan-arabisme) hay liên-Phi châu (pan-africanisme), nhưng những người Hồi giáo cực đoan này lại có khả năng gây nên tổn hại đáng kể". (...). "Chủ nghĩa khủng bố sẽ có thể bị làm cho suy yếu do sự hủy diệt những nơi ẩn náu của họ. Nhưng người ta không thể tận diệt nó được"

Chẳng hạn như nhà văn nổi tiếng Nhật Haruki Murakami. Theo Murakami (13), cuộc chiến giữa khủng bố và chống khủng bố không phải là một cuộc đụng độ giữa các nền văn minh, lại càng không phải là một cuộc thập tự chinh, mà là sự va chạm giữa những hệ thống - có thể gọi là những mạch điện (circuits) - không ăn khớp với nhau, khiến tạo nên

một cái gì tương tự như một vụ nổ. Hai mạch điện va chạm nhau đó, một là mạch mở và cái kia là mạch kín. "Mạch mở là xã hội mà chúng ta hiện đang sống và mạch kín là thế giới của những kẻ cuồng tín tôn giáo. Đó là những người Hồi giáo thuộc khuynh hướng cực đoan hoặc là những nhóm nhỏ như giáo phái Aum Shinrikyo ở Nhật Bản. Trong một mức độ nào đó, cả hai nhóm có cùng một tính cách. Thế giới của họ là một thế giới toàn hảo, bởi vì họ tự khép chặt lại". Trong vũ trụ của những kẻ cuồng tín, "nếu bạn có bất kỳ vấn đề nào, luôn luôn có người cung cấp cho bạn câu trả lời. Mọi điều trông rất dễ dàng và sáng tỏ và bạn cảm thấy hài lòng miễn là bạn có lòng tin". Trong vũ trụ mở, trái lại, "mọi điều có vẻ bất toàn. Chúng ta có nhiều thú tiêu khiển, nhưng cũng có nhiều thiếu sót, nhược điểm. Và thay vì sống hạnh phúc, trong hầu hết trường hợp, chúng ta hay giận dỗi và bị khủng hoảng. Nhưng ít ra, mọi điều rộng mở. Bạn có quyền chọn lựa và quyết định cách sống của bạn".(...). "Thật dễ dàng nếu muốn tìm lối vào mạch điện kín này, những chẳng dễ dàng chút nào khi muốn tìm lối ra. Những kẻ điều khiển thường mở lối vào mạch kín một cách tự do. Nhưng họ không dành cho lối ra, bởi vì họ muốn đẩy những tín đồ của họ vào trong thế kẹt. Lúc đó, những người này trở thành những chiến sĩ sẵn sàng làm theo lệnh. Tôi cho rằng họ giống như những kẻ đã lái máy bay đâm vào hai tòa nhà đó (ở New York)"

Những nhận định trên của nhà văn không hẳn chỉ là những phát biểu ngẫu phát tiếp theo sau biến cố đầy xúc động tại New York ngày 11/9, mà xuất phát từ những suy gẫm rút ra được sau một thời gian dài tìm hiểu vụ tấn công khủng bố ngay trên chính đất nước ông vào ngày 20/3/1995 tại hệ thống đường hầm xe lửa Tokyo do giáo phái Aum Shinrikyo thực hiện.

Kinh nghiệm về vụ tấn công 1995 và vụ 11/9 cho thấy hiện chúng ta đang sống trong một tình hình mà Murakami gọi là một "hỗn loạn thế giới mới" (new world chaos). Ông phát biểu: "Ở Nhật, hầu hết mọi người đều cho rằng vụ tấn công khủng bố ở Hoa Kỳ là vấn đề riêng của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là nước mạnh nhất trên thế giới và dân Hồi giáo không thích Hoa Kỳ, cho nên có chuyện khủng bố. Hoàn toàn không đúng, theo tôi. Cùng một điều như thế sẽ có thể xảy ra ở bất cứ đâu: Tokyo, Berlin, Paris...Bởi vì hiện có một cuộc chiến tranh giữa những mạch điện mở và những mạch điện kín, nghĩa là giữa những trạng thái tinh thần khác nhau. Đây không phải là vấn đề về những quốc gia hay xứ sở, không phải là về tôn giáo, nhưng mà về những trạng thái tinh thần (states of mind). Thảm kịch New York là điềm báo cho một giai đoạn mới mẻ đối với xã hội Hoa Kỳ. Đây là cuộc tấn công đầu tiên vào nội địa Hoa Kỳ và người ta biết rằng Hoa Kỳ là rất dễ bị tổn thương. Mọi điều đã không còn như trước nữa" (...) "Không

ai biết rồi ra mọi điều sẽ tốt hơn hay tệ hại hơn. Nhưng chúng ta phải tập làm quen với sự hỗn loạn mới. Chúng ta phải bình tĩnh trước sự hỗn loạn này. Sẽ không có một giải pháp đơn giản và rõ ràng cho nó. Cuộc chiến tranh giữa hai trạng thái tinh thần sẽ còn diễn ra lâu dài".

9.

Trong số những người bênh vực Huntington nhiệt tình, có Robert D. Kaplan. Qua một bài khá dài viết về Huntington có tựa đề "Trực diện với thế giới" (Looking the world in the eye) (14), ông cố làm sáng tỏ nhiều điểm trong các công trình lý luận của Huntington, trong đó có luận điểm "Sự xung đột giữa các nền văn minh". Kaplan quả quyết rằng, dù bị bêu riếu và sỉ nhục, quan điểm của Huntington về thế giới sẽ trở thành hiện thực trong những thập niên tới. Cuộc tấn công khủng bố vừa qua, không những không làm lu mờ đi quan điểm đó mà còn góp phần làm sáng tỏ thêm nó đồng thời làm sáng tỏ thêm toàn bộ công trình lý luận của Huntington. Trong quá khứ, Huntington đã nhiều lần cảnh cáo rằng thật là vô nghĩa khi mong mỏi những dân tộc không phải Hoa Kỳ lại trở thành giống Hoa Kỳ một cách đáng kể. Điều này, theo Huntington, sẽ chỉ làm hại chính nghĩa của Hoa Kỳ mà thôi. Ngay từ những năm đầu thập niên 1950, Huntington đã đề cập đến tính tạm thời, mong manh của nền an ninh Hoa Kỳ mà phần lớn là nhờ có cái may mắn về phương diện địa lý. Trong tương lai, chắc chắn may mắn đó sẽ không còn và Tây phương cũng như Hoa Kỳ sẽ đối phó với những kẻ quá khích từ những nền văn hóa khác không chấp nhận văn hóa Hoa Kỳ và Tây phương, tìm cách lôi kéo Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh văn hóa (civilizational war). Huntington viết "Trong cái thế đang trồi lên của các cuộc xung đột chủng tộc và dụng độ văn minh, niềm tin của người Tây phương vào tính phổ quát của văn hóa Tây phương hứng chịu ba điều: nó sai, nó vô luân và nó nguy hiểm". Huntington cho rằng Osama Bin Laden rõ ràng hy vọng ông ta có thể khêu lên một cuộc đụng độ về văn hóa giữa Tây phương và Hồi giáo. Hoa Kỳ phải tránh đừng để điều đó xảy ra, chủ yếu là phải tập hợp một liên minh chống khủng bố xuyên qua các đường ranh của những nền văn minh. Ngoài ra, Hoa Kỳ phải nhân cơ hội này để hoàn thành hai điều: trước hết, lôi kéo những quốc gia Tây phương đoàn kết với nhau chặt chẽ hơn; thứ đến, cố gắng hiểu một cách cụ thể hơn các dân tộc khác đã nhìn thế giới dưới con mắt của họ như thế nào". Thế giới chúng ta hiện đang sống "là một nơi nguy hiểm, trong đó có nhiều dân tộc rất phẫn nộ về sự giàu có, sức mạnh và nền văn hóa của chúng ta và chống đối một cách mãnh liệt nỗ lực của chúng ta tìm cách thuyết phục họ hoặc ép buộc họ

thừa nhận những giá trị của chúng ta về nhân quyền, dân chủ và tư bản chủ nghĩa. Trong thế giới này, Hoa Kỳ phải phân biệt giữa những người bạn thực sự sẽ luôn luôn ở bên cạnh chúng ta và chúng ta luôn luôn ở bên cạnh họ bất chấp mọi khó khăn; những đồng minh cơ hội mà nơi họ, chúng ta chỉ có một số quyền lợi chung; những kẻ cạnh tranh chiến lược mà với họ, chúng ta có một quan hệ hỗn hợp (không rõ ràng); những địch thủ mà với họ chúng ta có thể thương thuyết; và những kẻ thù ghê gớm luôn luôn tìm cách tiêu diệt chúng ta trừ phi chúng ta tiêu diệt họ trước"

Robert Kaplan rất tâm đắc với một nhận xét khác của Huntington trong "American Politics": "Những nhà phê bình cho rằng Hoa Kỳ là một sự đối trá bởi vì thực tế (mà nó hoàn thành) quá khác xa với lý tưởng (mà nó đặt ra). Họ lầm. Hoa Kỳ không phải là một sự đối trá; nó là một điều tuyệt vọng. Nhưng nó có thể là một điều tuyệt vọng chỉ bởi vì nó đồng thời cũng là một niềm hy vọng"

Nói tóm lại, nói quanh nói quất, Huntington là một người yêu nước...Hoa Kỳ của ông. Ông buộc những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ phải biết hành động bằng một sự suy gẫm thấu đáo mọi tình huống ngay trong bản chất của nó để tìm cách đối phó. Thế thôi!

10.

Trong số những người thích Huntington,có tôi. Khoảng một tuần lễ sau biến cố 11/9, tôi tình cờ được đọc Huntington. Thành thật mà nói, tôi khoái các lập luận của ông. Chúng lạ. Chúng ngộ. Chúng mới. Chúng làm ta chưng hửng khi mới đọc. Đọc Huntington, phải chịu khó đọc hết và suy gẫm. Ông ta có lối lý luận bao biện, đôi khi... ngụy biện, nhưng thành thật. Và đặc biệt, nó không có tính áp đặt độc đoán. Nó mở cho ta đi vào một cảnh trí rộng hơn, cao hơn, xa hơn. Nó khiến cho ta nhìn qua khỏi những gì ngoài tầm mắt. Tôi thích cái mà Robert Kaplan gọi là "tính chất tương phản trong các ý tưởng của Huntington" (contrarian nature of Huntington's ideas). Nghe nó có vẻ như mâu thuẫn, nhưng lại là những mâu thuẫn thú vị, chứa một hay nhiều phần sự thực. Chẳng hạn như ông bảo "tham nhũng đôi khi cũng tốt", hoặc "sự khác biệt giữa độc tài và dân chủ đôi khi ít hơn là chúng ta hằng tưởng nghĩ", vân vân.

Tôi bị thuyết phục. *Cuộc dụng độ của các nền văn minh!* Nghe như tựa đề của một truyện khoa học giả tưởng. Trong cái tối tăm, mù mịt, lo lắng, bối rối, hoang mang sau biến cố 11/9, bỗng nhiên đọc được bài báo viết trước đó tám năm, người viết dường như "thấu thị" được sự việc, lý giải nguồn gốc sâu xa của nó, giải mã nó, vén lên tấm màn bí ẩn đằng sau - không phải chỉ đơn thuần cho một sự kiện mà cho một chuỗi sự kiện,

không phải cho một tình huống mà cho nhiều tình huống, không phải cho một đoạn lịch sử mà trên chiều dài lịch sử. Huntington luôn luôn luận về cái tổng thể, bận tâm với cái tổng thể và tìm cách nắm bắt bản chất của nó. Đọc ông, đừng chỉ nhìn thấy có Bin Laden, có Afghanistan, có biến cố 11/9...Khởi từ đó, nhưng hãy nhìn qua khỏi đó. Ông ta đúng hay sai? Sẽ đúng hay sẽ sai? Rất có thể ông sẽ sai, vì dù sao, những gì ông viết ra vẫn chỉ là luận thuyết. Nhưng riêng tôi, tôi thích ông sẽ đúng. Tại sao? Tôi cũng chẳng biết tại sao.

Và nói quanh nói quất, tôi bỗng sực nhớ ra, tôi thích Huntington cũng chỉ vì tôi cũng là một người...Mỹ! Chẳng thế, sao tôi có quốc tịch Mỹ, sao tôi sống trên đất nước này, sao tôi sung sướng thụ hưởng những tiện nghi của nó, được luật pháp của nó bảo vệ, được nó nuôi dưỡng và thậm chí được quyền .. chưởi nó bằng thích. Sau ngày 11/9, tôi đau theo nỗi đau của nó, lo lâu theo nỗi lo âu của nó, chia sẻ những thiệt thòi mà nó phải chịu, đóng góp cho nó những gì nó cần, và mong cho nó được mau tai qua nạn khỏi.

Hóa ra, tôi là một người Mỹ hoàn toàn như...Huntington, chỉ trừ một điều: tôi vẫn là người Việt.

Trần Doãn Nho
(12/2001)

1. Nhật báo "Le monde" (Pháp) ngày 12/9/01
2. Tạp chí "Foreign Affairs", tháng 9 & 10/1996
3. Báo "Slate" ngày 11/9/01
4. "Le monde", ngày 12/9/01
5. Xã luận "Le monde" ngày 13/9/01
6. Nguyệt san "The Atlantic Monthly", tháng 9/1990
7. Báo "Guardian" ngày 13/9/01
8. Tạp chí "Foreign Affairs", mùa thu 1993.
9.Nguyên văn "Itis my hypothesis that..." (Tôi giả thiết rằng...)
10. Có người dịch là "trọng cân"
11. "Le choc de l' ignorance", bản Pháp dịch của Francois Cartano, "Le monde" ngày 26/10/01
12. "Le monde", ngày 17/9/01
13. Theo Howard W. French, "New York Times", ngày 15/10/01
14. Nguyệt san "The Atlantic Monthly", số tháng 12/2001

Lục bát với quê nhà

NGUYỄN THANH CHÂU

khi tàn cuộc

đành sợi tóc bạc chẻ đôi
tạ tình nhau buổi xế trời lệ phai
biệt người cỏ úa dặm dài
máu tim rỏ cạn giấc ngoài trăm năm
gọi trong cổ mộ nguyệt trầm
đau như tàn cuộc ta nằm bại vong

giấc muộn

ngoài lạnh gió tạt vàm sông
muộn. đêm say đợi sáng hồng giọt sương
cõi về lớp lớp bụi đường
vùi thiên thu trận vô thường thổi qua
rụng căm căm mỗi hồn già
nhớ nhau còn tiếng quê nhà. tỏ cơn...

về với biển

tiễn chiều dáng núi chon von
xin tôi nhảy xuống biển còn xanh xưa
mắt rười rượi nỗi nắng mưa
xót mùa thương khó ai chờ nữa ai
sóng tang xô giấc quan hoài
ngàn dương thẳm bóng lạc loài chim âu

hạ tàn. trong vườn trưa

giấc nằm thiêm thiếp võng đưa
biển ve rân khắp vườn trưa. hạ tàn

phủ người trăm lưới lá dan
nắng rưng rưng. mắt xốn xang trời tình
giọt ngần này chút hồn trinh
ủ tôi kín mộng thêm nghìn kiếp sau
tiếng đưa trong tĩnh lặng sầu
chờ mai tóc rụng khóc nhau cũng dành

tạ đời cây giú niềm xanh
ơn người chia xẻ ngọn ngành lòng tôi...

sinh nhật buổi năm mươi

hôm nay mừng sinh nhật tôi
năm mươi sợi nến đỏ rồi đỏ em
đời khung những cảnh nhá nhem
về trong giấc khổ từng lem lấm mùi
quà sinh nhật chúc nhau vui
chút ơn ngần của một thời bên nhau
rượu hồng hạ miếng môi trao
nỗi đau xí xoá cơn sầu cho quên

ơn trời bớt những oan khiên
ơn em còn chút tình điên xế ngày...

người về từ đầu non

người về trắng tóc như mây
đầu non bóng suối đổ đầy tiếng xưa
trở mùa nắng hạ cầu mưa
huyễn sầu trong mắt ngó chưa mòn đời
tạ tình đầu giữ trong tôi
cầm bằng đốc cạn rượu mời trăm năm
người về tơi mảnh áo chằm
tìm nhau hết buổi lệ đằm nỗi vui

già trên sợi tóc mây thôi
còn xanh trong những mạch đời viễn khơi...

726256-B526

Nguyễn thị Thảo An

Năm mười một tuổi, trong một đêm theo người lớn bắt ếch ngoài đồng, lớ ngớ sao tôi theo nhầm một đám người ra sông vượt biển. Khi lên ghe, có người hỏi, muốn vượt biên họ cho theo, còn không cầm duốc mà về. Tôi ngoảnh lại, sau lưng, ruộng đất tối thui. Đường về phải băng ngang một gò mả lớn. Mới nghĩ tới, bắt rùng mình. Tôi cầm duốc liệng xuống sông, rồi nhảy phóc xuống ghe, kiếm một chỗ ngồi im chong ngóc.

Mùa biển lặng, ghe xuôi gió tới Mã Lai. Hai tháng sau, văn phòng Cao Ủy Tỵ nạn sắp xếp tôi sang Mỹ theo diện trẻ mồ côi. Một gia đình ở Georgia nhận tôi làm con. Và tôi, đương nhiên coi Judy, con gái họ như em ruột. Lúc đó, tôi không ngờ, con nhỏ này chính là người thay đổi cuộc đời tôi, chứ không phải là thằng cha cho tôi cây duốc.

Gia đình mới của tôi ở một thị trấn nhỏ, miền Nam Georgia. Cha nuôi, một người đàn ông cao lớn, suốt ngày quần quật trong nông trại. Mẹ nuôi, người ngoan đạo. Cuộc sống êm đềm, nhưng quen dần cũng dâm chán. Chiều tan trường, tôi thích băng ngõ tắt qua cánh đồng khô sau nhà. Ở đó, tôi ngồi đợi nắng thoi thóp rồi tắt dần. Mặt trời lặn bên này để mọc bên kia. Tôi hình dung ra chốn quê xưa. Ruộng đất trơ mình, đìu hiu gốc rạ. Những mái lá đơn sơ. Con đường quê quanh quất. Tôi nhớ mẹ, nhớ em, tơi bời đứt ruột. Mãi khi sập tối mới trở về. Cả nhà Judy nhìn tôi như người bước ra từ cơn mộng dữ. Cha mẹ nuôi không nói, nhưng đôi mắt Judy nhìn tôi như hỏi không ngừng.

Có lần, tôi đang khóc bị Judy bắt gặp. Nó ngó mây trời rồi hỏi, tôi thấy gì trong đó. Đang lúng túng chưa biết trả lời sao thì tôi phát giác. Ráng chiều hắt lên mặt nó một màu rực rỡ. Tóc nâu óng, môi ngả màu mận chín. Trời ơi, còn đôi mắt. Một chùm mây nhỏ lửng lơ đang trôi vào trong đó. Thấy tôi ngó sững, Judy hỏi. Tôi nói, mắt mày sâu không thấy

dáy. Nó cười chúm chím, cứ nhìn đi rồi sẽ thấy.

Chúng tôi thân thiết như hai anh em ruột. Tôi đốt tiếng Anh, vào lớp sợ bạn cười nên càng nói lập. Về nhà, Judy dạy tôi từng chữ. Nó nắm tay tôi, bắt nói từng câu, hai chữ rồi tăng dần ba, bốn chữ,... Nó dẫn tôi ra đồng, ngồi cách nhau một sào rạ để nói chuyện. Cốt ý tập tôi nói lớn, nói cho quen, để hết cà lập. Vốn liếng tiếng Anh của tôi hầu hết là Judy dạy. Chỉ có ba chữ "I love you" là tôi dạy nó. Đó là năm tôi mười bảy, cũng ngay trên cánh đồng này.

Mấy năm sau, cha nuôi bớt việc, ở nhà thường. Mẹ nuôi ngày càng ngoan đạo. Cuối tuần, cả nhà đi lễ. Bọn con trai trong họ dạo thích Judy. Tôi chê, mấy thằng vai u thịt bắp nhưng đầu óc trống trơn. Judy nói, còn anh ốm tong, trông yếu xìu. Không phải đùa, nhiều lúc tôi thấy Judy nể họ ra mặt.

Năm mười tám, tốt nghiệp trung học xong. Đám bạn như nghé tan bầy. Tôi lên thành phố kiếm trường định vừa làm vừa học. Hôm về, thấy một đám bạn tới nhà từ giã. Họ vào quân đội, sẽ học ở trung tâm huấn luyện Fort Benning gần đây. Tôi nhăn mặt, đi lính cực lắm. Tụi nó nói, chịu đựng mười bốn tuần, hết thời tập huấn là khỏe. Sau hai năm, vào đại học nhà nước dài thọ, nếu đi làm cũng được ưu tiên. Thấy mặt tôi vẫn nhăn nhó, thằng John châm, tướng mày đi lính, vác súng sẽ lùn đi. Cả đám cười ầm. Tôi nổi sùng bỏ đi một nước.

Buổi tối, Judy nói, vừa học vừa làm cực khác chi lính. Chịu khó một thời gian coi như đi làm, sau này giải ngũ, học không tốn tiền, lúc đó nó cũng lên thành học chung. Judy nói nhiều, nhưng tôi chỉ hiểu một. Nó không muốn xa tôi. Chính điều này làm tôi cảm động. Sáng hôm sau, tôi đến phòng tuyển mộ, điền đơn.

Trước ngày nhập ngũ, tôi nhận tin nhà. Trong thư mẹ khóc, thằng con dại, người ta tốn tiền lo trốn lính, sao mày lại dâm đầu vô chỗ chết. Còn cha mới ra tù lại ủng hộ. Nước Mỹ mạnh, đi lính không gì sợ. Chính phủ họ thương quân đội, lính chết mấy chục năm vẫn còn tìm.

Sáng hôm sau, mưa sụt sùi. Không gian đường nhuốm màu tang. Cả nhà thức sớm để tiễn chân. Mặt Judy buồn hiu làm như tôi sẽ không về.

Trung tâm Fort Benning cách thị trấn không xa. Trước cổng có chiếc xe tăng chĩa súng lên trời. Cái trại này tôi qua lại nhiều lần, duy có lần này tôi vào trại.

Chia tay mọi người trong phòng đợi, tôi mang hành lý theo người điểm danh lên xe bus đến phòng tân binh. Xe qua trạm gác, mọi người nhìn ra. Trại rộng hơn tôi tưởng, đường nhựa thẳng tắp, hai bên có bóng

cây, sân cỏ. Nhà cửa sơn trắng, cất kiểu chung cư, giống nhau như một. Người lạ vào, rất dễ lạc.

Phòng tân binh là một hội trường, trước cửa có hàng chữ "Welcome to the US Army". Giữa khán đài có quốc huy hình con ó lớn, một chân quặp bó tên, chân kia quấp nhành Olive. Hai bên treo cờ và la liệt đầy bằng khen, huy hiệu.

Khi mọi người ngồi yên, một người sĩ quan đội nón bánh ú, cổ đeo tu-huýt nhanh nhẹn bước lên khán đài. Ông tự giới thiệu là huấn luyện viên, tên Bill Hawk, đại diện trại chào mừng các tân binh, đề cao những người tình nguyện, xung phong phục vụ đất nước. Ca ngợi xong, ông trở giọng de, quân trường không phải là chiếc giường để những kẻ lười biếng, thất nghiệp dật lưng. Mười bốn tuần, thời gian biến người dân thành người lính. Ai còn do dự cứ tự tiện về. Ông nhấn mạnh, "Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu."

Vừa dứt lời, một người quân nhân cầm xấp giấy phát ra. Ông giải thích, đó là thời biểu khóa học. Mười bốn tuần chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn một, hoàn tất thủ tục nhập ngũ, học tập nội quy, kỷ luật, nhiệm vụ trong quân đội và thao diễn cơ bản. Giai đoạn hai, tập bắn, sử dụng vũ khí. Giai đoạn ba, thực tập tác chiến và thi mãn khóa. Không đủ điểm sẽ bị loại.

Tôi nhìn quanh, ai nấy chúi đầu vào thời khóa biểu. Lịch trình đầy đặc, mỗi ngày mười hai tiếng, một tuần sáu ngày. Chủ nhật nghỉ. Người có đạo, được lễ tại trường. Trong thời tập huấn, không phép ra ngoài. Mọi hình thức thăm viếng bị cấm ngặt.

Tôi lấy bút dò từng hàng, cố tìm giờ rảnh sẽ gọi điện thoại cho Judy. Thấy tôi mò mẫm, thằng ngồi kế vò tờ giấy tròn vo, rồi vươn vai ngáp dài, "Lúc nào là lúc để thở, hả trời?"

Bên trên, ông huấn luyện viên giơ cao thời khóa biểu, đọc rào rào, "Bốn giờ ba mươi:tập họp, thể dục tại chỗ, nhận lệnh trong ngày. Năm giờ: điểm tâm. Năm giờ mười lăm:tập họp, diễn hành. Sáu giờ: chạy. Bảy giờ: vượt chướng ngại, tám giờ,... đến hai mươi mốt giờ: đèn tắt. Ngủ." Thời khắc nghiêm nhặt. Rồi ông dặn, trong quân đội khi nghe lệnh, lập tức thi hành. Chính xác. Mau lẹ. Lệnh không lập lại. Nói xong, ông la lớn, "Tất cả rõ chưa?" Chúng tôi nói, "Rõ." Ông lắc đầu, chưa nghe. Mọi người đồng thanh, "Rõ." Thật lớn, ông vẫn chưa chịu. Đợi chúng tôi gào bỏng cổ, ông mới thôi.

Khóa tập huấn chia bốn nhóm. Mỗi nhóm là một trung đội. Mỗi đội bốn mươi người, trực thuộc một huấn luyện viên chịu trách nhiệm chính. Sĩ quan của trung đội tôi chính là Bill Hawk. Hawk là diều hâu. Cái nhìn

ông soi mói, giống cú hơn giống diều.

Hình như Bill Hawk không biết đi, chỉ biết chạy. Ông dẫn đầu, cả đội lúp xúp theo sau. Chúng tôi di chuyển tới lui nhiều chỗ, làm hồ sơ, khám sức khỏe, nhận đồng phục, sắp xếp chỗ ăn ở đúng quy cũ. Doanh trại rộng, sợ lạc, sợ trễ, làm gì chúng tôi cũng bảo nhau, nhanh chóng, lẹ làng. Chỉ hai ngày tôi đã hiểu, mình chìm lỉm. Quân đội triệt tiêu đời sống cá nhân. Tập hợp, nhận lệnh, di chuyển, tới lui, ăn ngủ, tan hàng,... đều răm rắp. Phải, kể cả tan hàng. Trong quân đội, tan hàng thật ra chỉ là một hình thức sẵn sàng đợi lệnh. Nó là thứ tập hợp lỏng. Mỗi người như một cơ phận, một con ốc, một chiếc đinh vít trong guồng máy khổng lồ. Điều quan trọng, khi máy quay, người ta phải chạy vận tốc mới điều hòa.

Bài đầu tiên trong quân trường tôi học là lúc chích ngừa. Con mẹ y tá cầm súng chích bắn vào cánh tay mỗi thằng một phát. Thấy ai giật nẩy thì con mẻ lại cười duyên, "Chỉ như kiến cắn, phải hôn nà?" Nhìn mấy thằng trước chích xong đi lẩy bẩy, tôi chùn bước. Mẻ nhìn tôi nghiêm giọng, cứ trân mình chịu mới bớt đau. Tôi ngạc nhiên đến nỗi bị chích hồi nào cũng không biết.

Đêm đầu tiên, tôi mất ngủ. Nhắm mắt lại, nhưng tâm trí cứ lòng vòng ngoài sân trại. Chỗ này phát quần áo, chỗ kia là cantin. Khiếp nhất là phòng hớt tóc. Cả đội xếp hàng chờ. Tới phiên, tôi dặn, hớt ngắn hai bên tai và ót, nhưng phía trước làm ơn để dài một chút. Thằng cha thợ gật lia lịa, ừ, ừ. Khi ngồi xuống, hắn gọt một đường tông dơ từ sau ra trước. Đầu tôi có sọc như cái vỏ dừa. Nhớ lại, tôi vẫn ngờ, thằng cha thợ... diếc. Sau này, tôi nhủ, sẽ hớt tóc ở ngoài.

Gần sáng, tôi kéo mền lên đầu, đánh một giấc. Chỉ chút sau mền bung, tôi phát giác, mình khó ngủ vì lạnh cái đầu. Tôi trùm mền kín mít, định dỗ giấc thì nghe tiếng hoét hoét ngay đầu giường. Theo lịch trình, chương trình huấn tập bắt đầu vào tuần thứ hai. Nhưng mới tờ mờ, Bill Hawk đã đem còi tới thổi. Trời còn tối đen, chúng tôi nhào ra sân. Gió đêm dầm mùi sương mơn lên da thịt. Cả trung đội, kẻ trước người sau co giò, nhảy. Một hai, một hai, một hai,... có người nhắm mắt, đếm. Bill Hawk không để ý chuyện này. Thể dục tại chỗ xong, ông đọc huấn lệnh. Đến năm giờ, giải tán. Chúng tôi vào phòng điểm tâm. Bill Hawk không ăn. Ông cầm dùi cui đi lòng vòng kiếm những kẻ ngừng nhai, la mắng, "Ăn, ăn, ăn." Ăn cho no, mới đủ sức tập. Sau này, tôi mới biết, đối với ông, khi ăn phải nhai, khi bắn phải trúng, đó là cái đích để tới. Chuyện mất nhắm hay mở, không cần thiết. Nói một cách khác, nó ví như những vòng tròn đứng ngoài tâm điểm.

Ăn xong, chúng tôi về phòng thay quân phục. Ngắm thử trong kính, tôi trố mắt, một thằng lính dữ tợn cũng đang ngơ ngáo nhìn ra. Trời, tôi đó ư? Đang định thần nhìn kỹ, thằng Jones nắm lưng lôi tôi ra ngoài. Nó vừa chạy vừa la, "Tập họp, tập họp."

Chúng tôi, bốn mươi thằng sắp làm tám hàng, mỗi hàng năm đứa. Bill Hawk ngậm còi, nhưng không thổi. Ông rảo quanh, hàng dọc, rồi hàng ngang. Tới chỗ tôi, ông dừng lại, ngắm. Tia nhìn sắc lẻm. Tôi ngây người, nín thở, bụng dạ rối bời. Cảm giác như ai lấy mũi dao rạch chơi trên mặt, mày, mi, mắt. Xong, ông lướt qua, rồi dừng lại chỗ một vài người khác. Sau cùng, rút danh sách, gọi tên. Tới ai, nấy la, "Có." Tôi để ý, trong đội ngoài thằng Lee gốc Á, có một Mễ, một Cuba, số còn lại toàn dân bản xứ.

Điểm danh xong, Bill Hawk nghiêm giọng nói, khi thực tập mọi người phải cố gắng bằng chính sức mình. Mỗi người phải sống, chiến đấu như một con sói cô độc. Không giúp đỡ, không bao che, không hơm mình. Tất cả đều bình đẳng, mọi hình thức kỳ thị, bị cấm ngặt. Trong quân đội, mọi thứ phải đơn giản, rõ ràng, như thắng và thua, như không và có. Phải loại trừ những thứ lưng chừng. Ngôn ngữ quân đội cũng khác, ông không muốn nghe những chữ *có lẽ, hình như, thì là, tại, bị...*

Buổi đầu, chúng tôi tập những động tác thao diễn. Nghiêm. Nghỉ. Chào. Quay trước, quay sau. Sắp hàng, rồi tan hàng. Khi nắng lên cao, chúng tôi bắt đầu diễn hành. Một. Hai. Ba. Bốn. Bill Hawk đếm trước, chúng tôi đếm theo. Một. Hai. Ba. Bốn. Đếm mỏi, Bill Hawk lấy còi thổi. Một hồi sau, không có tiếng còi, chỉ còn tiếng chân. Đội hình đi chuyển nhịp nhàng. Chúng tôi băng đồng cỏ, vượt qua ngọn đồi cao. Khi vòng về, đếm chán, Bill Hawk dạy chúng tôi ca.

I'm just soldier,
Sergant march for you.
I'll not quit until P.T. is through.
That's turn me on.
Must be army.
That's make me strong.
One. Two. Three. Four.
One. Two. Three. Four.

Chín giờ sáng, chúng tôi từ đồi cao thẳng một đường vào lớp học. Giảng viên là một sĩ quan, đội nón kết, đứng dang chân, tay chống nạnh, nghe báo cáo. Tôi nói lớn, "Tiểu đội Một, báo cáo, Ron Nguyen, 9341, sir." Ông thầy lừ mắt nhìn. Tôi mặc, đi tới ghế, đàng sau quay, đặt đít xuống.

Khi tất cả ngồi yên, lớp học bắt đầu. Ông thầy, tên Tom Selek, ngồi trên bàn chăm chú nhìn mọi người một lúc rồi hỏi, tại sao chúng tôi vào quân đội? Câu hỏi tưởng dễ, mà hóa khó. Mọi người bối rối. Không ai xung phong trả lời. Ông chỉ Jones. Nó ấp úng nói, nó vào quân đội làm người lính để bảo vệ quê hương. Chúng tôi chịu Jones nhanh trí, trong chớp nhoáng nó nghĩ ra câu trả lời đúng bài bản. Nhưng ông thầy chỉ nhếch môi, cười chế điễu. Ông chỉ tiếp, Ted, người Cuba. Nó kể dài dòng, đại khái nhà nó nghèo, lớn lên trong khu xã hội đen, đi lính để diệt kẻ xấu. Ông Tom cười ngất, bảo nó lạc đường, nên vào cảnh sát mới đúng. Rồi ông chỉ Lee. Thằng này thành thật nói, ba nó biểu nó đi lính. Ông Tom gật gù, mày đi lính để cha cầm súng, phải không? Cả lớp cười ầm.

May, tới tôi thì ông Tom ngưng rồi phát tài liệu. Tiếng lật giấy rào rào. Tôi đọc lướt qua từng đề mục. Ngoài những mục về nhiệm vụ, nội quy, kỷ luật, còn có những môn phụ như toán, Anh ngữ. Ông bắt đầu đọc từng phần. Kinh nghiệm chỗ nào nhiều người hỏi, ông ngưng lại giảng huyên thiên. Trong khi nghe, tôi xoay thế, ngồi duỗi chân. Một cảm giác tê rần lan truyền từ trên xuống dưới. Phải lợi dụng lúc học để nghỉ mới có sức chịu đựng tới chiều. Mãi tới lúc ông Tom đứng nghiêm, đọc mẫu lời tuyên thệ, tôi nghe ở cuối lớp có tiếng ngáy xen vào.

Ngay chiều đó, khi trở ra bãi tập, Bill Hawk nói, tập diễn hành là tập làm dáng, một kiểu làm đỏm của quân đội. Biết chạy, mới là hành động thiết thực. Nói xong, ông giơ ba ngón tay tức ba miles, rồi rút còi ra thổi. Thằng Jim phản đối, mới ăn trưa xong, chạy nhiều vậy sẽ xóc ruột. Bill Hawk hứ mũi, lập tức giơ năm ngón, năm miles. "Quân đội chỉ có tuân lệnh, đó là kỹ luật. Phản đối ư? Tao còn nhiều ngón tay lắm." Ông dắc chí nói. Vài thằng tức, định đập thằng Jim thì nghe còi thổi. Chúng tôi lập tức tung mình chạy. Nhiều thằng giữ hơi, chạy tà tà. Bill Hawk đuổi theo sau, lấy còi thổi vô tai nghe điếc rái. Điểm đến là cánh rừng thưa. Vừa tới đích, nhiều thằng nhào lăn ra đất, thở. Khi Bill Hawk tới, ông chê, chúng tôi chạy dở. Phải chạy sao cho nhanh và bền. Trông chúng tôi bây giờ, sức đâu đủ trói gà.

Hai giờ chiều, chúng tôi gặp lại Tom Selek. Ông đọc nội quy và kỹ luật quân đội. Trong đó có nhiều mục. Ông nhấn mạnh tới Mười Một Điều Lệnh Tổng Quát. Người lính trong mọi tình huống lúc nào cũng phải đề cao cảnh giác để bảo vệ an ninh và tài sản quốc gia. Chỉ điều này đã làm tôi nghĩ, một ngày làm lính, cả đời là lính.

Ông Tom nói, nhiều người nghĩ, kỷ luật quân đội là thứ kỷ luật sắt, người lính mù quáng tuân hành. Điều đó sai. Khi thấy cấp trên sai trái, người lính có quyền phản đối. Ngày nay, quân luật được đặc biệt tôn

trọng, không như trước. Ông dạn chúng tôi, đừng tin vào những phim truyện chiến tranh. Toàn là điều giả tưởng, mà Thượng đế chính là thằng cha đạo diễn.

Ba giờ, chúng tôi trở ra sân, tập hít đất, ngồi bật, du xà. Bill Hawk nói, đó là cách rèn luyện thân thể dẻo dai, cường tráng. Phải tập thường xuyên, chúng tôi mới có thể đạt, hít đất, hai mươi lăm; ngồi bật, bốn mươi lăm, du xà, hai mươi cái. Đó là tiêu chuẩn kỳ thi cuối khóa.

Bill Hawk thổi năm còi. Chúng tôi nằm sấp, hai tay chống đất, dồn sức vào tay đưa mình lên. Được ba cái, nhiều thằng sụm, nằm bẹp dí. Bill Hawk gọi, đó là những con gián. Ông bắt gián ra, buộc phải làm lại, năm cái. Lần thứ hai, tôi làm bốn cái. Bill Hawk lắc đầu. Lần thứ ba, tôi hít năm giữa tiếng reo hò cổ vũ của cả đội.

Khi tan hàng, Bill Hawk nhìn tôi thương hại, phải cố lên. Cái nhìn làm tôi ghét. Về sau, tôi vẫn nhớ ánh mắt thằng cha này.

Buổi tối, tắm rửa xong, chúng tôi có lớp tối dạy cách mua sắm trong các BX. Đó là siêu thị trong quân đội. Giá rẻ, trả bằng tem phiếu, ghi trong cuốn sổ nhỏ gọi là chit book. Giảng viên bảo, quân trường cung cấp đủ vật dụng, chúng tôi sẽ lãnh đủ một lần vào cuối khóa. Quân lương chia theo ngạch, từ E 1 tới E 10. Chúng tôi thuộc E 1, lương thấp nhất. Giảng viên an ủi, chẳng ai đi lính mà khá. Tuy nhiên, quân đội là con đường mở rộng học vấn. Ai tham gia các nhiều khóa huấn luyện, thăng ngạch cũng tăng lương.

Tắm giờ, dọn phòng. Phòng ngủ gọi là barracks, gồm hai mươi giường đôi. Chúng tôi vừa làm vừa cãi lộn. Thằng Jim giường dưới, mở màn cự, tôi hay để mền thòng, nửa đêm dậy nó giật mình tưởng ma. Cả bọn hoác miệng cười. Jones phân bua, đỡ hơn thằng Lee, tối ngủ còn tập kungfu làm cái giường lắc như con tàu. Thằng Lee nổi cáu hét, láo, láo. Jones hỏi, láo chỗ nào? Lee nói, không cần hỏi cũng biết, ở trong lớp mày dóc, không biết ngượng. Cái gì gọi là người lính đi bảo vệ quê hương? Jones cười hà hà, người Mỹ bảo vệ Mỹ, còn mày Tàu cớ chi lại vô đây? Câu hỏi dụng chạm nhiều người. Lee chưa kịp trả lời, Jones đã bị chúng tôi mắng cho một mách. Kỳ thị là vi phạm quân luật.

Chúng tôi im. Nhưng vấn đề cứ lảng vãng trong đầu. Một hồi sau, đội kiểm soát tới xét phòng. Chín giờ, còi hú. Đèn tắt. Chúng tôi ngủ. Bóng tối ngập phòng. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên trần. Bên dưới, thằng Jim cứ trở mình. Một hồi, nó gõ nhẹ thành giường. Tôi lú đầu thò thì, gì? Jim nói, mày đi lính Mỹ, nếu có chiến tranh giữa hai nước, mày bênh bên nào? Tôi trùm mền suy nghĩ rồi giả bộ ngủ quên. Câu hỏi là cái bẫy, mà trả lời sao cũng dính.

Qua tuần sau, Bill Hawk nói, trước khi tập bắn, chúng tôi cần học cứu thương. Bill Hawk đi khỏi, thằng Jones đùa, trước khi giết người, phải biết cứu người.

Ở lớp quân y ra, Bill Hawk lại nói, biết cứu thương chưa đủ, sau này, chúng tôi cần phải biết cách mưu sinh thoát hiểm.

Chúng tôi mang súng, vác ba lô, đội nón sắt, chạy. Ban đầu chạy trên đồng cỏ. Về sau, tập chạy trong rừng, nhảy qua chướng ngại. Hết chạy, tới bò. Bò lên đồi cao, chui qua rào kẽm, dưới tầm hỏa lực. Những đêm có mưa, Bill Hawk làm dấu tạ ơn, rồi bắt chúng tôi bò. Đạn của ban huấn luyện, không biết thật giả, xẹt qua đầu, đỏ ké. Chúng tôi khiếp, bò sát đất. Thằng Jim nghi, không lẽ họ bắn mình bằng đạn thật? Thằng Ted giơ súng làm bộ nhắm, ôm súng không dạn như ôm nhầm người không tim. Bò ra tới ngoài, Bill Hawk trông thấy chúng tôi cười. Ông chửi một mách, rồi phạt cả đội, làm lại từ đầu.

Tuần thứ ba, chúng tôi mang súng thật. Cầm, ôm, mang, vác, nạp đạn,... lau chùi phải đúng quy cách. Ai lỡ tay, ông phạt ngay, phòng những người bất cẩn. Tôi phát giác, mắt Bill Hawk sắc như diều. Nhiều người nói, thằng cha này tinh lắm, ruồi bay qua cũng muốn bắt lại dòm.

Sáng chiều đều có giờ bắn. Đây là môn chính, tính nhiều điểm nhất. Tôi giơ khẩu M 16 nhắm, từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi sao thành một đường trùng với tâm điểm. Tôi bắn mười, trúng một. Bill Hawk nói, cứ mười phát mà trật một, họa may sống. Kiểu như tôi, ra trận, không có cơ bắn tới phát thứ mười. Tôi làm thinh, lầm lì ghìm chặt súng. Bắn. Sức giật khiến nòng súng chếch, viên đạn trệch một đường bay vút ra ngoài.

Tối ngủ, tôi nằm mơ. Những hình nhân biết di động, biết cười nói xôn xao. Còn tôi ôm súng thật đứng trơ như bia gỗ. Sáng dậy, đôi mắt cay sè. Tôi theo đám diễn hành như kẻ mộng du.

One. Two. Three. Four.
One. Two. Three. Four.
Má ơi, đừng khóc nữa,
Con má, chưa chết đâu.
Con đi, vì sông núi.
Cháy túi, con trở về.

Tôi giật mình. Bài ca nhảm. Tôi liếc qua Bill Hawk, lại thấy ông ta cười.

Sáng hôm đó, nụ cười của Bill Hawk đã làm tôi tỉnh ngủ.

Khi tới sân BRM, tôi ngắm những bia người đứng bất động. Ngẫm nghĩ sao, tôi lo lắng nói, "Ra trận, tao sợ tao không dám bắn người thật?"

Thằng Lee nhìn tôi, ngạc nhiên, "Còn tao, chỉ sợ người ta bắn mình." Rồi nó nhún vai, "Chết cho đất nước này, thật vô lý." Thằng Ted Cuba, nhăn mặt, "Chết cho bất cứ nước nào cũng vô lý cả."

Mấy ngày sau, chúng tôi học về tác hại của những thứ vũ khí mới. Bom hạt nhân, bom sinh học, và hóa học. Những loại tối độc và giết người hàng loạt với số lượng nhỏ, khó khám xét. Để nhận diện, chúng tôi học thêm toán và Anh ngữ. Toán, học cách cộng, trừ, nhân, chia, chấm tọa độ,... không máy tính. Các nguyên tắc đọc bí số, ký hiệu trên các loại chất nổ, vũ khí,... để biết công dụng. Lớp Anh ngữ, dạy chúng tôi hiểu ý nghĩa từ ngữ một cách chính xác, cách đọc bản đồ, và những ngôn ngữ riêng của quân đội. Ví dụ, colors (màu sắc) nghĩa là cờ; cover (che đậy) là nón, sickbay là bệnh viện. Thời giờ quân đội cũng khác, một ngày có hai mươi bốn giờ, bảy giờ mười lăm tối phải nói mười chín mười lăm. Tôi nghĩ, mình biến đổi như con ve đang lột xác.

Tới giữa khóa là thời gian khổ luyện. Chúng tôi học cận chiến. Địch là đám người cây, đứng yên không nhúc nhích. Chúng tôi bò sát đất, khi tới gần thì bật dậy, ào ào thét, "Xung phong." Cả đội xông tới đâm túi bụi vào đám người cây. Bill Hawk đứng đàng sau, nhào ra chửi, chúng tôi điên.

Khó nhất là học leo dây, đi trên lưới, trèo tường, đu người từ trên cao. Bãi tập gọi là Đài Chiến Thắng. Đài đóng bằng gỗ, trên có cầu treo, dây đu, và nhiều xà ngang, xà dọc. Muốn lên, phải bám dây, dùng sức kéo cả thân mình. Dây là loại thừng to, nắm đau tay. Nhiều đứa leo chưa tới đâu đã bị tuột. Bill Hawk lấy roi đứng bên dưới quất vô giò. Chúng tôi sợ, phải gồng mình mới lên được. Đài cao, từ trên nhìn dễ chóng mặt. Lên đã khó, xuống cũng không dễ. Chúng tôi nắm dây, bung mình, thả từng chặn. Khi chạm đất, hai bàn tay rát bỏng, tê rần. Chưa leo thành thục, Bill Hawk đã dạy cách đi dây.

Buổi tối, khi về phòng, ai nấy dừ. Mình mẩy tôi rã rời. Không còn sức cãi nhau. Vừa đặt lưng, chúng tôi đã ngủ say như chết.

Chúa nhật nghỉ. Sáng, tôi tốc mền dậy sớm. Phải chạy nhanh ra phòng điện thoại để gọi Judy. Tôi không muốn đang nói chuyện, có người sắp hàng chờ điện thoại. Khi băng ngang dài Chiến Thắng, nhác thấy bóng người. Quái, ai đang tập giờ này? Tôi chạy tới gần, lom lom nhìn. "Hi. Ron." Thằng Lee đứng trên cao vẫy tay chào rối rít. Chưa kịp hỏi, nó đã nói, phải tập nhiều cho quen. Ngưng một ngày, khi trở lại sẽ thấy khó như mới bắt đầu. Nó rủ tôi tập chung. Thấy nó chịu khó, tôi không nỡ bỏ đi. Tập một mình thật dễ chịu. Một lúc sau tôi nhận ra, không ai hối, tôi có thời giờ tìm thế nắm thích hợp, dễ leo.

Trên đường về, tôi rủ nó ôn các tiếng lóng trong quân đội. Nó nói, "Tiếng Anh rắc rối, đọc một đằng hiểu một nẻo. Sau này, cả thế giới sẽ nói tiếng Tầu." Thấy tôi kinh ngạc, Lee giải thích, "Người Tầu ở khắp nơi, sau này con cháu chiếm đa số thì thế giới sẽ nói tiếng Tầu." Tôi dè đặt nói, "Nhưng hiện nay nước nào cũng học Anh ngữ là sinh ngữ phụ." Lee cả quyết, "Đó chỉ là tạm thời, điều tao nói là qua thời gian đó nữa." Tôi chống chỏi, hỏi một câu ngớ ngẩn, "Nhưng, trong lúc cả thế giới nói tiếng Anh thì người Tầu nói tiếng gì?"

Chúng tôi gặp lại Tom Selek trước khi bước qua giai đoạn ba, tập hợp đồng tác chiến. Ông dạy cách truyền tin, đánh mật mã, và nhận diện các đơn vị bạn. Như Thủy Quân Lục Chiến, huy hiệu con ó đậu trên quả địa cầu, đằng sau có chiếc mỏ neo gác tréo; Đội Đặc Nhiệm, mũ xéo xanh, huy hiệu là cây gươm vàng và ba lần chớp; Người Nhái, có con ó đậu trên mỏ neo,... Ngoài ra, chúng tôi còn học những huy hiệu quân đội nước ngoài. Như Anh, tất cả huy hiệu đều có hình vương miện; Nga, hình búa liềm; Trung Quốc, ngôi sao đỏ, chữ Tầu bạc,...

Chúng tôi xem quá nhiều huy hiệu phát hoa mắt, một hồi không phân biệt nổi. Tom chỉ, điểm khác nhau giữa quân đội của các nước không phải trên huy hiệu mà ở trong nhà tù. Lính tư bản bắt mười tù nhân phát cho mười một điếu thuốc, trong khi phe cộng sản chỉ phát chín. Cùng là cách dùng vật chất mua linh hồn. Chỉ khác nhau, người mua rẻ, kẻ mua mắc, vậy thôi.

Chúng tôi nghĩ, Tom Selek là một người hóm, luôn đặt ra những vấn đề cắc cớ để giải khuây. Còn Bill Hawk như một bóng quạ, lúc nào cũng gió vuốt giữa bầy gà. Gần cuối khóa, ông càng khắc tợn. Buổi sáng, hai dặm trong mười lăm phút. Ai chạy chậm, phải chạy lại từ đầu. Ông đưa ra tiêu chuẩn, bắt chúng tôi mỗi ngày phải thi thử. Mỗi lần nghe phàn nàn, Bill Hawk mắng, tiền thuế dân đâu dư dả để trả cho mấy người ngồi bẻ lóng tay. Tụi tôi nói, thằng cha này không phải diều mà là cọp.

Cuối cùng, chúng tôi học pháo, cách phối hợp xe tăng, trực thăng, và những đơn vị khác. Khóa học bốn trung đội, chia hai phe. Mục tiêu là cái chòi gác trên đồi cao. Buổi trưa, trên đường tiến lên đồi, tôi gặp lại thằng John cùng lớp đang nấp trong một lùm cây. Mới gặp nó hối hận, chửi thề, vào đây như xuống địa ngục. Tôi lập lại lời nó hồi trước, chịu đựng mười bốn tuần, hết thời tập huấn là khỏe. Sau hai năm cởi áo, làm đân. Nó thở dài, áo này như áo da, mặc vào rồi khó cởi. Nói đến đây, nhác thấy Bill Hawk đang thị sát đằng xa, tôi định chạy. Nó nói, ông Bill hiền, chứ không như thằng cha Tiger bên tao, nó dữ còn hơn cọp.

Ngày mãn khóa, chúng tôi diễn hành quanh khán đài. Ban chỉ huy trường mời các vị sĩ quan cao cấp về dự lễ. Tôi liếc qua hàng ghế dành cho quan khách, Judy và cha mẹ nuôi cũng đang hướng về tôi.

Ban chỉ huy trường tuyên dương và xướng tên tân binh mãn khóa. Chúng tôi được gắn ngạch và cấp bằng. Từ giờ phút này, tôi đã là người lính, quân số 726256- B526 là tên. Tiếp theo, chúng tôi làm lễ tuyên thệ, rồi tung nón bế mạc. Sau ngày tốt nghiệp, tôi được một tuần phép trước khi trở lại nhận lệnh mới.

Tôi về nhà thay thường phục rồi dẫn Judy ra cánh đồng xưa. Chúng tôi kể nhau nghe nhiều chuyện và đuổi bắt như hồi còn thơ. Tới chiều nắng đổ ngập cánh đồng. Mặt trời gay gắt chói. Judy nép vào sau lưng tôi trốn nắng. Thấy áo dầm mồ hôi, nó đưa môi ngậm từng giọt như người Hồi nhấm nháp rượu quỳ.

Tuần phép trôi qua nhanh. Trước ngày trở lại trường về đơn vị mới, Judy nói trông tôi thay đổi nhiều. Tôi cười, nhìn vào kính, ừ. Trông tôi ốm, da đen đi, nhưng rắn chắc. Còn Judy, tôi nhìn kỹ, trông hơi khác.

Chín giờ mười, ngày mười một tháng chín, chúng tôi có lệnh tập hợp khẩn. Ban chỉ huy báo cáo tình hình. Một tổ chức khủng bố tấn công hai tòa nhà chọc trời của New York và một góc lầu của Bộ Quốc Phòng. Lệnh báo động toàn quốc. Quân nhân các cấp toàn ngành ở trong tình trạng sẵn sàng. Không phận, hải cảng, đường biên giới đóng cửa. Cả đơn vị chờ đợi nhận lệnh. Không khí dượm mùi chiến tranh.

Buổi chiều, đơn vị tôi được lệnh điều động tới New York. Xưa nay, tôi vốn không ưa thành phố lớn. New York, nơi mệnh danh "A thousand dreams for one parking place." Máy bay quân sự bay một vòng. Khói mù mịt. Bên dưới, một đống gạch đổ cao như một núi hoang tàn. Trái tim tôi như thắt lại từng hồi.

Trung đội tôi chia nhau đóng một ngã phố. Chúng tôi căng dây, giăng chướng ngại vật ngăn từng khu. Những người dân cầm cờ đứng hai bên lề hoan hô người lính. Tôi cảm động, hơi xấu hổ. Chúng tôi là lính mới, chưa làm gì để được hoan hô. Tôi nhìn những đoàn người thiện nguyện, làm việc ngày đêm, nhặt những mảnh thi hài mà cảm phục.

Buổi tối, con phố không ngủ. Nhiều người mang khung ảnh thân nhân, xuôi ngược trên vỉa hè. Gặp ai, họ cũng hỏi. Những câu hỏi vang lên như điệp khúc.

Tôi đứng canh giữ hiện trường. Và tưởng tượng hàng trăm chuyện tình trong tòa nhà đổ nát. Mà chuyện nào kết thúc cũng giả sử nạn nhân là tôi hoặc Judy. Để sáng mai tôi gặp lại những người không may, vừa mừng

vừa thương hại. Tôi hạnh phúc vì tôi có tình yêu. Như người đang đứng ngoài ánh sáng, mà Judy chính là người cầm đuốc mang cho.

Đến sáng, thay phiên gác, tôi quyết định gọi về nhà. Mẹ nuôi bốc điện thoại, mừng rỡ, "Con khỏe không? Em nó đi chơi biển với bọn thằng Tim. Chưa nói với con à?"

Tôi không tin ở lỗ tai mình. Hôm qua, Judy mới nói đi cắm trại ở trường. Lẽ nào?

Tôi đứng lại bên đường. Nắng ban mai đã vàng bên kia phố.?

TRẦN HỒNG CHÂU

DĂM BA ĐIỀU NGHĨ VỀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Độc giả hãy cùng người viết khoan thai, nhẹ nhàng mở cửa vào vườn hoa của chúng ta. Tạm bỏ quên các hệ thống, các lý thuyết ở ngoài cửa. Không lý giải, không lý luận. Nguười viết tự coi đó chỉ là phong cách riêng của mình. Và biết rõ là trên văn đàn còn nhiều thái độ phê bình, nhiều cách thế, nhiều ý hệ khác nữa, khi đến với tác phẩm văn nghệ. Theo quan niệm nào, thái độ nào cũng có phần tích cực và xây dựng. Miễn là hăng say nhập cuộc, không thờ ơ, nguội lạnh. Miễn là chân thành tìm hiểu, tất cả *bởi* và *cho* văn nghệ... **Trần Hồng Châu**

Ước chi

NHƯ CHI

Ước chi đời đừng quá nhọc
Con người còn dủ nắng mai
Để nhìn sương rơi lóng lánh
Để nghe chim hót trên cành
Để con đường không quá mỏi
Dưới bóng cây ghé một lần
Bông hoa còn khi khoe sắc
Có khi còn dịp tỏa hương

Bóng trăng đêm còn bát ngát
Mây trời còn đó lênh đênh
Trước sân gia đình trải chiếu
Ông bà kể chuyện đời xưa
Cháu con quây quần chẳng thiếu
Hương trà tỏa khói thơm thơm

Ước chi lòng đừng quá chật
Chiến tranh đâu có chỗ về
Tình yêu bay cao chất ngất
Như làn khói ấm chiều quê
Không còn một ai thù hận
Làm chi có nỗi sầu đau
Thế gian tỷ người bầu bạn
Đi đâu lại chẳng là nhà

Lòng vui đời vui xú xú
Lòng vui như thuở bé thơ

Ước chi lòng đừng quá bận
Cho đời được chút thong dong
Ước chi chân đừng quá vội
Chờ nhau một phút ân cần

Trong khu vườn mùa xuân

Trần Mộng Tú

Hai chúng tôi bước vào một khu vườn mùa xuân đầy nắng. Cỏ xanh biếc và cây đầy trái. Những quả táo đỏ treo trên cây như những chiếc lồng đèn. Những quả lê vừa độ chín vàng lấp ló dưới tán lá trông như những món đồ treo trên cây Giáng Sinh. Tôi cắn nhẹ vào một quả, chút nước thơm ứa ra. Tôi gọi cô bạn gái đến để chúng tôi cùng hưởng. Khi chúng tôi mải ríu rít chia nhau quả chín, thì có một đôi mắt đang nhìn ngắm chúng tôi. Một thiếu phụ đang đi bộ trên cái máy tập thể dục của nàng đằng sau một khung cửa sổ. Chiếc cửa sổ khá rộng cho chúng tôi nhìn rõ toàn thân thể nàng trong ánh nắng buổi sáng tháng Giêng. Chiếc cửa sổ trong suốt, cho chúng tôi có cảm tưởng là nàng đang đi bộ trong vườn cùng với chúng tôi. Đó là một phụ nữ nhỏ bé, tóc mầu đen và đôi mắt mầu nâu. Nàng còn mặc bộ đồ ngủ nên chúng tôi nhìn rõ cặp chân rất thanh cử động theo từng bước đi, hai cánh tay trần đưa lên hạ xuống. Trông nàng đẹp như một con chim hòa bình đang bay từng sải ngắn. Tôi phải ví như thế vì trong mắt tôi loài chim là loài đẹp nhất trong muôn loài mà Thượng Đế đã tạo ra. Trong đời tôi, tôi đã được nhìn ngắm bao nhiêu là phụ nữ. Khi họ đi cắm trại trong rừng, đi picnic trong công viên, đi đạo ở ven hồ. Họ ăn mặc kín đáo hay lộ liễu. Tôi chưa thấy ai hợp mắt tôi như thiếu phụ ở trong khung cửa sổ này. Nàng mỉm cười làm quen. Có lẽ sợ chúng tôi bỏ đi, nên nàng rất thận trọng không dám thay đổi động tác. Cả hai chúng tôi vừa ăn trái chín vừa ngắm nghía nàng, giống như nàng đang ngắm chúng tôi. Biết có người nhìn ngắm mình, người bạn gái của tôi rướn cái cổ cao hơn một chút trước khi cúi xuống ăn trái lê, và ăn xong một miếng nhỏ nàng lại duỗi hai tay ra để khoe cái mềm mại của mình. Trông cô cũng xinh đẹp lắm! Phụ nữ có khác, họ không chịu nhường ai về nhan sắc bao giờ. Tôi thấy thiếu phụ sau cửa sổ cũng vung cánh tay

nàng cao hơn, nàng rướn người lên hơi nghiêng về phía chúng tôi, cặp vú nhỏ của nàng cong lên sau làn vải mỏng. Chao ôi! Trông nàng mới quyến rũ làm sao. Miếng lê trong miệng tôi bỗng thơm nồng.

Khi người bạn gái của tôi đi về phía cây táo, tôi vội sang theo, tôi không muốn bị cô nghi ngờ. Nhưng tôi cũng lựa một cành quay mặt về khung cửa sổ. Cành táo ở trên cao nên tôi nhìn rõ cả căn phòng của thiếu phụ. Một chiếc giường ngủ rộng, có đủ một cặp gối (như thế là nàng không cô đơn như tôi nghĩ. Tại sao tôi lại thích nàng cô đơn nhỉ?), hai chiếc bàn ngủ bên cạnh giường thì đầy những sách. Một bên thì toàn tiểu thuyết, sách báo văn học (tôi đoán là của nàng). Còn phía bên kia thì sách báo về kinh tế, chính trị (ông chồng nàng chắc khô khan, và khó chịu lắm). Trên giường ngủ có một con gấu nhồi bông mầu trắng, con gấu không to lắm, nhưng trông nó cũ kỹ và dẹp lép. Chắc là nó được nàng ôm nhiều năm rồi, mà ôm nó lâu thế thì chắc phải cô đơn chứ ?(Đấy, tôi đoán đâu có sai). Ở bàn trang điểm của nàng, có chiếc lọ thủy tinh cao, chỉ cắm một bông hồng (chắc chỉ để riêng nàng ngắm)

Nàng vẫn thản nhiên bước đều trên máy, không để ý đến cặp mắt tò mò của tôi vào đời sống nàng. Tôi nhìn rõ được mầu hồng của gót chân nàng. Gót chân trông giống như cánh hoa của đóa *magnolia* vừa hé nở . Tôi nhìn rõ cả được cái bóng mờ mờ của thân hình nàng sau lần vải mỏng. Cái dáng mảnh mai của nàng nhịp nhàng lên xuống lung linh trong vạt nắng mùa xuân chiếu qua cửa sổ, trông giống như một cành đào đang rung rinh trong gió. Tại sao Thượng Đế lại có thể tạo ra một sinh vật đẹp đẽ đến thế! Tôi không biết thế giới nàng sống ra sao? Nàng yêu đương ăn ngủ thế nào? Và nàng có hạnh phúc hay không? Nàng có được nhởn nhơ ca hát suốt ngày và không bao giờ phải lo lắng đến cái ăn cái mặc như cô bạn gái của tôi?

Tôi còn đang vẩn vơ suy nghĩ thì cô bạn đến kéo tôi đi. Chúng tôi đến một khu rừng sau lưng căn nhà của thiếu phụ. Tôi vừa đi vừa quay đầu lại nhìn cái bóng mảnh mai đang múa lượn trong vạt nắng mùa xuân. Chắc chắn tôi sẽ quay lại, một mình.

Vâng, tôi quay lại, quay lại một mình vào ngày hôm sau. Tôi vẫn đến chỗ cành táo hôm qua và được nhìn ngắm nàng suốt buổi sáng. Vẫn cái dáng mảnh mai nhịp nhàng lên xuống trong lúc nàng tập thể dục trước khung cửa sổ buồng ngủ. Đôi chân thanh tú, cái eo nho nhỏ, và cặp vú thanh tân. Tôi nhìn nàng không chán mắt. Tôi thấy nàng lại mỉm cười làm quen với tôi trong khi đôi tay vung lên, tôi đáp lại bằng một cái nghiêng đầu lịch sự.

Tập thể dục xong, nàng đi vào bếp. Tôi lại đi vòng theo và dừng lại ở

mấy gốc hồng. Đây là một góc vườn hướng nam của nhà nàng. Trong mảnh đất nhỏ này có hoa hồng, hoa cúc và hoa thược dược. Chiếc cửa sổ ngay chỗ rửa chén nhìn ra mảnh đất đầy hoa này. Nàng đem chiếc ấm nhỏ ra lấy nước để nấu trà, khi ngẩng lên nàng nhìn thấy tôi. Bốn mắt chúng tôi chạm nhau, nàng hơi ngỡ ngàng một chút (có lẽ không ngờ tôi vẫn theo chân nàng) xong lại mỉm cười. Chao ôi! Cái nhếc mép của nàng thật là khiêu gợi. Ước gì tôi được hôn lên đôi môi đó. Khi nàng ngồi uống trà thì tôi cũng lại rời chỗ, sát đến cây phong để ngắm nàng cho rõ hơn, vì góc bếp phía này cũng có khung cửa sổ nhìn ra một cây phong. Cây phong mùa này đang ra lá non. Những lộc mầu xanh biếc nhỏ như những ngón tay nàng đang nâng chén trà đưa lên miệng. Ước gì tôi được áp má mình vào những ngón tay đó. Thật không có hình ảnh nào đẹp bằng hình ảnh của thiếu phụ ngồi uống trà một mình trong căn bếp nhỏ ngập nắng sớm mai.

Tôi loay hoay suốt cả ngày với nàng. Nhà nàng có bao nhiêu khung cửa sổ trên gác, dưới nhà tôi đều biết hết và tìm được chỗ đứng để đối diện nàng. Ở phòng ngủ có cửa sổ nhìn ra cây lê và cây táo, cửa sổ phòng khách nhìn ra cây phong Nhật lùn, buồng ăn chính cửa sổ nhìn ra bụi hoa trà, trong bếp chỗ bàn ăn nhỏ nhìn ra cây đào và cây phong lớn, chỗ rửa chén cửa sổ nhìn ra vườn hoa. Khi nàng lên gác thì tôi phải sang nhà bên cạnh, hoặc sang tận ngôi nhà bên kia đường mới nhìn được thấy nàng.

Ngày này sang ngày khác, tôi đã một mình đi vào khu vườn mùa xuân. Cô bạn gái của tôi thì không muốn cứ đến mãi một chỗ, nên đã tìm được người bạn mới, và họ thích vào rừng với nhau. Tôi chẳng ân hận gì cả, tôi tự cho là mình bắt đầu có một người yêu. Tôi thuộc lòng thời khóa biểu của nàng. Buổi sáng nàng thường thức dậy vào giờ nào. Tập thể dục bao lâu. Uống trà bao lâu, ngồi vào bàn viết mấy tiếng? Tôi thích nhất là sau khi uống trà nàng thường ra vườn hỏi han trò truyện với những bụi hoa. Cắt đi những bông tàn và mang vào nhà một hai bông mới nở. Những lúc như thế tôi có thể đến thật gần nàng mà không ngượng ngùng. Tôi có thể ngửi được mùi tóc của nàng, và tôi ngây ngất. Có lần tôi nhặt hộ một chiếc lá nhỏ vướng trong tóc nàng mà nàng không biết. Tôi thuộc cả giờ nàng ăn trưa, khi nào thì vào bếp sửa soạn bữa cơm chiều? Tôi không thích nhìn vào nhà nàng vào chiều tối. Mặc dù lúc đó nàng không nhìn rõ tôi, trong bóng tối, tôi dễ lẫn vào dưới những tán lá. Vì buổi chiều là lúc người đàn ông hay hiện rõ ở khung cửa sổ nhất. Ông ta đi làm về thì ghé ngay xuống bếp tìm nàng, họ hôn nhau trong lúc nàng đang còn cầm dĩa dũa xào nấu. Thật là khó chịu khi phải nhìn cảnh này (Người đàn ông này quả thật không có tính kiên nhẫn)

Mặc dù muốn nhắm mắt lại và bỏ đi nơi khác, tôi vẫn giấu mình trong cây táo nhìn vào phòng ngủ của nàng cho đến khi người đàn ông kéo tấm màn cửa lại. Có đêm ông ta quên kéo màn, tôi đã gần như nghẹt thở khi thấy họ âu yếm nhau trước khi ngủ. Tôi biết là tôi đã ghen với người đàn ông. Như thế là tôi đã yêu nàng. Mà tôi làm gì được với cái tình yêu một chiều này. Tôi chỉ có thể làm được một việc là mỗi ngày bước vào khu vườn nhà nàng, từ sáng đến tối, đi chung quanh những khung cửa sổ và chiêm ngắm nàng.

Mùa xuân mang đến cho vạn vật một sức sống hoàn mỹ. Cỏ xanh mướt, trái trĩu cành, nắng trải mật thơm tho và mưa rắc ngọt ngào hạnh phúc. Cả khu vườn chim bướm đua nhau về mở hội, những con sóc nhỏ cũng tung tăng ra vào, chiếc cổng gỗ lối vào vườn lúc nào cũng mở. Tôi vào đây gần hết mùa xuân. Tình yêu tôi cho nàng đầy ắp, tôi biết mơ mộng và bắt đầu tìm đọc những bài thơ.(Đã có lần tôi nghe thấy nàng đọc thơ ở ngoài vườn trong lúc tỉa những bông hoa). Bài thơ thứ nhất tôi sưu tầm được là một bài thơ tình. (Dĩ nhiên phải là thơ tình rồi, tôi đang yêu mà .)

Cầm đôi tay của người mình yêu
Bạn thấy không đó là hai cái lồng mong manh
Có những con chim nhỏ đang ca hát
Trong những cánh đồng cỏ tịch mịch
*Ở tận những thung lũng sâu của bàn tay **

Bài thơ thứ hai tôi học được nói về căn nhà, buồng ngủ và giấc ngủ của nàng.

Dù tôi có chinh phục nguyên địa cầu,
nhưng trong tôi chỉ cần có một thành phố.
Và trong thành phố đó tôi chỉ cần một ngôi nhà;
Trong nhà đó có một buồng duy nhất;
Trong buồng chỉ có một cái giường .
Và trên đó một thiếu phụ nằm ngủ,
Chính là niềm vui sướng lấp lánh và châu báu trong
vương quốc của tôi.

Cứ thế tôi sống trong mơ mộng và hy vọng. Khu vườn mùa xuân nhà nàng chính là nơi tôi đem hết đời mình ra sống. Cho đến một buổi sáng, khi tôi đến, tất cả những cửa sổ đều kéo màn , tất cả những cánh cửa đều đóng kín. Tôi đi chung quanh ngôi nhà cố tìm một khe hở, một tiếng động.Tất cả đều im lặng và bưng kín. Tôi hoảng sợ, tôi buồn bã, tôi thất

vọng. Tôi đứng trong vườn từ sáng đến trưa, từ trưa đến tối. Những khung cửa vẫn không mở, không có ai ở bên trong nhà đi ra, và cũng chẳng có ai trở về. Ngay cả đến người đàn ông tôi không có cảm tình, tôi cũng mong được nhìn thấy ông ta xuất hiện. Đêm đầy đặc và tôi phải ra về.

Sáng sớm hôm sau tôi quay lại. Ngôi nhà vẫn im lặng và bưng kín, tôi đứng chờ cho đến khi sương đêm đẫm ướt trên lưng và hai chân tôi run lên vì lạnh. Bóng nàng vẫn biền biệt. Hôm sau và những hôm sau nữa tôi trở lại và tôi không ra khỏi khu vườn, tôi ngồi dưới gốc cây lê trước cửa buồng ngủ của nàng, thức ngủ ngay dưới gốc cây. Ban đêm những trái lê chín nẫu rơi chung quanh tôi. Bóng nàng vẫn biền biệt. "Thủa chờ đợi, ôi, thời gian rét lắm"*

Cái lạnh đã ngấm vào da thịt tôi, tôi run rẩy trong đêm tối và nhớ ra là mình đã quên ăn từ hôm căn nhà đóng cửa. Cứ thế tôi lịm vào một giấc mơ. Trong mơ tôi thấy thiếu phụ đến vực tôi lên, đặt tôi vào giường của nàng, chiếc giường êm ái và ấm áp. Nàng nằm bên cạnh tôi, đặt những ngón tay mềm mại như lộc non vừa nhú của nàng trên thân thể tôi. Cả khu vườn mùa xuân nắng bỗng chẩy như một dòng sông mật.

Thiếu phụ mở tung những cánh cửa sổ cho nắng tràn vào căn nhà.

Nàng vừa trở về sau một chuyến đi xa với chồng. Nhìn ra vườn, mọi vật dường như thay đổi. Những con chim, con sóc không thấy rộn rã trong vườn, những bông hoa tàn không ai tỉa, cỏ mọc quá cao và ngả màu vàng úa. Nàng cầm chiếc kéo và cái giỏ đi ra vườn. Nàng cắt những bông hoa, và nhặt quả rụng trên mặt đất. Bỗng nàng thảng thốt kêu lên "Anh ơi! Có một con chim màu xanh chết dưới gốc cây lê". Nàng đặt tay lên nó, nó đã lạnh cứng tự bao giờ. Người chồng chạy ra với một chiếc xẻng nhỏ. Họ chôn con blue Jay ngay dưới gốc lê. " Sang năm chắc chắn những quả lê sẽ ngọt hơn", người chồng nói.

Trần Mộng Tú

- *Taking the hands* by Robert Bly (tmt chuyển ngữ)
- *Although I Conquer All the Earth*, from Sanskrit (tmt chuyển ngữ)
- Thơ Huy Cận, trong bài Tình Tự

Hãy ở cùng ta

TRIỀU HOA ĐẠI

ngày và đêm hãy ở cùng ta
nhật nguyệt soi mái đầu bạc thếch
em ơi có chi đâu mà trách
ở cùng ta. xin hãy ở cùng ta

mưa và nắng mỗi ngày mỗi tới
hề chi dâu buốt giá tháng năm dài
hồi chuông khuya nhọc nhằn quá đỗi
những ân cần chĩu nặng đôi vai

đêm, ngày cứ sắp hàng đi tới
còn nguyên không những dợi chờ xưa
em ạ, hãy ngồi yên đây nhé
vầng trăng khuya rọi bóng ai về

quẩn quanh với ta vừng trăng lấp
hẹn lúc về thu đã vào thu
những lá rụng. những đời sau chắc khuất
hồn nhiên ơi. lửa đốt lên chờ

nắng và mưa về ở cùng ta
cả em nữa đốt hồng lên củi đỏ
khoảng vườn trước, chắc giờ này cổng mở
chiều chậm rơi. chiều va chạm hiên nhà

ở cùng ta. ai chờ ngoài cửa
nhặt thông khô chụm lửa bàn tay
chim đã về bay vàng cuối phố
hồn ta phai tự thuở bao giờ

chuyện qua cầu nghĩ mà khốn khó
ngày lại ngày ghềnh dá về xuôi
hai bên đường cỏ hoa nở vội
mà thiên thu nhạt mất bóng người

hôm qua. buổi chiều ngồi quanh quẩn
gõ lên tay một khúc dàn mời
chẳng có hẹn mà âm thanh tới
vô chừng thôi như thể mưa rơi

suởi ấm lại trái tim bỏ xót
hồng lên. lửa đỏ chút nhân gian
dã về chưa, sương mù dốc phố
mà quanh ta những gốc phượng tàn

thủ gieo lại hạt mầm năm trước
dất, trời soi nhật nguyệt vô bờ
những vương vãi lần hồi thu nhặt lại
trẻ thơ nằm ôn lại giấc mơ xưa

trôi đi. chút nắng vàng ươm quả
đồng chiêm thưa, bầy chim nhỏ bay qua
nhà ngói đỏ. líu lo bàn chân sẻ
ân cần ơi! hãy ở lại cùng ta

ở cùng ta. hãy ở lại cùng ta
chiều rơi quanh những khu phố sương mù
những khu phố hôm nay ta về lại
nắng hanh vàng ngần ngại bỏ nhau đi

Người leo núi

Võ Đình

Nơi hắn đứng cách bờ biển có bao xa mà không thấy được biển. Chung quanh hắn toàn là sỏi đá, chồng chất, la liệt, cao vút, không một bóng cây, không một khoảng trống. Chỉ có sỏi đá và sỏi đá.

Dễ đến hai tiếng trôi qua, hắn vẫn còn leo tuy ngọn núi chẳng lấy gì làm cao. Có lúc hắn đạp phải một hòn đá rời, nó lăn đi ngay, kéo theo lớp lớp hòn đá khác, tuột xuống dốc, va chạm vào nhau tóe lửa.

Áo ướt đẫm mồ hôi. Hắn nhìn quanh quất hồi lâu, rồi ngồi xuống. Ngồi bệt, lưng thẳng, không tựa vào đâu được.

Từ xa, một bóng đen lao thẳng tới. Hắn vội né qua một bên: Chỉ một cánh chim bay vút trên không, ngay trên đầu. Mới đó đã chiều. Hồi trưa, trời còn xanh lơ, nay xám ngắt. Xám ngắt với hàng hàng đải mây đài giăng ngang, ám đen, vàng thau, và tím bầm.

Khi còn đứng tần ngần dưới chân núi, hắn thấy một người đằng xa đi lại. Sau lưng người ấy bụi bốc mờ mịt. Hắn nghe tiếng lục lạc leng keng. Thì ra đó là một đàn dê, đến mấy chục con. Dê kêu be be vang cả vùng. Ông lão chăn dê xồm xoàm râu tóc bạc, ố vàng, da sạm nắng nhăn nhúm, những đường rãnh trên mặt sâu và đen.

Hắn ra dấu chận lại, rồi hỏi thăm. Ông lão móm mém:

- Đừng leo núi này.

Hắn hỏi:

- Tại sao?

Ông lão há mồm. Cái cười khan, không thành tiếng. Ông lão nhìn hắn chằm chằm, từ đầu xuống chân, từ chân lên đầu, rồi nói:

- Lên được, xuống không được!

Hắn lại hỏi:

- Ông leo núi này lần nào chưa?
- Rồi. Một lần.
- Leo làm gì?
- Tìm dê. Dê ưa leo trèo.

Hấn gật gù:

- Thế là ông đã leo lên và đã xuống được. Ông làm được thì tôi làm được.

Ông lão chăn dê lại nhìn hấn từ đầu tới chân:

- Lên được. Xuống không được!
- Nhưng ông đã xuống được. Ông xuống làm sao?
- Lết.
- Lết!?
- Đúng vậy. Lết xuống.

Hấn đứng nhìn cho đến khi ông lão và đàn dê đi khuất. Cho đến khi tiếng lục lạc im bặt.

Rồi hấn bắt đầu leo.

Hấn leo luôn hai ba tiếng. Thỉnh thoảng, hấn ngừng lại một chốc, ngửa mặt nhìn lên, rồi cúi đầu nhìn xuống. Chung quanh không có gì cả ngoài sỏi đá. Sỏi nhỏ như viên bi thì vô số, còn đá, có lắm hòn nhỏ như nắm tay, có hòn lớn hơn cái đầu. Lần đầu tiên hấn leo núi mà hai tay thừa thãi, không nắm vào đâu được. Không một cành cây. Không một dây leo. Không cả một bụi cỏ. Hấn cố gắng lắm để đừng đưa tay bấu vào những hòn đá ngang tầm mắt. Chỉ cần đụng vào một hòn đá vô phúc nào đó là hàng trăm, hàng ngàn hòn khác rung chuyển, rồi hòn này đuổi hòn kia, rùng rùng lăn xuống dốc. Hấn nín thở, nghe ngóng: tiếng đá dưới xa rào rào như mưa dông, lại có khi ì ầm như sóng vỗ. Như thể vùng chân núi đưới kia là một thế giới khác, một cõi vô cùng.

Hấn xoay người lại, ngồi bệt xuống, nhích đi từng phân một. Ông lão nói đúng: "Lên được, xuống không được" Phải lết. Lết xuống. Hấn lết xuống.

Trời chiều chập choạng đến mức khó phân biệt được hòn đá này với hòn đá kia. Hấn sờ soạng từng phân một. Cái áo ướt đẫm mồ hôi đã khô, nhưng lạnh và ẩm, dán vào người. Lưng chừng sườn núi, khí lạnh tỏa ra, thoạt đầu như khói, sau dày lần, dày lần, như mù.

Hấn ưỡn ngửa mình để cho sức nặng toàn thân giữ lại, không tuột theo chiều dốc. Hấn ngoái cổ, nhìn lên, nhìn xuống. Thì ra nãy giờ hấn đã lết quanh sườn núi thay vì lết xuống. Hấn giương mắt nhìn kỹ: Chung

Lặng thầm
MẠC HOÀI

Giao mùa thoảng ngát chút hương
Dừng chân vô ngã dặm trường buồn vui
Rời buông. Trôi xóa. Ngậm ngùi.
Khởi đi từ thuở ngọt bùi ban sơ
Tà huy đời chẳng đợi chờ
Vô minh. Tỉnh thức. Vật vờ sắc không.
Về đâu? hoài vặn hỏi lòng
Trong quên hớt hải phiêu bồng nhân sinh
Đường xa vạn ngả ý tình
Hành trang chống trả riêng mình ấp ôm
Tầm tay với mỏi cô đơn
Lắt lay mây trắng chập chờn phù vân
Cũng thịt da, cũng ân cần
Thiết tha hay chỉ thân gần bỏng sôi
Quen hơi chẳng ấm chỗ ngồi
Chớp mau mắt lụy dầy vơi khóc cười.
Xuân đời phôi rụng nhánh tươi
Nơi ta khép lạnh nét người lụa nhung
Khói nhang trừ tịch tỏa cùng
Vùng đêm vắng kẻ mơ chung giao thừa.

quanh chỉ có đá và đá. Và đốc núi. Đen ngòm.

Hắn thở hắt ra khi lết xuống đến chân núi. Hai chân hắn mềm nhũn. Cố hết sức vẫn không kềm nổi: Từ bắp đùi xuống ngón chân, chúng cứ run lên.

Về đến nơi ở trọ thì có người đã đi ngủ. Kẻ còn thức cười nói ầm ĩ khi thấy đũng quần hắn rách bươm. Họ hỏi han nhưng hắn chẳng giải thích. Chỉ nói hắn sợ quá. Chẳng ai hiểu đầu đuôi gì. Có anh khách trẻ, thường cùng uống rượu vang với đầu dê quay, thấy tay chân hắn nhiều xây xát rướm máu mới hỏi sợ cái gì thì hắn chỉ ừ ào không nói rõ.

Hắn chỉ nói rằng quần rách bươm vậy vì phải ngồi bệt xuống mà lết. Hắn nói, lết như một người đã bị cưa cả hai chân.

Võ Đình (2001)

...Trang cuối.

Thảo Trường

Bây giờ thì rõ ràng là tôi đã ở Mỹ.

Mới ngày nào tôi còn là "cháu ngoan bác Hồ", quàng khăn đỏ, cầm cờ đỏ. Mới ngày nào tôi còn là nữ thanh niên xung phong, rồi là nữ bộ đội, là nữ đảng viên, cầm súng AK theo đoàn người vô Nam chống Mỹ cứu nước! Vì tôi thuộc thành phần giai cấp vô sản, bị bóc lột. Mẹ tôi đi ở, không có chồng nhưng có con là tôi. Lý lịch của tôi là như thế.

Nhưng phải kể trước đó nữa, gia đình tôi sinh sống nhiều đời ở thủ đô Hà nội, năm 1954 cha mẹ tôi bị triệt hạ vì thành phần tư sản mại bản, các anh các chị tôi lưu lạc tứ tán ở các nông trường hoặc khu kinh tế mới miền núi. Chỉ có tôi còn bé được bà vú nuôi nhận làm con đem đi chỗ khác nên thoát thân ở lại và dần dần nhập cuộc biến thành đứa con gái mặc quần áo kaki của chế độ. Sau này tôi mới biết được cái dĩ vãng ấy. Vú nuôi tôi và cũng là mẹ tôi mãi đến khi Bà sắp qua đời, mới nói cho tôi biết quá khứ dòng dõi của tôi. Bà kể rằng sau khi gia đình tôi bị triệt hạ, Bà đã bế tôi đến xin tá túc trong một nhà dòng nữ tu để mẹ con có cơm ăn . Các nữ tu cũng bị làm khó dễ, người nào không chịu được thì trở về quê quán, người nào kiên trì giữ vững ý nguyện tu hành ở lại thì bị bắt làm tất cả những công việc của một người dân ngoài đời. Các nữ tu cũng phải lao động sản xuất, đi cầy đi cấy, đi may đi dệt, đi hốt rác đổ thùng... việc gì họ bắt làm các nữ tu cũng làm hết. Và có người đã được công đoàn cấp giấy khen "lao động tiên tiến", "bàn tay vàng" thợ dệt...Nhà dòng cũng còn phải tham gia phong trào văn nghệ tự biên tự diễn của thành phố, báo đăng hình nữ tu dòng "Mến Thánh Giá" biểu diễn vũ điệu "Hội Nghị Diên Hồng" trên sân khấu, cô nữ tu mặc võ phục tuốt kiếm hô " Toàn dân nghe chăng, sơn hà nguy biến..." Và vì thế nhà dòng mới đứng vững và tồn tại được giữa lòng cái xã hội chỉ chăm chăm tìm mọi cách tiêu diệt các tôn giáo.

Mẹ tôi núp trong đó nuôi dưỡng tôi đi học và lớn lên. Nhưng Bà không giữ được tôi cho riêng Bà mà phải để cho tôi gia nhập vào các tổ chức khu vực và thành phố. Khi tôi biết được quá khứ đời mình thì tôi đã trở thành tôi như thế đó.

Cái quá khứ ấy khi còn ở trong nước tôi chỉ nói cho một mình chàng biết. Tôi muốn chàng rõ gốc gác đích thực của tôi để chàng không nghĩ tôi là một người cộng sản "bôn sệt"! Nhân dịp đó chàng cũng nói cho tôi rõ cái quan niệm của chàng về chiến tranh và hòa bình. Chàng bảo tôi rằng cuộc chiến không thể kéo dài mãi, cần phải chấm dứt nó, ở trong nước cũng như ở ngoài nước nhiều người đã nghĩ như vậy. Nhưng để chấm dứt cái cuộc chiến huynh đệ tương tàn đã tốn quá nhiều xương máu ấy thì phải có một bên thua. Ai chịu làm bên thua đây? Bên nào chịu nhục đây? Không tìm ra cách giải quyết! Cho đến năm 1975, tội lớn nhất của Việt cộng là đã thắng trận, và chiến công lớn nhất của Việt Nam Cộng Hòa là thua trận! Chiến tranh chấm dứt nhưng nhiều người Việt Nam không thể ở lại quê hương, buộc lòng phải tìm nơi khác cư trú, và theo thông thường của lịch sử những người ra đi là mất. Còn những người ở lại hay không đi được sẽ bị hủy diệt. Chế độ cộng sản trong nước cũng sẽ bị hủy diệt và những người ở lại sẽ bị hủy diệt theo với nó để cho một tương lai khác. Cái tương lai khác cho Việt Nam ấy phải cần tới thời gian gấp hai lần thời gian chế độ cộng sản tàn phá giống nòi. Nghĩa là, chàng nói với tôi, cần tới cả trăm năm để cho cái ám khí quỉ quái phai nhạt đi và để cho luồng sinh khí mới phục hồi. Đừng quên với điều kiện là trong một thế kỷ ấy cần phải có minh quân. Rồi chàng bảo tôi đi hay ở cũng thế mà thôi. "Cả em nữa, em ở đâu thì cũng sẽ mai một".

Tôi suy ngẫm mãi lời chàng chỉ ra cho tôi và tôi hiểu được chàng nhiều hơn.

Tôi nghe máu trong huyết quản mình dị ứng với những lề lối của những cung cách văn hoá xung quanh. Người mà tôi dị ứng trước nhất là anh chồng bộ đội của tôi. Tôi đã lấy anh vào cái thời kỳ con gái gào thét lên những khẩu hiệu chính trị. Tôi bị cuốn hút theo cuộc sống của đoàn âm binh. Lấy anh, sống với anh, làm theo anh, và sòn sòn có con với anh một cách rất là vô thức. Anh hơn tôi nhiều tuổi, anh lại đi cầm súng bắn nhau trước tôi nhiều năm, cho nên lúc nào tôi cũng coi anh như kẻ dẫn đường, ngay cả việc vợ chồng tôi cũng hùa theo anh.

Vào miền Nam, nhìn xã hội khác lạ hẳn, tôi mới thấy trong tôi có cái già vỡ ra! Nhìn xung quanh cũng vậy, tôi thấy nhiều kẻ bị trói lâu ngày nay họ muốn bung ra và nhiều đứa đã bung ra. Theo đuôi cuộc xâm lăng Căm bốt, chợt kiếm được nhiều tiền một cách dễ dàng và trở thành giầu

có, tôi mới khám phá ra rằng cuộc sống không phải như cái khuôn mẫu giả dối người ta đặt ra bắt mọi người phải theo. Và tôi nổi dậy.

Biến cố sét đánh kinh hoàng tiếp theo là lúc tôi gặp chàng trong nhà tù. Người tình không phải là anh đàn ông vẫn ngủ với tôi, anh ta cũng không phải là người chồng. Người tình, người chồng, phải là chàng, người tù khổ sai nhưng vẫn có phong cách riêng không phải là tù. Tôi không hiểu được tại sao người ta lại có thể đang tâm nhốt một người như chàng. Tôi cũng không hiểu và cũng không thể giải thích được vì sao mà tôi mê mẩn chàng đến thế. Ôi, tôi ước ao đổi tất cả để có được chàng cho riêng mình.

Nhưng chỉ ước ao thế thôi chứ đời tôi kể như đã lỡ! Tôi đã là một người cộng sản rạc rầy, vùng vẫy thoát ra khỏi nó mang theo rất nhiều thương tích. Tôi đã bỏ chồng, bỏ con. Tôi đã ngoại tình, đã lăng loàn "dĩ ngựa" với đời, trong khi tôi chỉ muốn dĩ ngựa với chàng, bởi vì tôi nghĩ yêu ai là dĩ với một mình người đó. Tôi đã bỏ quê hương ra đi tha phương xứ người! Tôi không còn có thể trở lại làm một cô gái của Hà thành ngàn năm văn vật, nơi dòng họ tôi truyền đời và là nơi tôi được sinh ra. Cũng như tôi không còn có thể tìm lại được Mẹ Vú của tôi, Bố Mẹ đẻ của tôi, anh chị em của tôi... Tất cả đều đã mất hết. Và chàng, chàng cũng đã an bài trong gia đình của chàng. Sang tới Mỹ thì tôi mới thấy rõ được sự ấy. Tôi không thể "mua" được chàng, tôi càng không thể giật được chàng. Không, không cách nào tôi có được chàng. Mãi mãi...

Đám tang được tổ chức theo ý của chàng. Vợ con và các cháu nội ngoại của chàng cùng một số họ hàng thân quyến dự lễ cầu nguyện rồi hỏa táng. Hũ tro cốt của chàng sẽ được đưa về Việt Nam đặt ở giữa hai ngôi mộ thân phụ và thân mẫu của chàng tại một làng quê miền Bắc, nơi chàng sinh ra. Tôi đến dự lễ hỏa táng và ngồi ở hàng ghế cuối cùng nhìn lên. Tấm ảnh của chàng phóng lớn trên bàn thờ khói hương đèn nến và các vòng hoa tang bày xung quanh. Tôi nhìn chàng trong ảnh và gia đình vợ, con, cháu của chàng đứng xung quanh. Tôi khóc một mình tôi. Tôi yêu chàng một mình tôi. Tôi nhớ lại những lời chàng nói với tôi về vấn đề chiến tranh, hòa bình và chuyện đi hay ở quê hương hay lưu đầy, tôi hiểu tại sao chàng lại muốn tro cốt của chàng được chôn vùi cùng đất cát nơi quê nhà cho những trăm năm tới.

Tôi tìm đến được nơi đây để kịp âm thầm tiễn đưa chàng trở ngược về quê cũ, nơi mà tôi mới bỏ lại để ra đi ! Ra đi là mất hẳn !

(đoạn văn trích từ tiểu thuyết *"Mây Trôi"*)

Thần Bội Bạc

Lệ Hằng

Huân xuất hiện trước cổng. Bụi Daphné mấy năm ròng cắm rễ lua tua vào lòng đất để chắt chiu mật hương vào thân bụng. Một hừng đông, bỗng quẫy cành tỏa hết tinh hương, làm cả khu vườn ngào ngạt mùi thơm. Hương Daphné hừng hực, nồng nực mùi nữ tính, quấn cẳng, khiến Huân suýt trượt chân chỗ bậc thềm mọc rêu xanh, trơn mềm như nhung ướt.

Ngọn đèn treo cũng tư lự như mùa Đông. Ngày ngắn quá. Bốn bề núi ngủ. Mới đó nắng xế và lũ chim còn chơm chớp trên cây phong trụi lá. Hơn năm giờ chiều, mùa Đông chưa gì đã phủ tấm vải màu chì choàng lên khắp mảnh đồi Milpitas.

Huân chưa gõ cửa, đèn hiên nhà đã bật lên như một tiếng reo. Tưởng như nàng sinh ra chỉ để ngồi sẵn đó, chờ Huân ngay sau màn cửa. Cánh cửa vừa mở rộng. Nàng che tay lên mặt cười ngặt nghẽo. Bàn tay nàng không có tuổi. Chàng chưa thấy bàn tay nào đẹp hơn. Dĩ nhiên không kể những bàn tay giả sáng choang trong các tiệm bán đồng hồ, nữ trang, ngọc vàng choáng lộn. Nàng cười mãi không thôi, đôi vú ngực rung lên, chàng buộc lòng phải dán mắt vào đó.

Tú Anh cũng lao ra, khi nghe nàng vừa cười vừa la trời bai bải.

- Trời ơi là trời! Ra mà coi chú Huân này.

Cô nhỏ chạy ra, thập thò ngay cửa rồi cũng cười ré lên. Cả hai mẹ con được một trận cười giòn như pháo nổ. Chàng nhất định chỉ cười mỉm một cái rồi cứ thế tỉnh queo như người điếc. Cô nhỏ nắm tay chàng lôi vào nhà. Trận cười của mẹ con cô làm mùa đông xám xì cũng chói lọi lên. Thế đó, ngôi nhà này như chẳng có mùa đông. Họ thích cười và ai đến đây cũng phải dâng lễ vật là những mâm ngũ quả kết bằng đủ loại chuyện cười Đông Tây kim cổ.

Nàng rên. Nghe nàng rên, chàng bấn cả người.

- Trời đất quỉ thần ơi. Bày trò gì nữa đây? Mất biệt cả tuần rồi mò về nhát ma mẹ con tôi thế này, ai chịu nổi không?

Nàng mệt ngất vì cười nên rơi người xuống ghế, ngả đầu ra sau để thở. Một lần nữa chàng nghe cẳng chân mình yếu xìu đi. Sợ mình lao đao, chàng lại dán mắt vào ngực nàng cho khỏi chóng mặt. Tú Anh nhìn thấy, nhan mũi cười tít lên. Chàng phải làm bộ lừ mắt dọa nó cho dỡ ngượng. Con nhỏ bước lui, chống nạnh hai tay, rồi lại bước tới nghiêng ngó hai bên đầu, ngắm nghía chàng như một món đồ chơi thích ý nào đó rồi mới trầm trồ.

- Cậu hóa trang tài thật đó. Ở ngoài đường nhất định cháu sẽ chào cụ ạ. Bỏ quách nghề computer đi cậu. Học kịch nghệ cậu sẽ qua mặt bọn Hollywood cái vù cho mà coi!

Chàng vội vàng nheo mắt cười với cô nhỏ. Những vết nhăn bằng than chì trên mặt càng lem nhem hơn. Chàng lần khần sà xuống ngồi bên cạnh nàng.

- Ai dạy anh hóa trang vậy? Nàng có vẻ hơi ngượng với con nên giả ngộ hỏi cho có chuyện.

Giọng nàng cất lên, nghe lãng xẹt, vậy mà chàng nghe mát tận ruột. Chàng nghe bằng tai mà tưởng như rờ thấy tiếng cười của nàng mềm như lụa. Chàng lúng túng sửa lại bộ râu giả, rồi nghiêm nghỉ dang rộng tay trên ghế bành, mong nàng ngả đầu lên đó cho tay chàng bớt vô duyên. Nàng khờ quá, tay mời điệu thế không thèm tựa. Chàng mắng thầm... ngu như bò... rồi đành phải dọn mặt tưng tửng ngó lên trần nhà.

- Có thằng bạn học kịch nghệ, anh xài đỡ đồ nghề của nó.

- Anh không cần phải chọc cười nữa. Ngó cái mặt anh là chết cười rồi. Nàng lắc đầu, mái tóc nàng dược dịp sóng sánh.

Chàng hắt xì, nên phải khum tay che tay miệng lại. Có lẽ tại bụi hoa mùa Đông làm chàng bị dị ứng. Nàng vươn vai, viền môi dỏ cong lên:

- Bộ anh định mỗi tháng dựng một vở kịch cho mẹ coi tôi cười bể bụng luôn sao? Mới tuần trước thủ vai thằng ăn trộm bịt mặt, xông vào, hù một cái làm mẹ con tôi sợ chết giấc.

Cô nhỏ liếng khỉ xen chào.

- Con thích vai tuồng cậu đóng hôm sinh nhật của mẹ kia...

- Tuồng gì hả con? Mẹ mấy lần sinh nhật, thét rồi van vái đừng có sinh nhật sinh nhéo gì hết...

- Hôm cậu thuê con ngựa già đóng vai Thành Cát Tư Hãn lộc cộc đi vào nhà mình đó, mẹ quên rồi sao?

Nàng làm bộ càu nhàu, lúc này nàng hay quên trước quên sau, nhưng mắt nàng bí mật quét một đường dài từ râu tóc trên đầu xuống phần bụng

thon chắc của chàng, cười mơn một cái như để trả công thợ kịch.

- Lần này trông cũng dẹp lão lắm, nhưng thôi vào rửa mặt gột tóc bạc đi. Chưa gì đóng tuồng già, mai mốt lọm khọm thiệt ai vào đây buồn cho.

Chàng lắc đầu có vẻ tiếc rẻ vai kịch của mình. Sơn phết râu ria cả buổi, đổi được một tràng cười của mẹ con bà chúa nhè thôi sao. Hai mẹ con nhà này là vua mè nheo. Ba năm tình méo xẹo, cà dịch cà tang, gậy gộc của chàng vẫn dậm chân tại chỗ.

Chàng nhớ như in trong ruột. Chao ơi, nếu như ruột già ruột non in được truyện tình trong đó, chắc lừng hương phải biết. Thủa mới bạo gan tỏ tình, nàng cứ một hai nói hất ra:

- Thôi thôi cậu tha cho em nhờ, đời em mếu máo nhiều quá rồi. Ba thứ tình lăng quăng em đây kinh sợ lắm. Đồng chì thép nguội gì cũng được, miễn có dịp cười cợt một chút để dừng sôi gan sốt tiết lên là mừng lắm rồi.

Chàng tỉnh queo.

- Ấy chết, bà đừng có nguội đi uổng lắm. Sôi sục chừng nào tôi mừng chừng đó.

Nàng cười tít lên.

- Sôi sùng sục cũng chẳng nhằm nhòi gì nữa. Sờ mó chút tình còm của cậu coi chừng khóc hết nước mắt. Cậu nhắm có dủ sức đóng vai hề ngầu như Mr. Bean không mà dám nhào vô đây?

Hôm đó, chàng hào hứng xuống giọng mùi như tuồng vọng cổ:

- Tưởng em đời hột xoàn, nhà năm phòng, xe cáu cạnh, ai ngờ em dễ thương quá trời! Đời anh mần tuồng như Mr. Bean thì dễ quá - Coi như trúng mánh chẳng hao tốn gì. Câu cuối chàng hạ giọng nói nhỏ hơn nhưng vẫn thầm mong nàng nghe được, sau này đỡ mất công ăn năn tội. Hình như nàng chỉ lo cười, tít cả mắt lên.

- Nói thiệt với cậu, mỗi lần hăm hở nhào vô biển tình, phen nào em đây cũng te tua như cái mền rách.

- Sợ sệt không dám yêu là dấu hiệu nguy hiểm của tuổi già đấy. Chàng lên giọng thầy đời.

- Chưa gì đã hăm he, làm như tôi với cậu to chuyện tới nơi rồi.

Chàng thích mê lối nói chuyện dấm dẳng và gợi tình hết cỡ của nàng hơn hết mọi vòng ngọc nữ trang trên người nàng.

- Không to chuyện với bà cũng uổng đời lắm. Xin thề chưa mê mẩn ai như mê mẩn bà.

Nàng dẫy nẩy lên.

- Đừng thề ẩu. Mai mốt ôm bụng chạy làng khó coi lắm. Bây giờ thiên hạ yêu nhau tưng bừng, có ai mất công thề bồi hứa hẹn gì đâu.

Chàng làm bộ nhăn nhó.

- Vậy muốn nhập tịch làm công dân của em, anh phải làm sao? Phải qua những thủ tục nào? Nếu không cho anh uốn lưỡi, em vẽ anh phải làm gì để em siêu lòng đây? Cứ cắt buồm, lủi đại ghe tàu vào bãi đáp của em y như bọn hải tặc được không? Không ngoại giao mồm mép gì hết em chịu không?

Nghe chàng tấn công hàng loạt câu hỏi, nàng cười ré lên.

- Mồm mép tay chân của anh coi bộ cũng được được, nhưng êm ái hay kinh thiên động địa, thần sầu hay thần bội bạc hạ hồi tính sau.

Cà tửng như vậy, rồi cũng biến thành tình nhân. Dù sao nàng cũng là người đàn bà duy nhất biết thưởng thức tài đóng kịch của chàng. Thật ra, ngay cả những năm tháng long nhong chưa biết ngẩn ngơ vì nàng, chàng vẫn thầm mong mỗi ngày tụng thần chú, úm ba la biến thành người khác. Mỗi ngày một vai dời khác nhau. Chỉ còn cách đó, mới toàn vẹn tự do, sống hết mình như một ngày là chẵn đủ một đời.

Lúc cô nhỏ thụt vào nhà trong, chàng hát nhỏ vào tai nàng

- Em ơi! Có bao nhiêu ngày giờ? Em ơi, có bao nhiêu cuộc đời. Sống đi em một ngày như một đời. Sống hôm nay là hết bay một ngày, sống ngày mai là toi mất ngày mai.

Chàng hát ngêu ngao không vần không điệu nhưng coi bộ mẹ con nhà này chịu đèn lắm.

Cô nhỏ tung tẩy đi ra, tiếng cười của cô đi trước đôi bàn chân ủ trong giầy gấm đỏ. Nụ cười chói ngời của cô cũng hăm hở như chiếc máy hình cô đang nắm chặt trong tay. Cô hướng ống kính về phía chàng đang ngả nghiêng bên cạnh nàng, đèn flash chớp lia chớp lịa, mắt nheo vào ống kính, bàn tay nhỏ của cô vẫy rối lên.

- Cậu đứng sát vào mẹ đi chớ, ẹo ẹo một chút coi! Hai ông bà bộ hết tuồng rồi sao? Ngồi bên nhau cứ trơ ra như tượng vậy? Mai mốt rửa hình dờ người ra như rôbô, đừng đổ hô phó nhòm chớp hình dở ẹt à nghe!

Thế đấy! Tiếng lách cách của máy hình, những xoay nghiêng thế ngồi, tay chân điệu bộ, mặt mày nghiêm nghỉ để chụp người vào ảnh. Trăm năm sau, có thể nghìn năm về sau nữa, hình còn đâu đó, người biến thành cát bụi. Chàng vắt chân cho oai, cầm tay nàng ngân nga... Cầm tay em anh hỏi đường nào lên thiên thai... Tách, tách... cô nhỏ cứ việc ghi hình, lão già nhăn nheo với mẹ cô đẹp nõn nường hơn tiên. Chàng hừng chí lên giọng triết gia.

- Em có biết nguyên cớ nào giúp nhân loại mò ra máy hình để vồ lấy người thực nhét đại vào phim ảnh không?

Nàng làm bộ ngây thơ cụ, tròn xoe mắt ra nhìn. Chàng rất cảm kích chùm lửa thán phục phát quang tới tấp từ đôi mắt nàng. Giọng tenor của chàng hiu hiu hạ xuống thành giọng thiền sư phều phào dọc thơ hài cú:

- Nói cho em biết, bọn Hollywood dẻ ra kỹ nghệ phim ảnh hốt bạc mệt nghỉ là nhờ đánh trúng chỗ nhược của loài người đấy. So ra trong số linh ư vạn vật, loài người thèm bất tử nhất. Thèm khủng khiếp lắm nghe chưa. Cọp, nai, beo, hổ, chó, mèo, gà, ngựa, trâu, bò giống nào cũng mạnh cùi cụi. Lọt lòng mẹ, thú bốn chân đủ sức bò đi kiếm mồi lấy. Trẻ sơ sinh quẳng vào bụi gai đó mà sống nổi. Em nghĩ lại coi, thú rừng đẻ ra bò đi được, người mới lọt lòng yếu hơn con sên. Vậy mà ham trường sinh bất tử lắm. Không giữ được tóc tai chân cẳng vế đùi thì giữ lấy phim ảnh. Marilyn Monroe, Audrey Hepburn, Richard Burton, công nương Diana...chết đi biến thành một đống bùn sền sệt vậy mà phim hình của họ còn nguyên đó. Em và anh, tất cả loài người sẽ theo nhau biến hết, nhân loại rồi sẽ để lại cho quả đất một núi hình.

Nàng đuối tài lý sự, ư ư trong cổ vài tiếng rồi phang gọn:

- Thôi đi! Tận thế hình ảnh sách vở cũng tiêu luôn. Ở đó mà triết lý cùn.

Thấy nàng bắt đầu giở quẻ, chàng làm thinh.

Nửa giờ sau, đưa mẹ và cậu ra tận cửa, cô nhỏ vòng vào bếp chốt cửa sau rồi lủi vào phòng riêng. Lâu lâu, một mình làm chủ nhà, chiếm hết giang sơn của mẹ, cô khoái chí hát tướng lên. Cậu xàng xê theo mẹ cả năm ển ển xìu xìu ngô khoai chẳng thấy củ gì. Cất máy hình lên kệ tủ, cô xoay người nhìn quanh phòng làm cứ như lần thứ nhất cô nhòm thấy bàn ghế giường tủ của mình. Thấy bóng mình loang loáng trong gương, cô bước tới hà hơi vào gương để ngạo mình.

Ngay lúc đó, tiếng lộc cộc nện đồn cửa sau. Chốt cửa vừa tháo ra người hùng của cô nhào vô. Anh chàng ba trợn này không xa lạ gì với Tú Anh. Cô cau có, mặt sa sầm.

- Rồi! Rồi nói hoài không nghe. Biết trước mà, thế nào cũng có ngày báo đời tôi. Đã nói, đừng bao giờ vác mặt tới đây nữa.

Thấy anh ôm ba sườn, bụng quấn băng vấy máu, xớn xác nhòm quanh cô càng cuống lên. Cô dằng tay Hùng đòi xem vết thương bụng. Hùng gạt tay cô:

- Băng chặt rồi, đừng đụng vào tầy quầy ra nữa.

Cô giận quá, mất như xẹt lửa, chẳng thèm bớt nửa lời, cô dìu Hùng xuống nhà xe, ấn vào băng sau, chùm chăn len, bắt nằm mọp đầu xuống. Kim giờ trong xe chỉ số 7, đêm đã ập lên rồi. Cô nhấn chân ga vọt vào xa

lộ rồi bò lên đường đèo. Một thôi đường quanh co, cô ngừng xe lưng chừng núi, nơi bãi rộng chỗ bạn bè vẫn gọi là Down Look, giọng cô rành rẽ và gay gắt :

- Quậy cho lắm vào, bây giờ muốn trò gì nữa đây!

Hùng tung mền ngồi ngay người trong xe, hai tay ôm vòng trước bụng lừng khừng nhìn xuống thung lũng. Cô cũng vòng tay trên bánh lái nhìn về thành phố. San José lấp lánh như một đảo ngọc. Đêm không động đậy. Cô bực bội nói một hơi, giọng rụng xuống lạnh lẽo, lạnh như sương dọng bám vào kính xe:

- Nói thiệt anh đừng giận, chán ngán tới mức chẳng muốn giận anh nữa. Chán tới mức không còn cầu mong gì ở anh nữa. Anh không biết quí trọng đời anh. Tại sao tôi phải care cho anh! Chỉ thấy tội nghiệp cho mẹ anh thôi. Thề có trời đất, giá mà tôi dừng dính vào cái mặt anh thì hay biết mấy.

Hùng trèo lên băng trước. Lúc nãy ngồi ghế sau, thấy thừa mất hai tay. Bây giờ trèo lên ghế trước, lại thấy thừa hai chân.

- Nhiều đêm anh cũng ước như vậy.

Hạ mình đến mức đó, mặt con nhỏ vẫn vênh lên. Anh cũng bực nhưng ngồi chung một xe, đêm đang ngập cả trời. Biết làm sao bây giờ? Chẳng lẽ nhào vô đòi lại chút tình anh trót yêu cô? Tấn công rồi hãm hiếp? Hãm hiếp cũng là cách tỏ tình của đàn ông chớ bộ. Bọn ba trợn vẫn cả quyết với anh như vậy. Thời vô sử, tổ tiên ăn lông ở lỗ làm gì có tiếng nói, âm nhạc, nước hoa nước hoét bạc vàng quần áo để mồi chài lũ đàn bà non lòng nhẹ dạ rồi lông nhông trèo lên bụng... ngộ với nị cùng hoan lạc. Cứ cọ lông vào nhau để tỏ tình. Cọ lông không được thì húc vào hãm hiếp. Hãm hiếp là cách tỏ tình mãnh liệt và hữu hiệu nhất.

Dọa thầm trong lòng, rồi vẫn ngồi cứng bụng. Ước chi bơi được trong biển sương. Anh sẽ bỏ đi liền. Anh biết chắc cô nhỏ này vẫn còn yêu anh. Càng chửi rủa càng chứng tỏ lòng cô ta còn đầy ắp kỷ niệm của anh. Anh chưa hề bội bạc, cô cũng chưa một lần phản bội. Anh chẳng dám đòi hỏi gì hơn. Anh có bao nhiêu ấm ức muốn nói với cô. Vậy mà nhào vô nhà, cô dọng anh ra xe rồi lái một mạch lên đây. Anh hiểu cô ấy náy không muốn làm phiền mẹ. Nhưng cái mặt nhăn nhó như khỉ cắn phải ớt của cô làm anh bực bội quá. Anh thấy mình tội nghiệp, có lưỡi ngọng miệng cũng bằng không.

Anh hắng giọng lên:

- Cũng ngộ, mấy đêm nay hễ chợp mắt lại nằm thấy em mặc áo màu mống trời. Áo em bay như quầng mây vậy mà anh vẫn thấy rõ the real one. Thấy đủ hết người em. Tiếng Việt nhiều khi bí quá trời. Nằm thấy

em... như người yêu thấy nhau. Ngoài đời thực nói năng ngọng nghịu quá. Anh nhớ rồi, anh chưa bao giờ nói được với em những chuyện anh thực lòng muốn nói. Hình như trong mộng anh thấy đủ thứ của em nhưng chưa bao giờ nghe giọng em gay gắt như thế này!

Cô hơi ngạc nhiên, quay nhìn anh rồi vội vàng ngó lơ đi chỗ khác, lẩm bẩm trong họng một mình - Đúng là, đá mở máy nói. Cả năm rồi, vì thương mẹ cô nhất định không chịu gặp Hùng nữa, giọng Hùng hôm nay khác mọi ngày. Cô tò mò nhìn anh:

- Anh quanh năm quậy. Đã nói rồi, ngoài trời này còn có trời khác! Anh có bao giờ chịu nghe tôi đâu.

Hùng xùy nhỏ:

- Nãy giờ em lên giọng cụ non nhiều lắm rồi đó.

Cô cũng nổi khùng lên:

- Lẽ ra anh không nên nhào vô nhà tôi lúc bị thương. Mình hết từ khuya lận, anh biết như vậy chứ?

- Anh chẳng biết gì hết, bây giờ anh bị tụi nó bắn bể bụng, em muốn ngồi đó ngoáy dao vào bụng anh nữa phải không?

Cô ân hận quay mặt nhìn anh:

- Anh chịu chở đi bác sĩ không?

- Giờ này bác sĩ nào làm việc nữa?

- Mình sẽ có cách.

- Cám ơn em, nhưng anh thà mửa máu chết còn hơn không nói được với em. Bây giờ không nói sẽ không bao giờ nói được nữa.

- Nói gì nghe kinh hồn vậy?

- Cả năm nay em tránh mặt anh.

- Nói gì anh cũng không nghe, em chán lũ bạn hành tung như giặc cỏ của anh lên tận cổ. Một là em, hai là bạn, chọn đi.

- Được rồi, anh chọn em... Coi như lời tỏ tình nặng ký nhất nghe không. Mình chưa tỏ tình với nhau phải không cô nhỏ?

- Lũ bạn trâu đánh của anh đời nào chúng buông cái két bạc của ba mẹ anh ra. Mẹ em nói đúng, chớ ngu dại dâm đầu yêu mấy ông con cầu tự. Nhiều lúc em chỉ muốn cào nát cái bản mặt đẹp trai của anh cho nó nhừ tử ra.

Hùng ôm bụng rên nhỏ, cô hoảng hồn một tay choàng vai anh, tay kia vội vàng mở máy xe. Hùng vói tay tắt máy, tháo băng quấn bụng ném hất vào người cô, tiện dịp ôm choàng lấy cô cười rộ lên:

- Anh có bể ruột gì đâu. Tại em lì lợm quá, anh phải học tuồng của cậu Huân để cướp lại tình em chứ. Không có miệng lưỡi của em anh què cụt luôn sống làm sao nổi.

Tú Anh giận quá hét đứng lên, hai bàn tay cô múa võ loạn xạ trên người Hùng.

Hai tuần sau, cô điên dại phóng xe lên đồi. Ảnh của Hùng đóng khung đen bên cạnh hình chụp hiện trường choán hết ba cột báo, dây căng cảnh sát, vải bạt che ba bốn xác chết. *Tiệc Sinh nhật đẫm máu. Bốn người tử thương.* Tin tức về vụ án mạng chạy hàng trên đầu trên Tivi, trên báo, trên đài phát thanh liền một dọc ba ngày biến thành hố đen xoáy mãi vào tâm não. Chống mặt quá, cô hét vùng lên rồi khóc nức nở một mình, với xe.

San José dưới chân như một quầng sáng chấp chới giữa bốn bề núi ngủ. Đèn phi trường, đèn thành phố lung linh như ngọc, xanh ngăn ngắt và đỏ rực như lửa. Cả một vùng thung lũng là một quần đảo của hoàng ngọc. Vậy mà lòng cô thì vỡ ra. Cô sẽ suốt đời khóc không ai dỗ nữa. Cô còn lại một mình. Giọng cô thổn thức quẩn vào trong gió... Hôm đó hai đứa mải mê cãi lộn và không lo hôn nhau. Trời ơi! Anh là mối tình đầu của em mà, anh chính là người làm tim em dập rộn ràng như trống trận vậy mà mình chưa bao giờ hôn nhau... ngon lành như thiên hạ. Thế có phải là tình yêu không?

Cô cứ lầm rầm một mình trong bụng xe. Lúc cô ngẩng mặt lên, một chiếc xe khác cũng bò lên núi. Chiếc xe hạ bớt đèn, rà thắng rồi ngừng xeo xéo cách đầu xe của Tú Anh chừng năm sải tay. Hai người trong xe chắc đang thời mặn nồng, họ cùng mở cửa xe bước xuống vòng tới trước mỏm núi đứng dựa vào xe nhìn mông xuống thung lũng. Tú Anh mở to mắt ra nhìn sửng vào người đàn ông. Cậu Huân! Bờ lưng ấy, chiếc áo khoác màu rêu quá quen thuộc, thêm chiếc xe xám gắn bảng số riêng của cậu nữa làm sao cô lầm nổi. Người đàn bà bên cạnh cậu tóc dài hơn tóc mẹ, thân hình thon hơn mẹ, chân cẳng cũng dài hơn chân mẹ. Tội nghiệp mẹ chạy trời không khỏi nắng. Phen này biết ruột gan mẹ còn đủ sức cho cậu Huân chà muối vào nữa không. Cô đã đau khổ một mình. Cô đã bóp nát ngấu trái tim mình rời xa Hùng vì không muốn gây buồn khổ cho mẹ. Vậy mà, vậy mà... cậu Huân lại đem tài chọc cười dâng tặng cho người khác. Giọng cười hăng hắc của bà ấy hắt thẳng vào xe cô. Cô buồn, buồn đến mềm nhũn cả người ra phải bóp chặt vào tay lái, môi mím lại. Cơn buồn chưa tan, nỗi giận trào lên nóng bừng cả mặt. Giận buồn lo âu cứ thế ngào lẫn vào nhau làm bụng cô đau thắt lại. Cô hiểu mẹ rõ hơn ai hết. Mẹ giả bộ dỗm cười, nhưng trái tim nồng cháy của mẹ làm sao dấu nổi cô. Từ nay mẹ còn dỗm cười nổi nữa không? Không biết bị Hùng phản bội, cô có giận tới mức này không? Chịu không nổi tiếng cười của hai người, cô

Cội thông bên bờ thế kỷ
TRẦN HỒNG CÂU

Kiếp sau xin chớ làm người (Nguyễn Công Trứ)

Cội thông già bên bờ thế kỷ
Quằn quại sườn núi quặn đau mê
Rễ gân guốc giao hoan lòng đất
Chín tầng đỏ lửa thấu A tỳ
Mình vươn tay ghì xanh vĩnh cửu
Khôn rời trời mây muôn hướng gió
Dìu ta, lịch sử tóc bạc phơ
Thời gian biển rộng sóng thờ ơ
Tuyết sương máu nhựa phơi hồng ngọc
Kiếp không hội tụ ngàn tinh tú
Một phiến hào quang vạn uu tư
Trời nhỏ bé hãm chí thần diêu
Đất mênh mông chật sầu nhân thế
Ta đứng im, thúy mặc đơn côi
Trụ kình thiên lạnh khắp bốn bề
Tiếng thông reo nhạc hồn vũ trụ
Đêm chơ vơ vẫn lòng duốc sáng!

Vương Duy phá thể bút hoang mang
Ta về dâu nặng cánh hoa thơ?

bấm nút quay chặt kính xe lên rồi mở máy, cả xe và người cùng run lên. Chiếc xe rú ga u turn một vòng xém tông cái rầm vào xe cậu Huân. Tú Anh nghiến răng đạp thắng, bốn vòng bánh xe cũng nghiến lên bốc khói két lẹt trên mặt đường...Ước gì... ước gì... Cô đủ can đảm húc luôn tới, cho họ lộn nhào xuống chân núi.

Cậu Huân và người đàn bà hoảng kinh nhảy vụt ra xa, né kịp. Cô vòng mũi xe đâm đầu lao xuống núi. Thần bội bạc bắt đầu nện búa lên đầu xe của cô rồi.

Cha chả! Hùng mà không thảm tử, thế nào cũng có ngày bội bạc, y chang như cậu thôi.

Lệ Hằng

Thư ngắn

Nguyễn Hoàng Văn

Sydney...

Gởi bạn,

Bạn bảo tôi viết cái gì đó về... hạnh phúc, cái chữ xuấtt hiện nhan nhản trong đời sống, đến sáo và nhàm. Nó màu mè trên những cánh thiệp mừng nhau: năm mới hạnh phúc. Nó, máy móc lập đi lập lại trong câu chúc tụng: trăm năm hạnh phúc. Nó sỗ sàng và vô duyên dưới cái tiêu đề Cộng Hoà Xã Hội... trong chùm chữ Độc Lập - Tự Do...

Nó, thậm chí còn ngụ ý một giá trị chào hàng, một tinh thần quảng cáo nữa chứ! Mấy ông ứng cử viên lục đục lôi kéo toàn gia nam nữ, lôi kéo cả mấy con chó cưng lông xù ra trình diện trước những ánh đèn nhấp nháy truyền thông hòng kiếm thêm phiếu cử tri; anh ca sĩ dực rựa có nước da trắng như đánh phấn ngày nào bạ đâu say đắm hôn vợ đó để xoá tan những ngờ vực tình trai, hay biết cặp uyên ương tự dưng trở nên nồng nhiệt với nhau hơn giữa chốn nhĩ mục quan chiêmm chỉ vì những lời đồn đãi vu vơ về đôi cánh sắp gãy.

Biết là bao chuyện vớ vẩn như thế!

Nhưng ngại quá! Bảo rằng đừng vớ vẩn thì tôi có biết gì về nó đâu? Nêu nó lên như một mục tiêu có kích thước, có phân lượng theo tiêu chuẩn lý tính để tìm kiếm hay theo đuổi thì e rằng hơi khó. Theo triết gia nào đó không nhớ, hình như Aristotle thì phải, trong những khoảng khắc lạc phúc nào đó của đời sống mà bạn chợt duy lý, bạn ngớ ngẩn dùng trí não để lượng giá mọi sự rồi định danh cảm quan của mình bằng lời như: "Tôi hạnh phúc quá, tôi hạnh phúc quá!"; tôi dám cá theo triết gia đó là cái khoảng khắc lạc phút trời cho đó sẽ bỏ bạn mà đi.

Bạn duy lý vào lúc lẽ ra bạn phải duy cảm, bạn sẽ làm hỏng hết cả!

Lại có lúc Lâm Ngữ Đường chợt thắc mắc về nó, tự hỏi về những cội

nguồn vật chất và tinh thần. Hình dung một cảnh "sống vui" giữa thiên nhiên: em nhỏ này lăn mình trên bãi cỏ, em khác thơ thẩn hái hoa, một em ngồi ăn bánh, ba em nằm ngửa ngắm mây trôi, ông nội em ngồi trên ghế xếp phì phà ống điếu, đâu đó vang vẳng tiếng nhạc từ một cái máy hát xách tay và không gian toả mùi thịt nướng từ cái lò cháy hồng lửa than; trong niềm hoan lạc đang thụ hưởng đó, có bao nhiêu phần trăm là vật chất, bao nhiêu phần trăm là tinh thần?

Hỏng nốt! Đem con số phần trăm ra tính sổ với nó làm gì?

Hemingway thì kể chuyện con báo chết cóng trên đỉnh núi tuyết Kilimanjaro ở xứ nào đó tận Phi Châu: nó tìm cái gì thì chẳng ai biết được, nhưng rõ ràng là nó say mê lắm, nó trèo mãi, trèo mãi lên cái đỉnh cao chót vót đến độ chết cóng mà vẫn say mê...

Còn cao hơn cái đỉnh núi chót vót kia, lơ lửng đâu trên thượng tầng không khí là vườn địa đàng đầy ắp lạc phúc mà loài người, đúng ra là một phần nào đó của loài người, cả đời thèm thuồng và tiếc nuối. Lận hụp trần gian, họ tiếc nuối cho những dấu chân bỏ quên trên ấy, họ thành khẩn một đời để mơ cho lần cuối cùng quay lại. Tuy vậy, lại có lắm người nhún vai, ông Lâm kể trên chẳng hạn, bảo rằng chán chết. Theo họ bạn thử tưởng tượng mình hai vai hai cánh, choàng quanh người những tấm vải trắng ngần và lượn lờ bay qua bay lại hay tụm lại để hát thánh ca. Nơi chốn gọi tràn đầy hạnh phúc ấy thật ra là một nơi chốn chán phèo!

Trần gian cũng vậy thôi. Cuộc sống mà ăm ắp và tràn trề những hoan lạc thì khái niệm hoan lạc sẽ thôi không tồn tại nữa. Nhờ khuôn mặt của những kẻ không đẹp mà những thiếu nữ đẹp mới... đẹp: không có họ biết lấy ai so sánh để đẹp dây nào? Anh trung sĩ sẽ sung sướng biết bao khi một mình một ngựa giữa đám hạ sĩ và binh nhì trong lúc gã đại tá hay chuẩn tướng cứ phải rầu rĩ và nhăn nhó với khuôn mặt của kẻ bị táo bón khi phải cúi mình phục dịch giữa ban tham mưu đầy những thượng cấp bốn sao. Nó chờn vờn như một ảo ảnh nên bạn mới tha thiết kiếm tìm. Nó nằm gọn trong tầm tay, lúc nào cũng sẵn có, lúc nào cũng ê hề, bạn sẽ chán cuộc chơi. Cuộc sống hạ giới mà êm đềm như một bài thơ êm xuôi vần điệu từ đầu đến cuối rồi sẽ nhàm chán như một nhà tù mênh mông; có khi còn tệ hơn bởi người tù còn có ngày về để đợi, còn bạn, trong cái thế giới đủ đầy đó, bạn chẳng thiết tha trông đợi cái gì nữa cả!

Cuộc sống chúng ta là một chuỗi dài những lo âu, những áp lực với những khoảng khắc yên bình hay hoan lạc lác đác điểm sương. Thôi thì để nó yên, đừng đại đột phức tạp hoá và làm hỏng những khoảng khắc hiếm có ấy bằng những mô hình lý thuyết, bằng tham vọng "công thức hoá" nó, bằng cái ý nghĩ đem nó đóng hộp để dành?

Bạn nói tới hạnh phúc của người cầm bút ư? Ừ, thì cũng được, nó ngụ ý niềm vui của sáng tạo và tôi lại nhớ đến bốn điều kiện cần và đủ của hạnh phúc, nói theo quan niệm của Albert Camus; đại khái: một đời sống cởi mở trong một không gian rộng mở, tình yêu đối với đồng loại, không tham vọng và... sáng tạo.

Nhưng lôi thôi thay cho cái ông Camus này! Sáng tạo thì bao giờ cũng ngụ ý một... tham vọng. Đã ôm ấp một khát vọng, đã hướng tới cái gì đó sáng rực, lấp lánh hơn hẳn cái bình thường dang có thì thể nào bạn là người thủ thường an phận chứ?

Thôi thì, cứ làm người trung dung. Bạn an phận nhưng là an phận với khát vọng sáng tạo đó thôi, an phận với chọn lựa của mình và tận hưởng những khoảng khắc an lạc hiếm hoi có thể tận hưởng được.

Như những hồi vui của Kim Thánh Thán. Cái hồi vui khi chặt hết cây hải đường và tử kinh trước thư trai để trồng cây chuối, khi nghe trẻ đọc sách "làu làu như nước trong bình chảy ra", khi bốc đồng nổi cơn hào phóng trước gã bán hàng keo kiệt, khi đốt hết văn tự nợ xưa, khi dùng thuốc nóng rửa mảng phong lỡ ở chỗ kín v.v... hay cái hồi vui, như hồi thứ mười: "Một ngày hè, đầu trần chân không, cầm cây dù che nắng, nhìn tráng phu vừa đạp nước vừa hát khúc Ngô. Nước cuồn cuộn đưa lên trắng phau như bạc, như tuyết, há chẳng khoái hay sao?"

Kim Thánh Thán có những ba mươi ba hồi "há chẳng khoái sao" như thế và riêng tôi, đến nơi này, lại bồi hồi nghĩ đến ông Kim với lần thứ hai mươi "mở rương vô tình tìm được bức thư của cố nhân" và lần cuối cùng "Đọc truyện Cầu Nhiêm Khách". Hai lần, dĩ nhiên, lần nào cũng "há chẳng khoái hay sao?" hết cả!

Kim Thánh Thán mở rương tìm thư cũ, bạn thì mở cái rương đầy những mạch chip để đọc thư này. Nhưng bạn mở cái rương đầy những chip văn chương này để tìm những cái gì đó sáng rỡ, lấp lánh như khi họ Kim tìm đọc Cầu Nhiêm Khách. Tôi thì tôi chẳng hề kỳ vọng rằng lá thư vừa ngắn, vừa lan man vớ vẩn này sẽ là một Cầu Nhiêm Khách trong con mắt bạn, chỉ cần bạn đọc nó như thể đọc mấy lời nhắn gởi của một của một cố nhân thì, với tôi, điều đó cũng "há chẳng khoái hay sao"?

Nguyễn Hoàng Văn

Thư gửi Mẹ

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Hạ Long, ngày...tháng...năm 2001

Má thương,

Con đang nghỉ một tuần ở biển, tình cờ đúng vào dịp sinh nhật Má. Sẵn rảnh nên lôi thôi dài dòng viết thư cho Má luôn đây.

Biển khá sạch, đẹp, nhà thuê trong khu khá hoang vu. Ngày nghỉ thoải mái, bớt được nhiều chuyện nhức đầu. Chúc Má sinh nhật vui và được rảnh rỗi chút trong ngày sinh nhật. Vụ triển lãm thú nhồi bông và may mền gây quỹ của Má và mấy người bạn tới đâu rồi? Cổ phiếu của Má có lên được chút đỉnh không? Thời sự cũng vậy, như Má thường nói, chuyện đời có lên phải có xuống. Mọi người rồi cũng phải đi ăn, đi chơi, nghỉ và lấy sức đi làm. Guồng máy quay thôi.

Báo cho Má một tin vui vui. Con đang đi nghỉ và có đem theo Thành, thằng giúp việc người Việt của con. Nó giúp con được ít: mua bán, mướn nhà, ra tiệm ăn, sai bảo tài xế, gác cổng, chuyện gì nó giúp cũng khá, tuy chậm chạp, nhưng chắc chắn và tin cậy. Con cũng may. Câu chuyện cũng kỳ kỳ. Năm ngoái, đi công tác ở Lạng sơn, một tỉnh phía bắc Hà nội, gần biên giới Trung quốc, trước là tỉnh nghèo, bây giờ là địa bàn hoạt động của tụi buôn lậu Việt-Trung nên phát triển phi mã. Con gặp Thành ở Trại Trẻ Mồ Côi tỉnh. Nó ở đó từ nhỏ, nó nói chỉ học tới lớp ba, học kém và không muốn học nữa, đang làm phụ bếp và sai vặt trong trại. Chủ nhiệm trại hôm đó mời con ăn trưa, cũng la liệt thức ăn, không kém gì cơm tối. Trưa đó Thành nấu món canh riêu, món xúp địa phương rất bổ, nấu bằng cua, cà chua, thịt heo sao đó, ăn với rau sống và bún gạo. Lạng sơn nổi tiếng về thịt rừng và các món nấu nướng kiểu Trung quốc, ăn mãi cũng chán, nên hôm đó thật ngon miệng. Vì người bếp chính đang ốm nghỉ việc, thằng cha viện trưởng thì cứ xua tay rối rít phân trần sợ thức ăn

không ngon, không phải nó sợ con, mà sợ chữ ký của con về tấm chi phiếu sắp ký cho nó. Thành rót nước dọn bàn, con ngạc nhiên chú ý vì thấy nó có vẻ lai Âu, và đen, và lại giống hệt Frank Sinatra, ca sĩ blues ruột của Má! Ở Hà nội và Bắc Việt nam, tụi Bắc Việt theo phe cộng sản Nga đã lâu, ngay cả thường dân Mỹ sau hiệp định Giơ-ne 54 cũng không ai có dịp sống ở đây như ở Nam Việt nam. Có thể nó lai một chút Đông Ấn hay Tây Á gì chăng? Nhưng Thành cũng như cả trại, không ai biết tung tích thiệt của nó. Sau một trận lũ lụt cuốn cả làng ra biển, người ta hốt về một đám trẻ may mắn sống sót, đứa nào cũng hoảng hốt và quá bé, không còn nhớ được gì. Nhưng có lẽ thế cũng tốt. Trẻ mồ côi ở đây thường không có giấy khai sinh, cho tới khi có ai tới xin đem về nuôi thì trại mới đi đăng ký làm giấy. Thành ở với con hơn tháng thì nó thạo việc. Ngoài chuyện nấu nướng, tối tối nó nói chuyện với con bằng tiếng Việt. Nó cứ nói tự nhiên không bài bản gì ráo, học như thế cũng hay. Có lần tự nhiên nó bật nhớ ra và kể về một vụ đốt chợ ở làng nó. Chuyện không đầu không đuôi, không thể hiểu được, nhưng sau đó một thằng tùy viên văn hóa ở Sứ quán cho con xem một loạt báo cũ Việt nam khui ra một vụ tranh ăn giữa hai phe, công an và chính quyền địa phương, phe chính quyền đòi ăn chia quyền kiểm soát chợ biên giới không được nên đã phóng hỏa đốt chợ! Thực thi dân chủ ở xứ này kỳ cục lắm!

Tiếng Việt của con bây giờ tiến bộ nhiều. Có điều trước kia con học tiếng Việt giọng Nam, Thành lại nói rặc giọng Bắc, con cũng đang từ từ đổi theo nó. Nam Bắc thì cũng hiểu nhau, nhưng khác cái giọng. Việt Nam bé tí, nhỏ hơn cả một tiểu bang của Mỹ, nhưng nằm dài kéo một dọc theo một bờ biển dài hơn 2 ngàn dặm, nên giọng nói đối chọi chan chát nhau. Có lẽ tại địa thế vậy nên nước này luôn bị phân chia. Lịch sử nó nói, từ thế kỷ 17, nước này đã bị chia hai với hai giòng họ tranh chấp làm vua. Qua thế kỷ 19, tụi Pháp chiếm nước này rồi phân làm ba, mỗi miền một chế độ chính trị riêng. Năm 54, lại có hai nước Việt, một theo Mỹ, một theo cộng sản, đánh đấu nhau tưng bừng. Nghe nói ở miền Nam, những năm 65, lại có nhóm thân Phật giáo vận động cho Trung kỳ ly khai tự trị để chống lại chính phủ công giáo miền Nam. Má sẽ bảo, ôi dào, chính trị nước nào mà chẳng rối rắm nhức đầu, mà sao con lại chọn cái nghề này!

Nhiệm kỳ tới có lẽ con sẽ đi Thái lan hoặc Trung quốc, Thành đã quyết định xin đi theo. Nó nói, dù là con đi đâu!

Bởi chiến tranh Mỹ-Việt, có thể miền Bắc khổ nhiều vì bom B-52 Mỹ, dân bản xứ thời đó không mấy cảm tình với Mỹ, lịch sử nó cứ gọi chúng ta là đế quốc Mỹ, mặc dù hiện nay tình hình thay đổi nhiều, như Má thấy vụ đón tiếp Clinton-Hillary vừa rồi! Tuy Thành hiền, và lại là

con trai, dân xứ này rất quý con trai, mà lão trại trưởng nói lúc nó nhỏ, không thấy ai muốn xin Thành về làm con nuôi. Hiện con đang chuẩn bị làm giấy khai sinh, xin hộ chiếu và thị thực xuất cảnh cho nó. Con hỏi giỡn chơi thôi, nếu tao về Mỹ luôn mày có chịu ở lại luôn không, nó cứ rối rít, ân nhân, ân nhân đã cứu mạng tôi, và gật đầu, ân nhân ở đâu thì tôi xin ở đó. Con thì nghĩ, con đã kiếm ra được đứa giúp việc lý tưởng. Kể ra thì tìm một đứa giúp việc đơn giản, trung thành, kín đáo đối với công tác tối mật của con, thì còn khó hơn tìm được một người vợ ưng ý. Thằng này tiếng Anh một chữ bẻ làm đôi cũng không biết, có chuyện tức cười là nó cứ đinh ninh là suốt đời nó không thể đi tới trường để học cái gì được. Nhất định là nó có vấn đề về giáo dục. Nó không chịu học cũng không sao, nhưng cũng làm con suy nghĩ, không hiểu là lúc nhỏ thầy cô giáo nó đã đối xử với nó ra sao để đến nỗi nó tự ôm một thành kiến sai lầm tối tăm như thế. Rồi con cảm thấy thú vị và mủi lòng với cái thế giới mịt mùng ảm đạm của nó. Đôi khi nó có cái vẻ lạnh lùng như một tu sĩ không muốn dính dáng nhiều đến chuyện đời, đôi khi lại mỏi mệt lờ đờ như một tên bi quan, chuyện gì cũng thờ ơ, chuyện gì cũng không thấy lạ. Chỉ biết cúc cung tận tụy là nhiệt tình. Tính đơn giản mà không triệt để của nó thật hấp dẫn.

Đối với con, sự nghiệp lúc nào cũng đứng hàng đầu, và vì sao con ly dị Irene vì con đã mệt đứ đừ với những hiểu biết tận tường về nguyên tắc hôn nhân, pháp luật, quyền lợi rành rẽ của nó, và gia đình nó. Văn hóa xứ này (Khổng Mạnh gì đó, con chưa có thì giờ nghiên cứu, có khi nào Má nghe qua chưa?) dạy mọi người phải trung thành triệt để với người ban ơn cho mình. Tôn ti trật tự cũng hết sức nghiêm ngặt, chủ là chủ, tớ là tớ. Vợ khi nào cũng phải nghe lời chồng. Du khách nước ngoài nào lò mò đến Lạng sơn đều được dắt đến thăm cái thắng cảnh núi Tô thị và động Tam thanh. Trái núi đá vôi Tô thị nổi tiếng vì truyền thuyết một người đàn bà trẻ chờ chồng đi đánh giặc, có lẽ là giặc Trung quốc. Đối với Việt nam giao hảo với Trung quốc là một mớ mâu thuẫn liên tục vì phải luôn luôn phòng chống xâm lăng từ phương Bắc, trong khi người Việt lại hết sức sùng bái văn hóa văn chương nước thù nghịch này! Người chồng không về, người vợ bế con lên núi đứng ngóng mãi, ngóng mãi, nên hóa đá. Chuyện dã man quá, tay tranh đấu nữ quyền như Má chắc sẽ bực mình. Tên Việt nam hướng dẫn du lịch kể chuyện này với vẻ tự hào đặc biệt, một cô bé du khách Thụy điển hỏi đùa, "Tại sao anh chồng không chịu về? Có phải hắn thật chết trận hay đã trốn lính, và đã lấy vợ khác, lập gia đình khác nơi nào đó rồi, làm sao biết được?" Cả đoàn cười ồ, trừ người hướng dẫn. Con dành im lặng giỡn thầm một mình, Tô thị và đứa con uống nhiều

sữa có calcium quá, nên dễ hóa đá! Tụi Việt Nam nghiêm trang lắm, không hay khôi hài giỡn hớt như chúng ta. Con cái đời nào cũng thường tri ân cha mẹ, vợ thì thần thánh hóa chồng, không khai thác những lỗi lầm của nhau để phê phán thẳng thừng như chúng ta. Tụi cộng sản đến xứ này nghe nói trước kia có lẽ cũng xóa bỏ được một vài tàn tích phong kiến cũ, nhưng hiện nay thì những mê tín dị doan đồng cốt và cách biệt giai cấp xã hội lại phục hồi dữ đội! Nghe Thành sắp theo con về Mỹ, tụi bạn nó trong Trại Mồ Côi đều trầm trồ là nó may mắn quá, tiếng Việt nó nói là đẻ bọc điều. Nghe thấy ghê!

Má tin hay không tin, ở với nhau ba tháng, con khám phá ra Thành cũng đồng tính luyến ái! Con có quan hệ vợ chồng với nó, cũng khá hạnh phúc, nhưng không nghĩ tới chuyện quyết định lấy nó làm vợ. Chắc chắn là từ khi ly dị, con chưa bao giờ tính chuyện lấy vợ lại. Có thể con cũng phải cám ơn dịp may đã cho con chọn chỗ làm việc lạ lùng như Việt nam. Việt nam không phải là thiên đường, và đối với Thành có thể là địa ngục, nhưng Việt nam đã làm con suy nghĩ. Sống hàng năm trời nơi một xứ lạ, tất cả chung quanh đều sinh hoạt một bầu không khí văn hóa chung, một thứ cấm kỵ chung, tiếng nói, suy nghĩ , hầu hết giống nhau, dù có cố gắng hiểu và nói được tiếng nói của họ cỡ nào, vẫn thấy lạc lõng đáng sợ. Thành cũng bất ngờ. Nó giúp con tức khắc ra khỏi mặc cảm đó. Và tuy khù khờ nhưng nó cũng biết yêu nó. Nếu biết diễn đạt, nó cũng dám nói, *I love me*. Tôi yêu tôi. Nhưng nó không có cơ hội sống đàng hoàng. Một xã hội xuất thân từ một lịch sử luôn chia rẽ, không biết chăm sóc tử tế trẻ mồ côi, thành kiến không chấp nhận bao dung một đứa con lai, luân lý khắt khe độc địa với phụ nữ, tàn dư chủ nghĩa khắc kỷ Trung cổ thường được đem ra làm tiêu chuẩn đạo đức, làm sao Thành có điều kiện để tự do bày tỏ bản thân đồng tính luyến ái? Con sẽ đem nó về L.A. Luật lệ cho phép con bảo lãnh người làm việc thân tín đi theo. Về tới nhà, con sẽ cho nó đi thăm Má, đi một mình hoặc đi với con, nếu Má muốn gặp nó cho biết người Việt ra sao. Nó trẻ lắm, khoảng hai lăm hai sáu, có lẽ bằng tuổi thằng Ted, cháu ngoại của Má. Mà có lẽ cũng chẳng phải người Việt, nó là con lai. ỞViệt Nam có một loại cá thịt chắc, rất ngon gọi là cá nước lợ, nghĩa là giống cá sống ở chỗ giòng sông hòa nhập vào với biển, dòng nước mặn mặn, không hẳn ngọt cũng không hẳn mặn. Con thử thả con cá nước lợ này xuống đại dương thật mặn xem sao...

Con chuẩn bị xuống nước đây. Thư dài, hy vọng Má đọc vui. Hôm nay, ngồi được một chỗ yên lặng một ngày dài, giữa biển trời, cảm giác thật khó nói! Gửi nhiều cái hôn cho ngày Sinh Nhật Má.

Con, Bob B.M

Nằm Xoay Lưng Nghe Quạ Kêu

LÊ CẦN SƠN

Những tiếng nói không phải từ trái tim
những hơi thở không phải từ chân tóc
mà thời gian như muối men lạt
không làm được chiếc bánh tình yêu
gần trọn cuộc đời chúng ta chạy đua theo và vịn cánh
những con thiêu thân thế gian
để hiểu rằng ánh sáng có được không phải từ thánh linh
mà từ những dám bụi tro ẩn tàng vô vàn mặc cảm

Tình yêu hôm nay như những nét vẽ chân phương
làm trái tim nhiều lần hụt hẫng
làm chân tóc mất đi mùi thơm của mùa trăng mật
để sống nhau bằng tiếng nói
tiếng nói của kẻ chợ biết đọc biết viết
mà không còn biết nghĩa sâu xa
như một với một là hai
và cay đắng nhau khi nghe ai nói
mình với ta tuy hai mà một
ta với mình tuy một mà hai

Còn lại những ngày mai vặt vãnh
xung quanh đầy miếng chai ương ngạnh
ôi con đường thênh thang theo dấu hiệu lầm
khiến bàn chân vương nhiều toan tính
mà vẫn còn dèo bên nhau lắm sự oan khiên
dất trời cứ ngỡ ngày giữa ban đêm
mà chúng nào tật nấy
không hiểu vì sao yêu đến ngày này

Mỗi lần gọi nhau hai chữ em anh
ta cứ ngờ vực có phải vì hôm nay trời đẹp
hoặc trở chứng vì chuyện âu ơ ví dầu
mặc tình nghe quạ kêu
mà căn phòng trở nên lạnh căm
chẳng có nam nữ nào quay trở về
chỉ còn hai chiếc bóng thầm
đang chia nhau từng miếng bánh lạt
rơi sót ở cuối đường tình
để còn ghi chút chuyện keo sơn
giữa dòng đời muôn loài vi khuẩn.

Những người muôn năm cũ

Lê Minh Hà

Khi cháy hết đời mình, nến sẽ lịm dần, và từ đó, một tia khói sẽ vươn lên, sẽ thoảng một mùi hương. Rất nhẹ, rất lành hiền, tựa hồ quên lãng.

Có những cuộc đời như thế.

Có một cuộc đời như thế.

Ngân biết tên ông từ lâu, như một người tham dự, như một người làm chứng, làm chứng cho một thời kì, làm chứng cho một lớp người con Việt, ở một xứ sở đã để lại cho chúng ta hôm nay dấu ấn không thể tàn phai, về máu, về nước mắt, về một cách gào thét, thở than. Bản thân ông và đồng chí của ông, trong một nghĩa nào đó, cũng chính là lịch sử.

Ngân quen ông chưa lâu. Số phận đã chọn ông thành người phù trợ cho Ngân, trong một khoảng đời cay đắng. Điều ông và Ngân mong muốn rút cục không thành. Nhưng Ngân không quên tấm lòng ông, ngây thơ, bao dung và nhẫn nại vô cùng tận trước đời sống này.

Ngân gặp ông chỉ một lần. Thời gian chỉ đủ cho Ngân nói đôi lời hỏi thăm sức khoẻ của ông và kể về chuyến đi cập rập của mình. Nhưng đủ để Ngân giữ mãi trong lòng nỗi bùi ngùi trong buổi sáng Paris ấy.

Sự sống dường như chỉ còn là một mạch nước sắp kiệt ở ông. Làn da nhăn nheo, trắng bợt, giọng nói yếu, nụ cười mong manh, đôi bàn tay đầy gân vịn trên thành ghế. Đấy là ông. Ông ngồi đối mặt với bức sơn dầu ngồn ngộn hai khối tròn nóng ấm và tươi sáng mà chính ông đã vẽ. Bức tranh thu toàn bộ sự sống trong nhà. Còn lại: chỉ là ông và bụi nắng.

Căn hộ của ông ở Paris giống như một cái bến mà đồng hương từ Việt Nam qua hay tấp thuyền vào. Đã bao nhiêu người ngày ngày vào ra nơi đó. Đã bao nhiêu người ngày ngày ngày đi qua ông để tới với cuộc đời

hăm hở ngoài kia. Có phút nào, có ai nghĩ đến ông lão đang leo lét sống và đợi. Có ai, một lần ngồi lại, nói với ông về Tổ quốc ông yêu? Có ai, một lần hỏi ông về cuộc đời ông? Có ai biết vì sao ông lại quyến luyến con người như thế?

Đâu phải vì cô đơn.

Đã hơn một lần Ngân tưởng ra rằng ông và đồng chí của ông là người chiến thắng trong cuộc đấu tranh thuở ấy. Nếu thế thì những bài lịch sử mà bọn Ngân đã học phải ra sao? Những bài ca cho tuổi măng non ngày ấy sẽ ra sao? Và cách xưng hô của một thời đã ra sao, nếu không phải là 'chúng ta, đồng chí'? Và liệu có không nổi ngày Bắc đêm Nam? Liệu có không máu thịt Việt Nam trải khắp những cánh rừng già bên mưa bên nắng?

Tất cả chỉ là giả định. Có cái gì thật vô vọng trong cuộc chiến đấu mà ông đeo đuổi cho tới lúc tàn hơi. Ngân không nghĩ mình sẽ bị thuyết phục bởi lý tưởng của ông. Lớn lên nơi ấy vào thời buổi ấy, nơi những gam màu sáng chỉ hội trong bóng cờ và khẩu hiệu tưng bừng, Ngân đã tự miễn dịch được rồi trước những lời kêu gọi, sau những tin yêu rồi choáng váng hoài nghi. Nhưng gặp ông, thỉnh thoảng nghe tiếng ông qua điện thoại, Ngân lại ngạc nhiên thấy mình xúc động. Có cái gì vừa bất khuất vừa bi thảm trong toàn bộ cách thế sống của những con người ấy.

Ngân biết mình cũng không mê văn chương của ông. Ngôn ngữ ông dùng trong văn chương giống như là di tích vậy. Nhưng chính điều đó làm Ngân cảm động. Ông đã giữ cho mình bao nhiêu năm ròng tiếng Việt ấy của làng quê nghèo ấy ở thời buổi ấy. Bao nhiêu năm rồi? Ông kể cho Ngân về sáu mươi năm thương nhớ quê nhà. Về nỗi đau không bao giờ gặp lại người ruột thịt. Và ông khóc. Tiếng khóc vọng từ đầu kia đường dây điện thoại, xuyên qua không gian đầy cảm biến tới Ngân chỉ còn là khúc điệu nghẹn ngào của những khoảng ngừng chết chóc. Hình ảnh người trai nhà quê Việt Nam mấy mươi năm về trước lủi thủi lê chổi đi về giữa những tinh sương Paris trắng rợn lòng bỏng rẫy một nỗi quê nhà có khác gì đâu hình ảnh mà bọn Ngân suốt một tuổi học trò đã tưởng là duy nhất.

Khác chăng: ông phải mượn quê người để kí thác cả cuộc đời đã sống cho quê hương.

Nhiều năm ròng sống cho một quê nhà chưa bao giờ được một lần nhìn lại là bi kịch của bao nhiêu con dân Việt đã tự vãi mình ra trên thế

giới này? Ngân kinh ngạc vì tưởng tượng của ông về quê hương: một gốc đa đầu làng, (đã hẳn), những người đàn bà xắn váy quai cồng gồng gồng gánh gánh; những hàm răng đen hôn hậu; bầy trẻ nghèo mới tí tuổi đầu đã phải xốc vác nuôi thân, và những con đường làng lầy lội, những mái tranh đã ải, nắng trên sông xa, sương khói buồn buồn. Hình dung của ông vừa cũ kỹ vừa sát thực. Chẳng phải những cảnh đời đau khổ thuở ấy vẫn còn nguyên đó hay sao? Có khác gì đâu một đôi mát đói, dẫu là trong thời nào. Ông không biết những hồi ức của ông làm Ngân đau khổ. Không phải vì cảm thương cho ông. Ông đâu cần điều đó và Ngân đâu dám. Nhưng nỗi đau khổ là có thật. Khủng khiếp xiết bao khi đột nhiên nhận ra rằng tám mươi năm đời ông không phải là sự kết nối những ngày sống và những cùng cực mà người ta vẫn tưởng chép miệng một cái là xong, vì rút cục thì đã đi qua, dù sao cũng phải đi qua. Gần một thế kỉ ấy là trùng trùng đau khổ của mấy thế hệ Việt Nam, trong đó có thế hệ Ngân. Một lần nhìn lại đủ để Ngân kinh sợ, khi tưởng ra rằng đó có thể vẫn là số kiếp của thế hệ con mình.

'Tại sao anh không về?'

'Đâu có được về hả em. Người ta...!'

Ông trả lời sau một hồi lâu im lặng.

Tại sao?

Tại sao?

Ngân muốn gào lên chỉ một câu hỏi ấy. Ngân không thể gào lên câu hỏi ấy. Tại sao? Tổ quốc đã chẳng độc lập hơn nửa thế kỷ rồi đó sao? Tổ quốc đã chẳng thống nhất một phần tư thế kỷ rồi đó sao? Không Tổ quốc nào cấm cửa con mình. Một người con như ông, Tổ quốc nào không thương quý.

Tại sao?

Tại sao?

'Mấy năm trước họ bảo anh là có thể về. Nhưng già yếu quá rồi, đường xa...' Tiếng ông khẽ khàng qua đường dây điện thoại.

'Người ta...Họ...'

Giọng ông bình thản quá. Còn có bao người như ông?

Ông nội của Ngân nằm lại ở một góc rừng Việt Bắc. Khi toàn quốc kháng chiến, ông dặn bà đưa bốn con dại về quê nương tựa họ hàng. Bố, đang thảnh thơi đi học, phải sáng sáng cắp sách vở cùng thúng xôi lang thang các phố, thay cha giúp mẹ nuôi em. Còn ông, quần nâu túm ống, hì hục khuân vác máy móc đưa lên Việt Bắc. Bố kể buổi nắng và gió lạnh, bố

cấp thúng xôi còn lưng lưng qua đó ngóng, gặp ông trong đoàn quân đang tập hợp chuẩn bị ra đi. Niềm tự hào làm cô cậu bé học trò mười hai tuổi nghẹn lại không gọi người cha thành tiếng được. Ông nhìn thấy bố, rời hàng quân chạy qua phố, đỡ thúng xôi đặt xuống vỉa hè, vét đưa anh em mỗi người một gói, rồi lần túi đưa nốt cho con mấy đồng bạc lẻ, nắn hai bả vai gầy của đứa con còn chưa vỡ giọng, dặn nói với mẹ đưa em về quê ngay. Rồi ông đi. Không bao giờ về lại. Chưa bao giờ Ngân thấu hết những âm vang trong tiếng gọi đã giục ông đi ngày ấy, dẫu vợ yếu và con dại còn vướng lại giữa thành phố sắp bỏ ngỏ. Người vệ quốc trong đoàn quân chân đất quần nâu đó khi còn làm lính thợ đã một lần tưởng phải xuống tàu, qua Pháp. Nếu ông đi? Thì biết đâu ông chẳng đã sống một cuộc đời tranh đấu âm thầm và quyết liệt như người lính thợ năm xưa, người cộng sản không hợp thời vừa gửi vào gió Paris hơi thở chót. Rất nhiều năm sau này, rời nơi sơ tán trở lại trường xưa, bao nhiêu chiều Ngân đã cắp sách đi lại con đường xưa của bố và ông, bao nhiêu chiều Ngân đã dừng lại ở cổng nhà máy ấy, cúi nhìn những tấm dá xanh vạm vỡ và bóng lên như nước ở quãng phố ấy, cố gắng tưởng tượng người ông chưa bao giờ biết mặt phong phanh trong bộ áo quần nâu, cố gắng tưởng tượng Hà Nội mùa đông xưa rạo rực bước chân âm thầm quyết liệt của những người dân một niềm quyết tử. Cho Tổ quốc quyết sinh. Ông mất, không bao giờ tìm thấy mộ. Ngày cải cách ruộng đất, cả nhà dân Hà Nội tản cư không ruộng không vườn nhưng vẫn lao đao vì lời vu dữ, rằng ông đi lính cho Pháp, rằng ông là Việt gian bị ám sát ở thành. Bà, gồng tấm thân gầy yếu cho đàn con đang vừa phẫn uất vừa hoang mang hãi hùng nương vào, nhất quyết đòi lại cho chồng một lời chứng đã chết vì Tổ quốc. Lời chứng ấy, bao nhiêu năm sau mới tới với cả nhà, qua tấm bằng Tổ quốc ghi công, mà trong đó tên ông bị viết sai. Bà, rằm tháng bảy, thở một hơi dài: 'Không sao cả. Nếu chỉ cầu sống, ông đã không đi kháng chiến. Vậy có sống lại, chắc ông cũng chả đòi gì. Chỉ tội cho ông, chết chả biết ngày nào mà làm giỗ giờ phải về cùng ma đói'. Rồi bà khóc. Rằm tháng bảy năm nào cũng khóc. Suốt nửa thế kỷ. Từ thuở ngoài ba mươi. Cho tới ngày xuôi tay.

Ngân tin lời bà. Nhưng Ngân đã bao lần tự hỏi ông đã nghĩ gì khi ông bị thương nặng rồi nằm lại vĩnh viễn ở góc rừng ấy, ở tuổi bốn mươi, như chồng Ngân bây giờ. Ông có nhớ một thành phố mà ở đó ông đã lớn lên, đã lấy vợ sinh con, đã sống một kiếp âm thầm nhưng bình an cùng với nó và đã đột nhiên hiểu ra rằng nó có thể thuộc về mình? Ông có nhớ chăng buổi lên đường theo tiếng gọi của sông núi? Ông có nghĩ tới một làng quê đang bao bọc và rẫy bỏ vợ con mình? Ông có nghĩ tới một cuộc

sống khác ông mong mỏi cho con mình? Và ông có biết...

...Và ông lão vừa khuất bóng ở Paris? Với ông, cái gì là hình ảnh cuối về cuộc đời đã qua hiện lại trong trí phút tàn hơi? Những năm dài sống âm thầm ở Paris sau những buổi đấn thân? Hay chính là những ngày trẻ trai tranh đấu? Gương mặt đồng chí một đời? Vợ và con? Con đường xưa về làng xưa và mờ nhân ảnh bao người ruột thịt đã chết đói nửa thế kỉ trước mà ông đã từng khóc với Ngân là ông rất khó hình dung lại?

Ngân đã nhắc mình dừng nhớ nữa, dừng nhớ nỗi bùi ngùi ấy nữa. Nhưng không thể. Không thể nào xóa nổi hình ảnh ông lão đồng hương ngồi trong bóng sáng Paris, giữa căn hộ ở tít cao một ngôi nhà lớn. Không thể xóa nổi hình dung dấu bàn tay đứa con hai tuổi của chị để lại trên lớp bụi quanh ông lúc lẫm chẫm bước trong phòng. Ông đã ngồi như thế bao lâu rồi, đã cô độc cùng trí nhớ của mình, dẫu có bao người lao xao vào ra nơi đó. Mỗi bình minh. Mỗi ban trưa. Mỗi hoàng hôn. Mỗi đêm dài khó ngủ. Ngôi nhà chon von như một ngọn núi mà ông không thể nào tự lần xuống được nữa, để đến với ngoài kia hừng hực vô tư lự Paris. Đêm. Núi. Mưa. Nỗi sầu cố quốc. Bao nhiêu lần ông đã sống cảm giác ấy trong cuộc đời dằng dặc biến cố của mình?

'Vẫn biết chết rồi là hết chuyện - Chín châu chưa chút được sum vầy - Ngày nào thu lại miền trung thổ - Cúng bố đừng quên khấn bố hay...' (*)

...Có một nỗi sầu biên tái như thế rầm rì vọng lại từ xưa, xưa lắm, xa, xa lắm. Vì Tổ quốc không còn. Hiểu được! Ông, thế kỉ này, cũng một niềm xứ sở. Biết khấn ông như thế nào, nếu có thể thắp cho ông một nén hương. Ngân chạnh lòng. Tàn tro một nấm...

Vẫn biết chết rồi là hết chuyện! Mà sao...

(Trích *Gió của thời khuất mặt*)
Lê Minh Hà

Chú thích:

*. Thơ Sầm Tham (Trung quốc)

Thư gửi Hạc.

Trúc Chi

...tháng 10 năm 2001

Hạc ơi, Thu rồi. Tháng trước, giữa một ngày nắng đổ mồ hôi hột, sau khi nhận được thư của Hạc tôi chỉ nguệch ngoạc có mấy hàng hẹn với Hạc là sẽ viết nhiều hơn nữa. Chiều nay, trời dịu hẳn xuống sau một trận mưa đầu mùa, không nặng hột, nhưng lay bay suốt nửa buổi. Những hạt nước li ti trong lành, nhẹ nhàng rơi liên miên đã gột hết lớp bụi bặm cùng các chất ô nhiễm khác mà văn minh cơ khí đã để lại trên lá cây suốt cả mùa hè. Thoáng một nét tươi tỉnh trong cảnh vật, dù trời vẫn nhiều mây, không có nắng. Lòng tôi có tươi tỉnh hoặc tươi vui theo ngoại cảnh hay không thì tôi chưa biết, nhưng mà tôi đã ngồi vào bàn vì thường tôi vẫn thích dây dưa với cái chất thu mà tôi đã cảm được khi nhìn sương, ngắm mưa, lắng gió rồi để mắt vào dăm chiếc lá chưa vàng úa, những chiếc lá không tài hoa mà cũng bạc mệnh, những chiếc lá còn xanh, sớm bỏ cuộc sống của chúng để lọt vào phòng tôi qua khung cửa sổ mà tôi mở rộng vì trời chưa lạnh, vì tôi muốn hít thở cái hương đầu thu trong những đợt gió mát hiền lành.

Vậy là có hai cái cớ để tạm gác sang một bên vài công việc lặt vặt mà viết cho Hạc. Một, kể như là tôi chưa trả lời bức thư của Hạc. Hai, thời tiết đang vào thu. Mà tôi, như Hạc đã biết, lại là một người tình của mùa thu. Có lẽ vì thu vẫn khiến tôi trở về nhiều hơn với đời sống nội tâm của tôi, nhiều hơn ba mùa kia, nhất là trở về vào những phút chợt nhớ rằng chính cuộc đời mình cũng đang vào thu. Đó là tôi cảm thấy cuộc đời dáng yêu vào phút này rồi nói vậy, chứ xét cho kỹ thì phải nói là đời mình đã sang đông! Mà những phút ngồi nghe mình sống lại những gì mình đã từng lịch nghiệm thì lại có rất nhiều chuyện để mà nói với chính mình - như một người hơi bất thường, cần đến sự săn sóc của một y sĩ chuyên về khoa tâm

thần, vẫn ngồi lẩm bẩm một mình - hoặc để mà tâm sự với bạn thân. Tôi có cái tật hay nói xa nói gần vậy, chứ còn bạn thân thì còn ai vào đấy nữa, phải không Hạc.

Một trong những chuyện mà tôi phải kể ngay cho Hạc là chiều nay tôi đã nhận được thư của chính tôi gửi cho Hạc do bưu điện ở bên ấy hoàn lại với mấy chữ unknown at this address trên phong bì. Vì vậy mà tôi đã viết "kể như là tôi chưa trả lời thư của Hạc." Tôi mở quyển sổ địa chỉ, dò lại thì quả là tôi đã viết sót con số 2 cuối số nhà của Hạc. Sai một ly đi đến vạn dặm. Cái phong bì xuôi ngược giữa Bắc và Nam bán cầu có nhàu đi, mang một vài nếp nhăn không khác chi dấu vết của ngày tháng trên mặt của người đã bỏ nó vào thùng thư cách đây hơn hai tuần. Cái phong bì vừa hoàn tất một chuyến đi khứ hồi ấy bây giờ đã hơi cũ, không còn trắng tinh như ngày nó... mới lên đường. Đã vậy, trên mặt nó lại còn có đến bốn con dấu, cả đen lẫn đỏ, của bưu điện ở đây và ở bên ấy. Ví von một chút thì phải nói với Hạc rằng những dấu triện ấy đã khiến tôi nghĩ đến những cái trạm mà tôi đã dừng lại đây đó trong những ngày ngược xuôi cũ, có nhiều sóng và nhiều gió.

Lại định kể cho Hạc nghe về một buổi chiều nhiều gió ở Pleiku, cái thứ gió rừng gắt gao đến rát cả mặt mũi, đầy bụi đỏ, mà lại không phải là bụi đỏ hiền hòa đã vương gót chân của người nữ sinh trong bài thơ nọ của Phạm Thiên Thư. Lại định kể cho Hạc nghe về cái cảm giác không-thể-quên-được mà lớp sóng bạc đầu ở Sầm Sơn đã để lại trong lòng một đứa bé năm tuổi - là tôi cách đây hơn sáu thập niên -. lần đầu tiên khi nó thấy cái mênh mông của biển cả. Một cái cảm giác mà sau này lớn lên tôi đã cố "ôn lại" nhưng mà tôi vẫn có cảm tưởng là mình chỉ nhớ mà không sống lại được. Mãi về sau này, đâu khoảng đầu thập niên 70, có lần, tôi thoáng cảm thấy mình sống lại được cái rờn rợn lạ lùng, mới mẻ, vừa sợ vừa thích ấy một buổi chiều tại cửa Thuận, Huế. Nhưng mà chỉ một thoáng thôi, không nhớ rõ là mình đã bắt lại được xao động cũ, là vì hôm ấy tôi đang bận thưởng thức cái ma lực của chữ dậy trong câu Biển dậy màu xanh sóng chập chùng của Nguyễn Bính, một câu thơ chợt trở về khi tôi lặng ngắm cái vô biên của khối nước vô lượng chưa hề ngưng chuyển động từ phút nó bắt đầu hiện hữu.

Định viết nhiều hơn nữa về hai buổi sống với gió rừng, sóng biển, nhưng mà chắc là tôi sẽ dài dòng lắm, e lạc đề mà quên mất chuyện chính mà tôi muốn ngỏ với Hạc trong bức thư này. Còn như những thứ sóng kia, thứ gió kia trong con người tôi thì... bao giờ chúng mình lại có dịp đối diện nhau, nhìn những sợi tóc bạc của nhau, như cái hôm ở Hà Nội cách đây mấy năm, tôi sẽ kể nhiều, kể tỉ mỉ cho Hạc nghe. (trong thư trước,

chính Hạc đã bình tĩnh nói đến những sợi tóc bạc của Hạc thì nay tôi mới dám đá động đến!) À, mà tóc của Hạc bạc tự bao giờ vậy? Hôm ở Hà Nội, tôi nhìn kỹ (chắc Hạc cũng biết là tôi đã nhìn Hạc rất kỹ) mà thấy là cái mớ tóc mun mềm mại tự thời nào, dành là không còn óng ả, cũng đã bắt đầu bạc ở mái trước. Hỏi vậy thôi, Hạc không cần phải trả lời. Hỏi một người đàn bà cái câu ấy là khơi cả một nguồn tâm sự của người ta, phải không Hạc. Mà lại còn bất lịch sự nữa. Hỏi về cái phôi pha của sắc mun trên mái tóc của một người đàn bà, không kể đến những nguyên nhân sinh học, nhiều khi lại giống như cái vô ý của một y sĩ lỡ tay mà chạm phải chỗ dễ đau nhức nhất của một vết thương. Nhưng mà... tôi vẫn nghĩ rằng cái duyên trên một vài khuôn mặt phụ nữ nhiều khi lại càng thêm mặn mà nhờ vào một nhúm tóc bạc đấy Hạc ơi.

Vừa viết xong hai chữ "Hạc ơi", tôi sực nhớ đến một điều nhiều lần định nói với Hạc, nhưng lại quên mất: từ năm 79 hay 80 gì đó, thư tôi gửi cho Hạc không còn có "thân" hoặc "thân mến." Thân thì đành là chúng mình thân nhau rồi, thêm chữ "thân" đàng sau tên Hạc là thừa. Còn "thân mến"? Giữa Hạc và tôi, có một chút gì đó - mà tôi chắc là Hạc cũng nghĩ và cảm thấy như vậy - mà "thân mến" suông không đủ chứa, không nói hết được. Đến cái tuổi này, những lần nhận được thư Hạc, có khi tôi lẩn thẩn soát lại cuộc sống tình cảm của mình - trong đó có cái thứ sóng gió mà tôi vừa hẹn là sẽ kể cho Hạc nghe - tôi nghĩ rằng chút gì đó nó đậm đà hơn "thân mến" mà không phải là tình yêu, nó cũng không hồn nhiên, rộn ràng như tình bạn ngày còn trẻ mà hẳn Hạc cũng đã từng cảm thấy đối với bạn học ngày còn trẻ; mà nó cũng không đằm dẹ, không được "tĩnh" như tình bằng hữu của hai mái tóc bạc. Chút gì đó nó gần giống như tình người, gần giống thôi, bởi vì quen biết nhau đã lâu, ai lại nỡ lấy cái tình người "suông" mà đãi nhau, bởi vì tôi phải thành thật với chính tôi, với Hạc - điều này Hạc cũng biết từ lâu rồi - mà nói rằng Hạc có một loại nhan sắc mà tôi vẫn thích nhìn ngắm. Khi ngắm một vẻ đẹp phụ nữ mà lòng người đàn ông có gợn lên một chút xao xuyến thì nói đến chuyện tình người quả là một điều gian dối! Nhưng mà thôi, chút gì đó, mà chính tôi cũng không có chữ để gọi nó, tôi quí nó lắm Hạc ơi! Cũng vì vậy mà tôi vẫn "gọi" tên Hạc mỗi lần bắt đầu một bức thư, thay vì dùng đến những lối mở đầu thông thường. Nghe đã vui mà lại gần gũi nhau hơn, dù Hạc ở tận bên... Đại Dương Châu. Tôi không thích cái tiếng Úc gọn lọn, cộc lốc, lý do là vì nó ... không có nhạc tính đối với tôi, đành phải mượn đỡ mấy tiếng Đại Dương Châu của con cháu ông Tôn Trung Sơn: người Trung Hoa gọi ông là quốc phụ. Cái yêu cái ghét có phần kỳ quái trong con người tôi, Hạc cũng biết rõ lắm rồi.

.....

Tôi bỏ dở bức thư nhưng cũng biết rõ rằng ngay phút này tôi không thể dừng bút được. Nhìn ra bên ngoài, mây chiều rủ nhau về núi cả rồi, để lại chút thoi thóp trong ánh nắng tàn của một ngày thu sớm. Châm xong cái tẩu thuốc, vừa kéo một hơi dài, tôi vừa đọc lại mấy trang thư trên đây và chợt thấy rằng tôi đang nói chuyện với chính tôi nhiều hơn là chuyện trò với một người bạn cũ. Viết một bức thư cho bạn để nói về chính mình, thôi cũng được đi. Tôi cố viết những gì ở đâu đâu, làm như là tôi không hề biết gì về một chứng bệnh ngặt nghèo mà, theo lời trong bức thư trước của Hạc, y học hiện nay chưa có thuốc chữa. Khi một người đã biết rõ và biết hầu như dích xác cái số ngày, số tháng còn lại trong cuộc đời mình, người ấy chắc chắn là có một cái nhìn khác đối với nhân thế, khác với tất cả những gì mà chính người ấy đã thấy và sống lúc còn khỏe mạnh, chưa bận tâm về những gì sẽ đến với mình sau lúc trút hơi thở cuối cùng, nếu quả là sau khi chết sẽ có một loại "sống" nào đó. Nói gì đây với loại tâm trạng này - hoảng sợ hay bình tĩnh hoặc hoảng sợ mà cố bình tĩnh hoặc cả hai, tùy người, tùy lúc - lại chính là cái khó của tôi sau khi nhận được thư Hạc kể rõ cho tôi về tình trạng sức khỏe ngày một suy mà lại không có lấy một tia hy vọng sẽ có lúc khả quan hơn.

Liền sau khi nhận được thư Hạc, tôi sửng sốt, bàng hoàng rồi làm luôn một việc ngu xuẩn: viết thoắng mấy hàng khuyên Hạc can đảm chấp nhận điều không tránh được. Chạy ra ngoài phố, chọn lấy một tấm thiếp in sẵn những lời an ủi hợp tình hợp cảnh coi vậy mà còn... có tình hơn là mấy hàng chữ trong bức thư đã được"thải hồi nguyên quán", như một nghi can không ai dám nhận, dám chứa, không khác gì cái tình trạng hiện nay, của Ossamar Bin Laden, người đã làm cho cả thế giới phải rúng động! Cũng may là quá hấp tấp vội vàng, tôi đã viết sai địa chỉ. Không thì còn chi là *cái chút gì đó* mà tôi vừa nói là tôi không định nghĩa nổi. Chút gì đó, nó mọng lên bên ngoài một cảnh chùa ở Huế khoảng sau Tết Ất Mão (1975). Ăn Tết ở Saigon xong, tôi có chút việc ra Huế. Và như thường lệ, mỗi lần ra Huế, tôi lại là người phu trạm đi phân phối cái phần công đức khiêm tốn mà mẹ tôi vẫn sai tôi đem đi rưới xuống một vài thửa phước điền, vốn là mấy cảnh chùa có một ít nhân duyên với gia đình qua nhiều thế hệ trong nhà tôi và qua nhiều đời các vị sư trụ trì. "Con chịu khó đi giùm mợ (tôi gọi mẹ tôi là mợ), công đức lắm đó." Mẹ tôi vừa dặn kỹ tôi như vậy vừa cầm con dao bài sắc không kém lưỡi dao cạo Gillette, tỉa đôi lá trầu tươi dọc theo sống lá. Cái dường dao này, mẹ tôi bắt đầu tập tự thời con gái - vâng, các bà lão bây giờ lụ khụ lẩm cẩm mà Baudelaire gọi là *Eves octogénaires*, thẩn thơ bên một góc phố hay ngồi riết cả ngày

trong một góc phòng, ngày trước cũng đã từng có một thời thanh xuân - và tính cho đến năm 1975 ít ra cũng đã có hơn sáu mươi năm thục luyện. Ngàn lần như một, không bao giờ dường dao chạm vào sống lá. Cái đích xác của hai động tác nhanh nhẹn đẩy con dao và kéo lá trầu đôi khi đã khiến tôi nhớ đến nghệ thuật rót đầu của ông lão người Trung Quốc trong *Cổ Học Tinh Hoa*. Mà mẹ tôi ân cần dặn dò tôi - như là Khổng Minh can dặn Quan Công tám chữ "Đông hòa Tôn Quyền, Bắc cự Tào Tháo" - như vậy không phải là không có lý do. Khỏi nói, bà cụ biết tính tôi hơn ai hết. Bà cụ biết tôi lười đi chùa. Bà biết, mỗi lần về Huế, tôi bận bịu nhiều hơn với vài người bạn cũ, hợp tính hợp tình trong những buổi lang thang dọc những phiến cổ lũy có chỗ gạch đá đã đổ nát để mà bàn sâu tán rộng với nhau về cái chuyện hưng phế tồn vong của các triều đại, hoặc ngồi lì ở nhà bạn suốt ngày chuyện trò lan man từ thời thế cho đến thức nhắm, từ tình cũ cho đến duyên xưa, thậm chí kể cho nhau nghe những lần gặp gỡ, những đoạn ân ái xác thịt dễ dãi không tên không tuổi đã chìm lỉm vào cái biển xúc cảm mà không để lại ngay cả một gợn sóng ân tình! Ban ngày đã vậy rồi, chiều đến là tôi lại "lo" đi tìm nhạc công, ca cơ, mượn những làn sóng âm làm chất men mà say theo một vài câu ca đội nhẹ trên sóng nước, theo một nhịp phách giòn vang lên từ một con đò neo gần một cái bãi vắng....*Chút nữa ra về có dang dở chi không*...Trời đất! cái câu cuối này của một bài Cổ Bản thiệt là tình tứ hết chỗ nói.

Thành thử, mỗi lần tạt vào cố quận trong những chuyến đi hấp tấp ngắn ngủi, đành được một ngày cho những lối đi vắng vẻ dẫn đến mấy cái mái tam quan cũ kỹ và cong vòng ấy là cả một cố gắng phi thường, một "hy sinh" lớn đối với tôi. Với lại, trong lòng một người tự biết mình rất ham sống với đục lạc, với thanh sắc, lần bước lên chốn sơn môn mà chưa hề biết thành thật tâm niệm cái câu "Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát" tôi thấy không ổn, cảm thấy hơi nhột! Thứ người như tôi, mang trong cái hình hài này cả một mớ trần duyên và tội nghiệp - chữ tội nghiệp hiểu theo thuật ngữ nhà Chùa - nó nặng đến hàng chục tấn, đem cái gót chân vướng mắc nhiều tục lụy này đến quấy rầy cái thanh và cái tịnh ở một cảnh không môn, dù là theo lời dặn của mẹ tôi, tôi thấy hơi trơ trẽn, nếu không hẳn là dơ dáng. Nhưng mà, lần ấy, tôi đã làm tròn phận sự của một thằng con không lấy gì làm hiếu thảo lắm : tôi đã đánh một vòng qua bốn ngôi chùa trong một khoảng thời gian có chừng bốn năm tiếng đồng hồ nhờ có thằng cháu trẻ tuổi trong ngành công binh dèo tôi qua nhiều con dốc tráng nhựa đầy ổ gà, nhiều đoạn đường đất rải đá vụn, nhiều lối đi có cỏ dại mọc kín phía trên đàn Nam Giao.

"Hai bao nếp này, dì để riêng nấu xôi cúng Rằm..." Cái giọng nữ

trong trẻo ấy, cái âm sắc nồng ấm ấy đã lọt vào cái tai thích nghe nhạc của tôi vào lúc tôi bước xuống bếp chùa, sau khi đảo một vòng qua chánh điện, qua dãy nhà liêu, qua cái sân rộng khẳng khiu mấy gốc sứ già nua mà không thấy một bóng người. Tôi nhìn hai người đàn bà ngồi trên hai cái đòn gỗ tạp, một già một trẻ đang lúi húi bên mấy cái túi *nylon*, mấy cái giỏ trên một chiếc bàn thấp. Tôi tự giới thiệu và ngỏ ý muốn gặp Thầy. Người đàn bà lớn tuổi, chừng là một trong số khá đông mà chúng ta vẫn thường thấy lặng lẽ làm công quả trong các chùa, cho biết là Thầy cũng sắp sửa về và mời tôi lên nhà trên. Tôi đang phân vân, chưa biết xử trí ra sao - vì tôi không có ý định chờ lâu - thì chủ nhân của cái giọng trong trẻo ấy, người đàn bà trẻ tuổi, chợt cất tiếng:

- Xin lỗi... anh là bạn của anh Lương bên Bến Ngự?

–Vâng. Chị là...?

–Dạ, Hạc. Tôi là bạn của Thảo Chi em anh Lương. Hồi trước, lâu lắm rồi, có gặp anh một lần ở nhà anh Lương.

–Tôi xin lỗi, hơn hai mươi năm rồi, tôi không nhớ nổi.

- Chính tôi cũng không nhận ra anh. Nghe anh... khai tên ra mới sực nhớ lại hồi hay lên chơi nhà Thảo Chi.

Tôi nói cho Hạc biết rõ mục đích của tôi khi lên chùa vào ngày hôm ấy. Hạc nói:

- Anh chờ một chút thôi. Thầy vô trong xóm đưa ít thuốc trụ sinh cho một ông cụ bị cảm cúm chi đó, phải không dì Thà?

Dì Thà, người đàn bà đã trọng tuổi, miệng hơi móm, vừa bỏm bẻm nhai trầu vừa nói:

- Dạ, ông chờ một chút, thầy về liền bây giờ.

Không biết làm gì hơn, tôi bước ra cổng chùa tìm thằng cháu, định bảo nó chở tôi lên đầu con dốc mà hồi nãy, trên đường đến chùa, tôi thấy có một cái quán nhỏ. Tạt vào đấy, làm một ly bia, khơi cho thằng cháu lanh lợi ba hoa về đời lính của nó, nghe cũng thú. Xong, trở lại chùa là gọn nhất. Cũng vừa lúc ấy, cháu tôi nói:

–Cháu mới khám phá ra cái bánh trước bị đinh, xìu. Chú chờ một chút. Cháu về lại ngay.

Tôi trở vào sân chùa, thấy Hạc đứng cạnh cái bể cạn, rửa một bó hoa, tay cầm con dao nhỏ tỉa bớt lá. Tôi đến bắt chuyện:

–Chị hay lên chùa?

–Dạ cũng không. Mốt là đại tường nhà tôi. Tôi đem ít phẩm vật lên trước.

–Thảo Chi với Lương bây giờ ở đâu chị?

–Thảo Chi theo chồng ra Bắc từ hồi 54. Còn anh Lương vô Hải Quân,

bây giờ ở Nha Trang. Anh ở Saigon ra chơi?

–Tôi về đây có chút việc. Vậy là anh nhà mất được gần tròn hai năm?

– Dạ, nhà tôi mất ở KonTum. Nhà tôi học trên anh Lương một lớp. Bài, Nguyễn Bài, chắc anh cũng có biết.

–Huế nhỏ, quen nhau cả, có thể thấy mặt thì nhớ, còn tên thì thiệt tình, tôi không nhớ nổi.

Tôi vừa nói chuyện vừa lắng nghe nội dung những câu nói của Hạc. Nhưng thật tình tôi chú ý nhiều hơn đến cái âm sắc trong giọng của Hạc mà tôi rất thích. Tôi vọt miệng hỏi:

–Chị có hay hát không?

Hạc mở to đôi mắt cũng to sửng sốt nhìn tôi mà không trả lời. Biết mình hơi đường đột, tôi giải thích:

– Tôi hỏi vậy là vì cái giọng của chị nếu tập hát, tôi cam đoan là lạ lắm, hấp dẫn lắm.

Thật ra tôi định nói "quyến rũ" nhưng lại dổi ra "hấp dẫn". Hạc hơi thẹn, im lặng tiếp tục tỉa mấy nhánh lá và hoa nhưng động tác trên hai bàn đang có vẻ như không có chủ đích. Một lúc sau, Hạc nói:

–Dạ, hát một vài bài với chị em bạn thì tôi có hát thật. Nhưng mà có hấp dẫn như anh nói hay không thì ... thiệt tôi không biết. Thiệt ra, ai mà không thích hát, có người hát hay, có người hát dở. Mà cũng lạ thiệt, anh nói làm tôi sực nhớ ra là đã hai năm nay tôi không âm ư nổi một câu.

Tôi hiểu. Vui mà hát là chuyện thường. Buồn vơ vẩn vì một vài phút cô đơn, rồi cầm lấy cây đàn hay tập nhạc cho những lớp sóng âm kia nó lấp bớt cái trống trải trong lòng, kể cũng là một cái thú. Nhưng mà nỗi buồn sâu xa, niềm đau thấm thía của một cái tang chồng giữa chiến thời, giữa lúc còn thanh xuân... Nắng mưa từ dạo xa chồng... Tơ tằm rút ruột cho lòng héo hon....có nốt nhạc nào xoa dịu được cái gặm nhấm nhức nhối ấy. Với thời gian, may ra... Tôi nhìn nhanh vào đôi chân mày dày mà thanh trên khuôn mặt của Hạc hơi đượm một nét buồn, một chút suy tư vào phút ấy. Tôi nhìn xuống chiếc áo dài đen giản dị, cái màu đen của tang chế, cắt theo kiểu xưa ở Huế, hơi rộng, thẳng và không có eo. Tôi nhìn qua cái tượng Quan Âm gắn trên một cái ghềnh đá rêu phong, cheo leo trong bể cạn, cái tượng nhỏ chút xíu mà đầy đủ tịnh bình tí hon và ngành dương liễu. Theo thần thoại thì cái tịnh bình này có thể chứa được nước của bốn bể và một giọt thánh thủy rảy xuống từ nhánh dương liễu kia cũng đủ dập tắt ngọn lửa tham sân si rằng rặc tự ngàn kiếp trong cái tâm của một người biết thành khẩn cầu nguyện.

Tôi không xem kinh mà cũng không biết cầu nguyện. Tôi nghĩ thầm

và mong rằng phép mầu vạn năng của vị Bồ Tát có Nghìn Tay Nghìn Mắt một ngày nào đó sẽ đưa lại một điệu nhạc êm dịu, vui vẻ và mát mẻ vào tâm hồn Hạc, vốn đã nhuốm chút héo úa. Tôi mong được nghe cái âm sắc đặc biệt của giọng Hạc vào phút ấy. Lúc Hạc lau tay cầm bình hoa để đem vào chùa, tôi mở ví rút một tấm danh thiếp trao cho Hạc:

"Nếu chị có dịp vào Saigon, cho tôi biết."

Hạc ngẩng đầu nhìn tôi. Bàn tay hơi do dự nhưng Hạc cũng cầm lấy tấm danh thiếp rồi nói nhanh:

"Cám ơn anh."

Tôi nhìn theo cái áo dài đen nổi hẳn trên mấy đóa huệ trắng trong bình hoa trên tay Hạc cho đến lúc Hạc khuất sau lối cửa dẫn vào phía bàn vong ngoài chánh điện.

Sau đó là tháng Tư năm 75. Hạc và gia đình người em gái thoát được sang Úc nhưng mà hai đứa con theo một gia đình quân nhân bạn thân của anh Bài, lại lạc sang Mỹ. Kể ra không có tôi thì sớm muộn gì Hạc cũng đoàn tụ được với hai đứa con. Nhưng vì thương nhớ con và quá sốt ruột Hạc viết cho tôi một bức thư theo địa chỉ của cơ quan tôi ở ngoại quốc, có ghi trong tấm danh thiếp mà may Hạc còn giữa được. Hạc cho rằng tôi làm việc với một cơ quan thông tin, có thể giúp xúc tiến hồ sơ của hai con được chóng vánh hơn. Dĩ nhiên là tôi không có một chút thẩm quyền nào mà xía vào công việc của sở Di Trú ở đây. Láng cháng, không khéo lại được mời đi chơi chỗ khác! Tôi liên lạc với người cựu trung tá Hải quân bạn của anh Bài và được cho biết là chuyện mẹ con đoàn tụ không có gì trở ngại. Tôi nói về tình trạng khá sáng sủa ấy khi trả lời bức thư mà Hạc nói là "tôi viết cẩu âu vậy, không biết có đến tay anh không."

Từ ngày ấy, chúng tôi vẫn liên lạc với nhau. Không nhiều. Ba bốn tháng, nửa năm một lá thư. Tết nhất, lễ Giáng sinh, một cái thiếp chúc sức khỏe, may mắn. Lúc tôi bỏ chữ "chị" và Hạc không xưng "tôi" nữa thì thư từ của Hạc đã có những đoạn "tâm sự" về đời tư, không hẳn là thầm kín, nhưng cũng không phải là những chuyện có thể đem ra kể với khách qua đường. Tuyệt đối không có một tấm hình. Mỗi lần đọc thư Hạc, tôi vẫn mường tượng thấy cái áo dài đen, mấy đóa huệ. Mà tôi nghĩ rằng Hạc cũng không nhớ nổi mặt tôi. Cũng như Hạc đã một lần không nhận ra tôi lúc gặp nhau ở chùa.

Riêng tôi, chuyện trò bằng thư tín với một người bạn gái, thỉnh thoảng thấy được vài điều mới và lạ trong một đôi cuộc triển lãm tranh, đọc được một hai quyển sách nhiều ý nghĩa tôi kể cho Hạc nghe. Một đôi nỗi bực dọc của mình những lúc va chạm mạnh với cuộc sống ở đây sau hơn 20 năm mà vẫn xa lạ và xa vời với con người tôi vốn "duy" nhiều thứ, trừ

duy vật, có lúc tôi cũng tuôn ra trên những trang giấy viết cho Hạc. Qua những bức thư Hạc viết cho tôi, tôi biết Hạc dai dẳng chống chõi với một loại cô đơn nào đó trong tâm hồn và ngay cả trong hoàn cảnh cụ thể của mình. Viết cho tôi, có thể Hạc cũng cảm thấy bớt trơ trọi. Tôi đoán vậy thôi, không biết chắc được. Tôi không hề tò mò về điểm này và thật tình cả Hạc lẫn tôi không tìm cách gặp lại nhau. Những lá thư xuyên qua nhiều đường kinh tuyến và vĩ tuyến ấy có giống như những chuyến đò ngang chở một đôi món quà mọn của người ở bên này bờ gửi sang bến bên kia, tạo được một đôi niềm vui dịu nhẹ, ấm lòng cho cả đôi bên.

Mãi cho đến cách đây mấy năm, tôi về nước có chút việc nhà, ra Hà Nội cho biết. Theo chỉ dẫn của một người bà con, tôi tìm đến hiệu sách cũ trên tầng thứ hai của một căn nhà ở Phố Bát Đàn, sau mấy tiếng lang thang qua khu phố cổ Hà Nội vào một ngày cuối thu hơi lạnh nhưng mà trời trong, không mây. Ở hiệu sách ra, tôi nhác thấy dáng một người đàn bà trông quen đang mua sắm trước một cửa hiệu tạp hóa bên kia đường. Tôi lách nhanh qua mấy cái xe đạp, xe gắn máy (mà không sợ bị phạt), băng qua đường. Đến gần, tôi nhận ra Hạc. Ngạc nhiên, mừng, vui. Dĩ nhiên. Chúng tôi rẽ sang một phố gần đấy, vào một cái quán nhỏ và hẹp bán bún riêu, bánh cuốn. Bàn thấp ghế cũng thấp. Đi lang thang suốt buổi sáng bây giờ ngồi xuống một cái ghế thấp, co đùi, thấy khỏe khoắn và thoải mái lạ. Người thanh niên trông hàng có vẻ hơi thất vọng khi nghe tôi gọi một ấm trà nóng và đậm cho Hạc và tôi mà không nếm thử hai món quà sáng ấy. Đưa mắt nhìn mấy cái thẩu nhỏ, tôi gọi thêm hai phong bánh đậu xanh. Tôi mở phong bánh mời Hạc. Hạc lắc đầu:

"Anh cứ dùng đi. Hạc đã ít ăn ngọt. Bây giờ lại sợ mập nữa. Xin anh chén trà là đủ rồi."

Tôi liếc nhanh và thấy quả Hạc có hơi đầy ra một chút, so với hôm ở Huế cách đấy ngoài 20 năm. Tóc có chỗ cũng đã hai màu. Âm sắc của tiếng nói cũng trầm hơn, do đó ấm hơn mà vẫn trong trẻo. Hạc xinh và duyên dáng. Một phần của nhan sắc Hạc là giọng nói có một loại âm thanh cá biệt chứa một thứ nhạc tính nào đó, riêng đối với cảm thụ của tôi. Sức quyến rũ tỏa ra từ con người Hạc là toàn thể cái phụ nữ tính - có nhiều người đàn bà rất ít phụ nữ tính - của cử chỉ, động tác, lối nói năng dịu dàng, cách trò chuyện tự nhiên, chân thật, lời lẽ cẩn thận mà không giữ miếng. Sau mấy phút chuyện trò về những những năm tháng đầu tiên ở Úc, nhiều dao động, nhiều thử thách sau tháng Tư năm 75, Hạc chép miệng:

– Mới đó mà hơn hai mươi năm rồi.

Chợt thấy cái nhẫn trên bàn tay tuy vẫn thon nhưng có chỗ da đã hơi

nhan, tôi hỏi:

– Nhân mới hay nhân cũ đó?

Hạc đưa tay xoay xoay cái nhân rồi mỉm cười nhìn tôi:

– Đây là cái nhẫn cưới của Hạc từ hồi lấy anh Bài. Mà thư của anh cũng vậy, anh hay hỏi đột ngột, khó trả lời.

Tôi cũng cười theo:

Bất thùng chi thình mà hỏi vậy nó vui hơn, thiệt hơn. Vòng vo Tam Quốc đã tốn thì giờ cho người... vấn cũng như người đáp, mà nhiều khi chưa chắc đã có câu trả lời.

Thấy Hạc trầm ngâm nhìn ra đường phố rộn rịp, náo nhiệt giữa một ngày cuối thu có chút nắng dìu dịu, tôi cũng im lặng châm cái tẩu thuốc, nhìn làn khói tan biến giữa nắng thu Hà Nội mà tận hưởng cái ấm lòng của một lần tình cờ gặp bạn sau những năm tháng sống với khá nhiều tủi nhục, bạc bẽo rải rác đây lối đi của những cố gắng tạo dựng lại một chút gì cho chính mình giữa cái đống gạch vụn của đổ vỡ, mất mát trong lòng và ngoài đời....

Hoàn cảnh cũng lạ. Hạc và tôi là hai cụm bèo đâm rễ trên những làn sóng hiền lành, dịu nhẹ ấy của một giòng Hương giang trầm lặng, nhờ một chút nhân duyên mong manh nơi cửa Phật mà gặp rồi quen nhau. Hai cụm bèo ấy, vì những chính sách xuất phát ở Hà Nội mà trôi giạt sang tận Mỹ và Úc, rồi bây giờ lại ngồi ngay giữa Hà Nội mà hàn huyên. Kể cũng mỉa mai và oái oăm thật. Tôi tự xét mình có nhiều thói và tật xấu, có ngu dại nhiều nhưng mà quả tình cũng chưa có phạm vào một cái tội nào gọi là tầy Trời để cho ông Trời chơi khăm mình như hôm ấy. Nhưng mà nghĩ lại, ông Trời cũng đã hết sức dễ thương mà dành cho chúng tôi một lần trùng phùng quả là bất ngờ.

Hạc hớp một ngụm trà mà người thanh niên trông hàng hồi nãy cam đoan với tôi là trà Bắc Thái thượng hạng "để dành cho khách quí":

–Hồi mới chạy qua Úc, Hạc có gặp một người Anh dạy học ở Sydney. Chính vì đi học thêm tiếng Anh mà Hạc quen Colin. Cũng có một đời vợ rồi. Colin tốt và tử tế với Hạc lắm... nhưng mà...

–Tốt và tử tế chỉ mới là điều kiện cần, chưa phải là điều kiện đủ?

–Thật ra, Hạc cũng có cảm tình, nhiều nữa là khác, với Colin, nhưng mà cuối cùng thì Hạc quyết định dành tương lai của mình cho tương lai của con. Cho đến bây giờ, ít ra Hạc có được niềm vui thấy hai cháu thành đạt. Cũng là một chút an ủi.

Thấy Hạc có vẻ đăm chiêu, tôi sợ câu chuyện đi đến chỗ nghiêm trọng quá, có thể khiến cho Hạc nghĩ đến những dằng co, ngần ngại, phân vân trong chính nội tâm của mình, dù là những xúc động của một

tâm trạng đã cũ nhưng cũng có thể gợi buồn trong lòng một người đàn bà góa bụa, tôi phải đùa:

– *Cảm thương con hạc ở chùa*
Muốn bay da diết, có rùa giữ chân

Có trúng tim đen của Hạc hay không thì tôi không biết, nhưng mà Hạc cười giòn tan. Cái giọng cười ấy càng vui nghe càng trong. Dứt chuỗi cười, Hạc uống một hớp trà rồi hỏi tôi:

–Thơ ai mà ác vậy?

Tôi đáp:

–Vô danh thị. Ca dao.

–Anh còn có câu nào độc như vậy nữa không?.

–Bộ *Tục Ngữ Ca Dao* của Nguyễn Văn Ngọc để lại trong Saigon từ hồi 75, đương nhiên là mất rồi. Tôi chưa có dịp mua lại. Để về Mỹ, kiếm một bộ khác, tôi tìm xem có câu nào độc hơn nữa, tôi gửi qua Úc cho Hạc.

Hạc và tôi cùng cười. Người thanh niên trong quán có lẽ cũng lây niềm vui của chúng tôi nên nhoẻn miệng cười theo. Hôm sau, Hạc về Úc. Tôi vào Saigon. Ngồi trên máy bay, vào một lúc chợp mắt, tôi chợt nghe vẳng giọng cười trong trẻo của Hạc.

Cho đến hôm nay, tôi mở ngăn kéo tìm bức thư của Hạc. Ở đoạn cuối, Hạc viết: "Nếu trong vài tháng nữa mà sức khỏe của Hạc suy kém đến độ không còn cầm được cây bút để *bye-bye* anh hoặc là không còn minh mẫn nữa mà quên chào anh ... trước khi đi, thì xem như là Hạc chào anh rồi đó. Phải nói ngay với anh không thì quên mất: gần đây, tự nhiên Hạc thích hát và lại hay hát như thời con gái."

Nội dung câu nói khiến tôi hơi buồn. Nhưng mà tâm trạng của Hạc lúc viết ra câu ấy lại khiến tôi phấn khởi. Những trối trăng nhẹ nhàng, thản nhiên này có vẻ như bắt nguồn từ tâm trạng bình tĩnh của một người đã chuẩn bị kỹ cho chuyến lên đường trọng đại nhất trong đời người. Ấy, cái khác giữa Hạc và tôi vô tình mà hiện rõ trong mấy chữ "trọng đại nhất". Tôi còn dùng đến tính từ này, động từ nọ chỉ vì muốn tránh cái chữ "chết". Còn Hạc chỉ chào tôi "trước khi đi."

Lời chào của Hạc khiến tôi sực nghĩ rằng trong khoa học Tây phương, âm và dương vẫn diệt nhau, như trong Đại Số học chẳng hạn. Trong cái Đạo của Lão Trang và trong Dịch Kinh, âm dương chậm rãi tuần tự nhường chỗ cho nhau mà luôn hiện diện trong những chu kỳ bất tận, vô chung. Tôi nghĩ Hạc tự cho là mình đã sống với nhân thế hết một chu kỳ và sẵn sàng chờ cái vận hành huyền bí của một chu kỳ khác. Cái sẵn sàng ấy, nó hiện rõ trong thái độ lạc quan đã giúp cho Hạc lại cất tiếng mà hát cho chính mình nghe. Tôi chỉ tiếc, một cách hết sức ích kỷ, là không được

Lượng Xuân
HOÀNG XUÂN SƠN

Ngửa lòng
uống một lượng xuân
chén nâng đầu ngõ
hoa trùng phùng
tươi
thấy trăm hồng điện bên đời
và mắt môi sáng
giữa cười thanh thiên
chén nghinh
trút hết luỵ phiền
chén ngây ngây mộng
bình yên
cõi người
xin nồng
cạn một chén tôi
mừng uyên ương
giữa
núi đồi
ly tan

nghe Hạc hát. Nhưng mà... niềm mong ước của tôi vào một buổi chiều trong sân chùa vậy là cũng đã thành sự thật. Mà nghĩ cho cùng, tôi có nghe được tiếng hát của Hạc hay không, thật ra cũng... bất thành vấn đề. Cái chuyện chính là, ở cuối đời, một niềm vui nào đó đã trở lại với Hạc.

Hạc nói rõ trong thư rằng Hạc chỉ còn có năm sáu tháng nữa theo lời bác sĩ. Tôi nghĩ rằng bác sĩ, có giỏi lắm thì cũng chỉ mới biết sử dụng *computer* mà tính toán thôi, chưa phải là thánh. Đi đâu mà biết trước được rằng bệnh nhân sẽ tắt thở vào ngày nào, giờ nào! Một ông bạn của cha tôi, trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc sống, ngày trước có đọc cho anh em tôi nghe một bài Đường luật mà nay tôi chỉ còn nhớ vỏn vẹn có một câu "ở đời toàn thị cái bất ngờ."

Biết đâu. Phải rồi, biết đâu Hạc lại không qua khỏi. Tôi chợt nghĩ đến câu thơ danh tiếng của một thi sĩ Anh:"When Winter comes, can Spring be far behind"...Đông về rồi thì hẳn mùa Xuân cũng không xa lắm.

Với cái nét Xuân ấy, tôi viết tiếp bức thư gửi Hạc./.

Hà Nội lung linh trong trí nhớ

Tuấn Huy

Nơi căn phòng tôi đang ở, trên các vì tường, các con tôi trang trí nhiều bức tranh rất dễ thương và khá đẹp. Tất cả, hài hòa với nhau qua những màu sắc thật êm đềm và đầy gợi cảm. Tôi vô cùng yêu thích những bức tranh thật thơ mộng ấy. Chúng hiến dâng cho đời sống nội tâm của tôi được phong phú hơn và thanh thoát hơn. Nhưng, tất cả như bị lu mờ bên một khung hình nhỏ. Một khung hình thật mộc mạc, thật đơn sơ, mà trong đó chỉ là một bản photocopy chụp lại hình Tháp Rùa ở trung tâm Hà-Nội. Một hình Tháp Rùa giữa hồ Hoàn Kiếm, nhòe nhạt trong sương mù một ngày đông lạnh giá...

Dù là bản *photocopy* đen trắng tầm thường, nhưng từ nhiều năm nay, tôi rất trân quý khung hình đó, như vẫn rất trân quý khung hình chụp lại chân dung của người bạn trăm năm, đã xa lìa cha con tôi hơn hai chục năm trước.

Nếu tôi muốn, rất có thể, tôi sẽ tìm mua được những bức hình khác của những nhiếp ảnh gia lẫy lừng, chụp rất nghệ thuật những phong cảnh xa xưa biểu trưng những nét đặc thù của Hà-Nội. Nhưng chính bản *photocopy* trong khung hình mà hằng ngày tôi thường đăm chiêu nhìn ngắm là những vết khắc, là những dấu ấn sâu đậm, hiện ra khi rõ ràng lồng lộng, khi nhạt nhòa mờ ảo trong trí nhớ, trong hồi tưởng mịt mù nung nấu của tôi...

Đó là một Hà-Nội của hơn 50 năm về trước. Một Hà-Nội cổ kính, thanh lịch, rất hoành tráng mà cũng rất đơn sơ của một nơi chốn vẫn được xưng tụng là "Kinh-Thành Thăng Long Ngàn Năm Văn Vật"...

Hà-Nội, nơi tôi được sinh ra, được lớn lên, được đặt những bước chân thơ dại đầu tiên để chập chững vào đời. Hà-Nội, đó là một địa danh thiêng liêng cao quý của Đất Nước. Chính nơi đó, trái tim tinh khiết của tôi đã

được mở ra, để được nôn nao khắc khoải, để được mông mơ, được hy vọng, được tin tưởng, được trông chờ, được nếm hương ít nhiều mật ngọt của tình yêu, được biết thế nào là vị đắng của chia lìa tan vỡ, được xót xa đau đớn, được nao nức bồn chồn...

Chỉ cần ngước nhìn khung hình nhạt nhòa u ám đó, tiềm [illegible] đã tràn đầy năng lượng để soãi cánh bay về thành phố thân thương [illegible], thế giới thần tiên cũ, và những cảnh trí, những mùi vị, những màu sắc tuyệt vời cũ...

Ở trái tim tôi, Hà-Nội mãi mãi là hai tiếng êm đềm, hai tiếng hùng tráng, hai tiếng cao cả, hai tiếng thơ mộng, hai tiếng thân thương... Luôn luôn, tôi mường tượng như vẫn đang được đứng giữa Hà-Nội. Bất cứ ở đâu... Từ khu đại học ở phố Hàng Chuối (Bobillot), đến Nhà Hát Lớn thành phố. Ở đường Tràng Tiền đến phố Trường Thi. Ở khu bán hoa sát bên Bờ Hồ đi tới Cửa Nam. Ở nhà An-Pô thơm lừng mùi cà phê rang, vòng lên vườn hoa Canh Nông, Cột cờ, Cổ Thành sừng sững. Từ những biệt thự rộng lớn sang trọng những khu "Phố Tây", đến những dãy nhà lô-xô chen chúc trên vùng Hàng Đẫy - Sinh Từ. Từ Ga Hàng Cỏ đi ngược lên những đại lộ thênh thang với hai hàng cây rợp bóng suốt hai bên đường. Đại lộ Trần Hưng Đạo (Gambetta), đại lộ Lý Thường Kiệt (Carreaux), đại lộ Hai Bà Trưng (Rollandes). Khu Tòa-án rộng rãi mênh mông, đối diện với Đề Lao Hỏa Lò (Maison Centrale). Từ Thư Viện Trung Ương tới những trường trung học nổi tiếng: Nguyễn Trãi, Trưng Vương, Sainte Marie, Saint Paul, Chu Văn An, Trường Bưởi... Từ Nhà Thờ Lớn, đến khu Ngõ Huyện quanh co ngang dọc. Đường Julien Blanc sát liền bệnh viện Phủ-Doãn. Những cửa hàng sầm uất đầy màu sắc của Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy. Mặt này là Chợ Đồng Xuân, mặt kia là Chợ Bắc Qua. Theo đường tàu điện, nối liền từ vùng Quan Thánh xuống tới Bạch Mai, dọc theo Hồ Gươm, đường Đồng Khánh, Phố Huế... Một đường xe điện khác chạy từ Bờ Hồ ra tới ô Cầu Giấy, hoặc từ Bờ Hồ vào tận Hà-Đông. Năm cửa ô mở ra tới những vùng phụ cận trùng trùng vây bủa. Buổi chiều những ngày hè, có thể dạp xe cùng với người yêu về Chùa Láng hoặc Đền Voi Phục. Cũng có thể đi tới Ô Đống Mác, hoặc vòng xuống Khâm-Thiên. Tuổi trẻ yêu thích lắm những vùng Nghi Tàm, Rặng Ổi. Hoặc ra những dốc đê thoai thoải xanh mướt cỏ non, phóng mắt nhìn xuống dòng sông Hồng đỏ quánh màu phù sa, trôi đi êm ả hay cuồng nộ hú gào... Cũng là những buổi chiều oi nồng của mùa hạ, đủng đỉnh thả bộ trên những con đường đất đỏ, hoặc ngồi dựa lưng trên một chiếc ghế xi-măng để hóng mát, hay dõi bóng theo một con rùa ẩn hiện nhập nhòa trong màu nước xanh thẫm của Hồ Hoàn Kiếm...

Những ngày tháng đó, Hà-Nội thật thanh bình yên ổn. Tưởng như đất nước không có chiến tranh, không có hận thù, không có tiếng bom tiếng đạn. Ở đâu và lúc nào cũng nghe được tiếng đàn tiếng hát. Ngọc Bảo, Minh Đỗ, Tâm Vấn, Hoàng Giác, Thanh Hiếu, Thanh Hằng...Mùa nào thức nấy, mọi người có thể dễ dàng thưởng thức những món ngon vật lạ từ những vùng ngoại ô hay những vùng phụ cận dem vào. Mùa thu có cốm, có hồng. Cốm là thứ cốm hoa vàng, mà người ta gọi là "cốm vòng" của làng Dịch Vọng Hậu (Hậu Xã) mới có. Hồng là hồng ngâm được chọn lựa từ Lạng Sơn. Rồi ruơi... Từng thúng, từng thúng được chở lên, trên những toa tàu cũ kỹ, từ Hải Phòng hay Hải Dương mang đến cho những cái miệng sành ăn của Hà-Nội. Những trái na mắt lớn. Những trái cam Bố-Hạ. Những trái bưởi đường. Những trái quýt, những chùm nhãn cơm đầy mọng nước. Những trái nhót. Những trái sấu chín, hoặc sấu dầm. Rồi bánh đậu xanh Hải Dương. Bánh cốm Hàng Than. Lục-tào-xá. Chí-mà-phù. Phở Tráng. Kem Đô Thành. Thịt bò khô đu dủ ở trước cửa Quán Mụ Béo. Lạc rang phá xa húng lìu của một ông lão Tàu già. Chả cá Lã-Vọng. Nem rán Cát-Tân. Bánh mì nhân thịt ở dốc đường Gia Long. Bánh Tôm Cổ Ngư, Bún Chả trong Chợ Đồng Xuân. Bún ốc Chợ Hôm. Bánh Cuốn nhân thịt nấm hương ở đầu ngõ Cấm Chỉ...

Được sống trong không khí thanh thản yên vui của một Hà-Nội vừa kiêu sa vừa đài các, được ăn những món ăn ngon của một Hà-Nội thường "ăn lấy hương lấy hoa" nghĩa là một Hà-Nội rất kén-ăn và cũng rất cầu kỳ, mới thấy được cái nghệ thuật vừa tỉ mỉ vừa cao siêu của việc ăn uống. Như thế, suốt thời điểm đó, Hà-Nội rất hợp với những người thong dong nhàn tản. Việc ăn uống cũng như vui chơi, không đặt trọng về cái lượng nhưng rất quan thiết đến cái phẩm. Một bát phở đầu ngày nóng hổi. Nhưng phải là thứ phở danh tiếng (danh bất hư truyền), dù người bán phở không cần có cửa tiệm, mà chỉ đứng ở một ngã ba đường. Mới vừa đạp xe đến đầu phố, đã ngửi thấy mùi khói bốc lên thơm ngon cả một vùng trời se giá. Tự nhặt lấy một cái bát, rồi móc túi ra kiếm miếng giấy nhỏ lau đi lau lại cái bát đó, cùng với đôi đũa và cái thìa... đợi đến lượt mình, đưa cái bát cho người hàng phở. Ông ta ngước nhìn người khách, và cả hai không cần nói gì cả nhưng ông ta đã biết và đã nhớ khách thích chỗ nào nơi miếng thịt bò đã nấu chín. Hai ba môi nước dùng sôi sùng sục được rưới lên. Rồi một miếng chanh được vắt xuống, một ít tiêu được rắc đầy, thêm một vài củ hành trần, thêm vài lát ớt, thế là người khách cẩn trọng bưng bát phở lên ăn húp xì-xụp...Người Hà-Nội ăn bát phở thanh cảnh như vậy. Nên không có những phụ-tùng làm hỏng mùi thơm và làm hỏng chất ngon của bát phở. Chỉ có tiêu, có chanh, có ớt, một chút rau mùi (ngò) và

hành. Tuyệt nhiên không có rau húng quế, ngò gai, tương đen, tương đỏ và giá sống. Bát phở đầu ngày. Phần bún của lúc xế trưa, hay đĩa bánh cuốn Thanh Trì chấm với nước mắm có mùi cà-cuống, một đĩa dậu rán, một tô bún thang, một phần chả cá, một phần nem rán, một bát giả cầy rựa mận, một đĩa tiết canh, một đĩa gà luộc có rắc lá chanh thái mảnh... Những món ăn đó, sạch sẽ, cầu kỳ, đầy đủ nhưng thanh cảnh, đã tạo nên một phần nào cái linh hồn đặc biệt đầy quyến rũ của Hà-Nội (nói theo một nhà văn nổi tiếng, thuộc lớp tiền chiến).

Huế, Đà Lạt tiêu biểu cho miền Trung. Saigòn tiêu biểu cho miền Nam. Và Hà-Nội chính là một nơi chốn tiêu biểu cho nền văn hóa đặc thù của miền Bắc. Bởi thế, thương yêu Hà-Nội là thương yêu tất cả những gì dính dáng đến Hà-Nội. Từ một nền mây. Từ một ráng nắng. Từ một ngọn gió. Từ một ánh trăng. Rồi cuối thu lá vàng ngập lối. Đầu đông gió bấc mưa phùn. Vào xuân loang mờ mưa bụi. Giữa hè phượng đỏ rực rỡ không gian. Rồi gió heo may. Rồi mưa tầm tã. Rồi những con ve sầu ra rả mùa khô. Những cánh bướm, những lớp chuồn chuồn như những sắc hoa, như những luồng nắng... Rồi mùi hoa ngọc lan. Mùi hoa cau, hoa chanh, hoa bưởi. Mùi thơm mát mẻ êm đềm của hoa sói. Mùi thơm nồng nàn âu yếm của hoàng lan. Yêu nhất là mùi đòng-đòng trên những thửa ruộng rạt rào lúa cốm. Yêu khôn cùng là mùi hương man mác của hoa huệ, hoa ngâu... Cả suối tóc thoảng thơm mùi bồ-kết. Cả bàn tay ngà ngọc phảng phất hương sen... Suốt một thời vừa khôn lớn của tôi đã được tắm dầm bởi những sắc màu, hình ảnh, hương vị tuyệt vời của Hà-Nội. Nên, nhớ mãi vết dạn sâu lõm trên bờ tường cửa Bắc. Nên, nhớ mãi những hàng liễu nõn nà buông rủ sát Hồ-Gươm. Nên, nhớ mãi những cây "cơm nguội" ở Thư Viện Trung Ương lặng trang tịch-mịch. Nên, nhớ mãi những bậc thềm đá lạnh ngoài Nhà Thờ Chính Tòa. Nên, nhớ mãi những khung gương bóng loáng trong "Phòng Gương" Nhà "Hát Tây". Cũng chẳng bao giờ quên được con đường Cổ-Ngư giữa hai mặt hồ lăn tăn sóng rợn. Cũng khó lòng quên những nơi chốn ngợp đầy bóng mát tuổi thơ: Quảng Bá, Ấp Thái Hà. Ngây ngất mãi ở cái nấm tay ngập ngừng trong Chùa Láng. Mê đắm hoài qua nụ hôn cuống quýt đầu đời trong hang động ở Chùa Thầy... Đã gần năm chục năm qua... mà sao như mới vừa đi trên những vỉa hè từ Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Buồm, Hàng Mã... Cũng là vừa đạp xe trên con đường thênh thang lớn rộng từ Vườn Bách Thảo hướng về Phủ Toàn Quyền. Trường trung học Albert Sarraut ở bên trái. Cũng là vừa hò hẹn với một người đẹp rất đa tình ở mấy ghế đá công viên. Trên môi còn vương dọng chất cà phê tiệm "Lan Anh" Cầu Gỗ. Trong mắt còn in rõ nụ cười hồn nhiên thơ mộng của Nga

"Đô Thành". Những người đẹp-rất-đẹp Tuyết Lan, Minh Hằng, Nguyệt Thường, Bích Ngọc ở "Âm Nhạc Học Xá" của Cụ Duyệt, cuối phố Bovet; ở ngôi nhà có trồng nhiều cây Hoa Giấy dốc Hàng Kèn; ở nhà sách "Bình Minh" đầu phố Huế... Rồi Phong Ngũ Xã, Phượng Ngõ Huyện, Mỹ Nhà Rượu, Hợp Tòa án... Ôi chao, thời điểm đó, Hà-Nội có nhiều thiếu nữ xinh đẹp đến thế, tươi vui đến thế và duyên dáng đến thế. Nhà thơ Quang Dũng, từ một nơi nào đó trên núi rừng Việt Bắc, chỉ được "đêm mơ Hà-Nội, dáng kiều thơm", chứ người thanh niên vô danh vừa mới lớn, đang được sống ngay trong lòng Hà-Nội, được hít thở không khí của Hà-Nội, được ngắm nhìn những "Nàng Kiều" nghiêng nước nghiêng thành, được tha thiết mộng mơ, và được ngây ngất tưởng nhớ...

Những ngày nằm điều trị ở bệnh viện Đồn-Thủy (Lanessan) vì bị sưng phổi một mùa đông heo hút. Đứng hằng giờ bên khung cửa sổ nhìn ra một dòng sông thao-thiết tràn đầy khói sóng mênh mang huyền-ảo... Những buổi trưa, ngồi học miệt mài trong thư viện, lâu lâu ngó qua lớp kính đầy, để thấy lòng bồi hồi se thắt cùng với màn mưa lạnh cóng ở hiên ngoài...

Rồi những đêm trăng rằm vàng vặc, lang thang trên những nẻo đường quanh quẩn Hồ Tây, để mặc tâm hồn được tan loang chan chứa trong nguồn trăng lênh láng...

Thường thường trung tuần tháng tám, rong ruổi dạp xe về tận Vòng (làng Dịch Vọng Hậu), cùng cô em họ đi lang thang trên những cánh đồng thơm mùi cốm mới đầu mùa, để lúc trở về được ăn những đĩa cốm "Hoa Vàng Đầu Nia", không biết no, không thấy chán...

Bữa nào trời rét, thật rét, mặc vào chiếc áo "pa-đờ-xuy" thật đầy, thật ấm, ra một cái lăng-miếu nhỏ sát bên Bờ Hồ, xế Tòa Thị Chính, mua gói lạc rang vừa ròn vừa thơm, ủ khéo nên lúc nào cũng nóng của một ông Tầu khiếm-thị, ngồi rất kiên gan giữa cơn gió bấc mùa đông... Gặp đúng tháng mưa dầm, biếng lười không muốn dạp xe dạp, nhẩy lên xe điện, để mò mẫm tới Đình Hàng Vải Thâm, gọi mấy cái nem rán nhân làm bằng cua bể nổi tiếng thơm ngon nhất Hà-Nội của tiệm "Cát Tân"...

Có lần vừa được lĩnh lương, nổi hứng mời gia đình Cô Chú đến Quán Lã-Vọng ăn một bữa chả cá thỏa thích, với cá nướng thơm, với rau đủ loại, đặc biệt với rau thì là và những giọt dầu cà cuống...

Ôi, Hà-Nội... Những năm tháng đó, sao Hà-Nội có được những món ngon mềm môi khoái khẩu đến thế... Tôi thường hồn nhiên đến ngô nghê, tự hẹn với mình: "Chẳng bao giờ, dù ở cảnh ngộ nào, tôi lìa xa Hà-Nội". Bởi vì, tôi được sinh ra ở Hà Nội, lớn lên từ Hà-Nội, trưởng thành trong lòng Hà-Nội, và được ngất ngây nếm hưởng hương đời bên những con

người Hà-Nội... Tôi sẽ sống và sẽ chết trong vòng nôi êm ái của Hà-Nội...

Nhưng rồi, nghiệt ngã thay, một buổi sáng mưa xuân phơi phới, tôi dành phải giã từ Hà-Nội. Những người có óc mà chẳng có tim, đã hùng-hùng hổ-hổ tiến vào Hà-Nội và cưỡng chiếm Hà-Nội (cũng như 21 năm sau, bọn người đó lại hùng-hùng hổ-hổ tiến vào Sàigon và cưỡng chiếm Sàigon).

Tôi ủ ê đứng trên toa tàu già nua cũ kỹ từ ga Hàng Cỏ đi về vùng Cảng. Tôi nhìn lại các phố xá, những hàng cây, những mái nhà, những gờ tường, những vỉa hè, những gậm cầu, những cột đèn của một Hà-Nội đã tiêu điều xơ xác... "Những người chủ mới" của thành phố này, đã từ rừng núi mang về theo bước chân tàn bạo của họ cái đói, cái nghèo, cái khổ, cái rét, và những khủng bố, tù đày, đấu tố, chém giết...

Phải ra đi, lòng tôi xót xa tan nát... Những lá cờ màu máu đỏ tươi quàn quại dưới lớp mưa phùn, đã làm nhớp nhơ hoen ố bầu trời thanh tịnh của Hà-Nội... Hai mắt tôi đã rưng rưng khi cố ghi lại hình ảnh của một Hà-Nội buồn tủi thương đau...

Thôi, xin dành vĩnh biệt Hà-Nội... Và từ nay, Hà-Nội mà tôi đã thương yêu trân quý, với trọn vẹn trái tim nồng nàn, chỉ còn mãi mãi lung linh ngời rạng trong trí nhớ mà thôi... Giây phút đó, tôi đã nấc lên vì nghẹn ngào, khi tự bảo mình rằng: "Chừng nào những vệt đỏ màu máu kia còn làm nhầy nhụa tanh-nồng kinh thành Thăng Long thiêng liêng cao quý của Tổ-Tiên Đất-Nước, thì nhất định tôi sẽ không đặt chân trở về...

Tuấn Huy

Văn Học vừa nhận được:
TÌM HIỂU TRUNG LUẬN
NHẬN THỨC VÀ KHÔNG TÁNH
của Giáo sư Hồng Dương - Nguyễn văn Hai
Nguyệt san Phật Học (Louisville, KY) xuất bản.Phật lịch 2545

Sách gồm ba phần:
- Nhận thức và Không tánh
- Luận giải 27 Phẩm của Trung quán luận
- Các tông phái Phật giáo Trung quán
Sách dày 485 trang. Sách ấn tống.
Địa chỉ thỉnh sách: Phật Học. PO Box 221-1483
Louisville, KY 40252-1483
Email: phathoc@phathoc.org. Internet: www.phathoc.org

Tên đao phủ trên cổ thành

Sâm Thương

Mùa thu năm ấy, cưới vợ chưa đầy một năm, gã đã bị gọi sung quân. Thay vì bị đưa ra tận biên giới làm lính trấn thủ, gã lại được điều động về phủ Chúa. Vị quan trưởng phụ trách tuyển chọn đã tình cờ thấy gã trong hàng quân, có thể do gã có thân hình vạm vỡ, và giỏi nghề kiếm cung. Cũng nghe nói người tiền nhiệm của gã mới chết vì một cơn bệnh đột ngột.

Mới trình diện buổi sáng, buổi chiều gã được lệnh phải thi hành nhiệm vụ, gã được viên quan trưởng hướng dẫn cách thức và thủ tục hành quyết. Nói thì có vẻ nghiêm trọng, thật ra công việc của gã cũng đơn giản, tưởng chừng như ai cũng có thể làm được. Cứ theo lịch niêm yết, mỗi lần kẻ tội đồ bị giải đến, trói chặt vào chiếc cọc, gã chỉ việc chờ đợi ba hồi trống dài báo hiệu dứt, tiếng trống lệnh vang lên, gã cứ việc vung dao chém, những phần vụ khác không thuộc trách nhiệm của gã. Tuy thế, công việc của gã lại rất bề bộn và cấp bách. Danh sách những người sắp bị hành quyết có vẻ như ngày mỗi dài ra, mà lệnh của phủ Chúa thì không thể thay đổi và trì hoãn được.

Chiều hôm đó, khi ánh nắng mặt trời khuất dần sau bức tường thành, giữa cái yên ắng của buổi hoàng hôn, tiếng trống trên thành bất ngờ dồn dập vang lên từng hồi dài. Dân chúng sống trong thành chợt như sững lại, ngơ ngác ngước nhìn, đù họ đã quá quen thuộc với tiếng trống gọi hồn đó. Nhịp trống thưa dần rồi im bặt.

Trên pháp trường, gã nhấm nghiền đôi mắt chờ đợi, gã không dám nhìn thẳng vào mặt kẻ bị trói. Công việc này còn quá mới mẻ đối với gã, lần đầu tiên gã được lệnh giết chết một con người. Còn kẻ tử tội, từ lúc được hai tên quân dẫn đến, trói chặt vào chiếc cọc giữa sân, hắn chẳng hề mở miệng nói một câu. Gã nghĩ , có lẻ hắn hiểu được lời hắn nói ra cũng

vô ích, chẳng thay đổi được gì,trước mặt hắn, gã chỉ là một kẻ thừa hành. Hắn có vẻ chịu đựng, chờ đợi cái chết đến. Gã không dám nghĩ tiếp. Gã chỉ muốn những phút giây này đi qua nhanh, càng nhanh càng tốt.

Khi tiếng trống lệnh vang lên: lạc lõng và khô khốc, gã xoay người, thanh đao trong tay gã vung lên. Một âm thanh nghe rờn rợn bật lên nhỏ, một chất gì đó ấm ấm nhờn nhợn phun vọt vào mặt gã. Gã không mở mắt cũng đoán biết thân xác người tử tội đang đổ gục xuống... Nhưng rồi gã sững người ra, kẻ ấy mới sống đây, mà bây giờ bỗng nhiên đã phải chết.Chết bởi chính bàn tay gã. Hắn phạm tội gì ? Tội của hắn có thật sự đáng phải chết không? Ai có quyền phán xét, kết tội và cướp đi sinh mạng mà Thượng Đế đã cho hắn? Gã cảm thấy đó là một cái gì không thể chấp nhận được, và cũng không lý giải được. Gã quay người vọt ra ... thốc lấy mặt, lợm giọng muốn ói .

Như kẻ mất hồn, gã không về nhà, gã đi thẳng vào quán rượu, không thấy gì chung quanh, và cũng không cần quan tâm đến ai. Gã gọi lão chủ quán cho gã mấy bình rượu, rồi không kịp rót ra chén, cứ thế gã nâng bình lên miệng, uống ừng ực...

Đêm đó trở về, vừa nhìn thấy vợ ở cửa, gã không lên tiếng, không để ý đến đôi mắt ngạc nhiên và đầy lo âu của vợ. Gã chồm tới ôm xốc lấy vợ đặt lên phản gỗ, kéo tuột chiếc váy và gã quấn lấy người phụ nữ với sức mạnh của con mãnh sư háu đói.

Nửa khuya, gã mơ màng nghe tiếng khóc ấm ức ở góc giường. Gã nhớ lại tất cả, hiểu rõ tất cả. Gã ngồi dậy bước đến bên nàng và quỳ xuống trước mặt nàng. Ánh mắt gã ngước lên như cầu khẩn, như van xin :

- Ta thật. . . có lỗi với nàng. Ta không bằng loài cầm thú ?

Nàng nhìn gã không nói được thành lời, chỉ có những giọt nước mắt lăn dài trên má. Gã ôm chặt lấy vợ như sợ nàng tan biến đi trong hư vô. Tiếng khóc của gã nghe ồ ồ...

Ánh trăng khuyết nghiêng nghiêng qua khung cửa. Ngoài vườn , sương khuya từng giọt rơi trên những phiến lá nghe đồm độp.

Sáng hôm sau gã đến gặp viên quan trưởng, giọng gã còn đọng nước mắt. Gã trình bày ý muốn từ bỏ công việc mới được giao, vì không thích hợp: Gã không muốn giết người. Viên quan trưởng mỉm cười nhìn gã nói:

- Đó chỉ là bọn cướp của giết người. Ngươi không giết hắn cũng có trăm nghìn kẻ muốn giết những đứa như hắn để bảo vệ những người lương thiện như ngươi, như vợ con ngươi và hàng xóm láng giềng của ngươi. Ta khuyên ngươi nên tiếp tục công việc này còn hơn bị đẩy ra biên

giới, đối mặt với cái chết.

Gã thầm nghĩ, thì ra bọn này chỉ là những tên cướp của, giết người. Gã như cởi bỏ được gánh nặng trong đầu. Gã cúi chào viên quan trưởng, rồi bước thẳng ra cửa mà không nhìn thấy khuôn mặt bất động của viên quan trưởng với cái nhếch mép cười khó hiểu.

Trên đường trở về nhà, gã thầm nghĩ có lẽ giờ này thằng con trai khấu khỉnh của gã đang mong ngóng gã mau về để được gã bồng bế trên đôi tay rắn chắc của gã; và vợ gã cũng đang ngồi bên mâm cơm còn bốc khói, khuôn mặt nàng đẹp như một thiên thần , đang chờ gã với nụ cười lóng lánh trong mắt, và cái hồn dịu dàng tỏa ra từ mái tóc. Nghĩ đến những hình ảnh đó, tự nhiên chân gã bước nhanh và một điệu sáo vu vơ thật tự nhiên bật lên từ cửa miệng gã. Gã như không nghe thấy những âm thanh la hét hoảng loạn trong bụi mù, đoàn người ngựa đôn dập, những chiếc xe bịt bùng với những khuôn mặt lộ vẻ đau xót, phẫn nộ ló ra, hối hả thẳng về phía phủ Chúa.

Ngày qua ngày, gã quen dần với công việc được giao. Gã không còn lạ lẫm với cái âm thanh tê buốt phát ra thật nhẹ từ sự va chạm giữa thanh đao và da thịt trên cổ của người bị chém. Gã cũng chẳng cần phải nhắm nghiền đôi mắt lại để khỏi nhìn thấy cái đầu của kẻ tử tội lăn lông lốc trên nền đá. Nhát chém của gã đã trở nên thuần thục, điêu luyện một cách lạ lùng.. như một cơn gió nhẹ.

Mỗi lần tiếng trống lệnh từ trên thành vang lên, gã cố gắng hoàn tất công việc của mình thật nhanh, thật gọn để sớm quay về nhà với vợ,với con. Cái thế giới riêng và nhỏ bé của gã. Thật ra, mỗi lần như thế gã tự trấn an: gã chỉ là một tên quân, việc nào cũng là việc, làm đao phủ hay ra chiến trận cũng giống nhau. Ở đâu, vị trí nào thì gã cũng chỉ là kẻ thừa hành, gã chẳng có tội lỗi gì với ai hết . Gã phải sống, vợ con gã cũng phải sống...Chẳng qua chỉ vì sự tồn tại mà gã phải chấp nhận, chứ thật sự gã đâu có muốn làm cái nghề này. Điều đó lâu dần làm cho gã xác tín , hay ít ra gã vẫn có ảo tưởng như vậy. Nhưng đôi khi, từ trong cái phần sâu kín nhất của tâm hồn, gã mơ hồ nghe như có một tiếng nói khác, một thứ mạch ngầm đâu đó mới tượng hình...chảy ngược lại.

Bất chợt gã đưa mắt nhìn qua song cửa sổ. Ngoài vườn, nắng cuối xuân bỗng bùng lên một vùng sáng loáng. Một nhánh cây rung nhẹ, con chim nhỏ vừa đáp xuống, cất tiếng hót tình cờ.

Ánh sáng của ngọn đèn dầu nhẹ tỏa khắp phòng. Gã ngồi bệt giữa sàn nhà đan những cái sọt để kịp sớm mai vợ gã mang hoa ra chợ bán. Bên

cạnh,vợ gã đang phe phẩy chiếc quạt lá dỗ giấc ngủ cho đứa con nhỏ. Ba cái bóng lay động in lên tường. Đêm vẫn yên tĩnh . Bỗng nàng ngước nhìn chồng ngập ngừng :

- Chàng ạ...

Gã không quay lại :

- Nàng định nói gì?

Giọng nàng thật nhẹ, pha lẫn chút lo âu:

- Sáng hôm nay ở ngoài chợ, lại có chuyện lộn xộn...

Gã thản nhiên:

- Lại bọn trộm cướp à?

Nàng lắc đầu:

- Không phải! Thiếp đã tận mắt nhìn thấy một thư sinh công khai xé nát tờ cáo thị tăng thuế và lớn tiếng chỉ trích chính sách của phủ Chúa. Cũng may, thư sinh vừa đi thì bọn cấm vệ cũng vừa ập đến. Chúng bắt đi cả những người vô tội...

Gã ngừng tay, đưa mắt đảo quanh:

- Nàng không nên nói...Ở đây, tai vách mạch rừng... Vả lại, việc đó chẳng liên quan đến chúng ta.

- Thiếp không hiểu,nhưng thiếp sợ...

Gã quay lại nhìn vợ nhíu mày:

- Nàng sợ gì chứ?

- Thiếp sợ...một cơn bão bất ngờ thổi tới.

Gã cố cười lên thành tiếng:

- Nàng chỉ lo sợ viển vông!

Bất ngờ có tiếng đập cửa. Cả hai vợ chồng ngạc nhiên nhìn ra. Vợ gã lo lắng, còn gã thì bình tĩnh đứng dậy đến bên cửa mở then. Cánh cửa vừa bật ra thì một thân người đổ nhào xuống. Gã vừa kịp ngưng đôi tay rắn chắc sắp sửa đánh thốc tới. Vợ gã như quên mất cả sự sợ hãi, nàng bước nhanh tới ,đóng chặt cánh cửa trước khi cúi xuống bên kẻ lạ mặt quan sát, rồi quay lại nói với gã:

- Người này chính là thư sinh mà thiếp nói. Vết thương khá nặng. Chắc phải mời đại phu.

Bỗng bên ngoài đèn đuốc sáng trưng, tiếng người ngựa, tiếng binh khí ồn ào, náo động cả một khu vực, rồi tiếng đập cửa dồn dập.

Trong khi gã chưa kịp phản ứng thì vợ gã đã nhanh tay kéo người bị nạn vào bên trong . Một lát sau nàng quay trở ra, bước đến bên khe ván nghiêng mắt nhìn ra ngoài.

Gã lặng im và thụ động đõi theo những cử chỉ của nàng , gã linh cảm một tai ương sắp đổ chụp xuống thân phận của gã, của vợ con gã. Gã

muốn nói một điều gì đó, nhưng gã chưa kịp nói thì lại có tiếng đập cửa, lần này có vẻ cấp bách hơn. Không chần chờ được nữa, gã mở cửa. Một toán cấm vệ binh, đi đầu là một viên đội trưởng cao lớn ,có đôi mắt xếch to, chiếc cằm bạnh và bộ râu vểnh, hùng hổ bước vào :

Viên đội trưởng đưa mắt quan sát khắp nhà. Đôi mắt hắn như có vẻ dịu lại khi nhìn thấy bộ quân phục của gã treo trên tường. Hắn hất hàm lên tiếng hỏi:

- Ngươi cũng là người của phủ Chúa ?

Gã gật đầu không nói.Viên đội trưởng vẫn giọng hách dịch :

- Các ngươi có thấy một tên thư sinh chạy vào đây không? Hắn là một tên tội phạm nguy hiểm của triều đình .

Vợ gã lên tiếng :

- Thưa Ngài, tiện dân không nhìn thấy...

Viên đội trưởng gằn giọng :

-Ta thấy kẻ đó chạy về phía này. Nếu các ngươi cố tình che giấu thì toàn gia sẽ bị kết tội.

Nàng vẫn giọng bình tĩnh :

- Có lẽ hắn trốn ở đâu đó...

Viên đội trưởng đưa tay ra lệnh :

- Quân bây, hãy vào trong lục soát .

Được lệnh, hai tên cấm vệ binh xông vào trong. Nàng nhìn theo run bần người lên, tưởng như muốn khuỵu xuống nếu như không có bàn tay gã kín đáo giữ chặt . Cả hai nhìn nhau với ánh mắt tuyệt vọng. Họ biết rõ số phận của họ sẽ được định đoạt khi thư sinh bị bọn cấm vệ phát hiện. Chỉ ít phút nữa thôi. Bàn tay của họ tìm đến nhau và nắm chặt lấy nhau như không muốn rời ra. Họ vĩnh viễn muốn ở bên nhau.

Nhưng hai tên cấm vệ đã trở ra, quay về phía viên đội trưởng :

- Chúng tôi đã lục soát kỹ, nhưng không có dấu vết của kẻ tội phạm.

Viên đội trưởng cấm vệ hậm hực đưa tay ngoắt và ra lệnh :

- Thôi đi...

Cả toán cấm vệ lục tục quay trở ra. Khi cánh cửa gỗ vừa khép lại thì nàng không còn chịu đựng nổi, nàng ngất đi. Gã hốt hoảng lay gọi:

- Bọn chúng đã đi hết rồi...Nàng tỉnh lại đi .

Một lát nàng mở mắt, ánh mắt vẫn chưa hết vẻ sợ hãi:

- Tại sao bọn chúng không tìm thấy? Rõ ràng là thiếp đã giấu thư sinh trong tủ thờ.

Như nhớ ra, cả hai vợ chồng hấp tấp đứng bật dậy bước vào trong, đến bên tủ thờ. Cánh cửa tủ đã mở từ bao giờ. Chắc chắn là bọn cấm vệ không bỏ sót. Hai vợ chồng nhìn nhau thắc mắc :

- Không lẽ anh ta có cánh ?

Bỗng có tiếng động từ dưới giường...thư sinh lồm cồm đứng lên, làm cả hai giật mình thảng thốt :

- Văn sinh làm gì có cánh. Khi bọn chúng lục soát văn sinh chỉ kịp bám sát dưới thành giường. Có thể một trong hai tên cấm vệ đã nhìn thấy văn sinh , nhưng hắn đã làm như không thấy. Tuy vậy, văn sinh thành thật xin tạ lỗi đã làm hai vị lo láng. Bây giờ thì văn sinh phải đi.

Vợ gã buột miệng :

- Nhưng tiên sinh còn yếu lắm. Hãy đợi vợ chồng thiếp băng bó vết thương rồi đi cũng chưa muộn.

Thư sinh lắc đầu :

-Văn sinh phải rời khỏi đây ngay. Đề phòng bọn chúng sẽ trở lại. Nếu hai vị vì văn sinh mà bị liên lụy thì văn sinh sẽ ân hận suốt đời. Trước đây, văn sinh chỉ biết luận bàn văn chương thi phú, hay ngược xuôi với chuyện bán buôn,.. Cứ làm như không nhìn thấy chung quanh còn biết bao kẻ nghèo đói ,bất công...Bây giờ thì văn sinh phải làm một cái gì đó...

Nói dứt, thư sinh quay người biến vào bóng đêm. Gã bất động nhìn theo,miệng lẩm bẩm:

- Ta đâu phải là kẻ ngoại cuộc...

Vợ gã ngước nhìn gã thắc mắc:

- Chàng nói gì?

Gã lắc đầu, kéo nàng sát vào ngực. Gã mơ hồ cảm thấy mọi sự bất đâu đảo lộn bên trong lòng gã. Cái thế giới thiên đường nhỏ bé giữa khói lửa chiến tranh hừng hực bủa vây, mà từ bao lâu nay gã cố rào chắn , bảo vệ, đã thật sự lung lay, không an toàn như gã tưởng; cái tiếng nói khác, cái mạch ngầm chảy ngược lại mà gã đã cố xua tan đi trong lòng gã đã hình thành, đã lớn lên...Gã nâng mặt vợ lên , nhìn thẳng vào đôi mắt nàng... Ôi chao , sao đôi mắt nàng có thể đẹp đến như thế. Gã cúi xuống đặt môi gã lên đôi mắt nghìn trùng yêu thương đó, gã cảm thấy ươn ướt và mặn đắng ở đầu lưỡi.

Kể từ cái đêm hôm ấy, gã lầm lì ít nói hẳn. Gã gần như thường xuyên bị những lời nói của thư sinh ám ảnh, dằn vặt. Gã thắc mắc không biết có bao nhiêu người như thư sinh đã bị giết dưới thanh đao của gã? Ít ra, họ là những người có trái tim biết yêu thương, có trách nhiệm với những người cùng sống...Chắc chắn họ không phải là những kẻ cướp của giết người...

Thế là mỗi khi bước ra khỏi nhà, chen lấn giữa giòng người, gã luôn hy vọng một tình cờ nào đó dẫn đưa gã gặp lại thư sinh. Gã cũng không biết gặp để làm gì, sẽ nói gì với thư sinh; nhưng trong thâm tâm gã thật sự

muốn gặp. Đã bao ngày qua, sự tình cờ dã không đến, nhưng gã vẫn cứ hy vọng.

Chiều hôm đó trên đường phố, gã thoáng thấy một bóng người có dáng dấp giống thư sinh đang chen lấn giữa dám đông. Gã háo hức bước vội theo, bao nhiêu lần tưởng hụt mất, nhưng rồi gã cũng theo kịp. Khi đến gần, gãmừng rỡ níu lấy vai người kia:

- Này, tiên sinh...

Nhưng ngay lập tức gã lắp bắp lên tiếng xin lỗi. Vì người đó không phải là người gã muốn tìm. Gã cảm thấy bị hụt hẫng, đau đớn như có ai đâm vào trái tim gã bằng những mũi kim sắc nhọn.

Gã lầm lũi quay trở về nhà. Bất ngờ, phía trước mặt cát bụi mịt mù , đoàn người ngựa từ xa phóng tới. Trong tiếng gào thét hoảng loạn gã nhìn thấy toán cấm vệ binh, dẫn đầu là tên đội trưởng đã từng lục xét nhà gã. Chợt gã thót người lại vì gã thoáng thấy trên chiếc xe chở tội phạm có cả thư sinh. Đúng là chàng ta, chứ không ai khác. Khuôn mặt thư sinh có những vết thương, áo quần nhầu nát, hai tay bị trói quặt sau lưng và cái xiềng vắt qua cổ, nhưng đôi mắt vẫn sáng quắt nhìn về phía trước. Chợt gã có ý nghĩ phải chi thư sinh quay nhìn gã. Trong phút giây đó gã chỉ ước mong có vậy. Không biết vô tình hay hữu ý, thư sinh quay nhìn về phía gã mỉm cười. Như cái máy, gã gật đầu đáp lại. Gã không dám tin thư sinh lại có thể nhìn thấy gã và mỉm cười với gã trong một tình huống như thế; nhưng dù sao điều đó cũng làm gã thấy an ủi, gã cảm động thật sự.

Gã đứng sững nhìn theo cho đến khi đoàn người ngựa đã mất hút về hướng phủ Chúa. Bất chợt nhớ ra, gã chạy rất nhanh về nhà. Vợ gã đang giặt quần áo bên giếng trước sân với thằng con trai. Gã đến trước mặt nàng, nói từng tiếng như sợ nàng không nghe rõ:

- Nàng hãy chuẩn bị mọi thứ , chúng ta phải rời khỏi đây trước khi tiếng trống trên thành đánh lên .

Vợ gã đã hiểu, nàng hấp tấp ôm con đứng bật dậy bước vào nhà sau .

Gã bước thẳng đến bên cái giá trên chiếc bàn nhỏ kê ở góc trái. Gã cầm thanh đao nâng lên, thanh đao đã từng cùng gã rong ruổi đó đây của một thời trai trẻ. Gã ngắm nghía thanh đao trong tay một hồi lâu, lòng dậy lên bao nỗi đau xót, tê dại. Bất ngờ gã bậm môi, dùng hết sức bình sinh đánh bật xuống . Một tiếng choang vang lên, thanh mã tấu gãy làm hai khúc rơi xuống thềm nhà.

10.7.2001

Chùm Lục bát

KHÁNH HÀ

Mặt trời
Cám ơn mặt trời sớm mai
Nâng tôi ra khỏi đêm dài tối tăm
Cho tôi cái bóng âm thầm
Theo tôi tới chỗ tôi nằm thiên thu

Mặt trăng
Mặt trăng sáng tự ngàn năm
Lòng người mới dó xa xăm mất rồi
Tôi về. Còn một mình tôi
Làm cây thông đứng trên đồi với trăng

Và người
Gặp người. Được gặp phút này
Thời gian rất vội một ngày sẽ qua
Kịp không? Câu nói đậm đà
Thời gian rất vội sẽ qua một đời

Mùa xuân
Mùa xuân khuất bóng bao giờ
Bỗng dưng về lại trên tờ lịch đây
Tuổi xuân khuất bóng đã lâu
Sao không về lại theo câu chúc mừng

Khánh Hà

Khe sáng

Tâm Thanh

Bà Bẩy để ý cậu thanh niên dáng thư sinh đã lẽo đẽo theo sau gánh cơm hến từ đầu dường. Mãi tới lúc bà đặt gánh xuống dưới tàn cây bàng, cậu mới lại gần, nói một cách rụt rè:

"Thím bán cho cháu tô cơm hến, mười ngàn được không, thím?"

Bà lẳng lặng lấy tô, xúc hai thìa cơm, gắp mấy cọng hoa chuối, rau thơm, một thìa ớt, một thìa hến, rồi chan nước hến nóng vào ràn rụa. Cậu không ngồi trên cái ghế con để sẵn cho khách, mà ngồi trên cái rễ cây. Cậu ăn một cách từ tốn, nhưng không giấu vẻ hả hê.

Nghe giọng nói và thấy cậu nước mắt nước mũi ròng ròng, bà mỉm cười:

"Cậu người ở xứ khác tới?"

"Dạ, cháu ở Vinh."

Bà dỡ cái tô cậu trả lại, tráng trong chậu nước rửa.

"Về dây mần chi?"

"Cháu đi học."

"Học trường mô?"

"Thưa thím cháu mới vào Đại học."

Trời nắng quá, bà muốn chần chờ thêm chút nữa dưới bóng cây mát, cho ráo mồ hôi. Nắng Huế tháng tám mà còn nồng nực.

"Nhà cậu ở gần vùng ni?"

"Thưa không. Cháu chưa có nhà ở... Cháu đang đi tìm. Khó quá!"

Cậu trả tiền xong đứng lên, đi được mấy bước, bà gọi lại:

"Nhà tui có căn gác trống, nếu cậu không tìm được chỗ trọ thì tới coi thử..."

"Thế thì còn gì bằng. Thím cho cháu xin địa chỉ."

"Nhà bốn năm cái *'xiệc'*, không tìm được dâu, phải đi theo tui."

"Ngay bây giờ, hả thím?"

"Chờ tui bán hàng xong đã. Xế chiều, cậu trở lại đây."

Ba giờ chiều Thiết đã trở lại chỗ cây bàng.

"Hôm nay cậu mở hàng hên, bán gần hết rồi. Thôi mình đi!"

"Thím chờ bán hết rồi hẵng đi, cháu không gấp."

Bà Bẩy nhìn nhanh cậu sinh viên, nghĩ thầm "Con người cũng tế nhị", rồi dọn dẹp, quảy gánh lên vai. Thiết theo sau.

Có dễ cả tháng trời bà Bẩy không bước chân lên căn gác. Bà vừa mở cửa sổ, cậu sinh viên ồ lên tiếng hân hoan:

"Ồ! Sông Hương!"

Bà xổ tóc, mớ tóc dài, vài lọn cuống quít bay, trước khi bị tóm cột trở lại như cũ.

"Nhà cửa xung quanh đã xây lại hết," bà chỉ tay ra ngoài "chỉ còn nhà tui và vài nhà không theo được thời cuộc là còn lụp xụp."

"Nhưng nhà thím còn giữ lại nền nếp xưa."

Cậu trai nhìn bà. Vẻ ngưỡng mộ của cậu khiến bà bối rối.

Tiếng hò từ đâu đó:

Cánh chuồn chuồn nhởn nhơ trên mặt nước
Tiếng ve ve vang dậy cả phương trời
Con còng còng dại lắm ai ơi
Cong lưng xe cát, sóng dồi lại tan.

"Kia là cầu Trường Tiền, phải không, thím?"

"Hấn nớ."

"Thơ mộng quá!"

"Cái chuyện thơ mộng... lâu lắm rồi tui không để ý."

"Thím ở đây lâu chưa ạ?"

"Tui sinh ra trong căn nhà này. Hồi nhỏ, khi tui bắt đầu cần chỗ riêng để học bài, cha tui làm căn gác này cho tui. Chỗ ni, ván bị co, có mấy cái kẽ hở mà chưa ken lại được."

"Cháu thích căn gác này lắm. Nếu tiền thuê không quá điều kiện tài chánh thì cháu xin thuê."

Bà đưa một giá thuê mà bà nghĩ hợp với túi tiền cậu sinh viên xa xứ.

"Nhưng điện nước thì tui không biết tính sao... Cậu cần học đêm."

Cậu sinh viên nhìn sợi dây điện không có bóng tòn teng giữa nhà:

"Dạ, không sao, cháu thắp đèn dầu."

Có người lạ trong nhà phải giữ gìn hơn, bà không thể treo đồ lót trong

phòng tắm; ban đêm ông Bảy làm gì bà dưới này, bà cảm thấy như người trên gác biết; nhất là cái khe hở giữa hai tấm ván ken trên sàn gác - trông như một con mắt híp tò mò.

Nhưng đó chỉ là thời gian đầu, dần dần rồi cũng quen đi. Có lần bà tắm mà quên mang đồ thay, để vậy chạy vô phòng ngủ, bị Thiết thình lình từ ngoài đi vào bắt gặp, may mà bà còn quấn cái khăn lông trên đầu, để kéo xuống. Bà ngượng quá, nhưng nghĩ lại: cái đồ con cháu trong nhà ấy mà. Sự thân mật đi tới chỗ thỉnh thoảng còn dư tô cơm hến, bà kêu Thiết xuống lấy ăn; cậu ngại, không xuống, bà mang lên gác ép phải ăn.

"Con trai Vinh, muốn có vợ Huế, phải tập ăn cơm hến đi!"

Đêm đi bán về, nhìn căn gác có ánh đèn, lòng bà vui vui. Nhận cho Thiết tới ở trọ là điều hoàn toàn tình cờ; lúc đầu bà chỉ nghĩ tới chút thu nhập thêm; dần dần không ngờ cậu đem lại một bầu sinh khí mới trong nhà. Đối với bà, cậu cư xử như đứa con ngoan; đối với ông, cậu giữ sự xa cách vừa phải, kính trọng. Mỗi lần bị chồng hành hung hay chửi rủa, bà cần lời an ủi của cậu thanh niên để nguôi ngoai. Bà cảm thấy tấm lòng người mẹ có chỗ gởi gấm.

Nhưng những cử chỉ ấu yếm như mẹ con của hai người làm ông ngứa mắt.

"Cái áo thung của tui, răng mụ không giặt sớm cho khô?"

"Ông mặc đỡ cái áo thung màu cứt ngựa đi."

"Tui cần mặc cái áo thung trắng, tại răng mụ không giặt?"

"Tui mần đầu tất mặt tối, từ năm giờ sáng tới mười hai giờ đêm, có phút nào nghỉ tay mô?"

"Răng với người dưng thì mụ chành hanh?"

"Ông ăn nói chi lạ rứa? Ông ám chỉ cái chi?"

"Mụ hửi đồ thằng Thiết."

"Ông nói chi?"

"Mụ giặt đồ cho nó."

"Nó con trai vụng về, giặt... tốn nước, tôi tiện tay giặt giùm nó. Việc đó coi như... tính chung trong tiền nhà."

"Tính với toán! Tính cái mả cha nhà mụ đi!"

"Kìa! Sao ông chửi cha tui?"

"Mụ coi thằng nớ như ông cố nội trong nhà!"

"Trời ơi! Ông ăn nói chi dị rứa? Tui đối xử với nó như con cháu cũng là vì nó ăn ở như con cháu..."

Ông nổi hung, chửi thề tục tĩu cả 'thằng cháu' lẫn 'con thím' rồi quát:

"Chúng mày ngủ với nhau mấy lần rồi?"

"Thằng xì-ke nói bậy!"

Người đàn ông say lảo đảo xuống bếp chụp con dao:

"Đ.m. con đĩ, tao giết mày!"

Bà chạy ra cửa, nhưng có lẽ vì không ngờ vợ chồng có thể... giết nhau được, và vì không muốn chuyện kỳ cục này đổ bể ra ngoài, rồi thiên hạ lại tưởng bà và người sinh viên ở trọ có gì với nhau thiệt, bà dừng lại ở ngoài ngưỡng cửa. Nhưng ông Bẩy làm thiệt, ông nhắm đầu vợ bổ dao xuống. Bà kịp nhận ra sát khí của chồng và quay đi, co giò chạy, vừa chạy vừa la làng. Ông rượt theo, chém trúng gót chân, bà quị xuống. May mà hai người hàng xóm đứng gần can kịp, chở bà ra trạm y tế.

Thiết đi học về nghe chuyện, lặng lẽ xách va-li bỏ đi.

Trước khi Thiết về hai năm, ông bà Bẩy đã gặp một tai nạn lớn. Nói là 'gặp' thì không đúng, vì tai nạn đã nằm đó từ bao giờ: ông bị AIDS. Ông bà có một cách kiếm tiền trong những lúc túng quẫn là tới Bệnh Viện Huế bán máu. Nửa lít máu được một bữa bồi dưỡng nặng *protein* và một trăm ngàn đồng, thời giá của chục ký gạo. Tết năm kia, ông bà cũng đi bán máu, nhưng Bệnh viện chỉ mua máu của bà.

"Tại răng không mua máu tui?"

"Chú bị HIV."

"Mới dây tui thử máu có thấy chi mô?"

"Hai lần trước chú thử HIV đều dương tính hết."

"Tôi vẫn bán máu..."

"Chú đừng nói bậy, chú đi đi!"

Trên đường ra bến xe về nhà, vợ chồng đi bên nhau, không nói với nhau lời nào. Không biết nói gì. Không biết nói sao. Câu nói duy nhất của ông:

"Chắc họ thử nghiệm sai!"

Bà không có ý kiến gì, im lặng rảo bước. Khoảng cách giữa hai người xa dần, cả trăm thước. Lòng bà ngổn ngang giữa thương hại, oán hận. Và sợ chết. Ông bị từ hồi nào? Tại sao? Bao nhiêu lần ông gần gụi bà, bà có bị lây chưa?

Về tới nhà ông cảm thấy mệt.

"Lạ thiệt! Sao trước dây tui không cảm thấy mệt? Làm như mới bị bệnh từ khi người ta thông báo kết quả thử máu."

"Mệt thì nằm nghỉ đi."

"Tui nghi là người ta thử lộn máu người khác; nghe báo chí nói con số người bị nhiễm HIV là hai trăm ngàn người, dễ lộn lắm!"

"Phải rồi, vàng thau lẫn lộn, không biết được."

"Bà nói vậy là có ý gì?"

"Tại sao ông bị rứa?"

"Tui đi *quan hệ* sơ sơ thôi, ai ngờ nó ra như rứa."

Biết ông có tật chơi bời và xì-ke từ lâu, nhưng khi nghe lời bào chữa nhạm nhở như thế, bà mất hết lòng thương hại đối với một người mắc chứng bệnh nan y. Bà chán nản rửa hến, thái bắp chuối, chuẩn bị cho ngày mai.

Ngay đêm đó, ông vòi:

"Mình *quan hệ* hỉ?"

Nghe hai tiếng 'quan hệ' lần này bà buồn nôn. Bà nghĩ tới những cái tanh tưởi nhất trên đời và tự thúc cho cơn nôn ộc ra sàn nhà. Nhờ đó bà thoát được một lần... *quan hệ*. Nhưng bà chỉ thoát được lần đó thôi. Thói quen, lòng thương hại và đêm tối đã đưa bà vào cái 'quan hệ' bà không biết nên gọi tên gì. Đôi khi có thể gọi là tình xưa nghĩa cũ; nhưng phần nhiều bà có khuynh hướng coi là một sợi dây oan nghiệt nhẽu nhão.

Nhờ Sơ Hồng phát đều thuốc AZT, ông vẫn cầm cự được qua một năm. Còn bà, có lẽ nhờ những lần lên chùa tụng kinh hoặc nói chuyện với các thầy, bà đổi thái độ. Ở nơi không còn hy vọng gì nữa, bà chấp nhận số phận, chấp nhận ông. Bà nhẫn nhục chăm lo cho ông và kiếm tiền sinh sống qua ngày.

Tuy nhiên, nơi ông có một căn bệnh khác, chưa có thuốc trị. Càng ngày bà càng nhận ra rằng chứng bệnh nguy hiểm nhất nơi ông, không phải là AIDS, mà chính là lòng ích kỷ. Ông tiếp tục lấy trộm đồ đạc trong nhà bán để chích xì-ke, thường xuyên chửi mắng bà, lâu lâu đánh đập, và lâu lâu... 'quan hệ'. Và ông luôn luôn đòi 'quan hệ trực tiếp', không dùng bao cao-su. Không phải chứng bệnh thể xác, mà chứng bệnh tinh thần, phá hoại đời sống của ông, khiến cho cuộc sống trở thành nặng nề không chịu đựng nổi. Bà lại rơi vào tuyệt vọng, nhiều lần đi tìm cái chết. Nhưng ba lần trầm mình ở sông Hương, ba lần bà bị kéo lên... sống tiếp.

Mệt mỏi với chính sự giằng co mãi giữa sống và chết, cuối cùng bà chọn cách trầm mình mà không ai cản được: bà để mặc cho ông tự do truyền bệnh trên thân thể mình. Bà gọi một cách văn hoa là 'trầm mình trong vũng lầy'.

Khi Thiết ra đi bà thấy ngôi nhà cũ lạnh tanh, u tối như nấm mồ. Bà lại khám phá ra một điều: từ khi cậu tới trọ, ám ảnh của vũng lầy cũng tan biến luôn. Thay vào đó là một tia sáng hằng đêm lọt qua cái khe giữa hai tấm ván ken không kỹ trên sàn gác. Tia sáng chiếu từ ngọn đèn dầu của Thiết đang ngồi học bài.

Những ngày vắng Thiết, gánh cơm hến trở thành nặng nề hơn. Ngồi dưới bóng mát của cây bàng, bà Bẩy vẫn còn thấy hình ảnh Thiết ngày đầu tiên mới gặp, đang ngồi trên cái rễ cây, xì xụp ăn tô cơm hến

"Bán cho cháu một tô cơm hến!"

Bà giật mình mỗi khi có một người khách trẻ đến ăn hàng.

Thế mới biết, Thiết không phải chỉ là một người khách ăn hàng, một người ở trọ tình cờ. Từ ngày cậu tới ở trên gác và ra vào trong nhà, một thứ tình cảm kỳ lạ nảy sinh trong lòng bà. Mùi vị dịu ngọt của tình mẫu tử pha với mùi vị mặn mòi của đời sống mà từ lâu bà tưởng đã hoàn toàn mất. Ngày ngày, chiếc xe dạp của Thiết lăn trên ngõ đi về, chở những giấc mơ tưởng đã chết, giấc mơ thuở bà đi học Đồng Khánh. Giấc mơ thuở đó là gì? Không rõ. Chỉ biết nó đẹp. Còn bây giờ, còn gì nữa để mà mơ? Có lẽ hết rồi. Nhưng có cái gì ấm áp trong trái tim bà. Đêm đêm, đi bán hàng về, nhìn ánh đèn trên gác học của Thiết, bà cảm thấy ngôi nhà với mái ngói rêu phong, từng bị thời cuộc đẩy tít xa vào hoang vu, lỗi thời, được níu kéo trở lại. Không ai nhìn thấy mái nhà cổ và người đàn bà tứ tuần bên sông Hương đang được trùng... tu trong mơ.

Từ hôm cậu bỏ đi, bà cảm thấy ngôi nhà hoang phế, già nua. Mình cũng vậy.

Về phương diện kinh tế, việc ở trọ của Thiết không phải hoàn toàn vô nghĩa. Nay cậu bỏ đi, mất khoản tiền thuê nhà, bà kẹt tiền hơn. Như một thói quen, bà lại vào bệnh viện bán máu, cũng là dịp để thử xem mình bị nhiễm hay chưa. Từ ngày Thiết ở trong nhà, bà bắt đầu quan tâm tới việc có bị nhiễm HIV hay không. Bà không biết sống để làm gì, đi tới đâu, chỉ cảm thấy muốn sống.

"Thím Bẩy!"

Bà đang ngồi chờ ở hành lang thì Thiết gọi.

"Thiết! Trời ơi! Thiết!"

Bà Bẩy muốn ôm cậu thanh niên vào lòng như người mẹ gặp lại đứa con đi lạc. Nhưng bà đứng sững nhìn, nước mắt trào ra.

"Thím làm gì trong này?"

"Mi làm gì trong này?"

"Con đi thực tập."

"Tau đi bán máu."

"Thím gầy quá... Thôi, thím đừng đi bán máu nữa."

"Mi mới là gầy... Mấy bữa ni, mi ăn uống, ngủ nghỉ ở mô?"

"Con đang ở nhờ nhà thằng bạn. Hắn cho con ở tạm cho tới khi kiếm được nhà trọ."

"Thôi, mi về ở với tau."

"Con, con muốn lắm. Nhưng sợ phiền cho thím Bẩy."

"Không phiền chi cả." Thím đỏ mặt, thở dài, hạ giọng: "Mi quên chuyện thằng cha già điên kia đi. Ông ấy biết mình ăn nói tầm bậy, có lần hỏi thăm mi và cũng muốn mi về."

Người y tá kêu tên bà Bẩy.

Trước khi vào, bà đặt tay lên vai Thiết:

"Mi về đi! Tau sẽ mua cái bóng đèn điện gắn cho mi, khỏi phải thắp cái đèn dầu tù mù."

Chiều hôm sau, Thiết xách va-li về. Ông Bẩy vồn vã đón tiếp, và cầm tiền của Thiết, đạp xe đi mua cái bóng đèn hăm lăm oắt.

Ông có vẻ biết điều hơn, 'đánh giá cao' sự hiện diện của Thiết trong nhà như một nguồn tài chánh phụ cho gánh hàng của vợ, thỉnh thoảng Thiết đem về một chai la-de Sài Gòn, hai chú cháu ngồi lai rai.

Bà Bẩy cẩn thận hơn trong cách đối xử với Thiết. Bề gì, cậu không phải là con ruột. Bà tự nhủ như thế. Đối với ông, bà chiều chuộng hơn. Bà không từ khước việc chăn gối, chỉ đòi ông mang bao cao-su, và... đừng ồn. Những lúc đó, bà nghiêng đầu sang một bên để nhìn lên, qua đỉnh màn thưa, vệt sáng trên sàn gác. Mắt bà dán vào khe sáng như người thủy thủ lênh đênh trên biển đêm dõi nhìn các chòm sao.

Chừng một tháng sau khi Thiết trở lại, bà Bẩy bị bệnh, sốt tới ba mươi chín độ. Bà sợ lây bệnh, và lần đầu tiên, sau nhiều năm, bà sợ chết. Bà vừa sợ chết, vừa muốn chết để coi Thiết... có khóc không, nức nở tới đâu... Nhưng may mắn, thử máu vẫn thấy âm tính. Và cơn sốt giảm dần.

"Chắc chỉ là cảm cúm."

"Dù sao, thím cũng phải nghỉ bán vài ngày."

Thiết dặn dò như thế mà sáng hôm sau đã thấy bà dậy sớm, nấu bếp và sửa soạn gánh đi bán. Thiết tụt thang xuống hỏi:

"Thím khỏe chưa mà đi bán?"

"Khỏe rồi, con à... Hôm ni mi không đi học răng?"

"Con được nghỉ để ôn thi."

"Ráng lên à con!"

"Dạ."

Thiết bưng nồi nước dùng và thúng tô, cà ràng đặt vào quang.

"Để con gánh ra phố cho thím."

"Trời ơi! Mi không biết đi răng?"

"Con cháu giúp việc trong nhà, có chi là dị?"

Bà nói lảng:

"Cái thân học trò trói gà không chặt."

"Thím dừng tưởng. Con khỏe hơn thím."

"Khỏe cái trọ mạ mi!"

"Mạ... Thím coi nè!"

Dứt lời, Thiết kê vai thử, cái đòn gánh cứng đè xuống xương vai, đau quá, cậu phải đưa bắp thịt cổ ra chịu, thành ra người vẹo hình chữ S gánh đi theo chiều ngang như con cua. Bà cười ngặt nghẹo, cười ra nước mắt, rồi giành lại đòn gánh. Thiết hồn nhiên đưa tay vạch cổ áo bà Bảy, sờ vào làn da chai trên vai, giọng xót xa:

"Có thử một chút mới biết thím cực khổ bao nhiêu!"

Bà rùng mình vì sự va chạm vô tình, vội vàng kéo áo lại, hạ vai gánh hàng bước đi. Nhuyễn nhàng duyên dáng.

Được mấy bước, nghe tiếng Thiết gọi giật lại:

"Thím chờ con chút!"

Bà không hiểu việc gì, nhưng cũng hạ gánh xuống chờ. Thiết chạy vô nhà lấy đôi dép đặt dưới chân bà:

"Thím mang dép, không thôi giẫm phải mảnh sành... Cái gót chân thím..."

Bà xỏ chân vào dép, lắc đầu nhìn xuống mái tóc xanh của cậu thanh niên, mắt bà mờ đi. Bà bậm môi quảy gánh đi được mấy bước thì nước mắt tuôn ròng ròng.

"Mi mồ côi mẹ sớm, học đâu được cái thói làm dẹp lòng người rứa?" bà lẩm bẩm, rồi ra đầu ngõ hô trong trẻo:

"Cơm hến...!"

Niềm vui mơ hồ không đủ mạnh để lấn lướt cơn suy do những lần bán máu liên tiếp và một lần chưa hết bệnh mà giầm sương giãi gió, hôm sau bà xây xẩm, ngồi dậy là muốn té, phải bỏ bán. Thấy ông ra khỏi nhà từ hừng sáng, tới trưa không về đòi ăn, bà sinh nghi, lục dưới đáy lu gạo, trăm ngàn bán máu lần chót biến mất. Bà lần mò tìm dưới gối, trong bình hoa ni-lông trên bàn thờ, dưới tĩn nước mắm... không thấy tiền đâu cả. Bà uất ức, ngất xỉu.

Thiết đi học về thấy bà nằm sấp ngoài sân, hoảng hồn quẳng xe đạp một bên, sờ vào người thấy bà còn ấm và thở đều, cậu vừa mừng vừa lo, la lên:

"Trời ơi! Răng thím nằm giữa cươi rứa?"

Cậu nâng bà dậy, bà nói:

"Tau bị bổ."

"Mà răng thím bổ?"

Bà không muốn kể lại vụ đi tìm tiền:

"Chắc trúng gió."

"Con đìu thím vào nhà cạo gió..."

Thiết lấy khăn nhúng nước lau vết trầy trên mặt và chân tay cho bà. Cậu đi lấy đầu cù-là và đồng tiền cũ, rồi bảo bà nằm sấp. Bà vén áo lên ngang hông, rồi không chịu cởi nút áo vén cao hơn nữa. Thiết không dám tự ý làm; cậu con trai mồ côi mới lớn nhìn thấy khoảng eo trắng ngần đầy dặn của người đàn bà mà cậu coi như mẹ nhưng không phải là mẹ ruột, đâm ngại ngùng. Mấy giây đồng hồ nặng nề trôi qua, bà bò dậy, cài lại một cái nút mà không hiểu tự bung ra hay bà bắt đầu cởi, nói:

"Thôi, không cần cạo gió mô."

Thiết không biết nói sao, lấy gối kê cho bà ngồi. Mớ tóc đen đầy của bà buông trên hai vai xông mùi thơm; Thiết không biết đó là mùi mẹ hay mùi đàn bà. Để đánh tan sự ngỡ ngàng và phân định biên giới quang minh, bà cầm tay cậu như một người mẹ:

"May mi về đúng lúc, không thì tau chết rục ngoài cươi rồi."

"Tội nghiệp thím quá!"

Nghe thế bà rướm nước mắt. Thiết lấy tay áo sơ-mi của mình quệt nước mắt cho bà, nói:

"Thím đừng khóc, con đau lòng."

Bà càng khóc mùi mẫm hơn. Thiết cầm tay cho bà khóc cho tới khi nỗi buồn phiền theo nước mắt nguôi tan đi.

"Răng mà trời nóng dữ ri!"

"Tại trong người thím không khỏe."

"Tau khỏe rồi."

"Hay tự trời sắp mưa."

"Trên gác có chỗ nào bị giột không, mi?"

"Dạ không. Con chỉ thấy có một chỗ ngói bị thâm, nhưng không thấy nhễu nước."

"Chỗ mô? Mi chỉ cho tau coi!"

Hai thím cháu leo cái thang mảnh khảnh lên gác. Trời nhá nhem tối, dòm lên mái ngói không phân biệt chỗ nào bị khoáng nước, chỗ nào bị bóng tối. Bà mở cửa sổ. Một con mèo đen vụt nhảy sang cành phượng, biến sang nhà hàng xóm. Chùm lá chao trong bóng chiều, rồi đứng im.

Mái ngói vẫn không sáng sủa gì hơn. Bà chép miệng:

"Cả trăm năm rồi..."

"Bữa nào con leo lên coi."

"Không được, mi chớ leo lên đó, rong rêu trơn lắm!"

Hai người bỏ việc quan sát mái nhà, cùng đứng bên cửa sổ nhìn ra giòng sông lặng như tấm gương mờ.

Bà nhớ hôm đầu tiên Thiết nhìn giòng sông và thốt lên "Thơ mộng quá" tình cờ cùng một câu ông chồng mà đã nói khi lên căn gác này lần đầu tiên, hai chục năm trước. Những ngày đó, quả là thơ mộng. Tại sao bây chừ mọi sự trở nên bệ rạc như thế này?

"Mi còn thấy ngôi nhà này thơ mộng nữa không?"

"Dạ, còn nguyên vẹn. Ôi! Những mái ngói rêu phong soi bóng dưới giòng sông Hương tuyệt vời. Cái thường tại lông trong cái biến dịch."

"Mi nói chữ nghĩa như mấy thầy trên chùa, tau không hiểu. Tau có được học hành gì đâu."

"Thím cứ nói rứa. Ngày xưa thím học trường... ngày xưa gọi là trường gì?"

"Đồng Khánh... Mỗi lần gánh hàng đi qua trường cũ, buồn chi lạ."

"Buổi chiều đứng đây nhìn giòng sông Hương con cũng buồn, nhớ nhà. Đồng thời con cũng biết con sắp nhớ nơi đây... nhớ... thím."

"Bộ mi sắp đi?"

"Con tính nói với thím mấy bữa nay: con xin được chỗ trong nhà tập thể sinh viên."

Trong phút chốc thời gian ngưng lại trên mái ngói rêu.

"Phải vậy thôi... Bao giờ mi đi?"

"Vâng, ở trong đó tiện việc học hành, đi lại."

"Bao giờ mi đi?"

"Con phải nhận chỗ càng sớm càng tốt, không thôi người ta cho người khác. Nhưng con phải coi cái mái ngói đã."

"Nó đã mọc rêu lâu năm rồi, gấp gáp chi."

"Vả lại, con không đành bỏ thím một mình."

Bà quay mặt đi, đưa hai tay ra sau búi tóc.

"Thôi, tau xuống cho mi học."

Rồi vội vã bám tay vào cầu thang.

Bà vừa xuống thì trời đổ mưa. Mưa rào cuối năm. Ông Bẩy chắc bị kẹt ở nhà mụ á phiện. Bà Bẩy đóng mấy cái cửa sổ cho khỏi tạt mưa, rồi chui vào mùng, nằm nghe tiếng mưa sầm sập. Sấm sét nổ long trời. Bà có cảm giác nước mưa dâng cao, cao mãi, đưa cái giường bà đang nằm như con thuyền con trôi ra sông, rồi trôi ra cửa biển. Một mình bà giữa trời nước mênh mông. Bỗng một tiếng sét thật gần, khe sáng trên trần vụt tắt.

Tâm Thanh

Rời nơi giấu mặt

Song Thao

Bây giờ mà trời cho tôi chết chắc tôi vui vẻ ra đi. Cuộc sống này chẳng còn ý nghĩa gì nữa với tôi. Tôi vật vờ như người đang bám hờ vào một bờ vực, có thể tuột tay rơi xuống bất cứ lúc nào. Thở dài chẳng còn giúp tôi đổ đi những chán nản buồn rầu. Tôi muốn lắc mạnh người rũ đi những hơi thở nhọc nhằn của tôi. Tôi chẳng thiết gì cả dù tôi có tất cả, chồng tôi, mẹ tôi, mẹ của Thụy, lại còn anh em ruột thịt của tôi và của Thụy, à quên , còn bé Kim nữa chứ.

Bé Kim, con đầu lòng của tôi, thật dễ thương. Dĩ nhiên là trừ những lúc oằn người lên khóc một cách tức tưởi lằng nhằng. Sống đâu đã bao lăm mà đã tức tưởi? Cái miệng như một đồng xu ngoác ra, mắt nhắm tít, nước mắt tràn lan trên đôi má bầu bĩnh, vạt tóc thưa thớt ép rạt trên trán như muốn nhổm lên. Dỗ thế nào cũng không nín. Bồng lên đi nhong nhong rung đến mỏi tay cũng vậy. Vậy mà, bất thần, chẳng biết vì đâu, cái miệng đang ngoác ra vội khép lại, hậm hực thêm mấy tiếng, mắt nhắm tít ngủ ngon lành. Như chưa bao giờ khóc. Những giọt nước mắt ngơ ngác lạc lõng dến vô duyên.

Thương con thì thương nhưng chán vẫn chán. Nhất là từ khi Thụy đi làm lại sau một tuần nghỉ phép quấn quít bên đứa con ngộ nghĩnh. Ngày Thụy đi tôi thẫn thờ chẳng bắt lại được hồn mình. Tôi ngơ ngơ ngác ngác chẳng biết mình làm gì. Nhìn vào bé Kim tôi như thấy cả một gánh chán nản làm đập tim tôi. Phải tới cuối tuần Thụy mới về. Thời gian như một tên đểu giả. Nó vờn tôi như mèo vờn chuột. Tôi ngoi ngóp từng giờ, từng ngày. Như một xác thân đã mệt lả mà còn phải một mình nổi trôi trên mênh mông biển, bến bờ vẫn chẳng thấy đâu. Bộ diệu ngẩn ngơ của tôi chẳng vừa mất mẹ tôi. Bà mắng.

"Mày làm gì mà như con mất hồn vậy? Mới có một đứa mà làm như

chết đến nơi rồi. Chẳng bù cho tao. Mười một đứa. Vậy mà tao nuôi hết, có sao đâu?"

Tôi nhìn mẹ, bực mình. Mẹ tôi vẫn có lối mắng áp đảo tôi như vậy. Từ xưa tới giờ. Nhưng nghĩ lại, tôi thấy mình kỳ cục thiệt. Tôi đâu có phải là một thứ cây leo dâu. Từ khi lấy Thụy, anh vẫn đi làm xa như vậy. Đoạn đường gần ba trăm cây số chỉ cho phép anh về bên tôi mỗi cuối tuần. Tôi quen với nếp sống đợi chờ năm ngày, vồ vập hai ngày. Có sao đâu? Sao bây giờ tự nhiên đổ đốn, hồn phách của tôi đi theo bước chân của Thụy. Tôi chán nản đến kiệt quệ.

Mẹ tôi lúc nào cũng ở bên cạnh. Mẹ Thụy hầu như tới chơi ngày một. Tôi đâu có bị bỏ một mình với cái hình hài bé nhỏ mới chui ra khỏi bụng tôi đâu? Vậy mà người tôi vẫn hốc hác. Thân xác tôi hờ hững. Ăn chẳng thấy ngon. Biếng nhác đến từng cử động. Tôi như chẳng còn là tôi nữa.

Thụy sốt ruột xin nghỉ về lại với tôi một thời gian. Tôi như lịm đi trong vòng tay của chồng. An bình trở lại với tôi. Cuộc sống như được sưởi lại bằng một ngọn lửa ấm áp bền bỉ. Có Thụy, tôi như có chỗ dựa, khoan khoái cái lưng dễ sợ. Lửa sống về lại trong người tôi, rực rỡ. Cái miệng duểnh đoảng của tôi ăn đã biết ngon, hình hài tôi đã thêm thịt thêm máu. Nhưng chẳng được lâu, tôi lại tra vấn tôi. Sao mi tệ thế? Tự dưng bắt chồng kè kè bên cạnh, bỏ cả công ăn việc làm, bỏ cả tương lai sự nghiệp. Tôi thấy mình kỳ cục, chẳng ra làm sao cả. Người tôi nao núng. Tôi mắc cở với chính mình. Tới lúc không thể chịu đựng được nữa, tôi nói với Thụy.

"Em nghĩ anh nên đi làm lại đi, chứ cứ ở nhà hoài với em đâu được."

Thụy cười.

"Sao không được? Ở nhà với em vui hơn đi làm chứ!"

Chồng tôi vẫn có cái lối giỡn tưng tửng như vậy. Tôi nghĩ anh nói vậy chứ trong bụng cũng đã sốt ruột lắm.

"Ở nhà với em để đói cả hai đứa à? Quên, ba đứa chứ. Chút chút như thế này nhưng cũng phải kể là một đứa."

Tôi nựng nựng má con. Má bé Kim mềm và mát. Những tia máu in hằn trên làn da mỏng tưởng như có thể rách được bất cứ lúc nào. Bé đang ngủ. Hàng mi dài khép lại bình yên. Cái nựng của tôi kéo chiếc miệng cười ngu ngơ. Mụ đậy. Mẹ tôi bảo vậy. Thụy nhìn con như chiêm ngưỡng dung nhan một vị thánh.

"Anh chẳng đi nữa đâu. Nhớ con lắm."

Tôi nhìn chồng, cười bằng mắt.

"Nhớ con hay nhớ em?"

Miệng Thụy dẻo quẹo.

"Nhớ cả hai."

Tôi không bỏ qua.

"Nhớ ai hơn?"

Thụy ôm sau lưng tôi. Chiếc cằm rậm những chân râu làm nhột gáy tôi.

"Lêu lêu mắc cở! Mẹ mà tị nạnh với con!"

Tôi đỏ mặt. Hình như trong thâm tâm tôi có sự tị nạnh thật. Tôi trơ người ra một cách kỳ cục. Như đang trần truồng trước đôi mắt lạ.

Cái tính bướng bỉnh cố hữu của tôi đã làm tôi đẩy Thụy đi. Lại mỗi cuối tuần tôi mới được ôm chồng. Cuộc sống êm xuôi chẳng được bao lâu, lòng tôi lại sóng vỗ. Lần này trầm trọng hơn. Tôi như vất cả hồn lẫn xác vào sự tuyệt vọng. Hình hài tôi như bị nhúng vào nước, ướt át và èo uột. Không xong rồi, ai cũng nghĩ như vậy. Thụy biết trước hơn ai hết. Anh đưa tôi đi bác sĩ. Nghe nghe vỗ vỗ sơ sài thì thấy chi. Tôi được gửi đi khám tổng quát. Người ta áp những chiếc máy kềnh càng lạ lẫm lục tung lục phủ ngũ tạng tôi. Những ống máu đỏ tươi được rút ra khỏi người tôi. Chẳng có ngóc ngách nào trong tôi được để yên. Vậy mà các bác sĩ cũng đành bó tay. Bệnh nằm đâu, họ mù tịt tất cả. Họ chỉ cho tôi đi một hướng khác. Hướng tâm bệnh.

Tôi hoảng sợ. Thụy cũng bối rối. Tính tôi lại cả lo. Trong đầu tôi rõ nét các nhà thương điên với những con người chẳng được sống phận người. Thụy có một anh bạn bác sĩ chuyên về bệnh tâm thần. Một vài lần chúng tôi đã tới thăm anh nơi anh làm việc. Những con người ngơ ngẩn lui tới trên hành lang bệnh viện, ngu ngơ với những nụ cười vô nghĩa, thu mình lại trong một thế giới riêng, nói chuyện với những cái bóng vô hình, làm tôi sợ phát khiếp. Tôi nép vào Thụy tìm sự chở che. Bước chân tôi quính quáng như muốn té. Thụy giỡn với Lâm, anh bạn bác sĩ.

"Ông sống suốt ngày với những ông bà chân không dính đất thế này chắc vui lắm nhỉ?"

Lâm không phải tay vừa.

"Vui chứ! Riết rồi mo thấy chỉ có những cư dân trong hàng rào bệnh viện này mới là những người bình thường. Còn dân ở ngoài như toa mới bất bình thường."

Tôi góp cái miệng hay nói vào.

"Còn anh, anh Lâm, anh ở ngoài hay ở trong?"

Lâm tỉnh bơ.

"Tôi chân trong chân ngoài!"

Thụy thuộc loại mồm mép, chẳng bỏ lỡ cơ hội.

"Thảo nào! Trông ông không giống ai!"

Tôi giật tay chồng trước cái cười gượng gạo của Lâm.

"Anh này, chỉ được cái nói bậy. Anh Lâm anh ấy giận chết!"

Lâm lớn giọng.

"Giận chứ! Giận phát điên lên ấy chứ lị!"

Thụy vẫn cái tính thích kê bạn bè, đía thêm.

"Điên sẵn rồi còn gì nữa!"

Thụy đã có lần bảo tôi bệnh điên là bệnh hay lây. Tôi ngay tình gân cổ lên lý luận. Bệnh điên đâu có vi trùng đâu mà lây cái nỗi gì, nói năng phản khoa học. Ý tôi đại loại như vậy nhưng lời nói của tôi thì dài lắm. Để tôi nói cho đã rồi Thụy mới cười cười nói. Thế sao mấy tên bạn bác sĩ tâm thần của anh, tên nào tên nấy ngơ ngáo như nhau hết vậy? Tôi vốn không phải là người chậm hiểu, biết Thụy đưa mình vào xiếc, dành cười trừ.

Bây giờ, tôi cười gì nổi nữa. Nỗi lo sợ phải mặc áo xanh, đi ngơ ngác trên hành lang bệnh viện, người thân chẳng nhận ra, người lạ thì tưởng quen toét miệng ra cười, làm tôi hoảng hốt.

Thụy cũng ủ ê mặt mày. Chuyện chẳng phải là chuyện đùa được nữa. Anh cũng đi tìm chỗ bám víu. Lâm có giá hẳn lên. Thụy triệu anh tới ăn cơm để hỏi chuyện. Thụy mang vẻ mặt quan trọng để chờ những chuyện quan trọng. Nhưng Lâm cứ lẳng lặng khen hết món ăn nọ đến món ăn kia. Chờ tới khi Thụy muốn nổi khùng, anh mới quay qua tôi dấm dẳn.

"Ai cho bà vào bệnh viện của tôi mà bà dòi vào?"

Tôi đang rầu thúi ruột chẳng muốn mở miệng, nhưng nỗi sợ làm tôi lên tiếng.

"Tôi dòi vào hồi nào đâu! Mới nghĩ tới đã thấy muốn điên lên rồi!"

Lâm ừm ờ.

"Nếu điên thì phải vào thật."

Tôi khoát tay như người đang chết chìm dưới biển.

"Anh thấy tôi điên thật hay sao?"

"Điên đâu có nói chuyện như bà nói với tôi từ nãy tới giờ."

Lâm vốn là người ít lời. Gọng kính trắng dày cộm nặng nề như ép khuôn mặt anh lại. Có lẽ vì vậy nên anh mở miệng khó khăn hơn thì phải. Thụy chờ mãi chưa hạ được cơn sốt ruột nên phăng phăng hỏi thẳng.

"Ông coi giùm xem bà xã của tôi phải chữa chạy ra sao?"

Lâm lờ đờ không rời mắt khỏi bức tranh treo trên tường.

"Toa nói sao?"

Thụy nhẫn nại.

"Thì ông cho tôi ý kiến về bệnh tình bà xã của tôi đi."

Lâm cười. Cái cười không tròn tiếng.

"Có gì đâu mà ý kiến! Nói chuyện đâu ra đấy thì tâm thần cái nỗi gì!

Để moa giới thiệu tới bà bạn moa, chuyên trị tâm lý. Bà này dễ thương lắm. Toa gặp sẽ thấy."

Bà Denise dễ thương thiệt. Bác sĩ mà nói chuyện với tôi thân mật và dịu dàng như chị em. Bà đẩy ly nước cam trên bàn tới gần tôi, mời uống, hỏi han tôi tỉ mỉ những chuyện đối với tôi như chẳng có gì là quan trọng. Bà kéo tôi về thời ấu thơ, tới những chuyện mà trí nhớ tôi còn nhớ được. Như cái té năm tôi lên bốn tuổi. Tôi nhớ cái té này vì vết sẹo còn hằn trên trán tôi. Mớ tóc rủ xuống trán của tôi chẳng phải là một kiểu làm đẹp mà dùng để che chiếc sẹo này. Tôi vén tóc cho bà coi chiếc sẹo. Bà ngắm nhìn như nhìn một vật lạ, lấy tay rờ nhẹ như rờ vào một thánh tích. Bà gợi tôi nhớ lại bằng những câu hỏi dồn dập.

"Chắc em khóc dữ lắm hả?"

"Lúc đó em sợ quá. Máu chảy loang xuống mặt, rỏ từng giọt xuống sàn gạch, em nhắm mắt khóc không biết trời trăng gì hết. Em nghĩ trong đầu là chắc đầu em bể hết rồi."

"Rồi ai chạy tới với em?"

"Ba em. Ông móc túi lấy điếu thuốc lá, xé ra, chặm lên vết thương cho cầm máu. Thấy em sợ quá, ba em ôm em dỗ dành."

"Mẹ em lúc đó ở đâu?"

"Bà ngồi đánh bài ở trong nhà. Bữa đó là ngày tết, đại gia đình tụ họp ăn tết. Em chơi với lũ trẻ ở hiên nhà thì bị té xuống sân. Hàng hiên cao hơn chiếc sân đến cả thước."

"Rồi tới lúc nào mẹ em mới ra với em?"

"Em thấy là lâu lắm. Lúc em đã hết khóc rồi thì phải. Em đang ngồi trong lòng ba thì mẹ em ra."

"Bà làm gì? Có ôm em không?"

"Không! Mẹ em chỉ đứng nhìn. Thấy vết thương đã cầm máu và mặt em đã được lau sạch, bà hỏi ba em là có nguy hiểm gì không. Ba em bảo chắc không sao."

"Thế rồi mẹ em vào đánh bài tiếp phải không?"

"Không. Bà la rầy em nghịch ngợm. Con gái mà lo chạy nhảy hơn là con trai."

"Lúc đó em nghĩ về mẹ em ra sao?"

"Em sợ mẹ!"

Từ cái té hồi bốn tuổi, bà Denise dẫn dắt tôi đi lại những bước chân thời thơ ấu. Bà nhắc tới mẹ tôi hoài. Cứ mỗi chuyện tôi kể, bà lại hỏi mẹ tôi ở đâu, làm gì, nói gì. Bất thần bà nhìn thẳng vào tôi. Đôi mắt như muốn chọc thủng khuôn mặt tôi.

"Em nhớ lúc em có kinh lần đầu không?"

Tôi làm sao quên được. Tôi đang ngồi trong lớp học thì thấy phía dưới khang khác. Tôi vội lên xin phép cô đi vệ sinh. Máu loang trên chiếc quần lót làm tôi thất thần. Tôi run lên, nghĩ là mình bị bệnh nặng. Tôi trở lại lớp mà hồn vía bay đi hết. Cô giáo giảng bài tôi đâu có nghe thấy gì. Nỗi lo sợ phồng to trong đầu tôi. Tôi nghĩ mình sẽ chết. Về nhà, máu ra nhiều hơn, tôi cuống quít không biết phải làm gì.

"Em nghĩ tới ai lúc đó?"

"Ba em."

"Rồi em nói với ba em?"

"Không! Em mắc cở."

"Sao em không nói với mẹ em?"

"Em sợ."

"Em sợ chi?"

"Sợ mẹ em la."

"Em có lỗi gì đâu mà la?"

"Nhưng mẹ em hay la em lắm."

Bà Denise nhìn chăm chăm vào mặt tôi.

"Rồi em không sợ khi thấy mình bệnh sao?"

"Sợ lắm chứ! Em sợ chết."

"Em sợ chết hơn hay sợ mẹ em la hơn?"

"Em không biết nhưng em sợ lắm."

"Rồi sao mà mẹ em biết?"

"Em thay quần lót, giặt vội rồi phơi trong phòng tắm. Mẹ em thấy khác lạ kêu em ra hỏi."

"Giọng mẹ em có dịu dàng với em không?"

"Không! Em không cảm thấy mẹ em dịu dàng với em bao giờ cả. Bà chỉ bảo em đó là chuyện thường, con gái lớn ai cũng như vậy cả. Bà đưa cho em băng vệ sinh và chỉ cách dùng."

"Em có cảm thấy an tâm và được an ủi không?"

"Em chỉ thấy mừng vì em không bị bệnh nặng và kì cục như em nghĩ."

Bà Denise ngồi trầm ngâm như suy nghĩ điều gì. Tay bà xỏ vào mái tóc bồng bềnh thưa thớt vuốt vuốt ra phía sau. Tôi lặng câm ngồi cúi mặt. Những gì tôi vừa nói với bà Denise nghĩ lại thấy mà mắc cở. Lúc trả lời bà, tôi đâu có làm chủ được mình. Người tôi trôi theo những câu hỏi dồn dập chắc nịch như những nhát búa bổ xuống. Bà có cái lối hỏi vừa áp đảo vừa thân mật. Tôi trả lời như một cái máy chẳng kịp suy nghĩ gì. Bà nắm lấy bàn tay tôi hỏi tiếp.

"Em còn nhớ lần làm tình đầu tiên không?"

Tay tôi run lên trong tay bà. Sự hổ thẹn làm tôi khựng lại không trả lời. Thực ra tôi quá bối rối trước câu hỏi tôi cho là số sàng. Chuyện phòng the là chuyện kín đáo, ai mà nói ra dù với một bà bác sĩ. Thấy tôi yên lặng, bà đặt lại câu hỏi chi tiết hơn.

"Lần đầu tiên em làm tình với ai?"

Tôi muốn khóc. Câu hỏi như cái tát vào đức hạnh của tôi. Tôi giận dữ nhìn bà. Nước mắt tôi chảy ra. Tôi muốn vùng đứng dậy chạy ra khỏi nơi đây. Bà Denise rất nhạy cảm. Bà biết đã cho tôi một liều thuốc quá mạnh. Bà vội nắm chặt tay tôi, cười giả lả.

"Tôi xin lỗi em. Hôm nay mình làm việc đã nhiều. Em có thể về. Lần sau mình sẽ nói chuyện tiếp."

Ba ngày sau tôi tới theo hẹn, lòng nặng chình chịch. Bà Denise tỏ ra dịu dàng hơn những lần trước. Bà ngồi dựa ngửa ra ghế, mắt nhắm hờ, kể chuyện làm tình lần đầu tiên của bà. Giọng bà tự nhiên làm tôi cảm thấy an tâm. Bà bất ngờ quay sang tôi.

"Tôi vẫn nhớ mãi lần đó. Có lẽ chẳng bao giờ tôi quên được. Đó là một khúc rẽ quan trọng trong đời một người con gái. Tôi nghĩ chắc em cũng vậy. Nền văn hóa và đạo đức của dân tộc em rất khắt khe với vấn đề này nên tôi nghĩ cái dấu ấn đó lại còn quan trọng hơn nữa. Tôi nghĩ là em có một đêm tân hôn thực sự với chồng em. Phải không?"

Tôi gật đầu. Bà dựa người vào bàn, chồm qua phía tôi.

"Em có cảm thấy được che chở không?"

Tôi lại gật đầu tiếp.

"Em có thấy được âu yếm không?"

"Em có thấy hạnh phúc không?"

"Em có thấy muốn tan biến trong vòng tay chồng em không?"

"Em có cảm thấy có sự ràng buộc thân thiết không?"

Tôi chỉ biết gật đầu sau một loạt câu hỏi vội vã tuôn ra từ cái miệng không kịp thở của bà Denise.

"Em có yêu chồng em không?"

Tôi lại gật đầu.

"Khi chồng em đi xa, em cảm thấy sao?"

Tôi không biết làm sao diễn tả cái khoảng trống lạnh lẽo vây quanh tôi mỗi lần không có Thụy bên tôi. Tôi cảm thấy như bị ném ra giữa trời mênh mông trong một cơn cuồng phong bão táp. Người tôi như co lại, tôi run rẩy trả lời.

"Em sợ lắm. Em thấy như bị chìm lỉm dưới nước."

Thấy bộ mặt tái tê của tôi, bà Denise khéo léo ngưng các câu hỏi. Bà chuyển qua nói chuyện tâm tình với tôi như giữa hai chị em. Rồi bà cho

tôi về sớm. Tôi uể oải ra khỏi cửa. Phải chi có Thụy dỡ đần bước đi của tôi lúc này. Tôi tìm tới trạm điện thoại công cộng gọi Thụy tới đón tôi. Tôi đứng ngóng Thụy mà trong lòng nghe như vẫn còn nguyên cái xốn xang của thời tình nhân. Thụy là một người yêu tuyệt diệu. Anh như một cái bóng vạm vỡ để tôi an tâm ẩn núp. Ngày cưới, tôi như lạc vào một cánh đồng hoa, trò chuyện với cỏ cây, vui đùa với bướm ong, chẳng rõ mình đang đi vào một cuộc đời mới hay đang bước giữa một cơn mộng đẹp. Thụy làm chồng cũng nồng nàn như làm tình nhân. Lúc nào trong tôi cũng rõ nét cảm giác đang ngơi nghỉ trong vòng tay ấm áp của một vị thần hộ mạng. Sao tôi thèm vòng ôm của Thụy quá. Anh chưa tới mà lòng tôi đã lơi lả chờ anh.

Kỳ hẹn sau, tôi tới hơi sớm. Tôi lật qua loa mấy tờ báo phụ nữ đầy hình ảnh ra chờ cho qua thời giờ. Mắt tôi ơ hờ trên những trang sách. Tôi gấp tờ báo trên đùi, nhìn qua khung kính. Cửa sổ phòng đợi nhìn ra một công viên xanh cỏ được cắt tỉa gọn gàng. Một bé gái đang ngồi trên chiếc đu cười ngặt nghẽo thích thú theo từng cái đẩy của bà mẹ. Mắt tôi sáng lên. Người tôi bừng bừng niềm vui. Tôi muốn chạy ra ngồi trên một trong những chiếc đu bỏ trống chơi cho thỏa thích. Tôi lâng lâng theo tiếng cười trong trẻo nghe vọng vào qua khung kính. Chiếc váy màu đỏ ôm gió no nê lượn theo vòng đu nhấc tôi lên cao. Bà Denise tới đằng sau tôi lúc nào tôi chẳng biết.

"Trông thích thú quá em nhỉ?"

Tôi rạng rỡ.

"Dạ, em thấy thích quá. Cô bé thật sung sướng!"

"Hồi nhỏ em có thích chơi đu không?"

"Em thích lắm nhưng hồi đó em chẳng bao giờ được chơi cho thỏa thích cả."

"Tại sao vậy?"

Tôi kể cho bà Denise nghe về chiếc đu ở sau vườn nhà tôi. Chẳng được đẹp như chiếc đu trong công viên trước mắt tôi, dĩ nhiên. Đó chỉ là một chiếc vỏ xe cũ được treo lên bằng những sợi dây thừng thô tháp. Vậy mà tôi thích lắm. Nhưng hầu như mỗi lần vừa ngồi lên là mẹ tôi lại bắt tôi phải xuống nhường cho các em đang mũi giãi khóc đòi chơi. Mười một anh chị em, tôi đứng thứ ba, mẹ tôi lại không biết mệt mỏi trong việc cho ra đời những đối thủ để ghét mà tôi phải nhường. Hết đứa này lại có đứa khác. Chiếc đu lúc nào cũng ở ngoài tầm tay với của tôi. Nó ăn sâu trong tôi đủ để trở thành nỗi thèm thuồng bất tận của tuổi thơ tôi. Cho tới bây giờ, chồng con rồi, tôi vẫn thấy thích thú với những chiếc đu.

Bà Denise như vừa tìm ra được một điều gì thú vị sau khi nghe tôi kể.

Bà rủ tôi xuống chơi đu. Tôi chẳng cần suy nghĩ, vội vàng đứng dậy. Thấy bộ điệu của tôi, bà Denise như khựng lại.

"Xin lỗi em! Tôi không muốn phải đến thành phố tiễn sửa chữa chiếc đu."

Tôi ngơ ngác. Bà Denise đứng dậy nhún nhún người. Tấm thân quá khổ của bà nặng nề che hết tầm mắt tôi. Tôi hiểu ra, ôm bụng cười.

Bà Denise mời tôi vào văn phòng. Bà không ngồi sau bàn như mọi khi mà kéo chiếc ghế ngồi sát bên tôi. Giọng bà từ tốn.

"Tôi nhìn thấy, tự trong thâm tâm em, em không yêu mẹ em phải không?"

Tôi lắc đầu.

"Không, em vẫn thương mẹ em."

Bà Denise vẫn nhẹ nhàng.

"Em không cần phải dối lòng mình. Tôi biết, em khó chịu khi phải nói với tôi điều mà em nghĩ là xấu xa. Ai chẳng muốn nói cho mọi người biết là mình yêu mến người đã mang nặng đẻ đau ra mình. Nhưng nếu em cứ dối lòng như vậy thì em không bao giờ thoát ra được sự ám ảnh một đời của em. Em hãy nhìn kỹ vào lòng em và trả lời tôi. Em không yêu mẹ em phải không?"

Người tôi run rẩy. Trước mặt tôi, đôi mắt bà Denise như đang nuốt sống tôi. Hình ảnh mẹ tôi nghiêm khắc và những hờ thoáng hiện trong óc tôi. Tôi rùng mình.

"Bà nói đúng. Em không thấy thương mẹ em!"

Bà Denise thúc thêm.

"Em ghét mẹ em phải không?"

Người tôi như muốn vỡ tung ra. Đừng bắt tôi phải làm điều mà tôi ghê sợ. Một luồng giá lạnh chạy khắp châu thân tôi. Tôi hét lên.

"Không, không phải vậy."

Giọng bà Denise lạnh lùng.

"Em phải nhìn kỹ vào lòng em. Em ghét mẹ em phải không?"

Tôi ôm mặt nức nở. Người tôi mềm oặt. Tôi gật đầu trong tiếng tức tưởi. Bà Denise bấm chuông gọi cô thư ký lấy cho tôi ly nước. Nước lạnh làm tôi dễ chịu. Bà vỗ vai ôn tồn với tôi.

"Tôi xin lỗi em. Bây giờ tôi muốn đặt cho em một câu hỏi dễ chịu hơn. Em luôn luôn cảm thấy cần có chồng em bên cạnh phải không?"

Tôi e lệ gật đầu.

"Ngày cưới, em có cảm tưởng lâng lâng như người được giải thoát phải không?"

Sao cái bà này nói đúng cảm nghĩ của tôi như vậy. Nhưng ai lại nói

như thế. Bà Denise gằn giọng.

"Tôi muốn em đào sâu vào con người em và nói thật cho tôi biết. Có phải em cảm thấy như được giải thoát trong ngày cưới của em phải không?"

Tôi gật đầu.

"Đêm tân hôn, em hân hoan ràng buộc mình vào người chồng, em mê mải dâng hiến cuộc đời em cho người chồng, em cảm thấy sung sướng lệ thuộc vào người chồng phải không?"

Tôi dành thú nhận với bà, khi trao thân cho Thụy, tôi đã bấu víu vào anh như ôm một chiếc phao an ổn cho cuộc đời tôi.

Bà Denise thở ra. Mặt bà như ngơi nghỉ. Tôi nhấc ly uống vội một hớp nước. Mồ hôi tôi vã ra. Tôi vừa nói những gì trước đôi mắt như đốt cháy tôi của bà Denise? Tôi có còn biết suy nghĩ không?

Bà Denise phân tích rành rẽ những gì xảy ra trong nội tâm của tôi. Tôi vừa nói ra những gì vẫn được che giấu trong cõi vô thức của tôi. Chúng như những hòn đá nặng nề trì kéo đời tôi. Trong thâm tâm, tôi ghét mẹ tôi đã không chăm sóc thương yêu tôi, đã quá hững hờ tình cảm với tôi. Tôi không tin cậy vào mẹ tôi, không cảm thấy yên ổn bên mẹ tôi. Khi lấy chồng, tôi cảm thấy như được giải thoát. Chồng tôi quá lớn lao đối với tôi. Tôi sung sướng dựa dẫm vào người giải thoát tôi. Khi Thụy đi xa, tôi cảm thấy hụt hẫng, mất chỗ dựa, trống trải, sợ hãi. Sự lệ thuộc trong vô thức làm tôi chán nản, buồn bã, tuyệt vọng mà không hiểu tại sao mình lại cảm thấy như vậy. Trạng thái tâm lý này chi phối trạng thái sinh lý của tôi. Thân xác tôi rũ ra, làm biếng ăn uống, chẳng biết đói, chẳng cần ăn. Bà Denise thủ thỉ bên tai tôi.

"Bây giờ em đã nhìn thấy cái động lực vô hình nó chi phối một cách mù quáng những suy nghĩ, hành động của em. Em đã nhận ra nó, tôi nghĩ rằng em có đủ ý chí và can đảm để tự thoát khỏi kẻ nội thù dấu mặt nằm núp trong người em. Tôi nghĩ mẹ nào chẳng thương con, em hãy nhìn vào mẹ em với một con mắt khác đi. Và em sẽ cảm thấy an bình bên mẹ em. Chồng em thương em, đó là một điều quí. Nhưng em có ý chí của em chứ. Ý chí đó đâu có cho phép em lệ thuộc vào chồng em như một cây tầm gửi chỉ biết bám vào thân cây khác. Hãy cởi bỏ hết mọi mặc cảm và sống như một con người vừa được giải thoát. Em không có gì phải buồn chán tới héo hon thân xác đi như vậy. Em hãy can đảm sống cuộc đời của em. Đó là những điều tâm huyết tôi muốn nói với em. Em về và có cần gì thêm nơi tôi, em cứ điện thoại cho tôi. Nhưng tôi hy vọng em chẳng phải nhờ gì tới tôi nữa."

Bà Denise đập vào vai tôi như muốn đánh thức tôi. Tôi chưa bao giờ thấy mình vươn cao lên như vậy.

Vẫn chờ xuân
VẠN GIÁ

Lòng thê thiết nhu ngày tháng tận
Chút hương trầm khuất lấp suy tư
Đêm trừ tịch thân ngoài xứ lạ
Khoảng thanh xuân thoáng cũng tạ từ

Ươm nỗi nhớ đầy cành lộc biếc
Xuân quê người hiu hắt thịt da
Giao thừa giọt lệ thầm lặng lẽ
Biết tìm đâu Tết thuở quê nhà
.....
Non nước cũ vui hồn xuân mới
Người xa nhà ấm cội nguồn xưa.

Những ngày sau đó, tôi cảm thấy an tâm. Vẻ ủ rũ rời khỏi tôi. Tôi ăn đã biết ngon. Tôi nhìn mẹ tôi, chồng tôi và cả con tôi với một con mắt khác. Bé Kim chẳng phải là cái tôi ảm đạm thời nhỏ. Tôi thương con tôi, thương khúc ruột thân yêu của tôi. Tình thương của Thụy với bé Kim là một thứ tình thương khác, có gì mà tôi phải so kè sợ sệt. Kẻ thù dấu mặt của tôi, bà Denise đã lôi ra ánh sáng và xua đuổi ra khỏi tôi. Tôi tự do trở thành một con người mới, một con người bình thường như mọi người khác.

Lâm nhấc cặp mắt kiếng dày cộm, cầm trên tay, kéo vạt áo chùi, nheo mắt với tôi.

"Tôi tới để áp tải bà vào nhà thương điên đây."

Tôi ngượng chín người, ngượng đến muốn nổi cục. Sức mấy! Tôi nghĩ trong đầu. Nhưng chẳng hiểu sao câu trả lời của tôi lại nền nếp hơn nhiều.

"Anh Lâm à, chắc anh tới lộn địa chỉ rồi!"

tháng 11 / 2001

Chuyện của Ti

Thơ Thơ

Hồi còn bé, mỗi lần mẹ dắt đi chơi, ai thấy Ti cũng trầm trồ: "Khéo nuôi quá! Chị cho cháu ăn gì thế?", hoặc "Ôi, ú na ú nần ra! Cháu to gấp đôi con bé nhà tôi đấy!".

Chung quanh Ti lúc đó toàn là những người lớn. Qua ánh mắt và giọng nói họ, Ti biết mình được ưa thích. Khi Ti theo mẹ đến trường để dự một buổi văn nghệ Tết, các chị học trò của mẹ xúm xít quanh Ti, cho Ti bánh kẹo, họ bảo nhau: "Bự ghê! Nựng đã há!", hoặc đòi "Cho chị bồng thử cái coi". Cũng có nhiều đứa trẻ khác chung quanh, nhưng các chị chỉ để ý đến Ti thôi.

Mỗi khi có khách đến chơi, bà ngoại hay gọi Ti ra chào, cũng là để khoe với khách. Họ sẽ khen, "Gớm to quá nhỉ! Cháu nhà chắc là dễ ăn lắm ạ?". Và bà ngoại sẽ nói: "Vâng ạ, cháu ăn nhanh lắm! Mỗi bữa cho ăn phải có hai cái thìa, đút bằng cả hai tay mới kịp đấy". Bà nói thêm thắt, thế mà họ cũng tin, Ti chẳng cần ai đút cả, một mình Ti ăn hết một tô cơm đầy, một bát phở còn được nữa là. Nhưng Ti cũng hãnh diện vì đã trở nên đặc biệt dưới mắt họ. Không có gì thích thú hơn là được người khác chú ý, Ti cứ nghĩ như thế, và tin như thế.

Cho đến ngày Ti đi học.

Những đứa bé gái quan sát Ti, chúng nói nhỏ với nhau rồi phá lên cười. Đến hơn mười đứa bu quanh Ti. Một đứa con gái mảnh khảnh tiến sát lại gần, nhìn Ti chòng chọc. Ti cười làm quen:

"Bồ tên gì?"

Mặt nó kiêu kỳ:

"Ly". Rồi đột ngột nó hỏi:

"Mày nặng mấy ký lô?"

Ti thành thực:

"Ba mươi ba ký".

Cả bọn cười rầm. Chúng chỉ chờ có thế. Ly vẫn tiếp tục:

"Mày ăn mấy bữa một ngày?"

Cách hỏi của nó rất hách, khiến Tí dù không muốn cũng phải mở miệng lí nhí nói. Nhưng chúng không cần câu trả lời củaTí. Có tiếng lao nhao:

"Năm bữa!"

"Xí, năm cái gì nổi. Năm chục thì có!"

Rồi cả lũ vừa giậm chân vỗ tay, vừa đồng thanh la to dễ sợ:

"Bé bự! Bé bự! Thùng phuy!

Thùng phuy! Thùng phuy! Bé bự!

Bé Bự ! Bé Bự !! Bé Bự !!!

Tí bắt đầu nhìn mình bằng một hình ảnh khác.

Khác với Tí của mẹ của bà, và chắc chắn là không giống hình ảnh của Ly chút nào. Nó là tiêu chuẩn, nó có tất cả mọi ưu điểm: xinh đẹp, tự tin, học giỏi, và ốm nhom như cây tăm tre. Nó điều khiển bạn bè, nó được cô cưng nhất lớp. Thời gian hai đứa ngồi cạnh nhau, Tí phải cố gắng hết sức để chiều chuộng nó. Nó ưa đứa nào, Tí được chơi với đứa đó. Nó bảo: "Con nhỏ đó xấu lắm, đừng nói chuyện với nó nữa!", Tí cũng nghe lời ngay. Nó là kẻ mạnh, chỉ huy, sai khiến, đầy uy quyền. Tí quá thấp kém so với nó. Tại không có gì là của mình cả. Tại nhìn mọi thứ bằng đôi mắt của nó, và Tí nhìn chính mình theo cách nó nhìn Tí.

Ngược lại, về mặt vật chất, tất cả những gì Tí có là của Ly. Nó có thể xài thả cửa những cây chì màu của Tí, còn hộp màu của nó cứ y nguyên như mới. Mỗi lần bố dẫn Tí đi mua gôm, Tí phải mua hai cục, loại có mùi thơm ngọt như kẹo cho nó. Còn thước kẻ nữa chứ, Ly dặn phải mua loại thước nhựa đủ màu. Bố lại muốn Tí mua thước gỗ. Bố xoa đầu Tí, bảo:

"Sao con không dùng thước gỗ bền hơn. Những cái thước nhựa này rỗng ruột, dễ gẫy lắm"

Tí nói dối:

"Cô bảo con phải mua thước này, nếu không con bị phạt".

Bố chiều Tí, mua cả một lố mười hai cái. Những cây thước màu để cạnh nhau đẹp như sắc cầu vồng. Ly chọn ra cây hồng nhạt - màu Tí thích nhất - "Cho tao nghe!". Tất nhiên. Tí cảm thấy hãnh diện vì đã làm nó vui. Vài hôm sau nó lại đòi màu khác, Tí cho ngay. Tí nghĩ đến bố, và tự an ủi rằng số thước còn lại khá nhiều, bố không thể biết điều gì đã xảy ra.

Đến lần thứ ba, Tại rụt rè bảo nó: "Bồ có hai cây rồi mà", Tí vừa nói vừa sợ. Nhưng Ly đã sẵn sàng với lý do khác: "Chị hai tao chưa có. Cho

chị tao cái này đi". Từ từ, Tí biết là nó có rất nhiều anh, nhiều chị, nhiều em. Ai cũng cần có một cây thước để dùng, không phải để ngắm chơi như Tí. Và số anh chị em nó luôn luôn nhiều hơn số thước kẻ Tí có. Và những cây thước không thể nào quý bằng tình bạn của nó dành cho Tí được.

Khi chỉ còn lại một cây thước cuối cùng, thì Ly nói rằng nó cần hai cái nữa, cho nó và em nó. Tí khổ tâm quá, lại sợ bố biết bố mắng nữa, nên đành dứt khoát:

"Tui chỉ còn có một cây thôi, bồ lấy luôn đi. Đừng đòi thêm nữa. Hết rồi!".

Cây thước cuối cùng đó màu đỏ sẫm và bị mẻ một đầu. Ly có vẻ không mấy ưng ý, nhưng vẫn cầm lấy và nhắc:

"Nói ba mày mua thêm đi".

Nhưng Tí không xin bố nữa, Tí hiểu mơ hồ rằng không thể cứ như vậy mãi được. Tí chọn một cây bút chì dài nhất để kẻ thay cho thước. Tất nhiên là không được ngay ngắn và sạch sẽ, những đường gạch đứt đoạn, mực dây lem nhem. Cô giáo la Tí, trừ điểm Tí. Vậy mà Tí lại cảm thấy nhẹ nhõm hơn.

Ly không thèm chơi với Tí nữa. Đi ngang Tí, nó sẽ hất mặt lên, rồi quay ngoắt đi. Cùng lúc đó, cả lớp "nghỉ chơi" Tí. Tí thấy Ly xì xào vào tai lũ bạn, rồi tất cả quay lại nhìn Tí, rồi chúng cười với nhau đồng lõa trước khi ném ra những câu nói đùa độc ác mới.

Từ lúc Ly nghỉ chơi, Tí đâm ra sợ giờ ra chơi. Đó là giờ bị hành hạ, nếu không Tí cũng chỉ đứng nhìn người khác. "Phì lũ đi chỗ khác chơi !", chúng xua đuổi Tí mỗi lần Tí mon men lại gần. Thỉnh thoảng cô giáo kêu Tí ra nói chuyện, cô làm giờ ra chơi vui hơn một chút. Cô hay hỏi: "Em có uống sữa nhiều không?", hay "Một ngày em uống mấy ly sữa?". Tí nói một, và điều này luôn làm cô ngạc nhiên: "Chỉ có một ly thôi à. Sao cô uống tới hai ly mà vẫn không mập nổi?". Tí cảm thấy hãnh diện trở lại vì cô muốn giống Tí mà không được.

Quá nửa năm học thì lớp Tí có thêm một học sinh mới. Lúc bà hiệu trưởng dẫn nó vào, cả lớp cười khúc khích, vì nó có mái tóc xoăn tít, và còn mập hơn Tí nữa. Cô giáo xếp Minh Phương ngồi cùng bàn với Tí, ở cuối lớp. Cả lớp quay xuống xì xào cười: "Coi chừng gẫy ghế!". Cô nghiêm mặt, nhịp nhịp cây thước: "Im lặng!". Lúc cô quay lên bảng, Ly quay qua "lêu lêu", thè lưỡi chọc quê hai đứa. Tí thấy thằng Minh Phương trợn mắt, dứ dứ nắm đấm về phía con nhỏ.

Giờ chơi, Minh Phương rủ Tí bắn bi với với nó. Nó bắn giỏi hơn Tí

nhiều, chơi một ván xong, nó bảo:

"Tui chấp Tí bán hai lần đó, phải nheo mắt lại nhắm mới trúng đích được."

Ngay lúc đó Ly và lũ bạn đi ngang qua, chúng nó nói:

"Phì lủ chơi với bé bự, tụi bay ơi!"

"Ê, chồng mập vợ ù, tụi bay ơi!"

Minh Phương ngừng tay, nhìn nó lâu bầu:

"Đồ con gái dzô dziêng !"

Ly bĩu môi:

"Đồ phì lủ mà làm bộ!"

Minh Phương nhái giọng nó:

"Cái đồ ốm tong - ốm nhom - ốm ròm - ốm nhách mà cũng làm bộ".

Rồi nó đổi giọng, khuỳnh hai tay, hăm he:

"Ngon lại đây! Làm tàng hả, "đục" cho một cái bây giờ!"

Ly hoảng bỏ chạy ra xa:

"Ngon chạy theo, tao mét cô bây giờ!"

Tí nhìn Minh Phương, phục nó hết sức. Nó không sợ Ly mà còn làm con nhỏ phải sợ nó. Từ đó trở đi, Tí bám sát Minh Phương như cái đuôi, nhờ vậy Tí đỡ bị chọc. Nó cũng chỉ chơi với Tí thôi, nó hay bảo Tí:

"Mình bự hơn mà. Mình xô một cái là nó té nhào, dừng thèm sợ tụi nó!"

Tí gật đầu, nhưng trong bụng vẫn sợ như thường.

Minh Phương nghỉ học ba ngày rồi, cô giáo nói nó bị trái rạ, bác sĩ bắt nó ở nhà một tuần lễ. Tí buồn hết sức, giờ học buồn, giờ chơi còn buồn hơn nữa. Buổi sáng thức dậy, Tí không muốn đến trường chút nào, nó nghĩ phải chi mình cũng bị trái rạ thì đỡ khổ biết mấy.

Hai ngày đầu Tí quanh quẩn bên cô giáo vào giờ chơi, ngày thứ ba cô đi họp trong văn phòng, Tí dành thơ thẩn quanh sân một mình, trong bụng phập phồng sợ bị Ly bắt gặp.

Ly đang chơi u với tụi bạn, nó vừa kêu uuuuuuuuu vừa cố vùng vẫy khỏi vòng vây dính chùm của bên địch. Rồi nó thoát ra được, thở hào hển, chạy vùng về phía sân nhà. Ngay lúc đó Tí lơ ngơ đi tới, nó chạy đâm sầm vào Tí, nó chạy nhanh quá làm Tí né không kịp. Ịch ! Tí ngã cái đùng, còn nó té sấp đè lên người Tí.

Lũ con nít cười rầm. Đầu Tí đập xuống đất, choáng đi. Ly đã đứng dậy được, nó vừa phủi đất cát trên người vừa la lối:

"Đồ dui! Thấy người ta chạy tới sao không né?"

Tí lồm cồm bò dậy, bộ đồng phục dơ hầy, một bên hông bê bết bùn,

nước mắt ứa ra vì đau. Ly vẫn tiếp tục dạy nghiến:

"Con heo mập, đồ mắc dịch, đồ mập dịch!"

Cổ Tí nghẹn lại, cái tức làm nó quên bẵng nỗi sợ. Tí tiếc bộ đồ của mình, một cánh tay áo đã rách xoạc. Tí nhìn Ly giận dữ, nó nhớ Minh Phương vẫn nói: "Mình xô một cái là nó té nhào. Mình bự hơn mà. Sợ gì!". Đúng rồi, phải trả thù mới được! Tí khua tay lên, đầu óc trống rỗng, Ly đang xỉ vả vào mặt, nhưng Tí chỉ nghe mỗi một tiếng nói trong đầu: Mình xô một cái là nó té nhào. Mình xô là nó té nhào. Tí nhào tới, túm vai nó, ấy thật mạnh ra sau.

Nó té nhào thật.

Rồi máu mũi nó trào ra, chảy ròng ròng, đỏ loang ngực áo. Nó nằm bất động trên đất. Tí lạnh cả người, Tí sợ máu! Ghê quá, lần đầu tiên Tí thấy máu chảy nhiều như thế. Một đứa con gái xỉa xói: "Tại mày đó. Tao mét cô cho coi!". Nhiều người chạy ào tới quanh Tí. Tí muốn chạy trốn nhưng chân cứ rủn ra, mặt mày xây xẩm muốn ói. Tí lo lắng, lỡ nó chết thì cảnh sát sẽ bắt Tí bỏ tù, Tí sẽ không bao giờ gặp lại bố mẹ nữa, Tí bật khóc nức nở, vừa ân hận vừa kinh hãi.

Cô giáo và bà hiệu trưởng xúm quanh Ly, để bịch đá lên mũi và trán nó, lấy khăn ướt lau chùi mặt mày nó, rồi đặt nó lên cáng khiêng vào văn phòng. Tí nghe loáng thoáng: "Chảy máu cam! Chảy máu cam dó mà!". Không ai nói gì đến Tí cả. Cô giáo không phạt, không la Tí gì hết. Tí ngẩn ngơ, thế là thoát nạn à?

Tí hồi hộp phấp phỏng mấy ngày liền, nhưng giấu không cho bố mẹ biết. Lúc Minh Phương đi học lại, Tí kể ngay câu chuyện khủng khiếp đó cho nó nghe. Nó cười hì hì:

"Đó thấy chưa, tui nói đâu có sai. Mình bự là mình thắng".

Nó ngẫm nghĩ một chút, rồi nhìn Tí thán phục:

"Nhưng mà Tí mạnh thiệt đó. Tui không làm được đâu nghen. Làm sao đẩy một cái mà nó chảy máu được?"

Tí cũng không hiểu tại sao. Chỉ biết từ đó trở đi Ly không bắt nạt Tí nữa. Nhưng giá mà nó có đánh Tí, thì Tí cũng không dám đụng đến người nó nữa đâu. Tí sợ mình lại làm cho nó chảy cái máu màu cam đó./.

Cáo lỗi: Vì số trang có hạn, một số bài quí văn hữu gửi về để đăng trên số Tết Nhâm Ngọ 2002 đã phải gác lại cho số Tân Niên (phần truyện dài Tình Khúc của Hoàng Chính và một số bài không liên quan trực tiếp đến chủ đề Tết). Xin cáo lỗi cùng quí văn hữu.

Đối gương

Đỗ Quỳnh Dao

Cuối cùng chị quyết định nói với anh. Những điều này chị thấy đã từ lâu, dạo hai con còn bé, nhưng chỉ mới loáng thoáng trong đầu thì chị vội vàng bứng ra, rồi không biết từ lúc nào lại lớn vởn quay về hành chị. Thoạt tiên, như trên bản âm ngâm trong nước rửa, từng đường nét lượn lờ rõ dần và lần hồi hiện ra một người đàn bà với dáng đi xiêu xiêu như chực ngã. Đừng hòng tìm ra một cảm xúc hay một ánh nói khi nhìn thẳng vào mặt bà, chỉ là chiếc mặt nạ sáp với hai hõm mắt thờ ơ không hồn. Người đàn bà, như những người khác, cũng đi, đứng, ăn, uống, nói, cười, nhưng mọi động tác đều đặn không khác người máy được bấm nút điều khiển. Bà có mặt tại đây, nhưng bà không ở đây, mà mãi tận đâu đâu, một chốn xa xôi nào đó mà con người như đông cứng thành đá.

Anh sẽ phản ứng ra sao khi nghe chị nói. Một tia nhìn thương hại, một nhếch miệng khinh miệt, hay đơn giản hơn, không để tai nghe chị. Cách nào cũng làm chị đau đớn xót xa. Nhưng đó là khi xưa, còn bây giờ mọi cảm xúc trơn trượt trên chị không mảy may bám vào. Như vốc cát chảy qua hở tay. Như mười mấy năm vợ chồng sống chung. Thật ra có nghĩa gì đâu mười hai năm vợ chồng, cùng lắm chỉ dày nặng bằng vạt lụa như người ta vẫn gọi sinh nhật mười hai năm đám cưới là lễ cưới lụa.

Chị mở cửa bước ra ngoài ban-công. Chiều tháng sáu dài thượt như muốn lấn lướt đêm. Đã ngoài 9 giờ tối mà trời vẫn còn sáng, tuy không rạng rỡ nhưng cũng không đến nỗi tái úa nhòe nhoẹt. Chị thích khoảng thời gian này, từ lúc áo trời lập dị diêm dúa cho đến lúc ôn nhu trang nhã một màu xanh xám. Bầu trời lúc đó như của riêng chị và vầng trời lặn luôn là người bạn thân dang rộng tay đón chị để nghe tỉ tê tâm sự. Một con chim từ đâu bay xà đến bên hồ cá, vục chiếc mỏ vàng uống nước ừng ực. Nó ngửng cổ lên nghe tiếng bạn kêu rối rít giục mau trở về tổ. Bên này

vừa chíp chíp chíp gọi thì bên kia đã qui qui qui trả lời, lũ chim ăn ở với nhau thật có tình lúc nào cũng có đôi có bạn. Không khí bát đâu nhẹ nhàng dễ chịu. Từ bừng sáng cái nóng đổ lửa bất thường với thời tiết tự dưng nổi hứng trút xối xả. Cây cỏ ủ rũ héo xèo như cô gái lỡ thì đợi gợn gió mơn man trêu chọc. Chú ong mọi khi vẫn lấm lời, nay dậu thừ bên khóm oải hương không vo ve nổi một tiếng. Bọn kiến thường ngày siêng năng đi kiếm ăn đang tụm năm tụm bảy trốn nắng dưới gốc hồng. Thiên nhiên còn vậy, nói chi đến người, ai nấy cũng rin rít mồ hôi, hầm hập như sắp nổ. Chiều đến mang theo cái thoáng mát vỗ về. Thở phào khoan khoái.

Chị vặn vẹo người và ưỡn ngực hít đầy. Thở ra thật chậm hít vào thật dài, như để mở toang chiếc cửa đóng kín không gian sống ngột ngạt, như để tống tháo những bức xúc trói xiết chị đến ê ẩm. Trong đó chật hẹp, ngoài này rộng thoát. Trong đó trói buộc, ngoài này thong dong. Lằn ranh giới mỏng nhỏ nhưng rõ rệt có thật dễ dàng bước qua không? Cuộc sống của chị nhìn bên ngoài thật trơn tru phẳng lì, nhưng bên trong là dùm rối chằng chéo những ước mơ, ẩn ức và tương quan lực lượng giữa hai vợ chồng. Gỡ một mối thì kéo theo cả nùi, như nùi tóc vướng trên lược.

Bóng tối lao xao rớt trên tường nhà, tô đậm từng mảng sơn loang lở. Vài đốm sáng bám víu đây đó nơi cửa kính đang tan đần thành những chấm li ti. Trong chậu đất kê sát ban-công, cây quít kiểng sung sức thả xuống từng chùm trái chín màu gạch tôm lẫn vào những búp trắng đang chen chúc bên cạnh dăm bạn lá xanh biếc. Thoang thoảng hương hoa quít tỏa nhẹ như đang thầm thì kể chuyện.

Kể chị nghe khoảng thời gian cũ ngọt lịm nụ hôn đầu đời. Dạo đó hai vợ chồng chị rạng rỡ như Chàng và Nàng trong tiểu thuyết tình ướp nước hồng. Họ lấp lánh sáng ngời hạnh phúc. Làm sao mà họ không sung sướng hạnh phúc, khi hiện tại và tương lai họ có nhau?

Chị say đắm nghe anh bàn chuyện tương lai và nuốt chửng từng lời nói một. Tính toán nào của anh cũng hay, quyết định nào của anh cũng đúng. Anh dự trù, kế hoạch, sắp xếp mọi việc không sót một chi tiết, từ tên của những đứa con họ sẽ có, cho đến màu giấy dán tường của căn nhà tương lai, luôn cả cách chị trang điểm, và những điều chị "được hay không được quyền" làm. Anh không nói ép buộc cấm đoán, đời nào anh nỡ làm vậy, anh chỉ bâng quơ thả vài lời "khuyến khích" trong câu chuyện:

-Em cứ tiếp tục đi học xong cái bằng cho anh...

hay

-Anh thấy chơi với bạn em chỉ mất thì giờ, chẳng được cái gì cả. Để anh giới thiệu em với các bạn anh, họ hay hơn gấp mấy, và giúp mình học

hỏi rất nhiều...

Và chị răm rắp nghe theo, mắt dán chặt lên đôi mày rậm của anh đang dãn ra hả hê thỏa mãn. Mắt anh cũng mê mẩn nhìn chị nhưng người đàn bà anh thấy không phải là chị mà một người khác do anh vẽ ra, nhào nặn, và vô khuôn theo ý.

Mỗi bữa sáng thức giấc đều giống nhau, hôm nay là bản sao của hôm qua và ngày mai lặp lại y hệt hôm nay. Cái đều đều hàng ngày ấy không để lại một tý bụi nhàm chán nào trong cuộc sống của họ ba năm đầu. Anh vẫn duy nhất nắm chân lý, và chị vẫn ngoan ngoãn tùng phục. Có thể chị sống những điều chị không chấp nhận nhưng chị cũng không từ chối. Chị sống mê mê tỉnh tỉnh như người máy. Khi lấy chồng, chị đã mất cái tên do cha mẹ đặt. Nay chị mất luôn cá tính và chỉ còn hiện hữu qua anh, mặc chiếc áo anh thích, chải kiểu tóc anh thích, ăn món ăn anh thích, đọc quyển sách anh thích, giao thiệp với những bạn anh thích. Chị trở thành món đồ của riêng anh.

Theo dự tính của anh, họ sẽ có con khi chị học xong. Đầu năm, anh đưa cho chị mớ tài liệu chỉ dẫn cách ăn uống để sanh trai hay gái theo ý muốn:

-Tháng sáu này em ra trường, mình bắt đầu làm em bé bây giờ là vừa. Kỳ này cố sanh cho anh thằng cu nhé, rồi ba năm nữa cho nó đứa em, lúc đó em trai hay gái gì cũng được.

Chị ấp úng, như lóe sáng nhắc nhở" tôi cũng có mặt":

-Hay mình đợi một hai năm nữa hãy có con, để em đi làm vừa lấy kinh nghiệm vừa dành dụm thêm tiền, lúc có con thì thoải mái hơn. Hai đứa mình còn trẻ mà anh.

-Không, mình phải có con liền. Như thế, đỡ bị chênh lệch tuổi tác với con cái về sau.

Chị vớt vát:

- Sợ đợi con lớn mới xin đi làm thì khó đó.

Đôi mày rậm nhướng lên hiu hiu:

-Tại sao lại đi làm? Đàn bà thì phải ở nhà lo gia đình chứ. Còn vụ tiền bạc em không cần lo anh đã sắp xếp đâu ra đó cả rồi, thằng cu một tuổi thì mình mua nhà. Không ở trong cái chung cư lụp sụp này nữa, đến thang máy cũng không có.

Giọng nói trầm xuống, hệt lúc anh giới thiệu chị cùng bạn bè-đây là bà xã tôi- trong lúc đôi mắt hấp háy như hàng chữ néon sáng rực trên bảng hiệu quảng cáo: có thấy không...(chớp chớp) vợ tôi...(chớp chớp) vừa ngoan...(chớp chớp) vừa xinh...(chớp chớp) vừa có học...(chớp chớp)

-Người đàn bà không cần đi làm nhưng phải có học, có bằng cấp để

người ta kính trọng!

Lóc sáng tất ngúm và sự có mặt của chị tan biến trong chốc lát: chị đã góp ý kiến, anh đã nghe và quyết định. Xong.

Và họ có con năm đó, không phải một con mà một cặp tiên đồng ngọc nữ. Ở nhà hai bên nội ngoại vui mừng sung sướng. Điện tín gởi qua tới tấp. Bà nội dặn: -cố cho hai đứa cháu đích tôn bú sữa mẹ. Bà ngoại nhắc: -cố nghỉ ngơi thật nhiều để có sức nuôi con. Trong mười ngày ở bệnh viện, chị làm đúng theo lời họ, chỉ nằm dài ngắm tiên đồng ngọc nữ no nê với hai trái vú căng cứng của mẹ. Chị sống cùng thời khóa biểu với con, cho bú *à la demande*, con đói lúc nào thì cho ăn lúc đó, theo lời khuyên của anh - để chúng nó ngủ đừng đánh thức tội nghiệp.

Hôm anh đón ba mẹ con về nhà, chị tíu tít:

-Anh để em lo, anh đi mua tã cho con giùm em. Nhớ lấy hiệu... nhé, em thấy ở bệnh viện người ta dùng đó.

-Đâu có được, anh phải ra sở bây giờ.

Chị ngạc nhiên:

-Anh không lấy ngày nghỉ ở nhà giúp em mấy hôm đầu sao?

Đôi mày nhíu lại thành một rãnh sâu nơi trán:

-Mấy ngày nghỉ "có con" của sở tặng thì đã lấy hết hôm em đi sanh rồi, bây giờ chỉ còn hai tuần, một tuần để đi trượt tuyết còn tuần kia thì làm *planche à voile*. Cũng phải để anh làm thể thao cho khỏe chứ!

Tiên đồng ngọc nữ được mười ngày thì đã biết nằm xe đẩy theo mẹ đi siêu thị sắm sữa. Già thêm một ngày nữa thì làm quen với thịt cá rau cải tươi vì cha chúng nó ứ hự trước mâm cơm:

-Anh ớn ăn mấy thứ em nấu sẵn đông lạnh quá rồi. Chịu dựng cả chục ngày từ hôm em đi sanh rồi chứ ít ỏi sao!

Buổi tối đi làm về, anh ôm ngực thở dốc:

-Anh mệt quá, sợ bệnh nằm xuống không biết làm sao mà nuôi con dây.

Chị hỏi gặn thì hay anh mất ngủ vì chị dậy lúc con khóc đêm đòi ăn. Anh thòng một câu vô tư:

- Hay em dọn vô phòng ngủ với con vài hôm cho anh lại sức.

Và lăng xăng vô phòng của con, trải tấm nệm mút dưới đất giữa hai chiếc nôi giùm chị. Anh đóng cửa phòng ngủ lại sức suốt hai tháng, cho đến khi tiên đồng ngọc nữ bắt đầu ăn bốn cữ.

Buổi tối đi làm về, anh bế con nựng trây trất:

-Ơ ơ tội nghiệp con của ba, bú sữa mẹ chưa đầy nửa tháng thì đã bị "mẹ bắt" ăn sữa bò rồi. Hồi xưa, bà nội nuôi sáu con mà người nào cũng được bú năm sáu tháng mới dứt. Ơ ơ sữa bò dở lắm đâu có ngon bằng sữa

mẹ, ba biết mà...Em ơi, thằng cu nó dơ rồi, lo thay tã cho con đi, đừng để nó bị hâm đít rồi bị lở bây giờ.

Anh bế con trở lại võ nôi và ra ghế bành ngồi soải chân đọc báo. Chị đặt con dao đang thái dở trên thớt và rửa tay sửa soạn đi thay tã cho tiên đồng.

Trên hai ghế bố kê sát góc bếp, tiên đồng ngọc nữ tròn xoe mắt nhìn mẹ tráng bánh cuốn. Thỉnh thoảng cười khanh khách khi mẹ quay lại đả đớt nói chuyện cùng, rồi tiếp tục đưa bàn chân nhỏ xíu đút vô miệng. Nơi bếp lửa, chị thoăn thoắt cuốn tròn từng chiếc bánh mướt mịn và đặt vào đĩa sứ bên cạnh. Sáng nay khi sửa soạn đi làm, anh đã ao ước ăn bánh cuốn tráng bằng hơi vừa dẻo vừa mềm chưa kịp nuốt đã chạy xuống cổ. Phải hiểu ao ước của anh đồng nghĩa với mệnh lệnh, mệnh lệnh ngọt ngào như mật ong gắt sẳng nơi cổ.

Ngồi một chỗ bắt đầu chán, tiên đồng khóc ré đòi bế. Chị buông chiếc nẹp tre nạy bánh và rửa tay đến dỗ con. Ngọc nữ bắt chước anh cũng thút thít đòi mẹ. Một tay bế tiên đồng một tay xoa đầu ngọc nữ, chị loay hoay thế nào mà hất đổ rổ rau luộc vừa vớt ra để làm súp cho con.

-Trời ơi!

Tiếng kêu bật ra cùng lúc với giọt nước mắt lăn tròn trên má. Tiên đồng ngọc nữ thương mẹ, nín khóc không vòi quấy nữa. ...

Anh vẫn bảo chị không biết tổ chức. Chỉ cần biết tổ chức thì mọi việc đâu sẽ vào đó. Tổ chức, hai chữ này nhan nhản trong các tạp chí phụ nữ, Elle, Marie Claire... Chỉ cần mở ra đọc vài trang thì sẽ biết thế nào là tổ chức, tổ chức để làm hết những việc phải làm trong ngày và ...để làm nhiều hơn nữa.

-Chứ những người khác họ làm sao? cũng nhà cửa cơm nước con cái, đã vậy người ta còn xinh đẹp thoải mái, đâu có như em hớt hải rũ rượi, lúc nào cũng lật đật như con vụ.

Những người khác anh nhắc đến là những người đàn bà thấy mỗi ngày, trên truyền hình trong mục quảng cáo, luôn luôn vui tươi thong thả dù cho họ đang đẩy máy hút bụi hay đang vò giặt chiếc áo. Không thấy họ ì ạch đẩy con trong xe lủng lẳng những túi nặng trĩu, không thấy họ thở dốc khi lên xuống ba tầng lầu để bế con và bê từng bịch thức ăn vô nhà, không thấy họ hổn hển cúi rạp xuống kỳ cọ bồn tắm lau rửa sàn nhà. Những người đàn bà ì ạch, hổn hển, tất bật này thuộc về đám đông vô danh không được ai để ý nhắc nhở. Lúc trước chị đã từng gặp và giúp họ, giữ đùm cánh cửa nặng, nhấc phụ chiếc xe con nít...chị nhìn nhưng không thấy họ, như thể họ thuộc về một thế giới khác. Nay chị nhập bọn và sống chung thế giới với họ. Chị như họ, cũng mỗi sáng đứng giữ chiếc giẻ bám

bụi nơi cửa sổ có treo màn vải ca rô hồng, cũng chất chiu cất từng phiếu trừ tiền -hai hay ba đồng- trên một hiệu cà phê hay thuốc giặt, cũng làm ngần ấy động tác ở nhà -lau chùi giặt giũ cất gọt-, cũng đẩy con loanh quanh trên ngần ấy con đường đến chợ, công viên, bác sĩ, tiệm thuốc. Chị giống họ, dù có quần quật xốc xếch trong ngày nhưng đến chiều cũng cố lột xác ra vẻ tươi tắn thong dong, như suốt ngày thơ thẩn rảnh rỗi không làm gì ngoài chơi với con. Tất cả chỉ để được nghe anh huýt sáo trong phòng tắm bóng ngời men sứ không bám một chấm bụi cạo râu, để được nhìn anh nựng nịu tiên đồng ngọc nữ thơm tho khấu khỉnh. Để được thấy anh hài lòng, thế là đủ.

Làm sao mà anh không hài lòng khi chị rập theo lời anh, những lời luôn mở đầu bằng -*em phải, em nên, em nhớ.*

...

Anh nằm dài trên sô-pha nhâm nhi ly rượu khai vị vàng óng. Bên cạnh trong chiếc *parc*, tiên đồng ngọc nữ giành nhau chí chóe con gấu bông rồi giận dỗi ngồi bấu tay vô thành lưới khóc nức nở. Men rượu loãng đi trong tiếng khóc và ngụm rượu thoắt chốc lạt thếch như nước máy. Đôi mày rậm chùng lại thành một vệt bực bội.

-Em ơi, con khóc khan cổ hết rồi kìa. Làm gì suốt ngày mà giờ này chưa cho ăn. Đã nói là trẻ con cần ăn ngủ đúng giờ đúng giấc.

Anh đã vật lộn tám tiếng ngoài dời để kiếm sống, đã chơi với con trong mười lăm phút -mười lăm phút âu yếm cần thiết trong ngày. Như vậy là đầy đủ bổn phận chồng cha. Bây giờ anh cần nghỉ yên, giấc nghỉ của người chủ, người chúa trong gia đình.

Chị dặt mâm cơm lên bàn cho anh nơi phòng khách rồi quày quả bế con xuống bếp cho ăn để kịp dỉ ngủ lúc tám giờ. Anh cũng cần ăn ngay vì không muốn mất một hình ảnh nào trong mục tin tức trên đài truyền hình bắt đầu cùng lúc con vô giường. Anh không ăn trong bếp vì mất như bị xốn nhức mỗi khi thấy tiên đồng ngọc nữ hất tung tóe để "khám phá" vốc mì chan sốt cà hay "tìm hiểu" bụm rau dền tán nhuyễn (anh vẫn dặn chị để con tự do khám phá tìm hiểu thì chúng mới thông minh). Cũng như mũi anh bỗng dị ứng ngứa ngáy lúc con dơ trong tã, nên "dành" nhắc chị phải thay con liền kẻo bị hâm.

Chị thu dọn mâm cơm anh vừa ăn hết sạch. Âu yếm hỏi:

-Bữa nay anh ăn thấy ngon miệng không?

-Bở rẹt. Đói quá thì phải ăn chứ sao!

Chị không ngạc nhiên với câu trả lời. Cũng chỉ lẩn quẩn mấy chữ: bở rẹt, dai nhách, mặn chát, lạt thếch, chua lè, ngọt lợ...không có gì mới lạ. Thói quen của anh là chê, dù cho anh ăn rất ngon miệng. Thật ra, nếu thức

ăn dở, anh đã bỏ đũa đứng dậy lấy một trái táo hay khoanh bánh mì khô và dằn mặt chị nhẹ nhàng:

-Chỉ làm cơm mà cũng không xong thì còn được tích sự gì nữa.

Anh chê, như đó là cái lệ, để chứng tỏ anh là người chỉ huy trong mọi việc. Chị làm một mình nhưng vẫn có anh đứng sau kiểm soát.

Đừng quên chùi tấm gương trong phòng tắm lấm tấm những giọt nước khô kẻo miệng anh mím chặt rít từng tiếng một:

-Nhà với cửa, chỉ được cái bầy hầy.

Nhớ giặt liền quần áo dơ của con vừa mới thay ra để hai ngón tay cái, trỏ của anh không kẹp và giơ lên trong lúc ngón út chĩa ra:

-Cái gì đây?

Như thể sự có mặt của "cái gì đây" là một điều phi lý không thể chấp nhận. Đừng hòng một chi tiết nào thoát khỏi, anh có mặt ở mọi nơi, trong mọi chuyện, nhất là chuyện nuôi con. Chị nuôi con, lo cho con một mình, nhưng luôn luôn dưới sự giám thị của anh, sự giám thị dựa trên bốn trăm trang dày cộm của quyển *J'élève mon enfant.*

-Hôm nay em có đưa con ra công viên hóng nắng không? -Tuần này em cho con ăn ngò tây mấy lần? (anh thuộc lầu từng chương một của sách và ở trang ... có nói ngò tây rất nhiều sinh tố C)

-Tại sao con bị trầy? em làm gì suốt ngày không trông con để nó "bị thương"? Anh chê, như đó là cái lệ. Chị hỏi, tuy đã biết trước câu trả lời. Đó cũng là thói quen.

Theo đúng kế hoạch, họ mừng thôi nôi của tiên đồng ngọc nữ ở nhà mới. Căn nhà với ba phòng ngủ và khuôn vườn nở hậu trở thành trọng tâm họ xoay chung quanh. Nhà mới xây nên từ trong ra ngoài, đâu đâu cũng sạch bóng và trơ trụi. Anh quay tít trong cơn lốc trang hoàng. Bây giờ, ngôn ngữ của anh vắng đi tiếng *-em phải, em nên*...để chỗ cho những từ khác, gần thiên nhiên hơn, *gỗ thông, sồi, giẻ gai,* hay hiện đại hơn, *stéréo, dolby*...Mỗi chiều sau giờ làm việc, anh không về nhà liền như mọi khi, mà đi rảo các tiệm bán phụ tùng nhà cửa. Không phải tiệm nào anh cũng ghé, -But, bình dân quá!, *-Ikea,* xoàng!, chỉ có *Roche Bobois* sang trọng đắt tiền mới xứng với nhà anh. -Mình kê bộ xa lông ở đây, chỗ này dành cho dàn máy nhạc. Còn bên nay thì tủ kính. Đằng kia vừa vặn cho bộ bàn ăn mười hai ghế...À, có bộ giường ngủ đẹp lắm...

Chị ấp úng chen vào:

-Hay mình để từ từ, mấy thứ đằng nhà cũ vẫn còn tốt, chỉ sắm cái gì cần thiết liền thôi.

-Trời ơi, cái mớ "rách" đó mà em đòi chưng ra ở nhà mới à? Phải thay hết. Cái nào mà lại không cần thiết.

-Không phải, em muốn nói máy giặt đó anh.

-Chỉ ngâm rồi vò, xả chứ có gì đâu mà phải máy giặt . Đã không cần thiết mà còn tốn điện tốn nước nữa!

Anh trả lời chị, mắt không rời quyển sách mẫu mới lấy từ tiệm bàn ghế về. Bộ xa lông thơm nực mùi da vừa mới nằm yên ắng thì đã có bạn tủ bàn ghế bằng gỗ hồng lục tục kéo về. Cũng trong tháng đó, bộ giường ngủ mua lúc mới cưới được khuân bỏ vô nhà chứa. Tiền trong quỹ tiết kiệm phi nước đại vô những thứ "cần thiết phải sắm để thay thế mớ rách" ở nhà cũ mang lại. Cùng lúc, món nợ trả góp cho tấm thảm Ba Tư hớt ngấn tiền lương tháng và xén thẳng thừng những trầm trồ săm soi của anh. Không còn những chiều đi rảo các tiệm, không còn những tối chúi đầu trong sách mẫu. Cũng không có đôi mày rậm chùn lại, cơ hàm bạnh ra hay miệng rít chặt. Chỉ là nét chảy trên gương mặt thiểu não và tiếng thở dài thườn thượt. Anh ra vô than thở với bạn bè trước mặt chị:

-Ông thì khỏe rồi, hai vợ chồng đều đi làm, đâu phải như tôi, một mình cáng đáng hết. Vừa lo vợ con, vừa lo cha mẹ mà luôn cả gia đình cô em vợ cũng phải gánh.

(Lần đó, cô em út của chị lấy chồng, chị có xin anh một số tiền nhỏ để mừng em.)

-Chú sướng quá, có vợ đi làm nên rủng rỉnh tiền tha hồ mà sắm máy tốt.

Kỹ thuật dụng ngôn của anh thật tài tình. Chỉ bâng quơ vài tiếng, phơn phớt vòng ngoài nhưng cũng đủ ghim phập vào tâm lý của chị, gậm nhấm mặc cảm vô tích sự đã không giúp chồng mà còn thêm báo hại. Chị thỏ thẻ với anh, như đứa trẻ biết lỗi:

-Hay em đi tìm việc làm, đỡ đần anh một tay?

Anh không trả lời và thật lâu sau mới ậm ừ. Như thể khó khăn lắm.

-Thôi thì tùy em.

và chấm câu thật tình nghĩa:

-Như vậy cho em đỡ nhức đầu, anh thấy em cứ tính toán so đo từng đồng một, thật là tội. Có tiền thì mình đi sắm máy cho em khỏi giặt tay nữa.

Có vài thay đổi cho gia đình khi chị đi làm. Chị bớt vật lộn với mấy con số chi tiêu và đỡ cực trong chuyện giặt giũ. Anh tậu nhanh chóng dàn Hi Fi trội hơn cả dàn máy của người bạn mà trước đây anh vẫn ao ước thèm muốn. Chỉ tội cho tiên đồng ngọc nữ phải dậy sớm theo mẹ đến nhà giữ trẻ và ở lại đến tối mới được về nhà. Ngoài ra không có gì khác xưa. Anh đi làm về vẫn thoải mái soải chân trên sa lông, tay cầm ly rượu mắt vuốt ve từng món anh đã chọn mua cho thật xứng với căn nhà mới. Chị

tiếp tục làm những việc vẫn làm lúc trước, ...sau khi tan sở đón con về. Thật ra tại sao lại phải khác xưa? vì chị đi làm nên phải khác xưa? chị đi làm là tự ý chứ có ai ép buộc gì. Không, không có gì khác cả. Không có em làm cơm anh rửa chén, cũng không có em ủi quần áo anh làm vệ sinh nhà. Khuôn cũ đã có, nếp cũ đã sẵn, trật tự cũ đã ấn định. Chấm hết. Đừng để đôi mày rậm của người chủ cau lại, đừng để cơ hàm của ông chúa bạnh ra.

Dòng sống của họ tiếp tục trong ngôi nhà mới xinh xắn, trong cùng một nhà nhưng như hai nhà khác biệt. Nhà của anh là nơi anh thong dong phơi phới nhìn đâu đâu cũng sạch sẽ ngăn nắp. Nhà của chị là nơi chị luôn luôn hối hả. Hối hả bắt đầu "một ngày" thứ hai sau giờ tan sở, hối hả đón con, hối hả dọn vô tủ mấy bịch thức ăn vừa mua trên đường về, hối hả tắm con, hối hả làm cơm tối, hối hả cọ chùi, hối hả quét dọn, hối hả..., hối hả... Lúc nào cũng hối hả.

Nơi bàn phấn, những thỏi son nằm ngổn ngang, đầy ắp trong chiếc hộp bằng thủy tinh. Chị mân mê xoay nắp mở ra, có thỏi đang xài dở, có thỏi đã cùn và in dấu móng tay cố vét son, và cũng có thỏi còn nguyên chưa đụng tới. Chị có thói quen giữ lại tất cả như để sưu tầm. Sưu tầm cảm xúc và tâm thức của mình trong thời gian. Để khi nhìn lại, ở từng thỏi son hiện ra những khúc sông của con thuyền đời. Hồng nhạt cô gái mới biết yêu, đỏ ửng cam rực rỡ những năm đầu lấy chồng, hồng ngả tím thăm thẳm tình mẹ, và đỏ cặn rượu dấng chát cõi lòng.

Chị dốc một tý sữa rửa mặt vô lòng bàn tay và xoa nhẹ lên mặt. Lớp sữa trắng đục vẽ từng vòng tròn đều đặn như cuộc sống của người đàn bà đang nhìn chị trong gương bàn phấn. Người đàn bà này thật đầy đủ: chồng con, nhà cửa, việc làm. Chị lấy miếng bông lau sạch. Người đàn bà vẫn ở trong gương, mặt bây giờ trần trụi không còn vết phấn son. Chị hỏi bà:

-Bà sung sướng và hạnh phúc lắm phải không?

Người đàn bà nhìn chị im lặng nhưng mắt bà nói thật nhiều:

-...Tôi đã từng hỏi mình đã làm được những gì mình mong muốn yêu thích, những gì chỉ cho mình, chỉ vì mình. Hình như lúc nào cũng trì kéo, chờ đợi, hoãn lại đến ngày mai sẽ, tháng tới sẽ hay một dịp khác sẽ. Tôi đã từng mơ và khi tỉnh dậy, không biết giấc mơ này của mình hay ai khác đã mơ giùm. Chỉ là giấc mơ nhỏ thôi nhưng sao quá xa tầm. Và bao nhiêu lần thấy mình bồng bềnh chao đảo bên vực sâu, bao nhiêu lần sợ hãi vì cảm giác thiếu vắng không trọn vẹn, què cụt mọi ý chí ước nguyện. Nhưng rồi tôi cũng đã gạt hết những bất an lấn cấn, tiếp tục như thể rất hài lòng thỏa mãn, như mọi sự đều tốt đẹp, như những ngày tháng qua chỉ là tờ nháp sửa soạn cho những ngày tháng tới hay hơn. Như vậy... có phải là

hạnh phúc sung sướng không?

Chiều nay, như mọi chiều thứ sáu được tan sở sớm, chị ghé siêu thị mua bán trước khi đi đón con. Đến trường cô giáo cho hay ngọc nữ bị té trặc chân, nên đã báo tin với anh vì điện thoại mà không gặp chị ở chỗ làm. Trên đường về chị đi như bị ma đuổi, nóng nảy hơn lửa đốt, đau xót hơn kim đâm. Thở phào khi thấy mấy cha con quây quần với nhau. Ngọc nữ nũng nịu:

-Mẹ ơi, ông bác sĩ chụp hình cái chân và cho con nghỉ học mấy hôm. Ổng dặn con đi chậm chậm chứ đừng chạy.

Chị ôm con và hỏi tới tấp:

-Con có đau nhiều không? Bác sĩ nói có sao không anh? Chụp hình có thấy bị gãy không?

Anh đứng dậy không trả lời, với lấy chùm chìa khóa xe trên bàn. Ra đến cửa, anh quay lại nói với con trai:

-Con vô lấy bánh mì khô ăn với sữa đi, nhớ làm cho em luôn. Bây giờ phải tập lo cho nhau, chứ mẹ không lo cho đâu, tham tiền bỏ con đi làm thì giờ đâu nữa mà ngó ngàng đến gia đình!

Tưởng đã nhàm quen với những lời khó nghe, nhưng chỉ một câu nói của anh đủ đánh chị tê khuỵu. Không hằn học lên giọng, chỉ lơ lửng gió thổi mây bay, và từng lời nhả ra như viên đạn đục xoáy tim. Sự tàn nhẫn sao lại dễ dàng như thế? Sự phũ phàng sao lại thừa mứa đến vậy? Hay đối với anh, mất đi một tý thời gian của cuộc họp bạn rất quan trọng, đến nỗi anh phải thốt ra những lời đắng cay nặng nề?

Mỗi chiều thứ sáu anh vẫn đi họp mặt với các bạn "xoa" đến sáng trắng. Chị vừa hó hé ngăn cản thì anh đã phang một câu chắc nịch:

-Chỉ biết cần nhằn. Cờ bạc, rượu chè, mèo mỡ, một trong ba em tự do chọn. Cũng vừa phải thôi, để người ta sống với chứ. Anh đi "xoa", ít ra em còn biết anh ở đâu, khỏi mất công tìm kiếm lung tung!

"Em tự do chọn", chị được thêm một tự do khác, bên cạnh cái tự do mơ mộng siêu hình đã có từ xưa nay.

Chị vẫn yếu ớt như tơ tằm, dễ gẫy như lá khô. Chị lầm khi tưởng mình đã bọc thép, kiên cố, chai cứng,... sau lần đó. Lần đó..., chị mong không một người đàn bà nào có lần đó như chị. Lần đó là một ngày đen. Đen như sáng sớm mùa đông, đen như con đường chị một mình lủi thủi đến bệnh viện, đen như chiếc áo chị mặc để tiễn con.

...

Chị nằm trên băng ca ở cuối hành lang, đợi người y công đẩy vô phòng. Cửa phòng mở đóng kín bưng, không một bóng người ra vô. Hai tay chị vuốt nhè nhẹ trên bụng như người mẹ xoa lưng con dỗ ngủ.

Ầu ơ ví đâu ...ngủ đi con ngủ cho thật say, để đừng biết những gì đợi con bên kia cánh cửa.

Ầu ơ ví đâu...ngủ đi con ngủ cho thật nồng, để đừng hay mẹ thuộc làu giờ giấc định đoạt số phận con.

Ầu ơ ví đâu...ngủ đi con giấc ngủ chín muồi, để đừng hay để đừng biết và để đừng đau đớn với nụ tim sáu tuần vừa chớm đập. ...

Bây giờ mấy giờ rồi? Sáu giờ nhập viện, tám giờ mổ, trên giấy hẹn có viết rõ ràng. Trong hành lang của sự chết, từ những phòng ở tuốt đâu kia oe oe tiếng trẻ sơ sanh khóc đòi bú. ... Thuốc mê đã tan nhưng chị vẫn nằm bẹp, mềm nhũn như bông trong chiếc áo ngủ phong phanh của nhà thương... Phải chi có anh bên cạnh. Nhưng chỉ ao ước thôi chứ dâu dám đòi hỏi, hôm nay anh đã đặc biệt đưa đón con đi học giùm chị rồi. Vả lại, chắc gì tình vợ chồng đủ dài bằng mười lăm phút xe hơi từ sở anh đến bệnh viện?

Buổi tối, khi hay tin chị có thai, anh phun ra một câu não lòng (quên mất anh đã không kịp "cẩn thận" tuy chị có nhắc nhở)

-Chỉ có cái tử cung mình mà không quản lý nổi thì còn làm gì được nữa.

Những ngày sau đó, anh chiếu trở lại cuốn phim than vắn thở dài như thể có đứa con thứ ba là một sự bất công.

-Trời ơi sao lại phạt tôi? Tôi đã làm gì mà ông lại đối xử như thế này.Tôi phải làm sao đây?

-Đâu có sao anh, mình còn trẻ mà, dâu có sợ chênh lệch tuổi tác.

-Em biết gì mà nói. Làm cha mẹ thì có trách nhiệm lo cho con đầy đủ.

-Lẽ đĩ nhiên rồi, mình sẽ lo cho con đầy đủ như anh chị nó vậy.

Đôi mày rậm quắc ngược giận dữ vì chưa gì chị đã dám hành xử như "nó" là đứa con thứ ba, ngang hàng với tiên đồng ngọc nữ.

-Đợi anh vẽ ra em mới hiểu là anh không muốn có con nữa hay sao? Em không hiểu hay em không muốn hiểu?

-Nhưng mà...

Anh hết lên ngắt lời chị:

-Anh lập lại lần chót, anh không muốn đứa con này.

và gằn mạnh từng chữ một:

-Em nghe chưa, Anh-Không-Muốn-Đứa-Con-Này.

Chị lắp bắp run rẩy:

-Như vậy...em phải...?

Im lặng như tờ. Im lặng nặng chịch giọt nước mắt chị khóc cho cõi lòng tan nát. Im lặng nhẹ phào những ý nghĩ trong đầu anh được chị thốt

thành lời..

Lâu sau anh nói:

-Đó là em quyết định chứ không phải anh. Em lấy trách nhiệm một mình đấy.

Ôi trách nhiệm, nào có nặng trĩu như trái núi, mà chỉ nhẹ bổng như quả cầu để tung qua hất lại.

...

Giọt nước mắt ứa ra chảy dài trên má chị cùng lúc với đôi mày rậm của anh hiện ra nhăn dúm: -đó là em quyết định chứ không phải anh. Đó là em quyết định, đó là em quyết định, đó là em quyết định. Văng vẳng từ đâu tiếng trẻ kêu thảng thốt: -Mẹ ơi, sao dành lòng?

Chị nhìn người đàn bà trong gương và hỏi tiếp:

-Hôn nhân là gì? là sự nhập trùng hài hòa của hai kẻ yêu nhau, cùng chia sẻ và cùng xây dựng. Hay chỉ là một sự kết hợp khập khiễng của hai cuộc sống, với hai thân thể khít khao nhưng trống vắng giữa họ?

Người đàn bà trong gương vẫn im lặng. Mất bà giờ tất ngúm, còn lại chỉ là cái nhìn không hồn, không phương hướng. Bà thờ thẫn đứng dậy ra ngoài ban-công, bước đi xiêu xiêu như chực ngã.

...

Màn đêm trùm kín cây quít kiểng, đông lõa với hoa lá trái quấn quít nhau trong một màu đen thẫm. Tất cả ngủ yên, từ bọn chim ủ nhau trong tổ cho đến lũ côn trùng cũng phì phò ngáy quên nỉ non rỉ rả. Hương hoa quít lim dim, thôi thì thào kể lể. Chỉ có sương khuya ngậm ngùi tưới ướt tay áo chị. Chị uể oải trở vô nhà, rùng mình nghĩ đến chiếc tủ đá sắp bước vào, chiếc tủ đá lạnh ngắt có đục khung cửa sổ treo màn vải ca rô hồng.

Đỗ Quỳnh Dao
Sceaux 05-11-01

J'élève mon enfant: của Laurence Pernoud, quyển sách gối đầu cho nhiều thế hệ cha mẹ lần đầu tiên có con.
But, Ikea, Roche Bobois: tên những hiệu bán đồ phụ tùng nhà cửa.
Parc: một loại giường cho trẻ con có bọc lưới chung quanh.

Thông báo địa chỉ website mới của tạp chí Văn Học
Kể từ tháng 11.2001, Văn Học mở thêm một website mới theo địa chỉ sau đây:
www.nhanvan.com/vanhoc.htm

Sứ giả

Hồ Đình Nghiêm

Chiếc quạt máy được tắt đi khi người đàn ông xuất hiện. Hơi nóng đổn tới từ căn bếp ám khói. Họ vừa ăn xong, những bức vách như còn lưu trú mùi chiên xào.

- Chúng ta lên sân thượng cho thoáng mát.

Người đàn ông nói. Ông ta khoảng năm mươi, hơi mập, giọng khan. Và chắc chắn ông là gia chủ. "Chúng ta" gồm có ba người, vợ chồng ông đi trước và tôi nối gót theo sau họ. Những bậc cấp giam giữ bóng tối, hai ba cái tách va vào nhau trên khay mà người đàn bà cầm. Tôi nghe và tôi nhìn đôi dép nhựa màu xanh tươi của người đàn bà phát tiếng đằng trước để giữ cho bước đi mình khỏi vấp té. Tôi hơi mỏi chân. Hôm nay tôi đi ngơ ngáo suốt ngày, và chỉ uống mà chưa được ăn. Nếu đến sớm, gặp bữa, không chừng họ đã mời tôi vài chén cơm? Tôi tự hỏi, họ có rộng lòng để chia sớt khẩu phần? Và tôi không tìm ra câu trả lời: Mình sẽ cắm cúi ngồi ăn hay làm bộ từ chối? "Đói cho sạch rách cho thơm". Ai nói lời kỳ cục ấy? Đã lâu rồi tôi chưa hề thấy qua một người sạch sẽ, một kẻ thơm tho. Ở mấy quán bia ôm, những tụ điểm mát-xa, lý ra những con bé hành nghề nơi chốn ấy phải có chút thịt da, y phục phải lụa là, thân thể phải bốc mùi như mít Tố nữ. Không, hoàn toàn ngược lại. Chúng nó đói rách, chúng nó dơ bẩn, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Sân thượng là khoảng xi-măng lộ thiên vuông vắn. Bốn bờ tường thấp che chắn bao bọc lấy cái mặt phẳng có hơi lồi lõm. Không phải là độ cao ngút ngàn, nhưng nhìn xuống đường phố chộn rộn người ngợm bên dưới cũng đủ bất gặp chút xây xẩm chóng mặt nằm đâu đó. Nếu vô phúc sẩy tay sẩy chân té xuống, có thể bể đầu dập mặt dễ như chơi. Điểm đứng này không thể là nơi mà người ta mưu toan một cuộc tự tử. Họ sẽ sống tàn tật và thần chết đứng khoanh tay cười trên sự xuẩn ngốc của kẻ buồn chán

cuộc đời.

Vài chiếc ghế xếp bằng gỗ dựng ở một góc, người đàn ông khom lưng lui cui bày biện ra giữa khoảng sân. Ba ghế cho người, một chiếc dành cho bình trà, ly tách. Buổi chiều đang thoi thóp ánh tà dương. Trời tím thẫm một chân mây, chỗ tôi ngồi ngó tới. Yên ả. Những thứ tiếng động ở dưới đường vọng lên nghe không đoán ra xuất xứ. Gió nhẹ mơn man, chẳng đủ sức làm rung động ít áo quần phơi trên một sợi dây thép căng ngang tầm mắt tôi. Tôi nhìn thấy chiếc quần lót co quắp, thứ hàng ny-lông trơn láng và chất liệu ấy có vẻ như dễ bắt ánh sáng. Nó không thể vừa kích cho người đàn bà đang rót nước kia. Nó nhỏ nhắn và tự thân nó như biết nói lên: Chủ nhân tôi là một thiếu nữ.

- Mời anh.

Người đàn bà trao cho tôi tách nước trà. Tôi đón lấy, nhìn làn khói mỏng váng vất và mũi ngửi ra mùi thơm mà nó xông lên. Những thứ họ có như ngầm khoanh vùng cái vị trí mà họ đứng. Cơ hàn, đói khổ tuồng như chưa từng lảng vảng tới gần họ, xâm thực lấy họ. Tách men trắng bóng lộn chưa sứt mẻ, mùi vị thanh ngọt của trà, áo quần che thân... đã thầm nói về điều đó, khá rõ ràng.

- Chắc anh đã hay biết ít nhiều về buổi sơ ngộ ngày hôm nay?

Người đàn ông nhập đề. Ông vừa uống trà, tách vơi phân nửa nhưng giọng nói vẫn khan. Cuống họng ông như có vật gì nằm vướng mắc bên trong. Nếu tôi là bác sĩ, tôi sẽ trả lời, mục đích buổi gặp gỡ này là ông sẽ tốn bộn tiền để nhờ tôi giải phẫu cái thanh quản bất bình thường kia.

Người đàn bà quan sát tôi, soi mói. Đó là ánh mắt của một người ngồi nhặt sỏi, thóc, sâu, mọt nằm lẫn trong gạo trước khi đổ nước vào, nấu chín những hạt ngọc trời cho. Tiêu đã từng làm công việc tẩn mẩn đó và tôi đã từng chứng minh sự bất cẩn của vợ khi nhổ nắm cơm xuống lòng bàn tay kèm theo một chiếc răng bị gãy đính máu lợn cợn. Tôi bị sún răng, thưa dần. Sau này tôi sinh ra thói quen ngậm kín miệng lại.

- Anh có thể nói đôi điều về anh cho chúng tôi nghe không?

Tôi ngó lên người đàn bà. Hoàng hôn đã rút lui, những bóng điện phía bên kia sông vừa thắp sáng con đường chạy hun hút về cửa biển đầy bóng tối. Những ánh đèn cháy không đồng đều, nhấp nháy, có vẻ tọc mạch.

- Ông bà muốn biết tới giai đoạn nào? Sông nước vẫn có đoạn đục đoạn trong.

- Tôi nghe anh đang sống độc thân. Chuyện gì đã xảy tới vậy?

Không ai lấy đống áo quần phơi trên giây xuống cất. Khi mẹ tôi còn sống bà vẫn luôn nhanh tay thu vén lấy chúng trước khi màn đêm buông

xuống. Sơ ý lỡ chậm tay, bà có cách giải quyết bằng cách trở ngược sống dao mà bầm chạt lên mớ áo xống kia. Như vậy, hồn ma bóng quế chẳng thể trú ẩn vào trong đó. Tôi không tin dị đoan như mẹ tôi, nhưng tôi tin đã có ma quỉ tới ám trong chuyện vợ chồng, giữa Tiêu và tôi.

- Tôi cũng chẳng biết nữa.

Tôi nói. Tôi thành tâm khai báo, giọng tỉnh táo. Tôi nghĩ tại sao tôi không bị khản tiếng như người đàn ông đang ngồi khoanh tay kia? Đi ra biển, gào kêu tên Tiêu đến khô cháy cổ họng.

- Anh không thắc mắc, bỏ công đi điều tra, tìm cho rõ ngọn ngành?

- Chuyện xảy ra, người nọ nói thế này, người kia nói thế khác. Người nào cũng có lý. Tôi nghe xong và tôi chỉ có một kết luận duy nhất: Tôi là kẻ chẳng được may mắn.

Tôi gãi đầu. Thâm nguyền rủa đứa nào sáng tác ra chữ bị cám sừng. Thêu dệt, nhiều tưởng tượng. Con người chứ phải trâu bò gì cho cam!

- Nếu anh đã từng buồn lòng thì xin anh hiểu cho chúng tôi cũng đau khổ chẳng kém.

Người đàn bà nói, trong khi ông chồng moi túi áo để đốt lên một điếu thuốc thơm. Có con muỗi vừa đâm vòi ở chân, tôi tự đánh cuộc là mình sẽ chẳng được mời hút thuốc. Sai, ông ta ngon lành hơn tôi tưởng. Tôi hít một hơi khói, ém sâu đến độ choáng váng. Tôi ngồi rụt cổ, cố hiểu hết lời nói vừa rồi. Hai ông bà có lối dẫn dắt câu chuyện thật kỳ lạ. Tôi thực không biết ý họ.

- Trong thời gian còn ở bên nhau, vợ anh chẳng để lộ một triệu chứng nào cả?

Bóng tối có thể che khuất niềm bực bội mà tôi để lộ ra ngoài mặt. Tôi khôi hài:

- Vợ chẳng để lộ, kín bưng, trong khi tôi luôn chu toàn việc ấy đến nơi đến chốn. Đàn bà mang thai thì dễ biết, đúng không? Triệu chứng là nôn mửa, thèm đồ chua...

- Anh biết chị ấy bây giờ ở đâu không?

- Không, việc gì tôi phải cất công tìm hiểu chuyện ấy? Nếu ai đưa tin cô ấy vừa chết ở Đà-nẵng thì tôi sẽ xoay xở vào lo chuyện chôn cất.

- Đừng nhảm. Cô ấy đang ở Nha-trang, điều đáng nói là cô sống nhởn nhơ hạnh phúc với một người con gái.

Tôi xoay đổi mặt mày, hết ngó người này lại nhìn qua người khác. Và trùng hợp thay hai vợ chồng họ là nam tả nữ hữu tính theo vị trí chỗ tôi ngồi. Chồng mặt, tả dừng thì hữu cất tiếng.

- Anh biết không, người đang ở chung với vợ anh chính là con gái tôi. Nó bỏ nhà ra đi đã ba tháng nay. Bọn tôi mất nhiều công sức mới truy

lùng được tung tích.

- Và hôm nay chúng tôi mời anh lại đây cũng chỉ một dụng ý là nhờ anh đi Nha-trang để làm cách nào phân chia hai kẻ đó ra. Chúng tôi xin trả công anh ba triệu, đưa trước một nửa cho anh có mà tiêu xài dọc đường, số còn lại sẽ chồng nốt khi mọi việc êm xuôi.

- Chúng tôi biết chỉ có anh mới giúp được thôi. Trên mặt pháp lý anh vẫn là chồng cô ấy, và con gái tôi, nó cần phải trở về nhà nội trong tháng sau. Anh nó ở bên Mỹ đã hoàn tất mọi giấy tờ bảo lãnh. Thiếu mặt đứa con gái hư hỏng kia thì lôi thôi lắm.

- Đây là triệu rưỡi, xin anh vui lòng cầm lấy. Qua Mỹ rồi, tôi sẽ nhớ đến anh để quà cáp hậu tạ thêm.

Người đàn ông lôi sau túi quần ra gói giấy báo. Nó có vẻ nặng trên tay run của người cầm. Tôi chưa bao giờ được nắm trong đôi bàn tay một số tiền to tát ngần ấy. Nặng là phải. Tôi đón lấy, đầu óc tự động vẽ ra một bữa ăn thịnh soạn. Bia ngoại, thuốc lá ngoại, và sau đó là một đêm bở hơi tai với gái nội địa. Lựa đứa nào càng non tuổi càng tốt. "Xin chú hãy giết cháu một cách thật dịu dàng... Trời ơi! Đừng vội vàng, chuyện gì cũng còn có đó..."

Người đàn ông vỗ vào lưng tôi:

- Tôi nghĩ là anh sẽ hoàn thành nhiệm vụ. Ngó tướng anh có vẻ thâm trầm, đa mưu túc kế... Chia lìa chưa đủ, làm sao để nó chỉ còn một con đường là phải trở về mái nhà xưa. Vô phương lựa chọn. Anh hiểu không?

- Tôi hứa làm hết sức mình.

Tôi nói trong khi tôi biết đầu óc tôi chưa bao giờ được minh mẫn cả. Miếng cơm manh áo là gì, nếu như không muốn nói chính nó là thủ phạm làm cho đầu óc con người mụ mị đi. Thấp kém và hèn nhát. Nếu đa mưu túc kế thì Tiêu đã chẳng rời bỏ tôi. Hay nói khác đi, tôi biết cách cột trói Tiêu lại, dù là cách của đứa tiểu nhân. Quân tử thì bao giờ cũng chịu thiệt thòi. Tôi biết rõ điều đó, và vì thế một triệu rưỡi nằm trong túi người đàn ông chuyển qua túi tôi một cách êm ả, ấm dít.Khoẻ re! Tôi chào mừng thành quả bất ngờ bằng cách tự rót trà ra tách, chiêu một ngụm và vươn vai đứng lên. Tự dưng tôi thấy nhớ Tiêu, khát khao được nhìn cảnh sống của Tiêu để hiểu thêm về chữ hạnh phúc mà người đàn ông vừa nhận xét.

- Tôi đã chuẩn bị trước, đây là hình đứa con tôi. Địa chỉ thì tôi viết ở đằng sau.

Tôi ngó mặt đứa con gái đóng khung trong tấm ảnh màu 5x7. Nhan sắc con bé thật khấu, xinh đáo để. Tiêu đem lòng yêu nó cũng đúng thôi. Hồng nhan tri kỷ! Tôi nhét tấm hình trơn láng vào túi áo, có cảm giác như mình đang đóng vai một thám tử tư trong mấy phim hình sự sôi động.

- Nó tên Đoan, trên giấy khai sanh. Ở nhà thì chúng tôi gọi là Lọ lem. Những chi tiết nhỏ nhặt ấy có thể giúp anh phần nào chăng?

- Tôi phải làm một việc gì bây giờ để cho ông bà tin tưởng?

- Đừng nói thế. Giang hồ tráo trở hiểm ác là ở đâu kia. Còn anh, anh chẳng phải là hạng người khiến kẻ khác phải đem lòng đố kỵ ngờ vực. Chúng tôi đặt hết kỳ vọng ở anh. Xin hãy giúp cho gia đình chúng tôi được đoàn tụ, công sức ấy không phải là nhỏ.

Tôi bước xuống lầu. Người đàn bà tiễn đưa đến tận giới hạn cuối.

- Tôi hỏi thật điều này, tại sao đàn bà con gái ở chung với nhau lại gọi là nhởn nhơ hạnh phúc?

- Khổ thân anh! Anh quả không biết chuyện thật sao? Cái đó gọi là đồng tính luyến ái. Chúng tôi suy luận, không khéo mà vợ anh đóng vai chồng của con tôi. Mô Phật!

Cánh cửa sắt được kéo mở, rít róng.

- Bao giờ thì chúng tôi được đón tiếp lại anh?

- Đêm nay tôi ra bến xe. Tôi nghĩ chậm lắm là tuần sau tôi sẽ trở về.

- Có điều này cũng xin thưa rốt ráo cùng anh, là ông chồng tôi mong được qua Mỹ để chữa trị cái cuống họng. Sống đây ngày nào là ổng chết ngày đó... Thôi, vạn sự nhờ anh, lên đường bình yên, mọi chuyện hanh thông.

Cánh cửa đóng lại, phía sau lưng tôi. Đầu tôi lởn vởn chữ trách nhiệm và bổn phận. "Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Mẹ rượt! Điêu ngoa cũng vừa phải thôi. Tôi băng qua đường, tay thọc túi quần, miệng cười vu vơ. Tôi tìm chỗ kín đáo đứng đái. Tôi moi và xé cẩn thận tờ giấy báo gói ngoài. Tôi muốn rút ra trước vài tờ giấy bạc để xài, cho chắc ăn. Cái gì cũng thế, phơi bày lộ liễu là điều cần tránh; huống hồ tiền bạc, thứ làm chết người. Tôi nhớ tới một quán nhậu, cái chỗ mà hơn tháng nay tôi chưa hề ghé lại. Chiếc nhẫn cưới đã bán hôm đó, giá trị của nó chẳng ra gì, không đủ sức đánh gục mình xuống một cơn say. Eo xèo. Đầu óc vẫn tỉnh rụi một nỗi buồn chất ngất. Và bàn tay thừa thãi, những ngón dâm trống vắng.

Đang đói bụng, tôi dừng chân bên quán lộ thiên gần hẽm hôi khai nước đái làm một chầu cơm bụi. Miếng sườn nướng và một cục chả trứng chưng cách thủy với nấm mèo. Chỗ này chúng tôi đã từng ăn qua. Đó là những ngày đã thuộc về quá vãng, có Tiêu sát vai ngồi và đĩa cơm khi ấy trông có vẻ phồn thịnh hơn giờ này. Tiêu cho tôi biết, gia đình chủ tiệm cơm là Phật tử thuần thành, có nghĩa là họ sẽ không nỡ lòng mà chiên xào nấu nướng ba thứ thịt cóc nhái rắn chuột bậy bạ như hàng hà những chỗ khác. Điều đó làm mình cảm thấy ngon miệng khi cắn miếng thịt nhỏ như

một ngón tay, trông hơi lạ lẫm.

Tôi nhai ngấu nghiến với những chiếc răng ngày một thưa đi. Móm mém. Tôi dã lần hồi ném mấy cái răng gãy lên máng xối, dưới gậm giường theo lối chỉ bảo đầy dị đoan của mẹ tôi. Tôi tuân thủ hầu hết những răn đe, cảnh tỉnh của bà nhưng hoàn cảnh xấu vẫn chẳng cải thiện một mảy may. Không nên cúi đầu đi lòn dưới dây phơi đồ lót của phụ nữ chẳng hạn. Cấm sừng. Địt mẹ thằng nào bày đặt ra hai chữ ấy! Tiêu ơi, ăn nằm với một thiếu nữ con nhà lành em có sướng như hồi còn chung đụng với anh không?

Tôi súc miệng bằng ly nước chè nguội ngắt, đắng chát, rồi vẫy gọi một chiếc xe ôm. Thật là tiện lợi, quán nhậu ấy nằm bên hông bến xe đò chạy suốt. Đi tìm vợ trong một cơn xỉn có lẽ nó làm vơi bớt niềm tủi hổ, không ít thì nhiều. Và rượu, trước tiên nó giúp mình chai lì ra, cho dù biết rằng mình đã lú lấp lòn cúi qua biết bao sợi dây phơi quần áo, trước đó. "Mấy sông anh cũng lội, mấy đèo anh cũng qua". Trời, ba triệu đồng tiền Việt-nam dân chủ cộng hòa. Nhằm nhò gì ba cái sông núi lẻ tẻ!

Một cục tiền sau dít làm bước chân hơi nặng nề khi tôi xuống xe ôm để đường bệ bước vào quán rượu.

- Ủa, Quốc! Ngọn gió nào thổi mày tới đây?

Có ai đó vừa gọi tên tôi. Và thằng lẻo mép ấy coi bộ ưa chơi chữ.

- Ngọn gió Lào chứ gió nào nữa? Thật là nóng nảy bực bội.

Tôi nói, đồng thời ngồi xuống bàn, sát nách một thằng dân ông chẳng có mấy thịt da. Hắn rọm rơ nhưng sự còm cõi ấy có riêng một dáng vẻ dọa dẫm, chớ nên coi thường.

- Vợ bỏ mà trông vẫn phong độ, cái mới lạ!

- Thế nào là phong độ?

- Là có da có thịt hơn tao. Bao nhiêu ký? Được năm mươi không?

- Cỡ đó.

- Mẹ kiếp! Vậy là ngon cơm rồi.

Hắn uống đã khá nhiều, hơi thở đủ làm kẻ khác say khi hít phải. Trước mặt là cái đĩa, lỏng chỏng một hai cây xương nằm trân tráo. Có lẽ hắn gặm, mút món thịt gà bóp rau răm với tiêu muối. Tôi không nhớ là quen thằng chả trong dịp nào. Hắn chẳng phải là kẻ thân thích. Mà cho dẫu là bạn tâm giao, tôi sẽ không dời nào thổ lộ chuyện bạc phước kia ra. Cớ sao hắn biết? Tôi gọi một ly rượu, thứ màu hổ phách giống như hắn đang uống. Rượu thuốc hay rượu hòa với máu rắn, tôi chẳng bận tâm. Tôi không phải là tửu đồ. Thật là buồn cười. Có lẽ đời tôi chỉ có hai dịp để uống rượu: Ngày cưới Tiêu làm vợ, và sau khi vợ bỏ đi mất tiêu.

- *Danh tử giả: Bất dĩ Quân Quốc, bất dĩ Nhật Nguyệt, bất dĩ Sơn*

Xuyên... Mày biết câu đó không?

Hắn hỏi. Tôi ngó qua và nhìn thấy những vết xâm xanh tím trên cánh tay để trần của hắn. Những đường nét chẳng tượng hình một vật thể nào cả. Hình như có dạo hắn đã từng qua sống bên Campuchia một thời gian. Và có thể đó là sự khắc ghi những dấu vết của kỷ niệm. Nhàu nát.

- Không biết.

Tôi trả lời sau khi tợp một hơi rượu cay. Tôi chờ đợi sự chuyển biến khởi động từ tốn trong cơ thể. Máu sẽ đón lấy rượu và nó sẽ phản đối chất men bằng nhiều phương cách. Nó dìu anh đi lâng lâng, nó trao vào người anh sự can đảm. Hoặc không, nó kéo đầu anh xuống, tròng vào cổ một tảng đá và bắt anh nằm đo chiều dài của quán. Đo dọc, đo ngang, tệ hơn một con chó.

- Nó có nghĩa như thế này: Đặt tên con, chớ dùng những chữ Quân, Quốc, Nhật, Nguyệt, Sơn, Xuyên... Cớ sao mày lại là Quốc?

- Có trở ngại gì không?

- Người ta sợ sau này, rủi con mình lớn lên không xứng đáng với danh xưng thì mang tội với trời đất.

- Thế nào là xứng đáng? Thế nào là không mang tội với đất trời? Anh vui lòng chỉ mặt một đứa ngon lành cho tôi làm gương. Hắn với nôm. Lạc hậu cũng vừa phải thôi!

- Vô hết cái này đi. Ừ, thì lạc hậu. Có khi lạc hậu nó giúp cho lòng mình được thanh thản.

Tôi vẫn ngó vết xâm trên tay của hắn. Tôi muốn đoán thử, đó có phải là một lá bùa không? Cớ sao một người như thế lại luôn có tiền bạc rủng rỉnh để nhậu nhẹt tối ngày? Đào đâu ra?

- Tao kể một chuyện tiếu lâm cho mày nghe nhé. Hắn rung đùi. Giá của câu chuyện chỉ đổi lấy một cốc rượu thôi.

Tôi đưa tay ra hiệu cho chủ quán. Ông ta mang rượu đến và nhìn xuống kẻ ngồi bên tôi với tia mắt của một ông bố có đứa con gây nhiều lầm lỗi. Một ông thầy ngó thằng học trò có hạnh kiểm xấu, không hồng mà chẳng chuyên!

- Đêm nào cũng tiếu lâm, ngày nào cũng khôi hài. Thật là lắm chuyện! Nói gì thì nói, chớ có xách mé phản động mà thiu nồi cơm của tao nghe ông thánh. Chừa đường cho người ta làm ăn với cha!

Hắn không nhìn ông già mà ngó vào ly rượu nhỏ đang xoay bởi hai ngón tay. Trán hắn nhăn nhíu, như thể đang vận dụng để lôi ra một câu chuyện chưa từng kể qua.

- "Có một thủy thủ yêu nghề, tốn nhiều tiền nhờ người xâm hình bản đồ thế giới trên lưng. Một hôm vì trái gió trở trời, anh ta phải gõ cửa một

phòng mạch. Bác sĩ nói: Cởi áo ra. Sao, anh thấy khó chịu ở đâu? - Ở Việt-nam."

Không một ai cười thành tiếng. Hắn phá sự lặng yên bằng câu hỏi:

- Mày thì khó chịu ở đâu? Có vả không khi bấy lâu phòng the lạnh ngắt như nước đá?

Tôi làm thinh. Danh tử giả bất dĩ Quân Quốc... Có thể hắn học mót câu nói ấy từ một cuốn sách in sai. Có thể ba má tôi không am hiểu lời thánh hiền. Dù gì thì tôi vẫn thấy sự có mặt của mình giữa dời sống này là điều không nên. Thật chẳng xứng đáng với công sức mẹ tôi đã rách da xẻ thịt rặn được hòn máu ra khỏi cửa mình.

- Có con bé này ngó đặng lắm, giá lại bèo. Nếu mày ngứa ngáy máu nóng đốn mặt, tao sẽ cho địa chỉ. Em xăm hình con chim bồ câu trên chỗ con bướm. Hài hòa ngó mê tơi.

Hắn tả cảnh. Và tôi tự hỏi có phải hắn là một thằng ma cô? Những ly rượu trôi xuống cổ hắn được dánh dổi bằng những rên siết vật vã của mấy đứa con gái lỡ sa chân. Một thằng ma cô. Đó là điều mà tôi cần trong lúc này. Tôi đã hứa với người ta. Tôi đã xài tiền của người ta. Ở đó mà bướm với chim. Không rảnh! Tôi xua đuổi hình ảnh một thằng dân ông lận lội đi dánh ghen ra khỏi cái đầu nặng nề. Tôi vác mặt qua bến xe đò, nhìn sự hỗn độn quen thuộc luôn diễn ra ở đó.

- Anh ưa đi giang hồ với tôi không? Đi Nha-trang.

Tôi hỏi. Và để làm sáng tỏ, tôi thêm thắt: Mọi thứ thằng Quốc này bao tuốt. Vé xe, chuyện ăn uống, tiền thuê ghế bố để ngủ đêm.

- Lời dường mật này thật dễ chết ruồi. Để xem... Đến Nha-trang, việc tao phải làm là xách dao rượt thằng tình địch của mày, có đúng không?

- Không. Việc gì anh phải vất vả như thế?

- Tạt a-xít hay cầm ống kim mà la toáng lên là đã nhiễm vi trùng xi-da?

- Mọi phương cách ấy có cổ điển không?

- Vậy sao? Tìm kiểu mới à? Chẳng lẽ đột nhập vào nhà xong tao muối mặt đi hiếp dâm con vợ cũ của mày?

- Nếu anh muốn. Nếu đối tượng gây cho anh niềm hứng thú cầm lòng không dậu.

Tôi nói. Máu chạy nhộn nhạo trong cơ thể. Máu đổn về tim và tim co thắt. Tôi chóng mặt, hai bên thái dương lạnh toát. Hắn sẽ hăm hở đè Tiêu xuống giường. Tôi sẽ lặng lẽ bịt mồm nắm tay con bé Lọ lem dẫn độ ra bến xe. Tôi sẽ thêu dệt đủ thứ chuyện để nói xấu người vợ cũ. Tôi sẽ chứng minh cho đứa con gái ấy biết tôi là phe đồng minh và cách tốt hơn hết là cô nên trở về nhà. Tương lai của cô được khởi đi từ đó. Một mái ấm gia

đình có bố mẹ trông ngóng cô về để xuất ngoại, đấy là hình ảnh ánh sáng ở cuối đường hầm. Chung sống với một mụ dàn bà thì suốt đời chỉ bắt gặp có một lỗ đen.

- Thay đổi sự nhàm chán là điều ai cũng trông mong. Đi ngay đêm nay hay bao giờ đi?

Hắn hỏi. Tôi an lòng khi ngó vết xâm trên tay hắn. Có chút gì cô hồn các đẳng toát ra từ người hắn. Sự cầu chứng nọ như nói thầm, hắn sẽ làm được việc. Tôi trả tiền rượu, mua một gói thuốc lá hiệu xịn sản xuất ở England và bước ra ngoài sân. Gió không có nhưng không gian thoáng rộng làm người mình nhẹ hẳng như diều đứt dây. Tôi thắp thuốc, ngửa mặt thở khói. Những vì sao trên cao vẫn cũ kỹ từng đốm sáng, chẳng hao mòn. Chúng chuyên cần hiện hữu để chẳng làm nên trò trống gì. Lãng phí.

Tôi ném điếu thuốc xuống đất. Gục đầu ói đĩa cơm sườn còn nguyên hình dáng xuống nền xi-măng bầy nhầy tỏa nhiệt. *Danh tử giả bất dĩ Quân Quốc*... Tiêu ơi, hẹn gặp em ở đêm mai. Anh thật là kẻ không xứng đáng.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

QUẢNG ĐÀ

ĐẶC SẢN BIỂN KHẢO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Với sự cộng tác:

Kiêm Đạt . Nguyễn Phước Tương . Trần Huỳnh Hồ . Nguyễn Hữu Lý . Nguyễn Hiến . Thy Hạo Trương Duy Hy . Ái Cầm . Vũ Hối . Tường Linh . Nguyễn Nho Nhượng . Luân Hoán . Vũ Hữu Đỉnh . Tạ Kỳ . Huy Tưởng . Thái Tú Hạp . Thành Tôn . Hạ Quốc Huy . Lưu Nguyễn . Nguyễn Đông Giang . Hoàng Lộc . Trần Dạ Lữ . Lê Đình Phạm Phú . Phan Ngô . Nguyễn Vy Khanh . Trần Văn Nam . Lý Trường Trần . Đặng Tiến . Phạm Văn Đồng . Lê Bá Năng . Đỉnh Trầm Ca . Du Tử Lê . Nguyễn Phúc . Phạm Trần . Triều Tâm Ảnh . Trần Trung Đạo . Trần Yêu Hoa . Trịnh Hạo Tâm . Phùng Nguyên . Hồ Minh Dũng . Lâm Chương . Dương Đức Nhự . Nguyễn Nam Âu . Nguyễn Mạnh Trinh . Lê Văn Bá . Võ Danh . Hà Nguyên Du . Lê Hữu Lân . Phan Huy . Đặng Hiền . Quang Huỳnh . Hoàng Bích Đào . Đào Thanh Khiết . Tường Loan . Hà Ngọc Lân . Trần Lác . Sương Mai . Dư Mỹ . Đức Phổ . Hoàng Xuân Sơn . Phạm Cây Trâm . Võ Văn Viên . Huỳnh Nhâm . Lê Thị Hân . Lâm Kim Cương . Võ Đình Tuyết . Phạm Phú Minh . Đỗ Ngọc Anh . Tường Linh . Thẻ Hồng Lam . Phạm Phú Hay . Hương Nhân . Diễm Châu . Quỳnh Giao . Phương Dung . Hoa Hoàng Lan . Vương Trùng Dương . Phan Xuân Sinh . Nguyễn Thị Ngọc Liên . Hà Kỳ Lam . Đoan Nhã Vân . Lê Thị Hân . Lê Mộng Hoàng . Lê Văn Hưng . Cung Tích Biền . Phùng Minh Tiến . Mạc Phương Đình . Trần Thái ...

- Bìa tranh: Những đóa sen vàng trên dòng lũ Hội An - Tranh màu nước ViVi
- Chủ trương: AI CẦM - THÁI TỨ HẠP
- Dày trên 620 trang
- Trong nước Mỹ: Giá 15 Mỹ Kim + 3 Mỹ Kim cước phí
- Ngoài nước Mỹ: Giá 15 Mỹ Kim + 8 Mỹ Kim cước phí

Mọi liên lạc và mua Đặc San xin gởi về:
SAIGON TIMES
P.O. Box 428 - Rosemead, CA 91770
ĐT: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

Đêm mộng về gác gió

Nguyễn Việt Thường

Đêm mộng thấy ta về gác gió
Ngắm Quỳnh hoa nở nửa đêm hè
Đọc nửa vầng thơ
Cạn nửa chung trà
Thấm mặn giọt thiêng liêng
Như nước mắt
Thấy mẹ buông xa cha
Hỏi mẹ rồi khóc ngất
Hiểu bước cha quay đi
Không đợi ta về
Sẽ không còn người
đợi ta dưới mái quê
Thời gác gió
Hỏi cha - sao hoa Quỳnh tàn vội?

*

Đêm mộng thấy ta bay trong gió nổi
Bão rớt rơi che khuất
đầu quê hương
..... *Mái chùa trong sương*
Sóng dựng như tường
Biển lớn bọt bào tăm tắp,
Vời vợi mái trời tím ngắt
Bàng hoàng cõi gió tịch liêu
Vẫn nhớ còn một chỗ thương yêu
Sao tâm phiêu diêu
không minh cảm

*

Đêm mộng thấy ta
Hai mươi năm vẫn nhớ
Có lần buông thân tưởng
hòa vào thân biển
Tâm phút giây kia
ngỡ vượt tầm người
Tìm về một chỗ tinh khôi
Trong lòng thuyền nan rỗng
Đi tìm quyền làm người
Quyền được sống
Sao dạt lưới... hư không?

*

Đêm mộng thấy ta đi mãi đường vòng
Đem não cân rập khuôn công thức
Bán thị quan
Biến thành kim thời gian quay tất bật
Vượt hoài không quá vòng khuyên
Ngày bao la tìm dị thể di truyền
Đêm nhỏ bé cõi sắc không hoang tàn tạm
Giới hạn trong vô cùng
thân siêu nhiên hệ lụy
Mong manh nhìn mạng hữu cơ
mang nhân chủng diệu vi
Gối đầu trên lớp sóng vượng suy
Bơi mỏi chán chường
từng câu vô thức
Hoảng loạn
đổi thay
chuyển dời
bức thúc
Mập mờ thông tin
U bướu tiền căn
Ung thư di căn;
Mãn tính... từng phần
Hội chứng biến truyền
Vòng tử sinh phù phiếm
Hóa trị

xuyên thân
dị trùng
miễn nhiễm
Bay ê hề giữa chợ nhân sinh
Thế sự vẫn thường tình
Chuyện vào ra cuồng tín
Chứa trong ấy, bao sắc màu mê tỉnh
Dập dìu hệ quả âm dương

*

Đêm mộng thấy ta nằm im ắng
bên đường
Bán rao hậu thân
trong hiện thân về tiền thân quá khích
Mới hay trước sau
vẫn trầm thân tịch mịch
Tóc ngắn dần di
mệnh bạc mấy mươi

*

Đêm mộng thấy ta
ôm khóc đóa Quỳnh thôi
Nhớ phong phiêu
Tiếng đàn thùng buổi ấy

Còn ai đây mười bẩy
Trãi Ngọc Lan trắng đời
Mây nguyên hàng vẫn mãi
Chờ tuyết tan... cuối trời

Đầu đêm bên đóa quỳnh khôi
Chút tình mộc mạc khóc người tài hoa
Hỏi gió qua gác ngày xa
Có bay cùng với đóa hoa vô thường

*

Đêm mộng về gác gió
Ngắm hàng mai tứ thời
Bên chậu Quỳnh lá rả

Màu ngọc, trăng đôi mươi
Bâng khuâng nhớ giọng cha vui
Nhớ nét nghiêng nghiêng dòng tóc mẹ
Nhớ đêm thơm ngất mùi trầm
Nhớ trong bốn bề lặng lẽ
Nhạc trùng chới với giọng ngâm
Cha viết lời như tranh vẽ
"Nửa mảnh trăng
trong cấn rượu thừa"
Đáy chung ngày cũ hứng mưa đêm nầy.
Băn khoăn ngắm đóa Quỳnh lay
Thấy trong lá gió đựng đầy chồi trăng
Thấy trên chiếc gối mẹ nằm
Có ngàn tinh tú có trăm mặt trời
Mặt trời đêm
Mặt trời ơi
Đàn con vẫn hát mãi lời ngây thơ

*

Đêm mộng thấy ta đi mênh mông giữa phố
Markety... thời quanh quẩn Bataan
Bập bẹ nói năng lời trắc trở thuyền nhân
Bình minh leo đồi ngôn ngữ
Hoàng hôn tắm nước đại ngàn
Đất nước người
Sao nặng nghĩa ân
Bãi cát
Đồi dừa ngọn đèn mờ đêm xứ lạ
Phù hoa đẩy đưa đời vạn giả
Chân bước thật thà
Mỏi mệt nhịp tim

*

Đêm mộng thấy theo em
chìm xuống biển đêm
Vô ngã rạng ngời phút giây tự diệt
Làn nước mặn nồng
Khoản thương yêu tha thiết
Mái tóc em lung linh

bạc sóng phủ đồ
ánh mắt em
theo ta một giải khăn sô
Từ rất xưa giai nhân đâu
hẹn ta ngày bạc tóc
Cũng dành chấp chới lìa tay

*

Đêm mộng thấy mưa
sướt mướt đường dài
Tháng rộng ngày sâu vô lượng
mầu kiến thức
Đường không bình an
chân thiếu thừa vẫn bước
Mưa ngập chiều tà
Mưa rũ rượi bình minh
Mưa ngắn dài mạng lưới vi sinh
Mưa xụt xùi bào mòn đại thể
Mưa độ lượng
Mưa khoan hồng
Mưa trên em yên nghỉ
Em nằm đâu trong mênh mông đại dương
Em bỏ mình ta
đi giữa vô thường
Đi dưới trời mưa ngàn hạt nhuyễn

*

Đêm mộng thấy ta cùng người
lang thang dốc tuyết
Mái tóc bạc rồi như ánh sao
ánh mắt khơi vơi nếp buồn trăng khuyết

Vẫn nụ cười bờ ngực ấm nồng sao!!
Cảm ơn người
Khối tình độ lượng
Cảm ơn người
Chung gối yêu thương
Vì nhau đi đến cuối đường
Che chung hướng nắng
Chia nhường độ mưa
Có nhau nói chuyện dạ thưa
Chuyện non nước
chuyện sáng trưa, cơ hàn
Chia nhau cái giấc Nam san
Thấy chùa ẩn hiện trong làn tuyết bay
Mùa xuân
Ai trẩy hội nầy
Riêng ta đi lễ chùa xây sau nhà
Có cây sồi già bán thân trổi lá
Chồi non tươi tươi màu mạ
Biên biếc dốc tường mây
Hội nắng trên ngàn thông
Cụm tuyết lênh đênh
Dòng suối chảy ngập ngừng
Huyễn hoặc màu tử đinh hương
chiều không bão biển
Rồi đêm đêm thấy ta cùng người
Về lại chùa nghe chuông huyền nhiệm
Tâm thân nhẹ nhàng
Như tiếng gió qua đêm

Nguyễn Việt Thường
Rochester - 12/2001.

Xứ Khỉ Khọn

(Kể Chuyện Cho Đời Sau Nghe)

Tràm Cà mau

(Dẫn Nhập: Thời cuộc đổi thay, nhiều chục năm nữa, không ai còn tin những chuyện vô lý đã xảy ra trên trái đất này. Đây là một câu chuyện truyền khẩu bí mật thích thú và đau khổ trong một thời gian dài)

Vào một đêm đã khuya, trăng sao lờ mờ, giữa mùa xuân năm 1975, đoàn thám hiểm Phi Châu gồm bảy nhà sinh vật học người Na Uy đang bị bộ lạc khỉ vây hãm tấn công mà không biết .Người canh gác nể oải ngồi cầm súng ngáp dài nhìn ra xa, ông cũng không ngờ hiểm nguy gần kề. Sáu người khác đang ngủ yên giấc trong lều sau nhiều ngày theo dõi sinh hoạt của bộ tộc khỉ đặc biệt nầy. Đây là một giống khỉ đã biết tổ chức thành một xã hội có sinh hoạt cộng đồng, phân công, thứ bực và có tiếng nói riêng của chúng. Khi đoàn thám hiểm đến cắm trại quay phim để quan sát sinh hoạt của giống khỉ, thì chính họ cũng bị quan sát, bị dòm ngó bởi nhiều con khỉ núp kín trong các tàn cây rậm rạp. Không có một hành động, một cử chỉ nào của đoàn thám hiểm mà không được đám khỉ ghi nhận và đem về báo cáo lại cho chúa khỉ ngồi trên ngai vàng, là một cây cổ thụ xum xuê. Chúa khỉ ngồi trên chạc ba của cây cổ thụ, lưng dựa vào cành lớn, chân co chân duỗi, tay gãi háng, miệng chu dài ra, nghe báo cáo và nhận xét về bảy nhà sinh vật học. Chung quanh chúa khỉ, trên các nhánh cây chung quanh, có mười hai con khỉ cao cấp nhất trong triều đình cũng đang nằm dã dượi , lắng tai theo dõi. Một con khỉ cầm đầu toán trinh sát ho khạch khạch rồi trình tấu:

- Thưa " đồng khỉ chủ tể" đây là một giống khỉ lạ lắm, còn thấp kém, man rợ. Trí óc còn thô sơ ngu muội, chưa được khôn ngoan. Bọn chúng chưa biết kỹ thuật leo trèo. Chưa biết phải ngủ trên cành cây để tránh

muông thú rắn rết. Chúng ngủ ngay trên mặt đất, rất nguy hiểm. Chúng chưa biết chống tay xuống đất mà đi bằng bốn chân cho thăng bằng, vững chắc. Đi thì loạng choạng trên đôi chân, trông tức cười và xấu xí vô cùng.

- Thưa chúng nó dùng da thú bó bàn chân lại nên ngón chân nhỏ tí xíu, ngắn ngủn, mất hết khả năng cầm đồ vật bằng chân. Không leo trèo được là phải.

Một giọng nữ the thé báo cáo tiếp:

-Bọn nầy mặt bẹt, miệng ngắn, môi mỏng, mũi nhô ra, trông vô cùng xấu xí dị hợm. Mới nhìn thấy là đã ghê tởm khiếp đảm . Răng chúng nhỏ tí xíu, xem bộ không cắn xé được ai.

- Chúng còn dùng vỏ cây, hay một thứ lá gì đó rất lớn, bao lấy thân mình, có lẽ vì vậy nên rụng hết lông, có nhiều nơi trên thân mình, da thịt trắng hếu đưa ra, trông thật ghê tởm như khi bị ghẻ lác nặng nề rụng hết lông lá. Nhìn vào ớn lạnh cả mình .

- Bọn nầy vô cùng dơ bẩn, hình như bọn chúng ăn thịt thú vật. Dã man như loài chó rừng, như loài beo, cọp. Khi ăn thì dùng nhánh cây và miếng đá mà khều thức ăn vào miệng.

Chúa khỉ chớp chớp mắt, rồi lẩm bẩm trong miệng: "Lạ nhỉ, lạ nhỉ. Nhưng ta hiểu hết cả rồi". Tiếng báo cáo tiếp theo:

-Một điều ngu dại nhất của chúng, và nguy hiểm cho cả sinh mạng, là dám chơi với lửa. Bọn nầy không những dốt lửa nhiều lần mỗi ngày, mà còn ngu xuẩn bỏ thức ăn trên lửa trước khi ăn. Làm mùi thối tha khét lẹt bay ra dơ bẩn cả bầu không khí trong lành. Ban đêm, bọn nầy còn nuôi một ngọn lửa nhỏ treo trên cây khô của chúng. Nếu cháy, thì chết cả bọn, và cháy cả khu rừng, rất nguy hiểm cho tất cả chúng ta nữa.

- Mỗi buổi sáng, bọn nầy đứng cong lưng, dùng que khoắng liên tục trong miệng, cho đến khi phèo bọt mép ra, rồi nhổ phù bọt trắng xóa xuống đất. Không biết để làm gì.

Chúa khỉ bóp trán suy nghĩ, tìm lời giải thích, nhưng chưa tìm được, thì có lời báo cáo khác :

- Bọn nầy có đứa còn ăn khói, không biết làm sao mà có khi khói bay ra mù mịt trong miệng chúng. Bọn nầy đúng là còn man dã lắm. Một số trong bọn chúng, còn lấy dây và que, quàng buộc quanh mắt, không biết để làm gì, và khi nắng lớn, thì còn che mắt bằng hai miếng đá màu đen.

Trong lúc nghe báo cáo, mặt chúa khỉ nhăn lại như mặt khỉ. Nghe xong, thì ông động lòng trắc ẩn thương xót cho một giống khỉ tương cận ngu dại, dã man. Hắt hơi một tiếng, rồi chúa khỉ khóc ròng. Thấy chúa khỉ khóc, thì cả mười hai con khỉ trong bộ tham mưu cũng khóc theo, kêu gào thảm thiết. Sau đó, thì như một bệnh truyền nhiễm, tất cả đàn khỉ trên các

cành cây quanh vùng đều khóc, tiếng khóc chuyền đi từ cây nầy qua cây khác, và cả bộ tộc khóc theo chúa khỉ, dù chúng không biết nguyên nhân nào đã gây nên tiếng khóc. Khóc xong, miệng chúa khỉ còn nhễ nhại nước bọt, nói giọng run run xa xót :

- Tội nghiệp thay cho chúng. Chúng ta phải tận tình giúp đở, tận tình giáo hóa cải tạo cho chúng.

Mười hai con khỉ trong ban tham mưu triều đình đồng lập lại lời chúa khỉ như hát điệp khúc: "Tận tình giáo hóa cải tạo cho chúng." Tiếp theo đó, vang lên trong các cành cây xa gần " ... giáo hóa cải tạo cho chúng , giáo hóa cải tạo cho chúng ...". Những con khỉ khác gào theo, có lẽ chúng không hiểu đầu đuôi câu chuyện, nhưng cũng lập lại y lời chúa khỉ nói.

Chúa khỉ họp ban tham mưu bàn luận, để lấy quyết định tập thể về kế sách giúp đỡ bầy con khỉ man dã tội nghiệp kia. Có khỉ bàn rằng, chúng nó còn dã man quá, khó mà cải tạo được. Tốt nhất là đuổi chúng ra khỏi khu rừng, để cái hình dáng xấu xí của chúng khỏi làm bẩn mắt bà con, và cái sinh hoạt dơ dáy nguy hiểm kia khỏi ảnh hưởng đến con dân của xã hội nầy. Có ý kiến là nên tiêu diệt chúng đi cho khỏe. Chúa khỉ bóp trán rồi một tay để lên ngực bên trái, chỗ trái tim mà nói:

- Thấy đồng loại khốn khổ ta không dành lòng. Ta muốn giúp chúng, học tập cải tạo theo nếp sống văn minh tiên tiến, thoát ra khỏi màn ngu tối dốt nát. Các 'đồng khỉ' nghĩ sao?

- Nhất trí. Nhất trí. Ý kiến của chủ tể là vô địch, là sáng suốt, là ánh sáng chân lý muôn đời.

Cả mười hai con khỉ trong ban tham mưu đồng thanh nói một lời trên như đã thuộc lòng từ trước. Và tiếp theo đó, những con khỉ đang dánh du từ những cành cây xa, cũng đồng lập lại "... ánh sáng chân lý muôn đời , ánh sáng chân lý muôn đời"...

Cuộc bao vây tấn công đoàn thám hiểm, được chúa khỉ đặt cho là Chiến dịch Tình thương. Vì tình thương mà hành động. Để cứu giúp bầy con khỉ còn man dã kia được ân sủng của chúa khỉ, ra khỏi đời sống hôn mê bất hạnh. Đám khỉ tấn công bò dần đến trại của các nhà thám hiểm, với những bước đi vô cùng nhẹ nhàng, không gây một tiếng động trên đất cỏ, lá mục, rồi bất thần xông lên, đè sập lều trại, đè cứng bầy con người yếu đuối, bắt họ dễ dàng. Người canh gác cũng chưa kịp nhìn ra kẻ tấn công, thì đã bị bắt ngay. Bọn khỉ cũng không ngờ thành công dễ như vậy. Mà đám khoa học gia cũng không ngờ họ bị tấn công bất thần. Bọn khỉ la mừng vang dậy khu rừng già: "Hoan hô chủ tể. Muôn đời bách chiến bách thắng. Liệu việc như thần. Quyết định không bao giờ sai lầm". Câu hoan hô được lập đi lập lại nhiều lần vang dội trong đêm trăng mờ. Những

con khỉ đang ngủ trên cây chợt tỉnh giấc cũng lơ mơ lặp lại: " không bao giờ sai lầm". Đám khoa học gia khiếp đảm, và nghĩ rằng, họ không có một cơ may nào sống sót. Họ bị nhốt vào một hang đá đậy kín. Bên ngoài có nhiều khỉ canh gác kỹ càng. Tất cả lều trại bị phá tan, chúng đập bể những dụng cụ, máy móc, và thức ăn quăng bừa bải trên mặt đất.

Sáng hôm sau chúa khỉ họp cùng quần thần dưới gốc cây lớn, trên một vùng đất khô ráo bằng phẳng, có nhiều bô lão khỉ, có nhiều vị khỉ được liệt vào hàng thông thái trong xã hội đó tham dự. Hàng ngàn dân khỉ quây quanh trên mặt đất, trên cành cây, trên tảng đá, để xem loài khỉ lạ. Lũ khỉ trẻ nít, không được bố mẹ bồng ra xem, vì ngại chúng sợ cái xấu xí dữ dằn khủng khiếp của cái loài khỉ lạ nầy mà chết giấc. Bảy nhà sinh vật học được giải từ trong hang ra. Tóc tai họ bù xù, mặt mày hốc hác, áo quần xốc xếch. Ba phụ nữ trong số bảy nhà khoa học nầy mặt xám ngoét, run sợ và ôm mặt khóc. Vợ của chúa khỉ ngồi bên cạnh chồng đưa hai tay bịt mắt, vì không muốn nhìn thấy bảy con sinh vật quá xấu xí, dị hợm. Bà lẩm bẩm cùng chồng :

-Không thể gọi giống nầy là khỉ được. Xấu xí như thế mà liệt vào giống khỉ, thì có tổn thương đến danh dự chung của loài khỉ chúng ta không? Thần thiếp nhất thiết không xem chúng là đồng loại được. Ai cho rằng giống hạ tiện đó cùng loại với chúng ta? Nói cho thần thiếp biết !

Chúa khỉ lườm mắt nhìn phu nhơn và nói nhỏ: "Bà câm cái mồm thối của bà lại không? Ai cho bà được bàn vào việc quốc gia đại sự". Nữ hoàng khỉ nhìn xuống không dám cãi, nhưng miệng còn lẩu bẩu những lời không rõ.

Một con khỉ lớn kềnh càng, mặt mày tay chân lông lá, khệnh khạng đi đến trước mặt một nữ khoa học gia, đưa tay chụp áo cô và xé một cái toạc, lột cô trần truồng trước đám đông triều đình. Cô thét lên một tiếng thất thanh, và nghĩ rằng không khỏi bị làm nhục. Khi thấy cô trần truồng, da thịt trắng toát, không lông lá gì cả, thì vua khỉ, hoàng hậu, quần thần cùng dân khỉ cười vang sằng sặc vì thấy cái xấu xí lạ lùng của loài người. Sau một hồi lâu tiếng cười hạ dần. Một vị thông thái khỉ phán lớn:

-Đúng là những thứ lá cây bao bọc thân thể đã cọ xát, làm lông rụng hết. Chỉ ba nơi còn lông là trên đỉnh đầu, dưới nách và dưới háng lưa thưa mà thôi. Bọn nầy ngu xuẩn, không biết lông trên đa để bảo vệ muỗi mòng, che mưa nắng, thời tiết nóng lạnh. Thế mà làm rụng hết, ngu như vậy thì cũng hết nước nói. Xem dấy, da thịt trên thân thể trơn lu, ghê tởm, nhìn phát khiếp, còn hơn là bị bịnh ghẻ lác nặng nề. Tội nghiệp thay, tội nghiệp thay.

Vị thông thái nói đến đây, thì vua khỉ mũi lòng rơm rớm nước mắt

xót thương. Sáu nhà sinh vật học còn lại, cũng bị giựt phăng áo quần, để giải phóng cho họ khỏi bị áo quần cọ xát làm rụng lông. Họ co ro vì lạnh, cánh tay xuôi xuống kẹp vào hai chân. Một chị khỉ đến vạch háng nữ khoa học gia ra mà nhìn, rồi lắc đầu, nhổ toẹt một bãi nước bọt xuống đất, như ghê tởm lắm, bỏ đi. Chị khỉ nói : " Trông xấu xí, không giống cái gì cả". Một nhà khoa học, bị gỡ cái kiếng đeo mắt . Chúa khỉ cầm cái kiếng áp lên mắt nó, rồi nhăn miệng dưới trề ra dài thòng, nói lẩm bẩm:

- Ngu xuẩn thật, dùng cái dây nầy che mắt cho mờ đi, không thấy gì rõ cả. Tại sao lại ngu như thế được? Nếu ta không có lòng thương bao la, mà giải phóng cho, thì bọn mầy còn sống trong u mê ám chướng mãi.

Nói xong, chúa khỉ để cái kiếng đeo mắt trên thân cây, rồi dập mạnh tay xuống, cái kiếng bể vụn, tan tành. Nhà khoa học bị gỡ kiếng kêu ư một tiếng vì tiếc của. Một con khỉ đến cầm bàn chân của nhà khoa học đưa lên cao cho đám khỉ xem, rồi cầm từng ngón chân lắc lắc, nói lớn:

- Đây là kết quả tai hại của việc dùng da thú bó chân lại. Những bàn chân nầy vô dụng, vụng về, làm sao mà nắm vào cành cây, cầm nắm vật gì được ? Loài khỉ nầy tiến hóa còn chậm lắm, có lẽ cả hàng chục triệu năm nữa, mới theo kịp chúng ta bây giờ.

Ông khỉ nầy, cầm mấy chiếc giày nằm ngổn ngang trên đất, mà xé toang tan tành thành từng miếng nhỏ. Ông bảo rằng phá bỏ, đào tận gốc, trốc tận rễ cái cội nguồn của thoái hóa ngu dốt may ra mới cứu được bầy con khỉ dã man nầy. Một con khỉ khác, lôi những thức ăn của các nhà khoa học ra trình với chúa khỉ. Nó lôi ra một hộp bơ , lấy cây mà khoáng, rồi chu mũi lại như ghê tởm lắm. Đưa cành cây còn dính bơ vàng khè lên cao, và nói:

-Bọn nầy phóng uế ra rồi ăn lại. Rõ ràng, phân lỏng vàng khè, hôi ơn ớc. Quý 'đồng khỉ' xem đây! Thật bẩn thỉu.

Tất cả bộ lạc khỉ đều rùn vai, ghê tởm, kêu lên nhiều tiếng khẹc khẹc. Con khỉ lôi ra một tấm kẹo sô cô la lớn, rồi dong lên cao, nói:

- Chúng còn ăn cả từng tảng đất bùn khô. Không những thế, chúng còn dự trữ rất nhiều thịt thú vật chết để ăn. Thật là dã man, ghê khiếp Đây nầy, nhìn tận mắt, chứ nghe nói thì không ai tin đâu.

Chúng lôi ra một bao kẹo lớn, đủ màu xanh đỏ vàng tím, và cho rằng đó là một loại đá vụn, và nói rằng lũ dã man nầy ăn cả đá. Chúng dâng lên để chúa khỉ xem xét. Chúa khỉ cầm mấy viên kẹo lật qua lật lại để xem là thứ gì, có vài viên ướt, làm nước đường chảy ra tay. Chúa khỉ lau vào mình cũng không sạch, bèn đưa tay lên miệng mà mút. Ông cảm thấy vừa ngọt, vừa chua, ngon miệng quá, ông lấy một viện kẹo, bỏ vào mồm. Ngon đến nhức răng. Trong đời ông chưa bao giờ được nếm mùi vị ngon

ngọt như thế nầy. Chúa khỉ giả vờ nhè viên kẹo ra, nhăn mặt, phán xuống phía dưới:

- Đây là một loại đá có chứa rất nhiều chất độc, rất nguy hiểm. Không ai được cất giữ tàng trử các thứ nầy. Hãy gom lại và đưa cho ta.

Bọn khỉ gom các loại kẹo của các nhà khoa học dâng lên chúa khỉ. Ông cất vào hốc cây nơi ông ngự, rồi tính chuyện chờ đêm xuống, không ai thấy, móc ra ăn đần. Còn những thỏi sô-cô-la mà chúng gọi là đất bùn, thì sau nầy bọn kiểm soát đem cất riêng rồi chia nhau ăn, không ai biết. Chúng còn ăn thử cả những viên thuốc mà các nhà khoa học đem theo để chữa bệnh, nên có một số khỉ bị phản ứng thuốc. Chúng quăng bừa bải đồ đạc dụng cụ của các nhà khoa học bên góc rừng.

Đang giữa buổi chầu, chúa khỉ chợt nhói dạ, làm một tiếng xì hơi từ mông rất lớn. Mùi thối tha xông lên nồng nặc qua cả mấy nhánh cây gần đó. Ba con khỉ tham mưu ngồi gần nhất, nghe tiếng trung tiện rõ nhất, và ngửi được múi hôi nhiều nhất, đều đồng thanh hô to và sửa lại nét mặt vô cùng nghiêm trang:

-Thơm tho như hoa lan hoa quỳnh. Tiếng du dương như chim sơn ca hót.

Bên dưới và chung quanh đều lập lại vang dội núi rừng: "Hoa lan hoa quỳnh, chim sơn ca hót". Mặt chúa khỉ lộ nét hớn hở. Chỉ riêng bà vợ chúa khỉ ngồi bên cạnh ông thì đưa tay quạt quạt ngang mũi.

Buổi hội họp bế mạc khi xế trưa, với nghị quyết chung là đem tình thương cải tạo bảy con khỉ lạ cho theo kịp đời sống văn minh tiên tiến trong đất nước khỉ nầy. Một ủy ban cải tạo hùng hậu, với chỉ tiêu trong một thời gian ngắn, phải dạy dỗ cho bảy con khỉ dã man nầy biết thông tin với nhau bằng lời nói, biết đi bằng bốn chân cho vững vàng, biết ngủ trên cây cho an toàn tính mạng và tương lai dài sẽ được hòa nhập với xã hội khỉ hiện tại. Mỗi ngày bảy nhà sinh vật học được phát cho hai lần hoa quả, sâu bọ để ăn. Họ được dạy tiếng nói của loài khỉ. Khỉ thầy, chỉ từng đồ vật một, rồi nói tên, sau đó bắt bảy người lập lại hàng trăm lần đến khàn cả cổ. Tiếng khỉ trong cổ họng, khó nói, nhưng họ tập mãi cũng thành quen. Mỗi khi nói sai, thì một con khỉ cầm viên đá gõ lên đầu học viên cốp cốp. Học theo lối nhồi sọ. Mỗi ngày từ sáng sớm đến khi mặt trời lặn, chỉ học chừng hai mươi chữ. Lập đi lập lại suốt ngày. Mấy ông thầy khỉ cho rằng bọn nầy ngu tối, là một loại khỉ dẳng cấp thấp, nên không thể dạy nhiều được. Một người sợ quên thì bị phạt gõ đá lên đầu, bèn dùng gai nhọn viết lên lá tươi, ghi lại các danh từ đã học. Khỉ thầy bắt được, vò nát lá, bảo là không lo học mà lo chơi. Học chăm và chậm, nên chỉ một thời gian ngắn, bảy nhà sinh vật học có thể hiểu chút chút và nói được một ít tiếng loài khỉ

nầy. Họ bị bắt buộc đi bằng bốn chân, chổng mông lên mà bò, không được đi thẳng người, vì đó là lối đi dã man, suy đồi, thiếu văn minh, thiếu vững vàng. Ban đầu bảy người cảm thấy rất khó khăn để đi đứng theo lối nầy. Những khi mỏi lưng quá, họ đứng thẳng dậy vươn vai, thì bị thầy khỉ phạt bằng cách đánh bốp vào mông đau điếng. Tay khỉ to, sức khỉ mạnh, mỗi cú đánh là đau thấu trời. Mãi rồi cũng quen, bảy nhà sinh vật học bò, nhảy lanh lẹ trên đất bằng. Không nhanh như loài khỉ, nhưng cũng khá lẹ làng. Mỗi ngày phải học cách leo cây, phải tập ngủ trên cành cao. Việc nầy là khó khăn lớn nhất đối với bảy người. Vì sợ khi ngủ quên trở mình, hoặc quên nắm cành mà rớt xuống là chết hoặc gãy tay, gãy chân. Chúng không cho ngủ trên các cành cây thấp, vì sợ không an toàn. Vài người phải kiếm dây nhợ , ban đêm bí mật buộc mình vào cành cây, như một loại dây an toàn. Phải làm lén, chúng nó thấy được thì cho là hủ hóa, thiếu năng lực, thiếu ý chí học tập, và bị trừng phạt. Một thời gian, bảy con người cũng tìm cách thích nghi với cuộc sống, không đau khổ như lúc ban đầu. Họ bàn nhau tìm cách trốn ra khỏi khu rừng, ra khỏi sự kiểm soát của loài khỉ.

Tổ chức xã hội của loài khỉ nầy rất lạ lùng. Trên hết là chúa khỉ, rồi đến một hội đồng quan lại gồm có mười hai con khỉ già khôn ngoan, lo điều khiển một hệ thống kiểm soát, gồm nhiều con khỉ trung thành được kết nạp chọn lựa. Nhóm kiểm soát nầy, không phải đi kiếm thức ăn hàng ngày. Chúng chuyên lo theo dõi hoạt động của toàn dân khỉ, và thúc giục dân khỉ đi kiếm thức ăn trong rừng núi. Mỗi dân khỉ hàng ngày phải đi kiếm thức ăn từ sáng sớm cho đến xế chiều. Đem thức ăn về gom chung lại. Chúa khỉ và gia đình chọn những thứ ngon nhất, ăn trước thật no nê, kế đến là mười hai gia đình của bộ tham mưu triều đình. Còn lại thì chia các phần đặc biệt cho loại khỉ thuộc thành phần kiểm soát trước. Rồi chia đều cho toàn dân khỉ phần còn lại, già trẻ lớn bé, to gầy đều có phần bằng nhau. Không cần biết ai đói ai no. Tất cả đều tuân phục răm rắp, không ai kêu ca, không ai có ý kiến. Toàn dân khỉ đi kiếm thức ăn được học tập cẩn thận về thành tâm thiện chí trong công việc, lấy niềm tin vào chúa khỉ làm tiêu chuẩn, tinh thần tự trọng cao, để không ăn trước khi đưa về gom chung lại. Mỗi buổi, khi đem thức ăn về, đám khỉ kiểm soát banh miệng những con khỉ bị nghi ngờ ra xem, mọi và cạy ở các kẻ răng xem có dính thức ăn không, ngửi miệng thử có mùi hoa quả không. Nếu nghi ngờ hơn nữa, thì dùng cây thọc sâu từ miệng xuống bao tử, xem ói ra thứ gì. Nếu bị phát giác là đã ăn trước một phần thức ăn kiếm được, thì sẽ bị hình phạt nặng nề, bị đem ra xỉ vả trước tập thể từ đêm nầy qua đêm khác, và bị xã hội khinh rẻ, mỉa mai, không ai dám tiếp xúc, mọi khỉ khác đều xa lánh.

Hình phạt là cắt bớt phần ăn xuống tối thiểu, chỉ phát cho những thứ trái cây hư thối, hoặc bị bỏ đói nhiều ngày. Hình phạt bỏ đói rất hiệu quả trong xã hội nầy. Dân chúng khỉ đều sợ sệt và răm rắp tuân thủ. Hầu như đa số dân khỉ trong xã hội đều đói, thiếu ăn, vì họ không tận lực tìm thức ăn, và có tìm được, thì những khỉ chúa khỉ quan hưởng trước, và bọn kiểm soát đông đảo, không làm gì cả, mà có nhiều thức ăn . Nhưng sau mỗi bữa ăn, thì toàn dân khỉ đều hô vang dậy cả núi rừng: "Chưa bao giờ no nê sung sướng hạnh phúc như đời sống hôm nay. Cả nhiều ngàn năm trước, và nhiều ngàn năm sau, sẽ không bao giờ có được đời sống đẹp như thế nầy." Bảy nhà khoa học cũng gân cổ mà gào theo cái khẩu hiệu đó. Những con khỉ bị tội nhiều lần, thì không những bị bỏ đói nhiều ngày, mà có khi ngủ qua đêm thì biến mất trong xã hội. Không ai biết chúng đi đâu, và những con khỉ trong họ hàng, chỉ cúi đầu nhìn nhau len lét mà im lặng. Có khi chúng thì thầm là tìm thấy được xác con khỉ mất tích ở cuối dòng suối bìa rừng. Mọi khỉ đều cố giữ im lặng, cố gắng không bàn tán, và chỉ truyền khẩu nhau hạn chế. Cũng có khi một vài vị khỉ trong ban tham mưu bỗng nhiên biến mất, và các vị khỉ mới được chúa khỉ cất cử vào thay thế. Cũng không ai biết lý do , và không ai dám hỏi han gì. Cũng có lúc khỉ chúa giải thích là các vị chức sắc kia được cất cử đi công tác quan trọng đặc biệt theo tình hình mới và nhiệm vụ mới. Những nhà khoa học sống trong xã hội khỉ nầy cũng phải bắt chước y hệt lối sống của loài khỉ để sống còn. Mỗi lần chúa khỉ nói ra điều gì, là cả nước khỉ lặp lại lời nói với thái độ thành khẩn tin tưởng. Tin tưởng tuyệt đối. Lời chúa khỉ là mặt trời chân lý, là không bao giờ sai lầm. Dù hiểu hay không hiểu, cũng phải đồng thanh ca lại điệp khúc những lời phán của chúa khỉ. Lâu dần thành quen, các nhà khoa học không thấy tức cười, không thấy ngượng miệng bi bô theo đàn khỉ. Đôi khi họ nói theo, mà cũng không cần nghĩ đến ý nghĩa của lời nói.

Vì không có áo quần che thân, nhiều nhà khoa học bị muỗi mòng tấn công làm thành những mụn ghẻ nổi đầy người. Bọn khỉ càng thấy chân lý của chúng được chứng nghiệm, là bao vỏ cây, lá cây quanh mình làm lông rụng hết là điều ngu xuẩn. Một trong bảy nhà khoa học kiệt sức, và lìa đời. Một người khác, bảo rằng không tội chi mà kéo dài cái kiếp cầm thú nầy, tự treo cổ chết . Những người còn lại, cố sống để tìm cơ hội và nuôi hy vọng. Các nhà khoa học cũng được sung vào lực lượng sản xuất, mỗi ngày đi kiếm thức ăn mang về. Ban đầu thì sợ nên không dám ăn bớt những thức ăn kiếm được, vì sợ bị thọc cây vào bao tử mà khám. Nhưng về sau đói quá, họ cũng ăn liều. Ăn xong thì ra suối súc miệng, lấy dây rừng móc từng kẻ răng, và ngậm chút nước bùn khử mùi thức ăn trong

miệng. Trong lúc đi tìm thức ăn, họ cố gắng nghiên cứu tìm đường đào thoát, nhưng lũ khỉ canh phòng quá nghiêm ngặt. Họ vẫn kiên nhẫn, thận trọng và hy vọng có ngày thoát ra.

Ba năm sống với loài khỉ, những nhà khoa học nầy đã nói và hiểu khá thông thạo ngôn ngữ của loài khỉ. Họ làm quen được nhiều con khỉ hiền lành, nhiều con khỉ khá hiểu biết. Họ kể cho chúng nghe về xã hội văn minh của con người, nhưng chúng chỉ cười mà không tin. Vì chúng cho xã hội chúng đang sống là đỉnh cao trí tuệ của loài khỉ. Là tuyệt đối văn minh, không thể có một xã hội nào siêu việt hơn nữa. Có một con khỉ già bị cô lập, những đàn khỉ thường không con nào dám giao tiếp vì sợ liên lụy. Nhưng các nhà khoa học không biết điều nầy, cứ lui tới hỏi han. Cụ khỉ già ban đầu cũng nghi ngại, thận trọng, không dám nói nhiều, và trong khi nói chuyện thì luôn luôn ca tụng tài đức thông minh của khỉ chúa. Cho khỉ chúa là bậc tài đức xưa nay chưa từng ai sánh bằng, khỉ chúa là vô địch, là bách chiến bách thắng. Nhưng trong giọng nói của ông, có vẻ sợ hơn là thành thực. Một hôm, các nhà sinh vật học đem rượu trái cây đến cho ông uống. Rượu được bí mật chế biến trong hốc đá. Ông già ngà ngà say, và cho biết rằng, trước đây mấy mươi năm, đàn khỉ vùng nầy sống trong an nhàn, no ấm, thong dong, không sợ sệt ai cả. Mỗi con khỉ tự làm lấy mà ăn, và không ai phải tâng bốc ngợi khen ai lố lăng như bây giờ. Nhưng từ ngày nhóm khỉ hiện tại cai trị, bày ra những luật lệ lạ lùng, nói là để đem hạnh phúc, bảo vệ no ấm cho toàn dân, thì ai cũng đói, ai cũng sống trong lo âu sợ sệt, và nhiều kẻ đã chết, đã mất tích bí mật, cho nên ai cũng sợ. Toàn dân khỉ đều biết chủ trương láo khoét bịp bợm của tập đoàn cai trị, nhưng họ không làm chi được, vì chúng đàn áp dã man và không nương tay. Sau khi tỉnh rượu, ông cụ sợ bị tố cáo, sợ bị hành tội. Ông cụ khỉ đã dẫn năm nhà khoa học trốn đi theo con đường tắt bí mật ra khỏi khu rừng, vùng đất của bọn khỉ tự xưng là văn minh tiên tiến .

Phần kể thêm thay kết luận :

Người ta kể thêm rằng, vào đầu thập niên 1990, đoàn thám hiểm đã trở lại khu rừng già với một nhóm người võ trang , bắt được chúa khỉ cùng mười hai con khỉ tham mưu, đem máy bay chở gia đình chúng đến tái định cư chúng ở một vùng rừng già xa xôi, mà chúng không thể trở về chốn cũ. Đời sống và sinh hoạt của quốc gia khỉ dần dần trở lại bình thường. Ai làm nấy ăn, không còn bị bóc lột, bị bỏ đói, bị khủng bố dã man. Nhiều năm về sau, các thế hệ khỉ con cháu lớn lên, nghe bố mẹ kể chuyện xưa, chúng không tin đã có một thời đại lạ lùng như vậy, và cho rằng, các bậc cha ông bày ra chuyện vui kể cho con cháu nghe mà thôi. /

Thư tình của Mỵ nương

Hoàng Chính

Một buổi trưa Chúa nhật, Chương đang ngả nghiêng trên chiếc ghế nệm dài trong phòng khách, tay lật vu vơ những trang một cuốn tạp chí, tai lơ đãng nghe tiếng ve sầu nỉ non trên tàng cây trứng cá trước nhà, thì tiếng chân rầm rập đổ lên thềm nhà và một mùi chua vữa của mồ hôi ập vào không khí. Trước mặt Chương, người đàn bà hàng xóm hùng hổ lôi cô con gái xềnh xệch qua khung cửa.

"Bố mẹ cậu đâu?"

Chương bật dậy, ngơ ngác nhìn con mắt hãi hùng của cô bé hàng xóm, rồi xớn xác trước vẻ hung hăng của người mẹ.

"Gọi bố mẹ cậu lên đây," Người đàn bà dõng đạc. "Tôi phải hỏi cho ra chuyện."

Chương luống cuống bỏ rơi cuốn báo xuống nền xi măng. Đôi con mắt loay hoay hình ảnh cô gái vùng vằng giẫy giụa tuyệt vọng cái cổ tay trắng mỏng trong những ngón tay vòng thành chiếc khóa sắt của bà mẹ. Tiếng người đàn bà rít qua kẽ răng nghe rờn rợn, "Bố mẹ cậu đâu rồi. Tôi cần nói chuyện với ông bà ấy ngay."

Chẳng cần Chương phải gọi, giọng the thé của người đàn bà đủ sức kéo bố mẹ Chương từ sau bếp lên nhà trên.

Vẫn níu chặt cánh tay con gái, người đàn bà nhìn chằm chặp vào mặt mẹ Chương. "Tôi bắt được mảnh giấy này trong cạp quần con gái tôi, Ông bà xem... Con trai ông bà rủ rê cháu nó; cái con bé trẻ người non dạ. Cho nó đi học biết chữ để nó viết thư tình cho giai thế này đây ư."

Chương ngây người ra nhìn cô láng giềng. Ơi, bao nhiêu năm trời liếc trước, liếc sau; mãi đến hôm nay mới được nhìn nhau tận mặt, nhưng sao mà lạ lẫm. Cô gái co ro, thất thần. Tóc lòa xòa che một nửa khuôn mặt. Môi hồng mím chặt. Đôi con mắt nhớn nhác làm lòng đứa con trai

mới lớn xốn xang.

"Viết cái gì, ai viết?" Mẹ Chương lắp bắp.

Bà hàng xóm nhướng con mắt hấp háy lên, nhìn Chương chòng chọc. Rồi bà hùng hổ vạch tà áo cánh, nắm thắt lưng quần dây thun của con gái, kéo xuống. "Nó giấu thư của con trai ông bà ở đây này!"

Đôi má cô gái đang tái xanh bỗng đỏ bừng như lỡ tay trang điểm phấn hồng quá lố. Cô cong người, quơ bàn tay còn lại che che, bịt bịt; miệng lắp bắp khản tiếng, "Con lạy bu, bu ơi. Con lạy bu..."

Chương nghe lồng ngực mình bập bùng tiếng trống, tiếng kẻng báo động cơn hoả hoạn khốc liệt.

Mẹ Chương mặt trắng bệch, hai mắt nhìn đăm đăm vào miếng bụng của cô gái - hình như có hơi gồ lên trong góc nhìn của bà - miệng lắp bắp, "Chương ơi, sao thế này hở con!"

Mảnh giấy nhàu nhò trong bàn tay bà hàng xóm được vạch ra, vuốt cho thẳng, dằn mạnh xuống mặt bàn. Chương rón rén bước tới, hồi hộp vểnh cổ nhìn. Chữ viết con gái, tròn trịa những cái đuôi chữ **g**, cái bụng chữ **h** như mang bầu.

"Con đọc..." Mẹ Chương thều thào như sắp đứt hơi. "đọc... cho mẹ nghe đi Chương."

Chương chưa mở miệng thì bà mẹ cô gái hoảng hốt gạt Chương ra như sợ anh sẽ vồ lấy mảnh tang chứng rành rành ấy. "Làm sao tôi tin cậu ấy được hở ông bà? Để tôi tìm người nào có giáo dục, có chữ, có đức hạnh..."

Bà gằn giọng, nhấn mạnh những chữ cuối câu làm cho câu nói sần sùi như khúc củi, có sừng, có sẹo.

Rồi bà vồ lấy mảnh giấy nhàu nát, nhét vào túi áo, lôi cô con gái xềnh xệch về nhà. Chương ngơ ngẩn nhìn theo vóc dáng mảnh mai áo cánh trắng và quần dài đen bóng hấp tấp lê đôi guốc mộc lẹt quẹt trên sân gạch. Mặt Chương dày cứng như bị ngâm nước đá.

Cơn lốc dạt đi, mau như lúc đến. Còn lại Chương và bố mẹ. Bố nhìn Chương không nói. Chỉ có mẹ là xốn xác. Đôi con mắt xăm xoi nhìn Chương, mẹ bắt đầu kể lể. "Sao vậy con. Con muốn cái gì, bố mẹ cũng nhịn ăn nhịn mặc mua cho cái ấy. Sách vở chất đống, mong con học nên người. Bây giờ như thế này thì mẹ còn biết nói sao."

"Con có làm gì đâu!" Chương run rẩy trả lời mà chân tay bủn rủn.

Mẹ át lời Chương bằng những câu kể lể giật giọng. "Thấy con thích ăn cá mẹ lặn lội đi mua cá, thấy con thích ăn thịt mẹ cũng bôn ba đi mua thịt cho bằng được; thấy con ham thổi sáo, bố lặn lội lên tận Ban Mê Thuột mua cây sáo cho con. Mẹ ăn mắm ăn muối mua giầy mua dép cho

con để đến trường không xấu hổ với chúng bạn. Con muốn xe đạp, mẹ mua xe đạp, con muốn xe hông-đa, bố nhường xe hông-đa cho con. Áo quần bố mẹ rách tả rách tơi để cho con lành lặn..."

Kể lể chán, mẹ bỏ ra sau bếp, khóc lóc ỉ ôi. Bố lầm lũi bỏ lên gác, vẫn không nói một lời. Chương rầu rĩ bước thấp bước cao, leo lên gác, ủ rũ ngồi vào bàn học, nhìn đống sách vở vô tâm. Mẹ lủi thủi đi theo, ngồi hờ lên cạnh chiếc giường gỗ mộc mạc, tiếp tục kể lể bằng giọng ai oán, như thể cả một bầu trời vừa sụp đổ trước mắt bà.

Chương bần thần nghĩ ngợi. Quả bố có mua cho Chương cây sáo thật. Trong một chuyến đi buôn xa về. Nghe nói từ một thành phố hắt hiu nào đó trên cao nguyên. Trăm tội cũng từ cây sáo trúc ấy mà ra. Cây sáo trúc, bố bảo của một ông già ngồi ở bến xe. Những cây sáo làm bằng tay, thô sơ nhưng thổi lên, âm thanh nghe quyến rũ tuyệt vời. Ấy là bố kể lại như vậy. Bố bảo chính tai bố đã nghe ông già thổi thử. Tiếng sáo óng ả, ngân nga nghe chết điếng cả người. Bố nói về những người khách bộ hành đứng nghe và bồi hồi lau nước mắt. Nhưng Chương tập thổi hoài mà những âm thanh phát ra từ cây sáo trúc lại nghe thô sơ, èo uột. Chương bấm sáu ngón tay vào sáu cái lỗ tròn chắc người bán đã dùi bằng than hồng. Mùi tre nứa còn nồng và mùi khét còn cay xé lỗ mũi. Tiếng sáo khọt khẹt nghe như tiếng đứa trẻ nhà láng giềng khò khè sau cơn ho gà xé tan lồng ngực. Tiếng rít khan từ chiếc cổ họng nhỏ quắt quay như cổ con gà èo uột.

Một chuyến lên thành phố, Chương lục lọi khắp các nhà sách quen, tìm được cuốn sách dạy thổi sáo. Cuốn sách có nhiều bài nhạc cho học viên tập thổi. Chương chọn bài Lòng Mẹ của nhạc sĩ Y Vân. *Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình...*

Chương tập hoài bài hát ấy và thổi thật nhuyễn, nhất là những đoạn láy. Mấy đứa em gái tây máy, chọc ghẹo ông anh chỉ có một bài tủ. Nhưng tụi con gái tinh nghịch cỡ nào cũng phải công nhận anh mình thổi sáo hay. Hình như cô bé hàng xóm cũng nghĩ vậy. Trăm chuyện cũng khởi đi từ cây sáo trúc của anh chàng Trương Chi học trò bữa no bữa đói. Tiếng sáo đêm đêm lan tỏa trong không gian hẳn cũng làm ai đó bên nhà láng giềng bận tâm, thao thức.

Nhà láng giềng; ờ, cái nhà láng giềng ấy thì có vô số điều để nói. Nhất là bà mẹ. Đó là người đàn bà - thiên hạ kháo nhau rằng - thuần giống Giao Chỉ với hai bàn chân có cặp ngón cái chĩa vào nhau, đến nỗi bà phải đi thứ guốc có quai đặc biệt, để hai ngón chân cái vểnh ra ngoài. Đám trẻ con trong xóm nhìn bà với con mắt e dè. Và nhiều đứa vẫn chạy theo, cố xoáy con mắt vào hai bàn chân khô đét ấy xem bàn chân người

Giao Chỉ thực sự như thế nào. Cô con gái nhiều lần đã tức tưởi khóc vì bị lũ trẻ chọc ghẹo. Hình ảnh những giọt nước mắt lăn dài trên má cô gái làm Chương xốn xang. Thế nên đã từ lâu lắm rồi, cậu thiếu niên mười lăm tuổi không còn chạy theo lũ bạn để nhìn bằng được hai ngón chân Giao Chỉ của người đàn bà, nhưng hình ảnh hai bàn chân to bè có ngón cái bẻ quặt chĩa vào nhau cứ còn nguyên, dậm nét trong đầu. Và cậu cũng không làm sao quên được con mắt toét nhoèn của người đàn bà; đôi mắt hấp háy lông quặm, mỗi lần nhìn Chương đều làm Chương thấy ghê ghê trong người. Đã vậy bà còn khó khăn ghê người. Chửi chó, mắng mèo, la rầy con cái không bao giờ biết mệt. *Cha tiên nhân con đượi, mày đi đâu về vậy* là câu bà dùng nhiều nhất cho cô con gái một sớm một chiều chợt lớn lên với hai chóp vú đội cao nếp áo.

Trăm sự cũng vì cây sáo trúc ấy. Cây sáo trúc của nhà anh Trương Chi trong cổ tích. Cho dù cái bà Giao Chỉ có khắt khe với cuộc sống này thế nào đi nữa, Chương vẫn thấy cô hàng xóm dễ thương, giống nàng Mỵ Nương trong truyện cổ.

Những buổi chiều ngồi trên căn gác, nhìn qua hàng giậu, Chương chờ thấp thoáng chiếc bóng mỏng như lá tre của cô gái. Lâu lâu bắt gặp một nụ cười kín đáo và cái hất đầu duyên dáng cho những sợi tóc che kín khuôn mặt. Chân dung nàng Mỵ Nương như vậy đấy: đơn sơ và hiền hậu biết chừng nào.

Vậy mà nàng Mỵ Nương lại là con gái cưng của cái bà Giao Chỉ.

"Mày đã hứa hẹn gì với nó hả con?" Mẹ kéo Chương về với hiện tại của tiếng ve sầu, cái nóng oi oi và cơn cuồng nộ sắp sửa cuốn về.

"Con có hứa hẹn gì đâu!"

"Còn chối à? Con còn đi học mà sao lại ngu dại như vậy hở Chương?" Mẹ gào lên, "Mày đã làm gì nó?"

Chương cố nhớ xem mình đã làm gì cô gái. Anh nhớ thật chính xác là mình chưa làm gì nàng Mỵ Nương ngoài cái việc nắn nót thổi sáo mỗi chiều. Nhưng mà thổi sáo thì có gì là tội lỗi như mẹ nghĩ, cho dù lúc nghiêng đầu gò gẫm từng âm thanh réo rắt, lòng Chương trôi bồng bềnh trên suối tóc thả ngang lưng của người con gái. Cô gái cũng chả nói gì với Chương. Cô hay mắng vu vơ con mèo mun lười biếng mà Chương tưởng như nhắn nhủ với mình. Con mun này lười quá thôi! Cả ngày cứ nằm ườn ra đấy! Câu mắng mỏ làm Chương động lòng. Nhưng mà mẹ cũng thường mắng mình như thế. Mẹ bảo cái thằng lưng chuột dực; cái thằng dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm. Chương không biết lưng chuột dực với lưng chuột cái khác nhau ra sao; nhưng chắc lưng chuột dực phải dài lắm. Mẹ nói chuyện tức cười. Nguyên cái câu của người ta là *ai ơi đừng lấy học trò, dài*

lưng tốn vải ăn no lại nằm, mẹ lại cất đi cái phần "lấy"; mẹ không muốn thằng con trai cưng bận rộn chuyện người lớn. Mẹ muốn nó học hành nên người trước đã. Nhà nghèo, Chương cố học để mai sau phụng dưỡng cha mẹ. Chương vẫn nhủ lòng như thế mặc dù chả hình dung được là mình sẽ phụng dưỡng như thế nào.

"Mày có thương mẹ không hở Chương?" Mẹ vẫn sụt sùi.

Thương - mẹ hỏi kỳ - Chương còn thương đến cả những lời ca trong bài Lòng Mẹ. *Thương con, thao thức bao đêm trường. Con đã yên giấc, mẹ hiền vui sướng biết bao.* Chương thổi sáo hoài có mỗi một bài hát ca ngợi tình mẹ, bộ mẹ không thấy sao.

"Hở Chương?"

Chương nhăn nhó, "Có chứ sao không? Mẹ hỏi kỳ."

"Vậy thì tại sao mày lại làm chuyện đó với nó, hở con?"

"Con có làm gì nó đâu!"

Đêm hôm khuya khoắt. Cậu học trò chong đèn học thi. Mẹ trăn trở ở nhà trên. Tiếng ho rát họng của đứa em. Tiếng thở dài của bố. Bên hàng xóm le lói ánh đèn. Cô gái cầm đèn đầu ra sau bếp. Chiếc bóng héo hon. Tóc thả ngang lưng. Buồn.

Lâu nay, nhà hàng xóm hay có khách khứa tới lui. Chương vẫn nhớ nhiều bận chị em cô phải chạy ra sau vườn lùa bắt con gà. Chương còn nghe được tiếng gà quang quác lúc bị vặt lông, cắt cổ... Khách có vẻ sang trọng. Bao giờ cũng đi tắc xi. Xe ngừng đầu ngõ. Chờ tài xế mở cửa, ông bà mới rục rịch bước ra. Chiếc ô đen được mở ra dù xe đậu dưới bóng râm của những cây trứng cá. Người đàn bà vấn khăn, áo dài gấm ông ả. Người đàn ông khuôn mặt đài ngoằng, mặc áo the, đội khăn xếp, đeo kính đen. Người thanh niên ăn mặc tươm tất, tóc chải bri-ăng-tin bóng lộn.

Tự dưng, Chương ghét cả ba người.

Cũng chỉ là thứ nhung nhớ vẩn vơ của tuổi mười lăm, mười bảy. Không hẳn là thương là nhớ riêng cho một người con gái. Chương vẫn chẳng thường ngồi thừ người bên khung cửa sổ chênh vênh, mơ tưởng điều gì đó xa xôi đó sao. Còn bao nhiêu là kỳ thi trước khi bước vào ngưỡng cửa cuộc đời. Có điều sau những buổi chong đèn học khuya, Chương vẫn thường lấy cây sáo ra thổi. Lòng bâng khuâng và mất thì ngóng qua bên kia hàng giậu.

"Lâu nay không nghe nó thổi sáo, cứ tưởng nó bận học, ai ngờ đâu nó vụng trộm với con gái con mẹ mất toét. Bây giờ tiền đâu mà cưới với hỏi!" Mẹ vừa chì chiết kể lể vừa lấy tay áo lau nước mắt.

Chương nghe lòng xốn xang. Mẹ thật ngặt nghèo. Con không thổi sáo nữa là cũng có lý do. Nhưng biết kể thế nào cho mẹ nghe đây. Bấy lâu

nay mọi chuyện giữa Chương với cô láng giềng là chuyện riêng. Mà cũng đã có chuyện gì đâu. Mẹ đâu biết có một đêm, con mèo nhà cô ấy lẻn vào bếp nhà mình sục sạo nồi niêu. Con mèo mê ngủ, vẫn thường nằm ườn ra suốt ngày để bị cô chủ mắng là đồ lười, "hết ăn no lại nằm!" như câu mẹ vẫn mắng yêu, "dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm" ấy đấy. Ban ngày nó chậm chạp mà sao đêm xuống, nó nhanh và nhẹ như cái bóng. Vừa thấy nó, con bé em con hoảng hốt, vơ lấy cây sáo mà đập quýnh quáng. Con mèo phóng qua hàng dậu, bặt tăm. Cây sáo trúc nứt dài mấy chỗ.

Chương xót của, lấy băng keo dán bao nhiêu vòng mà nghe cũng không còn ra tiếng sáo độ nào. Chương phùng má thổi. Chương vỗ về, trang trọng những lỗ hình bầu dục trên thân sáo nhưng âm thanh ngọt giọng ngày nào chỉ còn là tiếng khò khè hen suyễn.

Từ hôm ấy vắng đi tiếng véo von của bài hát Lòng Mẹ.

Và những người khách cũng lại chơi nhà cô gái thường hơn. Cái lo lắng vu vơ không thể nào chia sẻ với ai. Mấy đứa em gái thân cận còn không dám kể, làm sao có thể tâm sự với bố mẹ.

Làm sao Chương có thể kể cho mẹ nghe những lần bắt gặp phía bên kia hàng giậu, cô gái bồn chồn, đi tới, đi lui... Đôi khi bốn con mắt gặp nhau. Những cái chớp mắt vội vàng. Và bóng hình con gái vội lướt đi, như một mảnh gió, vào sau khung cửa. Mẹ đâu biết con trai của mẹ đã bần thần ngồi nhìn chăm chú những nhánh cây dâm bụt đan kín khoảng hở của vách tường ranh giới nơi chiếc bóng mỏng manh của nàng My Nương vừa lẫn vào.

"Mày viết gì cho con người ta vậy hở Chương?" Giọng mẹ da diết.

Trái tim Chương nhàu nát. Chương cố nhớ xem mình đã viết những gì cho người con gái. Có nên kể cho mẹ nghe rằng hai đứa đã liên lạc với nhau một cách ngây ngô, thơ dại?

Một đôi lần, Chương viết vu vơ chuyện trời mưa, trời nắng lên mảnh giấy nhỏ, vo tròn rồi ném qua hàng giậu. Thường là lúc cô ngồi bên cái chậu thau ngập quần áo bẩn. Viên giấy lăn xuống bên chân cô gái. Chương hồi hộp theo dõi từng cử chỉ của cô. Chương thấy cô ngập ngừng ngó ngang ngó dọc, rồi nhặt viên giấy ấy lên, nhét vội vào túi áo bà ba và tiếp tục loay hoay với chậu quần áo. Và sau đó, bao giờ Chương cũng hình dung thấy đôi má cô đỏ hồng như người say nắng.

Nhưng không thấy cô trả lời.

Rồi cũng thưa thớt luôn cả những lần cô ra sân sau rửa bát hay giặt quần áo. Không còn cây sáo trúc, Chương ủ rũ như người ngã bệnh.

Thấy Chương cứ ngẩn ngơ, mẹ thở than não nuột, "Bao nhiêu lần trèo hàng rào qua nhà người ta hay là dẫn nhau ra bờ ra bụi vậy hở con? Sao

con cạn nghĩ vậy hở Chương? Tương lai còn dài. Bây giờ như vậy rồi, còn gì nữa là đời. Ngày xưa bố mẹ ngu ngốc, quê mùa nên mới vướng bận gia đình sớm sủa..."

Có tiếng láo nháo dưới nhà. Hẳn bà Giao Chỉ đã tìm ra được đứa dịch tờ thư tiếng Việt. Chương đứng bật dậy. Ít nhất cũng thoát được cuộc tra tấn nhì nhằng của mẹ. Đầu óc rối tung khiến Chương không nghĩ ra nổi mình đã viết những gì cho người con gái. Chương hình dung những mảnh giấy mình nắn nót viết từng nét, uốn từng câu thật dịu dàng, thơ mộng và người con gái giấu thật kỹ ở cạp quần. Chương nhớ miếng bụng trắng xanh, mỏng mảnh của người con gái ban nãy bà Giao Chỉ vạch ra trình làng, trình xóm. Tưởng tượng một lời mình khen bóng gió, dành riêng cho một người, bây giờ được đọc cho cả xóm nghe, Chương nghe tay chân rụng rời.

Vừa đặt chân xuống bậc cầu thang cuối, Chương bắt gặp bà Giao Chỉ đang nhùng nhằng với cô con gái trước cửa. Lần này bà mang theo thằng nhỏ có liên hệ họ hàng gì đó.

Chương hằn học nhìn cái mặt trắng trẻo kênh kiệu của thằng con nhà giầu. Thằng bé - khoảng mười hai, mười ba tuổi - mặc áo sơ mi trắng ngắn tay còn rõ nếp gấp, bỏ trong quần soọc xanh. Chân đi dép xăng đan. Chương tưởng chừng mùi băng phiến tỏa ra đầy đặc chung quanh khoảng không gian thằng con nhà giầu đứng. Nó cố làm ra vẻ kiểu cách, quan quyền qua từng cái liếc mắt, qua từng bước chân đặt trên bậc thềm.

Chờ cả nhà Chương ra tới, bà Giao Chỉ trang trọng moi túi áo lấy tấm giấy nhăn nhúm ra ngoài. Chương nghe cơn hồi hộp chặn cứng lồng ngực.

"Đọc hộ bác đi con, dọc xem con trai người ta văn hay chữ tốt quyến rũ con gái tôi như thế nào. Xem cái thứ mèo mả gà đồng nó tán tỉnh con gái tôi ra làm sao..." Giọng bà Giao Chỉ sang sảng.

Thằng nhỏ đức hạnh đảo con mắt một vòng. Nó khinh khỉnh nhìn mẹ Chương, vênh váo nhìn Chương, kênh kiệu nhìn mấy đứa trẻ hàng xóm lau nhau hóng chuyện, lãnh đạm nhìn cô gái đang sụt sùi khóc trong gọng kềm bàn tay bà mẹ; và sau cùng, cái nhìn ấy thả nhẹ xuống cặp chân mang đôi guốc khác thường của bà Giao Chỉ.

"Đọc đi cháu." Người đàn bà khuyến khích.

Thằng bé dõng dạc đọc, gần từng chữ một.

"Sao không thổi sáo bài Lòng Mẹ nữa vậy hở Chương?

Tái bút: Bữa nọ có người tới coi mắt đó."

Đầu óc Chương quay cuồng. Máu dồn lên mặt bừng bừng cơn nóng.

Bà Giao Chỉ cau mày, "Đọc hết đi cháu."

Thằng nhỏ nhún vai điệu bộ như người lớn, "Hết rồi."

Chỉ có chừng đó. Chương thở phào. Chắc cô gái chưa tìm được cách nào gửi thì bị mẹ phát hiện. Bây giờ thì Chương hết sợ bà Giao Chỉ. Chương đang thắng cuộc. Chương cố nhìn xuyên qua rèm tóc buông rủ trước khuôn mặt trắng bệch của người con gái. Sao không vò nhỏ lại rồi quăng lên gác cho Chương. Tội nghiệp! Khi không lại đi làm con cái bà Giao Chỉ cổ lỗ sĩ. Cám ơn đã trả lời thư Chương. Chỉ đôi lời đơn sơ, đầm thắm, nhưng Chương sẽ chẳng bao giờ quên đâu. Lần đầu tiên trong đời có người con gái gọi tên Chương. Chương sẽ không bao giờ quên. Và Chương cũng sẽ chẳng bao giờ quên làn da trắng hồng trên cái bụng thon tuyệt đẹp của nàng Mỵ Nương đầu thai lầm địa chỉ. Thương quá, đôi con mắt lạc thần. Mỵ Nương, Mỵ Nương của Chương ơi.

Trước khi bà Giao Chỉ kịp lôi cô con gái về nhà, Chương không quên thách thức bà thêm một lần bằng cách chĩa chạc thả cái nhìn của người thắng cuộc xuống đôi guốc có cái quai bị đục lỗ để hai ngón chân cái của bà có khoảng trống mà chĩa ra ngoài. Chương làm sao quên được cái lần chiếc guốc bà ném bọn con nít suýt nữa văng trúng đầu mình. Tiếng vật xé gió kêu cái vù còn làm cậu ghê người. Và câu chửi quen thuộc, "Tiên nhân cha nhà chúng mày, con nhà mất dạy!"

Mẹ con bà Giao Chỉ đi rồi, Chương quay lại, nhìn bố mẹ, rụt rè một nụ cười thắng cuộc.

Nhưng chính Trương Chi mới là người thua cuộc. Sau cơn bão trái mùa ấy, bà Giao Chỉ gả phăng cô con gái cho chàng thanh niên xứ lạ. Cái hôm đưa dâu, đám rước lũ lượt đi qua trước nhà Chương. Đám trẻ con bận chạy theo nhìn cô dâu chú rể, tạm quên bàn chân Giao Chỉ của bà mẹ. Chương bỏ ra bờ sông, thẫn thờ ngồi cả lên bụi gai trinh nữ, đau nhói thịt da. Cây sáo trúc nằm ơ hờ bên cạnh. Cây sáo bố lại mới mua cho. Chương bó gối nhìn những đám mây giăng đầy trong bầu trời loang loang đáy nước. Bây giờ chả còn ai để gửi gấm những nốt nhạc dật dìu. *Sao không thổi sáo bài Lòng Mẹ nữa vậy hở Chương? Tái bút: Bữa nọ có người tới coi mắt đó.* Tai Chương còn nghe tiếng thằng-nhỏ-nhà-giầu-đức-hạnh đọc gần từng chữ. Và trong đầu loáng thoáng hình ảnh nét chữ con gái, tròn trịa những cái đuôi chữ **g**, cái bụng chữ **h** như mang bầu.

Bốn ngàn năm chen lấn

Hoài Ziang Duy

Sài Gòn bây giờ mưa hay nắng? Tôi tần ngần mấy lần cầm điện thoại nhấc lên, rồi hạ xuống. Cứ tưởng đầu dây bên kia reo, giọng anh ấy. Năm năm qua rồi. Tôi sẽ nói, nhưng lần này, mấy câu ngắn gọn. Rồi thôi.

Sao tôi phải làm chuyện này. Có cần không? Hay mấy ngày tự dưng suy gẫm lại câu nói của Tần. Khi không anh nói đất nước ta có *bốn ngàn năm chen lấn*, thay vì *bốn ngàn năm văn hiến*. Đời sống hiện thực tạo nên những câu nói chua chát phản ảnh tâm tình của người đàn ông xa xứ. Ngược lại, mấy nhà văn nữ bây giờ cũng không vừa. Từ tinh trùng, buồng trứng, bộ phận cơ thể đàn ông đàn bà, đem ra nói tuốt luốt. Không cần biết đạo đức giả hay thiệt. Nó như âm thanh từ tiếng đàn dương cầm đồng loạt khua lên, không phân tiết tấu. Người viết nổi loạn, hay văn chương chữ nghĩa làm loạn. Họ muốn viết, muốn làm khác bằng những sống sượng, ai chấp nhận hay không mặc kệ.

Còn tôi: chốn này đây lặng lẽ. Từ chỗ mẹ về, người mẹ một thời có khoảng cách với tôi, nhưng chính ngày tháng cuối đời này, mới gần lại từ những cái không còn. Tôi cần phải nói, phải gọi anh ấy. Tôi cần phải hoàn tất những chương cuối cho đời mình. Cái bắt đầu trải dài từ năm tháng cũ, trải dài trên đời sống xứ người, để coi có phải không *bốn ngàn năm chen lấn*.

Tôi không phải là người chuyên nghiệp để bắt đầu câu chuyện. Tôi chỉ là một cô gái trời không bắt xấu, đang tập viết lách.. Biết đọc sách, mê chữ nghĩa, mê thiên tài thứ thiệt. Nhưng biết thế nào là thứ thiệt nhỉ? Liệu khi tôi tập tành câu chuyện kể, bạn có vừa ý hay không, chắc cũng không ai hoan hô một cô gái có máu cà rởn như tôi. Như vậy chương bắt đầu, chắc ăn hơn hết là giới thiệu về mình.

Khi tôi trưởng thành, gia đình chỉ còn mấy anh chị em và mẹ sống

chung. Nhà máy cao su bị tịch thu, các bất động sản khác bị quản lý. Cha tôi đi như thế nào không rõ, chỉ biết người sống ở nước ngoài, là cái phao cứu rỗi trong việc bảo lãnh mấy chị em chưa chồng ra đi. Chị tôi vừa lập gia đình không lâu, đã thành danh như một ca sĩ nhà nghề, có nơi chốn riêng ít khi lui tới gia đình. Mẹ tôi người đàn bà sống với tiền bạc còn giấu lại, bệnh tiểu đường ngày càng không khá hơn. Mọi việc trong nhà một tay anh hai và bà chị dâu cầm nắm quyền hành. Tôi không biết anh chị làm gì, chỉ thấy sáng ra đường, chiều về. Đất nước nầy có nhiều nghề khó hiểu vẫn sống được. Dưới mắt anh, nữ sanh ngoại tộc. Dưới mắt mẹ: Tôi là cô gái cứng đầu, không nghe lời ai, nhất là từ khi tôi yêu anh ấy. Tôi không nghĩ mình lãng mạn. Không phải từ sách vở cũ, mới, đầu độc tôi. Đừng đổ oan vậy. Niềm vui của tôi ở đó, kiến thức hiểu biết phần nào về năm tháng xưa cũ, phân biệt những gì qua đi cho đến nhiều nhương bây giờ.

Tôi làm việc trong sân bay Tân Sơn Nhất. Không phải tự mình tài giỏi để chen chân được chốn nầy. Từ chị tôi, cô ca sĩ quen biết nhiều xếp lớn, giới thiệu để trở thành nhân viên bưu điện. Khác với mẹ, chị tôi thoải mái, bặt thiệp giao tiếp với nhiều hạng người, có sự nghiệp.. Mẹ không thích chị đi hát, không thích lối sống phóng túng ở chị. Mẹ không thích tôi yêu anh ấy. Cái gì mẹ cũng không vừa ý. Đối với mẹ, tôi không hiểu sao có gì nghi kỵ làm mẹ con tôi xa cách thế nầy. Mẹ bảo tôi hay cãi. Tôi đáp con chỉ nói theo lý lẽ của mình. Mẹ nói đừng thương ai hết. Kẹt ở lại thêm khổ. Tôi không ngại. Đã yêu là chấp nhận cái lý tưởng đời mình.

Anh ấy, người đàn ông lớn hơn tôi mười tuổi. Chúng tôi quen nhau, cái hôm tôi buồn tình giận mẹ, cùng mấy đứa bạn đi hát hò theo kiểu *nghiệp dư*, nói theo ngôn từ thời thượng bây giờ. Anh là người đánh đàn, soạn hòa âm, phụ trách một ban nhạc ở tụ điểm ca hát. Anh nhìn tôi nói những lời ngon ngọt, dỗ dành khi những giọt nước mắt không biết từ đâu chực hờ đổ xuống. Không ai hiểu nỗi lòng, cảm giác của một đứa con như tôi, lạc lõng xa lạ trong ngôi nhà trú ngụ. Tôi đến cùng anh hay anh đến cùng tôi, hẹn hò sau những chiều tan sở.

Bất cứ lúc nào tôi cần đến, một lời nhắn, một cú điện thoại, là anh có mặt. Với tôi anh là người đàn ông tuyệt diệu, chân chất ở tình yêu, lãng mạn ở cuộc đời. Bên cây đàn, âm thanh, những ca khúc như chia sẻ nói giùm tôi, nói giùm cuộc tình trong ngày tháng nầy.

Dĩ nhiên, mẹ, anh hai là những người phản đối nhiều nhất. Mẹ bảo không thể yêu một người đàn ông hơn mình mười tuổi. Không thể có tình yêu lúc nầy, dây dưa không thuận lợi cho hồ sơ chờ bảo lãnh ra đi. Hầu như ở đây ai cũng muốn ra đi, dưới mọi dạng, hầu như ra khỏi nước là

chắc hẳn phải khá hơn cái mình đang có hay không có. Điều cần được nhắc nhở nữa là không thể yêu một người đàn ông từ bắc vào nam theo thời cuộc.

Còn anh hai xác nhận anh cùng chị dâu ở lại căn nhà nầy, không đi đâu cả. Con gái có tình ý, có chồng là dứt khoát đi ra, không dính líu chia chác. Thật sự tôi có được gì ở gia sản còn lại. Ngôi nhà và địa thế tốt là điểm thuận lợi cho biết bao người muốn bán buôn. Một tay anh nhảy ra hùn hạp để làm giám đốc, làm ăn chung với người ngoại quốc. Anh là một nhà giáo có bằng cấp trước đây. Bây giờ đổi đời, dưới mắt anh ai cũng ngu dốt. Anh nói không thể để tụi nó ngồi trên đầu mình mà ra chỉ thị. Vậy rồi anh lập công ty riêng, dựa hơi bỏ phần hùn. Cái lối trưởng giả chỉ tay năm ngón ở anh, nguyên tắc lề lối thương trường, cứ thẳng mà đi, rốt lại anh đi đứt, thua lỗ. Lui về, anh không ngừng chửi bới xã hội ngu dốt, con người ngu dốt. Thật ra lúc nầy thì dốt mới ăn nên làm ra, phất cờ nổi đình nổi đám hơn cả. Tiếng nói ở anh là tiếng nói của người trí thức ở lại lỡ thời, với bản thân, hoàn cảnh.

Theo thời thế, anh chuyển qua bán đồ cổ. Khởi đầu là lúc vô tình có bọn cò con dẫn khách lạ đến xem mấy món đồ trong nhà. Từ cái ghế ngồi, tranh treo hay mọi thứ. Tôi không ngờ gia đình tôi, hay nói đúng hơn cha tôi đã mua sắm những món như vậy. Cái gì cũng có giá thuận lợi hết. Món đầu tiên anh bán, theo anh là bị hố. Rút kinh nghiệm anh cho dẹp hết, giữ riêng như thể sở hữu để anh bảo quản. Anh bắt đầu lục lọi mua sách cũ, loại sách bàn về đồ cổ để học khôn ra, rồi từ đó nghề dạy nghề theo suy luận hay cùng phe ta bàn bạc. Những bình sứ tráng men đời Minh, đời Nguyên, hay mọi thứ trên đời thường. Đời sống trong xã hội mua bán, đổi chác, giá trị mọi thứ lộn lên xuống, tùy theo mỗi người mỗi ý, canh bạc đời ngả nghiêng, không còn ai biết, chỉ còn lại cái tôi của mình. Một đứa con gái như tôi có gì bám víu, ngoài một tình yêu anh ấy. Anh là người tình đầu, chốn nương thân mà tôi cần có ở ngày tháng nầy.

Mấy lần tôi ướm thử:

- Anh có tính bao giờ mình cưới nhau?
- Khó quá, để từ từ, anh còn dàn em nheo nhúc
- Kéo dài cho đến bao giờ?
- Liệu gia đình em có chịu không? Anh hỏi lại.
- Mặc kệ đi, em theo anh.

Không trả lời. Lần nào cũng vậy. Anh nín thinh. Sự lặng yên ở anh làm tôi không hiểu được. Có cái gì không ổn để anh nhùng nhằng thế nầy. Có thể anh mang mặc cảm, có thể mẹ tôi không ưa con trai Bắc kỳ, nhất là loại Bắc kỳ sau bảy lăm vào nam lập nghiệp. Tôi biết mẹ bị cú sốc gia

đình ly tán, nhà cửa mất hết, sự nghiệp đi xuống. Mẹ căm giận, oán thù, và biết bao điều kéo theo sau nhì nhằng, than thở, đổ lỗi. Tại sao anh phải gánh những tai kiếp này? Anh chỉ như tôi một người lớn lên trong xã hội đã sẵn, có tội tình gì! Tuổi trẻ chúng tôi khác biệt từ đó. Tôi có thể giúp anh xin việc ở cơ quan tôi làm. Lý lịch người ở đàng ngoài là một hành vi chính trị tốt để anh có thể nhận việc dễ dàng hơn. Nhưng không, anh từ chối mấy lần với tôi. Anh nói lâu rồi anh sợ cái không khí tù hãm, giờ giấc bó buộc. Anh sợ tiếng kẻng mỗi sáng ra đồng. Anh sợ tiếng hô tập họp phân phối thực phẩm thi đua. Điều anh cần là sự tự do cho con người, cho bản thân anh.

Nhì nhằng cả năm tôi mới đến thăm gia đình anh được. Anh khó khăn giấu tôi cũng phải. Gia đình anh có hoàn cảnh thương tâm hơn tôi nghĩ. Mẹ anh, người đàn bà bị bệnh thần kinh suy nhược, buồn vui nói năng không đoán được, chỉ có lặng lẽ. Chồng bà, người họa sĩ tài danh đã qua đời. Khi ông chết đi, tranh ông mới được lùng kiếm mua, nhắc đến, so với lúc sống ông nghèo đói, tiếng tăm èo uột. Cái giá của đời nghệ sĩ nước ta là vậy.

Ngoài khả năng chơi đàn, anh còn lắm nghề vặt vãnh. Gia đình anh sống bằng nghề mua bán bong bóng, chạy hàng cung cấp cho các tiệc cưới sinh nhật, làm đẹp, làm vui thiên hạ. Dưới nét vẽ cũa anh, chỉ cần một vài nét phác họa, đơn giản lẫn sặc sỡ, đa dạng hình hài. Anh là một tay vẽ có sẵn tiềm năng, chờ thời, một họa sĩ chuyên vẽ trên bong bóng, khác với cha anh trên vải sơn dầu. Mẹ anh, mỗi lần nhìn những hình vẽ theo bóng bay lên, là lúc bà thỏa mãn vui sướng ra mặt. Có những ẩn ức nào khiến bà mang bệnh tâm thần như vậy. Tôi hỏi. Anh đáp, không rõ lắm. Có thể mẹ sống với quá khứ thuở bố còn sống. Bố vẽ chân dung cho mẹ, vẽ tranh cho khách. Mẹ là con gái của một gia đình giàu có, bỏ mọi thứ để lấy bố, người họa sĩ mà mẹ tin tưởng sẽ làm nên danh tiếng sau này. Anh nói, như em biết đó, trước đây là thời kỳ chiến tranh, đời sống khốn khổ. Ăn không đủ, mặc không ấm thì làm gì có nghệ thuật trang trí. Tiếc là bố không biết làm thơ ca tụng. Bố bị phê bình, vẽ bức nào cũng không có lửa, thuần một màu xanh, màu đất ảm đạm của cuộc đời, bố bị chỉ trích còn lập lờ chỗ đứng. Mẹ sống trong nghèo đói, hy vọng có một ngày. Chung cuộc khi người nằm xuống, cái nghệ thuật già nua chết theo. Mẹ sống lần mòn với ngày tháng cô độc, cho đến ngày chúng tôi quyết định khăn gói vào Nam, làm cuộc cách mạng cho đời sống gia đình. Phải nói khó khăn lắm, mới thuyết phục mẹ chịu bỏ nơi chốn một thời ra đi. Bám víu làm gì, khi mà tuổi trẻ và tương lai chúng ta cần những cái bắt đầu cho năm tháng tới. Anh nói: Cả một đời em biết không, sống là phải biết chọn

lựa con đường mình phải sống.

- Lúc ấy mẹ anh mang bệnh chưa?

- Đời sống trong Nam xa lạ, có cái háo hức để biết, nhưng ngược lại nỗi cô đơn sâu thẳm, nỗi nhớ nơi chôn nhau cắt rún, hình như làm mẹ tư lự nhiều hơn.

- Vậy thời lúc nào anh làm họa sĩ vẽ bong bóng thế nầy.

- Bài học đầu tiên, là dịp anh đứng nghe mẩu đối thoại tình cờ giữa người đặt hàng và người thực hiện.

- Ông muốn vẽ cọp nằm hay cọp bay?

- Tôi đặt ông vẽ cọp, chứ cọp nào biết bay? Bộ cọp rừng khác cọp thành phố?

- Ý tôi nói là giá cả, nghệ thuật không nằm ở đó mà chính ở chất liệu để tính thành tiền.

Tôi ngớ ra, chưa hiểu nổi lời anh kể.

- Vẽ cọp nằm, nước sơn tốt mắc tiền hơn, tính giá cao. Cọp bay nước sơn dỏm, giá bèo hơn. Mưa xuống một trận, sơn bay hết, cọp cũng bay luôn. Giá cả là vậy. Khi các em anh sống nghề bán bong bóng, anh nghĩ đến bố. Lần đầu tiên vẽ thử, mẹ khen đẹp, bong bong buông tay, bay lên. Mẹ mừng lắm. Mẹ nói. Bố con vẽ đó. Từ nay người ta biết đến bố, biết đến hội họa nhà mình. Không cần ai cổ vủ, tự nó bay lên, tự nghệ thuật bay lên, tự tài năng bay lên, nó có sức đẩy của chính nó. Không cần ai tiếp sức hà hơi. Một chút, một chút thôi bay lên trời xanh rộng mở. Mẹ vui lắm, không còn nét tư lự, niềm hãnh diện thoát ra ở mẹ lúc ấy. Anh muốn làm vui lòng người. Anh muốn mẹ sống với hình bóng bố. Không phải là anh.. Là nét vẽ; là hội họa, là mơ ước một đời thành danh. Anh nhớ thuở nhỏ nhìn bố vẽ. Anh hỏi vẽ làm gì hở bố, đẹp đó, mà thấy bố có bán được nhiều đâu. Họ coi thì nhiều không mấy người mua. Bố cười. Bố cũng không hiểu sao mình theo đuổi vậy. Có lẽ từ tình yêu cũa mẹ. Bố thích thì bố làm, sống lãng mạn cho mình trước đã. Anh không hiểu cái dam mê ở bố như thế nào. Việc nhà một tay mẹ buôn bán lẻ. Bố phụ giúp phần nào, thời gian còn lại bố chỉ thích cặm cụi với tranh vẽ, với nước chè gừng. Bạn bố những người thích ngồi tán gẫu nhiều hơn là làm ra tiền. Họ là người nghèo cả.

Tôi nói vậy là anh có nhiều nghề quá, vừa đàn hát vừa là họa sĩ nữa. Anh nói đàn anh chỉ lặp lại cung điệu âm giai có sẵn. Hát là hơi thở, là tự do của con người mình. Nhưng họa, nói ra phải xấu hổ thừa nhận rằng anh không phải là họa sĩ trường lớp, siêu thực lòe người. Có người đổ màu vào trang vải nền vẽ, lắc lắc cho màu sắc muốn đi đâu thì đi, hay gấp lại thành hình rồi tô thêm, thành tranh tạo hình. Họ cho là trường phái riêng,

tự phong cho mình danh xưng họa sĩ. Anh chỉ là người vẽ bong bóng đứng, hay bong bóng bay, làm đẹp, trang trí trong chốc lát, một hai ngày, bóng xẹp xì hơi, hình ảnh cũng ngũm củ dèo. Thử hỏi như vậy có cần gọi là họa sĩ không nhỉ. Thơ ai cũng làm được. Vẽ ai cũng vẽ được. Xưng danh ai cũng xưng được. Cái gì cũng được hết, dễ dàng quá.

Tôi nói theo.

- Ừ thì từ Bắc xuôi Nam, nối liền ra nước ngoài, ở đâu ai cũng thấy mình là thiên tài cả..

Anh nói ở nước mình làm nghệ thuật chưa chắc họ cần nhận. Làm ca sĩ như chị em có lẽ khá hơn. Hát hò văng vẳng bên tai, nghe thành thói quen, không thích cũng phải nghe. Dẫu sao cọp nằm, cọp bay, nước sơn thiệt, nước sơn dỏm là bài học cho người, cho cách sống, cho thực tế bắt đầu dựng lại ở tôi.

Tôi phục anh quá. Con người anh trầm lặng, lý tưởng sống đầy người. Cái khoảng cách tuổi tác với anh tôi không ngại, có điều trong cách sống, anh thiếu cái háo hức của một đứa con trai, thiếu cái lãng mạn ở người tình. Những lần bên nhau, lúc mà tôi tưởng chừng đi xa hơn đời con gái, là lúc anh tự chủ lấy mình để dừng lại. Câu nói của anh: Để dành đi. Thái độ đáng kính ở anh, là người đàn ông không đặt nặng xác thịt thường tình. Trong lòng tôi, anh là người đàn ông có tư cách, chững chạc với mớ lý thuyết lập thân trong đời sống.

Có lần tôi hỏi:

- Anh có muốn đi nước ngoài không?

- Làm cách nào?

- Thì cưới nhau xong, bổ túc hồ sơ bảo lãnh.

Anh như dằn đo:

- Anh chưa có chuẩn bị tinh thần để đi hai lần xa như vậy.

- Hai lần là thế nào?

Anh giải thích:

- Em từ chỗ nầy ra đi, dù có háo hức vẫn là một dổ vỡ lớn ở chính tâm hồn mình, đời sống mình. Em nghĩ lại mà coi, biết bao phân vân dằn đo, chọn lựa thử thách, sung sướng đau khổ, bùi ngùi lẫn lộn. Có phải vậy không?

Thấy tôi nín thinh, anh tiếp:

- Một lần với anh, gia đình anh từ Bắc vào Nam cũng mang tâm trạng vậy. Đi thêm một lần nữa, xa thêm một lần nữa, kéo khoảng cách dài hơn, tâm tư anh thật sự trống rỗng. Huống hồ chi em đã sống nơi nầy, phần anh đến đây là vùng đất mới. Hãy để cho gia đình anh, con người anh phù hợp với chốn nầy trước đã. Dẫu sao cũng khá hơn ngoài đó. Có khá hơn thì

mới có lựa chọn đi cư như thế nầy.

- Nếu anh không thích thì em ở lại, chúng mình cưới nhau.

Anh nín thinh. Cái nín thinh không ý kiến ở anh đã làm tôi bực biết bao lần. Mỗi lần nói chuyện hôn nhân là anh như có gì vướng mắc, có rào cản lặng lẽ chắn lại. Tôi cần giải quyết vấn đề nầy. Làm sao anh biết ở gia đình tôi, cơn chống đối âm ỉ lúc nào cũng chực bùng chỗi dậy. Giấy tờ bảo lãnh, việc đăng ký chuyến bay, mọi việc hình như chỉ còn kéo dài vài tháng nữa. Đi hay ở, phần tôi là tình yêu anh, là sự dũng cảm cần có ở anh để níu chân tôi lại. Một đằng tôi chuẩn bị mọi thứ, một đằng tôi luyến lưu. Thế mới biết cảm giác của những ngày chờ ra đi, là cảm giác xao xuyến lạ thường. Không biết diễn tả thế nào, cái đờ đẫn trong người, lúc có lúc không.

Sài gòn với cơn mưa đầu mùa đổ xuống, kéo dài không lâu, rồi tạnh hẳn. Cả tháng nay, mấy lần tôi muốn kể anh nghe, nghĩ đi nghĩ lại rồi thôi. Lần đầu tiên một giọng đàn ông lạ, gọi nhầm số điện thoại đến nhà. Câu xin lỗi từ đầu dây bên kia. Thứ bảy tuần sau cũng giọng nói đó. Tôi có hơi bực. Đầu dây bên kia, giọng nói chán nản. Sao cứ phải nhầm số nầy. Tôi hỏi anh gọi số nào vậy? Sao lần nào cũng rớt vào đây. Anh ta đọc số và người anh muốn tìm. Anh ở đâu gọi vậy. Tôi hỏi. Đầu dây bên kia trả lời. Tôi ở vùng kinh tế mới, xa Saigòn lâu quá, muốn kiếm bạn cũ, lại phiền cô. Sau khi cúp máy tôi gọi số anh vừa nói để xác nhận thật giả. Đúng là anh ta lộn thật. Tôi chuyển lời giùm anh. Tuần sau anh gọi lại, lần nầy anh kiếm tôi. Cái giọng anh ngang ngang bất cần đời, lạ tai phần nào. Chuyện tào lao thiên tạc tán tỉnh đủ thứ. Tuần qua tuần, cuối cùng anh nói: Nếu tôi đồng ý, anh sẽ xin nghỉ phép về thăm tôi. Tôi hỏi lại:

- Ở kinh tế mới mà cũng nghỉ phép hả?

Đầu dây bên kia.

- Cái quan trọng là em chịu đón anh không ?

- Đón ở đâu? Tôi hỏi lại.

- Ở phi trường.

Tôi hơi ngạc nhiên.

- Từ tỉnh lên sao phải đón ở phi trường?

- Nói thật nghe, anh đang ở Mỹ.

- Anh nói thiệt hay giỡn đó, cả tháng nay nói điện thoại mỗi lần cũng gần tiếng đồng hồ, vậy mà anh chịu chi tiền à, không tin đâu.

- Chuyện nhỏ thôi. Có chịu đón hay không thì về.

Bất ngờ trước câu chuyện. Tôi hỏi lại.

- Anh không có thân nhân hả? Còn anh bạn hôm trước đâu?

- Bây giờ không có ai hết. Em đón anh nghe.

Phải nói thật, tôi vừa buồn cười cho cái ngớ ngẩn ở mình qua những lần nói chuyện trước đây, vừa thú vị cho anh chàng từ phương xa về muốn gặp. Có lẽ độ chừng đâm ba tháng nữa, tôi cũng sẽ lên đường. Như vậy biết thêm một người nữa cũng tốt. Đi hay ở còn phải chờ ý anh ấy, biết đâu cũng là dịp để anh có quyết định dứt khoát hơn. Mọi việc còn quá sớm . Anh Hai và mẹ biết chuyện này. Cả nhà có vẻ khuyến khích tôi nhiều hơn. Dù mọi người nghĩ thế nào, với tôi nó chỉ đơn giản một điều: Mọi việc sẽ không đi quá xa như cả nhà mong đợi.

Tôi đón anh ở sân bay, theo giờ hẹn. Giữa hải quan và bưu điện phi trường là hai cơ quan thường qua lại với nhau, cho nên đón anh từ phía trong để dễ dàng nhận diện. Cảm giác đầu tiên khi thấy anh làm lòng tôi chùng xuống. Anh thấp người hơn tôi tưởng. Anh có vẻ giản dị đến độ quá loa trong cái áo thun, quần jean, trên tay một túi xách, một máy ảnh. Hình ảnh một người nào đó, từ giọng nói qua điện thoại, như không phải là người tôi nghĩ. Nhưng rồi lại chính là anh. Anh khen tôi đẹp hơn anh tưởng. Anh nói nhiều, con trai Bắc kỳ xa xứ vẫn vậy. Tôi đón anh và sự thật anh còn một người anh rể chốn này, đó là địa chỉ trú ngụ.

Ngày hôm sau và cả tuần tôi đi với Tần, tên anh. Dĩ nhiên tôi phải đi những con đường và nơi chốn không có tình yêu tôi đi qua với người cũ. Gần bên Tần tôi mang một cảm giác khác. Tần có vẻ ngang bướng hay giữ ý kiến mình, không giống như anh ấy. Tần kể tôi nghe về đời sống nước ngoài. Anh nói những khó khăn tôi sẽ gặp, cuối cùng là lời an ủi. Không sao, điều quan trọng là đi trước đã. Chúng ta sẽ liên lạc sau. Với Tần cái khoảng cách trai gái còn đó. Tôi chỉ có một tình yêu anh thôi. Tần không dễ chiếm đoạt. Chúng tôi bên nhau trong tình bạn. Một lần anh đưa tôi về, cái hôm trước ngày anh trở lại Mỹ. Anh nói với mẹ tôi, hy vọng tôi chấp nhận để tiến xa hơn. Mẹ tôi có vẻ vui nhiều. Bà chị nói: Nó hơi lùn, nhưng cũng được, có nghề nghiệp nơi xứ người là ổn rồi.

Còn tôi, tôi nghĩ gì? Sau một tuần gần bên Tần, tôi nghe cảm giác khác, đôi lúc thôi thúc bừng lên. Mấy lần tôi tự nhủ: Còn quá sớm. Có nên tin không? Nếu phải so sánh giữa Tần và anh ấy, tôi có phải là người ham mới nới cũ không? Với anh ấy, có phải là tình yêu chăng? Hay bản thân tôi chỉ là bé gái được nuông chiều. Tôi đang tìm cách bám víu vào cái gì đó để không làm người phụ bạc. Lúc nào tôi cũng muốn gìn giữ cho anh, dù đôi lúc có những lãng mạn chen vào. Tần đến với tôi, như một cuộc gặp gỡ ly kỳ, bắt nguồn từ lần gọi nhầm số điện thoại. Tần như một chuyến xe đổ xuống đột ngột, hoàn tất cuộc chơi mà cả hai không biết sẽ về đâu. Tần bạo phổi, dám làm những gì anh ấy hứa. Chỉ một cố tật, anh chửi bới xã hội hơi nhiều, chửi bới cả những người Việt sống cùng anh ở nước ngoài.

Tôi nói nước ta có truyền thống dân tộc mà. Anh nói bốn ngàn năm văn hiến ở đâu chẳng thấy, mà chỉ thấy bốn ngàn năm chen lấn. Bao nhiêu chuyện đấu tranh, phản kháng đối lập, biểu tình chống đối, không ai chịu nhường ai, cuối cùng chỉ còn câu ca, mình ta với mình. Anh còn thêm: Ở đâu có nhiều người Việt làm chung, là ở đó có chuyện. Có thật vậy không? Đâu cần đâu xa, tôi đang ở đất nước nầy, cùng một màu da, ngôn ngữ. Chuyện xảy ra, vẫn là chuyện phải xảy ra hàng ngày, ngoài trong có khác gì nhau..

Một tuần sau ngày Tân trở về Mỹ, tôi nhận giấy tờ hoàn tất, chỉ còn chờ đăng ký chuyến bay. Vậy là xong, mọi việc đến hồi kết thúc, nhanh hơn tôi tưởng.. Tôi không thể chờ đợi được nữa. Lòng tôi đang rối trăm bề. Chúng tôi sắp sửa có một đời sống gia đình mới. Bao năm chờ đợi ở mẹ tôi, lúc nầy là lúc bà ôn lại biết bao kỷ niệm, nắng nhớ mưa thương cho một cuộc tình dứt đoạn nay được trùng phùng. Chính vì những thôi thúc nầy mà bệnh tiểu đường của bà bị bỏ quên. Mẹ phấn chấn, ăn uống bớt đi phần kiêng cữ.

Phần anh ấy, khi nhận tin, anh buồn hơn mọi ngày. Tôi rủ anh đi chơi xa, cuộc hẹn hò phải nồng thắm, sôi nổi hơn trong tình cảm lứa đôi.. Tôi cần sắp xếp một lần cho anh ấy, từ đó anh sẽ vững tâm níu tôi ở lại, giúp anh vượt qua mặc cảm nghèo khó ở chính gia đình . Tôi sẽ ở lại. Mẹ sẽ có ba tôi chờ đón ở phần đất mới. Tôi thì có anh.

Cuối cùng, tôi rời xa anh ấy, lên đường. Ơn huệ họ đành cho anh là cho phép anh vào hẳn phía trong phòng cách ly. Anh khóc như một đứa trẻ biết khóc lần đầu, làm tôi bùi ngùi không ít. Tôi đã sẵn lòng hiến dâng cả một đời con gái cho anh. Nhưng không, lần nầy anh dừng lại như mọi lần. Tôi đã phải ham hố hơn, cưỡng bức anh đi xa hơn cho tình yêu trọn vẹn. Tôi cần tìm biết ở bản thân, ở xác thịt phàm trần, ở lý thuyết gia mà tôi không tin mình không đủ sức hấp dẫn để đưa anh vào trận. Cái khám phá ở vườn địa đàng, ở chăn gối dối mặt, là sự bất lực ở anh. Làm sao tôi dám hỏi. Anh dừng lại thảng thốt như kẻ phạm tội, chỉ biết ve vuốt nhìn ngắm

Từ căn bệnh thuở nhỏ của anh. Từ cái điều không bình thường anh trở thành người cao cả. Anh đóng vai trò người bạn lúc gần gũi, không phải là người tình để đong lõa kéo tôi ở lại. Cái bất lực không biện giải của tôi nó khác cái bất lực sinh lý của một người đàn ông ở anh. Và như vậy tôi còn gì để nói, mặt mũi nào tôi chứng minh cho bạn bè ở lại thấy được sự thật phũ phàng.

Giọt nước mắt bây giờ anh khóc, có phải là một nuối tiếc, không đi đến hồi kết cuộc, diễn tiến trong tình yêu thánh thiện hiền hòa. Tôi nói tôi

sẽ chờ anh, liên lạc với anh sau, hy vọng có một ngày. Hình như kẻ ở người đi ai cũng an ủi lẫn nhau vậy. Bao năm gần gũi, lớn lên ở đất nước nầy, nói câu giã từ cho chính bản thân mình, làm sao không não lòng, đứt ruột. Tình yêu tôi ở lại đó. Nó như một cành cây khẳng khiu chờ đâm chồi nẩy lộc. Chốn xa, cái phao tôi cần có người níu kéo, có lẽ phải là Tần. Tôi cần có sự che chở buổi đầu, rồi sao cũng được. Cánh hoa vừa nở ra, giọt sương rơi xuống chưa ấm nỗi ân tình.

Tất cả là thực tế dứt khoát khi chuyến bay bốc lên cao, lòng tôi chùng xuống, xuống thấp dờ dẫn trong màn sương phía dưới. Con sông, cái cầu, mảnh đất quê hương, mờ nhạt. Biết có ngày trở lại, nhưng sao mình khóc lúc nào không hay. Tôi chỉ là một cô gái thường tình như bao người khác. Nước mắt nói giùm tôi biết bao điều chua xót, héo hon.

Tôi sẽ viết thế nào ở chương tiếp nối nầy. Hay không viết gì hết. Tôi sẽ nói cùng ai điều nầy. Mấy lần điện thoại cầm lên. Tôi muốn gọi anh ấy, nói thật cùng anh. Giờ đây tôi cũng mang chứng bất lực như anh. Có thể lúc nầy là lúc anh hiểu tôi. Cả hai chúng tôi, người ở trong, kẻ ở ngoài với tỉ số huề nhau. Cái bất lực trước cuộc đời, nó khổ hơn cái bất lực của một người đàn ông trước ham muốn dục tình đối với đàn bà. Bắt đầu làm sao cho câu chuyện.?

Mẩu đối thoại nửa năm sau ngày đoàn tụ gia đình.

- Có lẽ mình phải làm thủ tục ly dị. Ba nói.
- Ông chán chê tôi hả? Tôi biết mình không giúp gì được. Mẹ khóc.
- Ba nghĩ có tàn nhẫn không, bao năm chờ đợi... Tôi nói.
- Không phải như những gì me con nghĩ. Thực tế trước đã, chúng ta làm trên giấy tờ thôi, chỉ có cách nầy mai hậu mới chịu nổi chi phí cho căn bệnh của mẹ con. Đời sống ở đây khác, tình nghĩa còn đó, nhưng ba không gồng gánh nổi.
- Liệu họ có tin không? Tôi hỏi trong lúc mẹ khóc.
- Không tin cũng không được, mình làm theo pháp lý. Ba dọn ra riêng, thỉnh thoảng mới lui tới để họ không nghi ngờ.

Tôi nhìn lấy cha tôi. Một người đàn ông mà sau nầy tôi mới biết, có nhiều chức danh trong hoạt động xã hội cộng đồng người Việt. Ông có nhiều việc phải làm, họp hành không lương. Cái địa vị, cái danh xưng, thật ra nó không dính dáng gì đến việc chính là nuôi lấy bản thân gia đình. Giờ đây có phải thật sự là gia đình tôi đang đi vào chỗ báo động như người nói. Ba thay đổi nhiều quá. Có thể mẹ bây giờ không là hình ảnh ngày nào ba mang đi, không là cô gái một thời đã làm người đắm say mặn nồng. Ba

làm bổn phận một người chồng, người cha đối với gia đình, bằng cách bảo lãnh. Không biết ba có hối hận, khi sự thật trở thành một gánh nặng cho người... Ngày đó mẹ còn đẹp, còn mặn mà như mỗi lần thư ba nhắc nhở. Mẹ không nói căn bệnh của mẹ. Mẹ giấu kín những lần soi gương lược chải, tóc mẹ rụng nhiều, đôi mắt mờ đi. Có lẽ ba chỉ nhớ hình ảnh ngày nào. Ba quên mẹ đã già hơn ba tưởng tượng. Ba nghĩ mẹ cũng khỏe mạnh như ngày nào. Nghĩ về một người đàn bà, là nghĩ đến cái đẹp, cái nhan sắc một thời. Ba quên đi mấy chục năm qua rồi. Giờ là con, chứ không phải mẹ. Con nhí nhảnh háo hức với tương lai, hơn là sự trầm lặng ở mẹ. Đời sống hai xã hội thật cách biệt. Lúc mà tuổi đời ba vẫn còn quần quật làm nhiều giờ, còn nghĩ mình còn trẻ, còn nghị lực, là lúc cũng từng tuổi nầy, mẹ theo quan niệm đời sống ở quê nhà muốn thu mình lại. Đã khác rồi. Hai thế giới khác, trong một quan niệm gia đình. Cho nên đề nghị ba đưa ra nghe thật chán chê, não lòng. Ba an ủi:

- Mình chỉ làm giả thôi, không phải thật.

Mẹ tự ái:

- Thật giả, oan ức cho tôi, còn danh dự, tiếng đồn.

Ba nói như năn nỉ:

- Mình phải lo xa hơn, căn bệnh của bà xứ nầy chỉ cầm hơi thôi, y học chưa trị dứt được

Mẹ hờn dỗi, oán trách:

- Đến từng tuổi nầy còn bàn đến chuyện ly dị, rõ là ông không có tình người.

Cái khoảng cách thật ra giữa ba mẹ không phải bây giờ mới thành sự thật. Mẹ mê đắm trong hạnh phúc không nhìn thấy cái khó chịu ở ba, khi mẹ bỡ ngỡ mọi thứ. Ba lặng lẻ hơn những khi mẹ nhắc về kỷ niệm. Có thể thời đó đã qua đi, ba mệt mỏi không còn muốn nghĩ đến. Ba đang muốn tiến về phía trước, ba giảng giải mọi thứ mọi chuyện, như thể trên đời nầy mẹ con tôi không biết cách sống, cách làm người. Mẹ tủi thân hơn trong xa cách. Sao mẹ không thấy được điều nầy. Còn Tân, anh rất vui khi nghe tôi đến chốn nầy, nói chuyện qua điện thoại từ tiểu bang khác. Hẹn gặp nhưng chờ dịp. Tất cả không đơn giản như tôi đã nghĩ.

Ba mẹ tôi ly dị thật. Lúc đầu ba thỉnh thoảng có đến rồi thưa thớt dần. Không phải mẹ phụ bạc. Ba thú thật không có khả năng tài chánh để dùm bọc mẹ mai hậu, cần có xã hội, chương trình y tế giúp đỡ. Mẹ không đọc, ký vào để làm thủ tục. Lý do ba đưa ra thật đơn giản. Mẹ bệnh nhiều không làm tròn bổn phận chăn gối, thế là xong. Ba lặng lẽ như vừa trút đi gánh nặng, tự khen mình việc phải làm. Có thể từ đó, mẹ mang mặc cảm, buồn rầu, bệnh phát nặng hơn, mắt mờ, đi đứng khó khăn. Tôi giận ba ghê

gớm, trong lòng khinh khi người đàn ông thiếu trách nhiệm gia đình. Chính vì điểm nầy người ít lui tới hơn. Lâu lâu ba điện thoại thăm hỏi mẹ, bà trả lời lạnh lùng. Với tôi, không muốn trả lời. Ba nói rồi sau con sẽ hiểu. Tôi phải hiểu thế nào đây? Hạnh phúc khi đến gần, nó trở thành xa lạ trong tính toán. Nó khác hẳn những lúc dùm bọc đói khổ có nhau ở quê nhà. Cái bóng mát dung thân trở thành lạnh lẽo, tẻ nhạt.

Tôi vừa thăm mẹ trở về, ít nhất một lần trong ngày. Có thêm Dì Hạnh, người đàn bà làm trong cơ quan xã hội, đã hướng dẫn giúp đỡ mọi thủ tục giấy tờ. Lúc khốn khổ, có quới nhơn phù hộ. Mẹ nói theo kiểu thường tình. Bây giờ có còn ai ngoài hai mẹ con chốn nầy.

- Mẹ phải hiểu cho con, không làm sao khác hơn là đưa mẹ vào nursing home. Con cần đi làm để sống. Mẹ cần có nơi săn sóc, điều trị.

- Mẹ muốn về nhà mình. Ở đây ngôn ngữ bất đồng, nói cái gì cũng phải kiếm người nhờ. Không có ai cho mẹ kể lể, mẹ cảm thấy cô độc.

- Ừ thì bệnh khỏi con sẽ đưa mẹ về, lúc nầy bỏ mẹ ở nhà một mình, có gì thêm ân hận.

- Mẹ biết trong mình không sao, chỉ khó khăn đi đứng thế thôi.

- Chính vì điều nầy mẹ phải ở đây.

- Ba bỏ mẹ, rồi tới con rời mẹ.

- Không ai bỏ mẹ hết, chỉ có hoàn cảnh, mẹ bệnh hoạn nên phải như thế nầy. Mẹ nghĩ lại mà coi. Không ai trả nổi tiền bệnh của mẹ. Ba biết trước điều nầy, bây giờ con cũng hiểu vậy. Mẹ có cần gì thêm?

- Với mẹ bây giờ chỉ có chờ đợi, chờ con hay chờ ai khác, không biết. Mẹ cần có người đến, cần tiếng nói, cần tình thân. Ngoài những điều nầy, có gì bầu bạn.

Lần nào gặp nhau mẹ cũng khóc. Tôi không khóc lúc nầy. Làm sao mẹ thấy được tâm trạng con khi trở về nhà một mình. Trong cái vắng vẻ ngày một ngày qua đi không còn giọt nước mắt, khóc thay cho sự cô độc chính mình. Tôi bây giờ đã quen, quen cánh cửa vào, rẻ về trái đi qua hành lang trải dài. Ở đó có mấy người ngồi trên chiếc xe lăn, có thân nhân đẩy hộ, hay trên băng ghế những người đàn ông, đàn bà ngồi đó, mắt nhìn vào Tivi được mở thường xuyên. Cuộc đời xế chiều như thế đó. Niềm vui chính từ đủ hạng người trước lạ sau quen, chung dụng một nhà. Rồi mình cũng vậy sao, trên đất nước nầy? Hay còn quá sớm cho tuổi đời mình. Tôi có khác không ngày cũ, có khác không cuộc sống chính mình, cho những hệ lụy khác. Từ một tình thân, từ mỗi ngày mỗi buổi chỉ biết ăn, ngủ, đi làm và kiếm tìm hạnh phúc. Hạnh phúc bây giờ ở đâu? Hay chỉ còn trong đêm, ký ức trống vắng. Tôi có còn là tôi, là tình nhân buổi nào hò hẹn. Có

còn không anh ấy lúc nầy. Có còn không anh chàng Tân hứa hẹn đủ điều. Lúc nầy vừa thua stock thê thảm quá, cụt hứng mọi điều. Job làm trở cơn không biết layoff ngày nào. Không còn tinh thần động cỡn nữa. Chờ đi, thế nào anh cũng qua. Bên nầy độc thân đám cưới làm gì cho tốn kém. Nếu hợp, yêu nhau thì cái tình cũng đủ cho tấc lòng. Cái lý luận ở anh giờ đây nó khác những toan tính bên nhà.

Sao người ta thực tế nhiều quá. Không ai thấy những lãng mạn tôi cần có. Không ai hiểu được những khát khao. Ở đây người ta ca tụng đàn bà, ca tụng thân xác, phim ảnh đủ thứ, mọi điều. Con gái như một trò chơi, mặc cả dưới mọi hình thức. Và như vậy, chữ nghĩa văn chương tôi phản kháng cách nào? Bức tranh toàn cảnh xã hội tôi mang qua xứ người rao bán, trở nên thừa thãi. Không ai cần biết đến. Làm sao mẹ hiểu được ba bây giờ thỉnh thoảng đến với con như người khách lạ. Cái tình càng lúc chỉ còn cái nghĩa. Ba đến thăm mẹ những khi mẹ trở cơn bệnh nặng. Con gọi, người đến lúc mẹ còn say ngủ, say thuốc. Cái tình chồng vợ che giấu đàng sau cái mặt nạ xã hội. Đành chịu thôi.

Có mấy lần mẹ nhắc đến hôn nhân tôi cần có. Mẹ thăm hỏi Tân. Mẹ tỉnh táo hơn, hỏi cả về anh ấy, người đàn ông tôi bỏ lại quê nhà. Mẹ nhắc, tội cho nó, phải chi hồi trước mẹ không can ngăn, giờ nầy chắc có cháu bồng, vui cửa vui nhà, không phải đến chốn nầy. Tôi cay đắng nói: Mẹ phải đi để có hạnh phúc của mẹ chứ. Bao năm chỉ mong có ngày. Mẹ đáp ừ thì có ngày như bây giờ đây thôi. Mẹ không muốn nghĩ gì nữa. Quên hết mọi chuyện, biết đâu tinh thần yên ổn hơn. Mẹ nghĩ được điều nầy thì tốt quá. Thời gian sẽ làm mẹ chai lì, không buồn không vui, an phận mà sống. Mẹ ơi sống trên xứ người là phải chịu vậy thôi, không có mùi đất nồng quê nhà ở cơn mưa đầu mùa đổ xuống, tất cả là cơn hờ hững đi qua, như người khách không buồn ngó lại.

Mấy ngày nay tự dưng mẹ nói mẹ sợ cái tĩnh lặng của đêm tối, nhất là lúc đêm lắng sâu thật lặng lẽ. Mẹ nằm một mình lòng chùng xuống. Mẹ biết sợ tuổi già, biết nghĩ đến một mai không còn trên cõi dời nầy, mẹ phân vân cho chính mình. Mẹ muốn gặp lại đủ đầy các con. Nghe mẹ nói vậy tôi đâm lo. Tôi ôm lấy người, tôi không cần được yêu, không cần làm người lớn. Mẹ không già, mẹ sống đời với con. Không có lời cho tôi nói lúc nầy. Từ xúc cảm tôi khóc như một đứa trẻ thơ.

Ở mẹ, người chờ đợi gì?

Ở tôi, tôi chờ đợi gì?

Đâu ai biết điều gì sẽ đến. Điều không ngờ là chị Thu qua thật. Cô ca sĩ nhà tôi sang trình diễn bên nầy. Trong điện thoại gọi qua, chị biểu lộ cái

háo hức được trông thấy chân trời mới, mua sắm mọi thứ mang về, phục vụ cho bản thân trình diễn của chị. Chị mừng vui sẽ gặp lại gia đình. Tiếng hát, danh vọng sẽ bay cao hơn. Ước vọng của chị, nghe qua thì dễ cảm thông, nhưng thật ra còn biết bao điều ngại nói. Lúc nầy đây là lúc bệnh mẹ trầm trọng hơn. Mẹ không ăn được nữa. Người nằm đó, những dây nối liền các tín hiệu tim mạch. Đời sống người như một đời sống thực vật.

Chỉ mấy năm xa cách mà chị Thu khác hẳn ra. Chị ngỡ ngàng nhìn căn phòng tôi trú ngụ, ngỡ ngàng nhìn thấy mẹ tôi một mình chốn nầy.

- Sao em để mẹ một mình như vậy? Chị hỏi.

- Biết làm sao hơn. Ở đây săn sóc đầy đủ, được vậy là quí rồi, ai cũng vậy, không ai có thì giờ lo cho ai. Tôi đáp.

- Nhà không mướn người làm được sao?

- Được, nhưng gia đình đâu đủ khả năng.

Tôi giải thích thêm nhiều điều với chị, kể cả một mai mẹ mất đi, cũng sẽ từ nơi chữa trị mà đi luôn chứ không trở lại nhà. Điều kiện y tế bắt buộc là vậy. Chị như ngớ ra, bỡ ngỡ. Cái gì cũng khác bên nhà. Tôi nói dễ hiểu là, những gì bên đó nghĩ, cứ tính ngược lại là đời sống bên đây.

Chị nói:

- Bên nhà ai cũng tưởng sống ở nước ngoài là thiên đường.

Tôi đáp:

- Thiên đường mù cho người sáng mắt lao vào. Có tất cả, nhưng phải trả bằng tiền, không thể thiếu mà sống được. Nó như món nợ đời deo đẳng. Có sống trong cuộc mới biết.

- Mới vài năm mà em lớn người ra.

Tôi cay đắng nói:

- Không phải là em, là ba dạy em. Ở hai chân trời, hai thế giới chênh vênh thì có bao giờ cân bằng được.

Thực tế mấy ngày đã làm tinh thần chị bất an.

- Sao người mình biểu tình chống tụi con vậy?

- Họ chống chế độ đã đẩy họ phải ra đi. Không ai quên mối nhục ly tán.. Ba đáp.

Tôi hỏi Chị Thu ơi, lúc bấy giờ chị có sợ không? Chị nói hồi hộp lắm sợ hãi, muốn khóc khi thấy tình cảm mang đến thật bẽ bàng. Nhưng lúc hát, tiếng hát vượt lên, tiếng hát nghề nghiệp, tiếng hát làm nên danh phận, nuôi lấy bản thân.. Tiếng hát của nghệ thuật sống thở chính mình làm chị quên hết, không còn là mình.

Ba khuyên chị ở lại. Chị nín thinh.

Tôi nhìn chị, nhìn ba. Ngộ thiệt. Ở một nơi khác, hai cha con đứng hai

bờ khác nhau, nhưng chốn nầy tình thân gia đình vẫn là một. Lịch sử Việt Nam theo ba không ngừng tranh đấu, và dân tộc ta chưa có ngày yên ổn thật sự. Từ lúc dựng nước, khởi nghĩa chống đô hộ. Từ Trịnh Nguyễn phân tranh, kéo dài cho đến đời con cháu sau nầy, chiến tranh hai miền Nam Bắc, dân tộc ta chưa có ngày hòa bình đúng nghĩa. Bao năm qua đi, hai lý tưởng, hai chủ nghĩa, chống nhau trong cùng một dân tộc. Tất cả những thảm trạng, tai ương giữa những người chung cùng máu mủ, một màu da. Còn bây giờ trong ngoài chống nhau. Trong chống trong. Ngoài chống ngoài. Thật sự có bao giờ yên ổn. Chưa kể người ta cái gì cũng chống, quên cả chống chính bản thân mình. Ba nói vậy, ba nói hay, như anh ấy, người tình nhân tôi. Anh có lý của anh, sống tách rời theo luận thuyết mình. Ai cũng đúng cả. Hình như có vậy mới làm nên đất nước, mới làm nên tinh thần người Việt mình. Cái dân tộc có con số 3 gắn liền. Cái gì cũng từ con số tam hoa tụ đỉnh nầy mà ra. Từ ba nước Đông dương, đến ba miền nam trung bắc. Từ ba ngày tết, bộ tam sên, đến ba ngày mở cửa mã, hay ba năm tiết hạnh khả phong thủ tiết thờ chồng. Từ tam bộ nhất bái, qua cửa tam quan, đến ba nhang một lúc, cho ba lạy cúng dường. Từ dân ca ba miền, tam đoạn luận, tam đầu chế. Từ thông báo thời cuộc ba năm học tập cải tạo. Biết bao điều liên hệ, cay đắng từ con số 3 nầy. Ngẫm lại mà coi.

Cuộc đời cha, là cả một đời phản kháng đấu tranh, cao ngạo, không biết bao giờ là ngày tàn cuộc chiến..Và mẹ, một người mẹ Việt Nam không bến bờ, trôi nổi từ con nước cạn cho đến bờ đại dương mênh mông chìm đắm. Chúng con, đứa ở lại, đứa mới vào, đứa ra đi, tình thân đó, tình yêu đó. Cái tình dân tộc cũ không quên, mới không ưa, già không dổi, lỗi không nhận. Lịch sử dân tộc ta là lịch sử buồn. Biết bao hỗn loạn ở bến nhân gian nầy.

Tôi nghĩ chị Thu không ở lại. Không có gì làm chị đam mê hơn danh vọng bây giờ. Chị có dủ hào quang để sống. Ai làm gì mặc kệ. Thương cha mẹ đi nữa, chị cũng có phần đời riêng của gia đình chị. Mưa trên trời mưa xuống, như mẹ nói, tuổi già là lúc con cái mang theo tình thương đi hết, còn lại chỉ là nỗi cô độc chính mình. Ba ơi lúc nầy sao không là lúc ba thương giùm mẹ. Xã hội nầy tạo những mâu thuẫn như ba nói, có thương cũng không đủ tiền mà gồng gánh. Có lâm vào hoàn cảnh ốm đau mới hiểu được cảnh nhà tan cửa nát, có khác gì một cuộc chiến đời người. Mặt trận sinh tồn sẽ làm người ta quên hết. Tần sẽ quên tôi. Anh ấy sẽ quên tôi. Cuộc sống có những lựa chọn về phía trước.

Tôi sẽ viết thế nào cho chương kết gia đình . Chả nhẽ nhai lại Sài gòn

bây giờ mưa hay nắng, mắc mớ gì trong đời sống còn lại. Có thể điện thoại nầy bắt lên, gọi anh ấy lần cuối. Hôm nay sinh nhật tôi. Nói với anh tôi có nhiều bè bạn, nhiều câu chúc lành. Sống giả dối với anh như từ bao năm tôi gọi về. Tôi hạnh phúc, tôi có nhiều hạnh phúc dối trá che lấp hạnh phúc thật của mình. Trong căn phòng nầy, mỗi mùa sinh nhật qua đi, chỉ một ngọn nến. Ánh sáng lóe lên, nhìn bóng mình trên vách. Tôi bây giờ biết trang điểm kỹ hơn, biết làm đẹp hơn trước. Đừng nghĩ mọi chuyện buồn phiền sẽ bỏ quên nhan sắc. Không đâu. Nếu bây giờ có anh ấy, có Tân, sẽ thấy cô bé ngày nào, hôm nay sắc sảo hơn nhiều. Bong bóng ở phòng nầy, không có nét vẽ của anh, lý thuyết gia ngày nào của tôi. Cái thực tế cho thấy nó chỉ là hình bóng, có rồi mất.. Tôi có thể nào sống và bám vào đó. Mở cánh cửa sổ, mùa hè đêm sinh nhật, trời ấm, lùa cho bóng bay lên. Qua khung cửa, nhìn thấy trời cao rộng mở. Có gì, còn gì. Hay chỉ một mình ta.. Bên lề quá khứ, tôi còn hiện thực với ngọn nến nầy. Cháy lên, cháy lên niềm tin, dù đêm có tàn, nến kia có tắt, tôi vẫn là tôi với tiếng kêu *tôi ơi đừng tuyệt vọng*.

Quả thật tôi không tuyệt vọng, khi đưa tác phẩm nầy cho ba. Tôi muốn ông đọc quãng đời sau để sống cho đời trước. Chỉ có cách nầy tôi mới dám nói cùng cha những điều mình muốn nói. Cho đến hôm cúng thất, đi thăm mẹ, tro cốt cất giữ trong từng hộc tường đứng của nghĩa trang. Cái tình, cái nghĩa cha còn đó. Nay còn có Dì Hạnh đi kèm. Tôi trách mình không lường trước tấm lòng bao dung nầy. Cha giới thiệu với Dì Hạnh, sách tôi có năm nhân vật chánh đáng kể. Dì cười, miệng pha trò:

- Ối chà năm nhân vật hả? Võ lâm ngũ bá hay ngũ hành sinh khắc?

Tự dưng tôi dâm ngượng. Tôi học của mẹ câu trả lời:

- Nó là ngũ uẩn...

Cha đưa lại cho tôi quyển tập không có chữ nào trong đó. Cha muốn phủ nhận. Cha muốn dẩy lùi tất cả? Chỉ một màu giấy trắng.

Tôi nói có thấy chữ nào đâu. Cha nói:

_ Viết chi cho bợn đục.

Câu nói của cha như đánh thức tôi dậy. Từ đó cho đến bây giờ. Tôi đã viết xong nhiều tác phẩm, nhiều mảnh đời với bốn ngàn năm chen lấn. Gởi ở đâu, họ cũng từ chối. Chưa có danh thì không làm nên nghiệp. Mỗi lần vậy, tôi thay bằng quyển giấy trắng. Như thể tôi chưa làm gì hết. Tôi chưa đi đến thành công, nghĩa là bên lề không có sự thất bại. Tôi hy vọng có người chịu đọc đàng sau trang giấy trắng nầy.

Rõ là khùng. Câu mắng nhiếc làm tôi nghe lạnh lẽo.. Không ai thừa nhận, dám nhận, dám in, tác phẩm không có chữ viết nào. Vậy thì Viết

Sát na hạnh ngộ
THÁI TÚ HẠP

Giòng nước cuốn trôi đi
Vầng trăng còn ở lại
Nước thường hằng chia ly
Trăng một lòng chung thủy

Có không nào ai biết
Hoa tuyết giữa hư không
Trong sát na hạnh ngộ
Niết Bàn cõi Tánh Không

Chuyện qua như gió thoảng
Chuyện mai chưa lên đường
Dừng ngại ngùng lo nghĩ
Được mất đường khói sương

Hãy tạo niềm an lạc
Chia sẻ với mọi người
Từng nụ hoa từ ái
Từ hạt nắng tươi vui

Em có bao giờ hiểu
Trong từng sát na tâm
Buồn vui không nói hết
Thôi cũng dành vô ngôn.

cho ai đọc và phục vụ cho ai. Biết bao người không viết, không cần nói. Cuộc đời vẫn vậy. Có cần thiết không trong cuộc sống? Hay cái cần là chỉ có mình cần. Có chữ nghĩa là có hình bóng. Huống gì ở đây là một tác phẩm trắng. Họ sợ. Tôi cũng sợ. Màu giấy trắng trong, hiển lộ chân tánh làm người.

Hoài Ziang Duy

Tin Văn

Thế Quân

Vidiadhar Surajprasad Naipaul:
Tôi là tích hợp những tác phẩm của tôi

Naipaul, giải Nobel 2001, được Hàn Lâm Viện Thụy Điển tuyên xưng là một "circumnavigateur littéraire" (kẻ đi vòng quanh thế giới văn chương) và "philosophe moderne" (triết gia hiện đại) đã dành cho "Le monde" một cuộc mạn đàm, qua đó, ông vạch lại những chặng đường của một nhà văn lưu vong, nghề viết văn và những tác giả đã đi theo ông suốt chặng đường dài 45 năm trong nghề viết lách. Xin tạm chuyển ngữ sau đây:

Hỏi (H): *Sợi dây nào nối liền 25 tác phẩm, tiểu thuyết cũng như du ký, đã mang độc giả của ông chu du qua bốn lục địa?*

Đáp (Đ): Những tác phẩm đó chỉ kể lại một tìm kiếm duy nhất: tìm kiếm của một nhà văn, viết hết cuốn này đến cuốn khác, nhằm chiếm hữu và giải thích thế giới. Đó là lý do tại sao khi người ta hỏi tôi tác phẩm nào là tác phẩm hay nhất, tôi không biết trả lời ra sao. Tất cả những tác phẩm tôi viết ra đều quan trọng đối với tôi. Chúng đại diện một phần ý định của tôi muốn lấp đầy khoảng trống mà tôi nhận được từ khi tôi bắt đầu chuyến du hành. Tôi là tổng số những tác phẩm của tôi và chúng nương tựa vào nhau. Chúng sinh ra nhau. Bất cứ cuốn nào trong các tác phẩm của tôi cũng đều chứa đựng một tế bào vốn đã được tạo ra bởi tất cả những tế bào có trước.

H: *Phần nào là phần tự truyện trong các tác phẩm của ông?*

Đ: Hãy thử lấy một cuốn có tính cách hoàn toàn cá nhân như "The Enigma of Arrival", thuật lại chuyện một nhà văn từ quần đảo Caraibes sang Anh định cư. Tác phẩm này được viết hoàn toàn ngẫu phát. Bề ngoài thì trông nó có vẻ là một tự truyện, nhưng không phải là tự truyện hoàn

toàn. Tác phẩm chẳng liên quan gì đến đời sống tình cảm của người viết, cũng chẳng liên quan đến sinh hoạt nghề nghiệp của anh ta. Tác phẩm mô tả mối hăm hở của nhà văn, như là một cách trả nợ với chính mình, và trả món nợ giữa hắn ta và phần còn lại của thế giới. Chính ở điều đó mà tôi nhận mình là một nhà văn "ngẫu phát" (spontané).

H: *Nhiều độc giả cho rằng việc ông trở đi trở lại giữa lối viết hư cấu và tự truyện đã xác định một lãnh địa văn chương mới.*

Đ: Tôi sẽ nói cho bạn rõ tôi nhìn những sự vật như thế nào. Khi bạn đọc Somerset Maugham (1874-1965), bạn thấy như ông ta hiện diện một cách rõ ràng. Đọc các tác phẩm của ông, ta hiểu ra ngay sự hiện diện của ông y như ông muốn trình bày nó: thời thơ ấu ở Paris, thời đi học y khoa, những cuộc du lịch, rồi viết kịch, vân vân. Trong tất cả các tác phẩm của ông, Maugham dựa trên những sinh hoạt đó, gọt giũa cái nhìn để đưa vào nhân vật mà cũng chính là Maugham. Bạn sẽ nhận ra điều này khi đọc ông. Và đó cũng chính là cái xảy ra đối với tiểu thuyết: độc giả không muốn đọc một câu chuyện hoàn toàn hư cấu. Họ tìm kiếm một cái gì có căn có gốc. Họ muốn rằng những điều được viết ra gắn liền với một sự kiện có thực nào đó.

H: *Độc giả trở nên ít ngây thơ hơn.*

Đ: Không hẳn là ngây thơ đâu. Những nhân vật trong những tiểu thuyết đầu tay của tôi là hoàn toàn bịa đặt. Nhưng khi tôi thăm dò những giới hạn của cái thế giới mà tôi lớn lên, khi tôi bắt đầu du hành, có thể nói là tôi đã phải tự nhập vào hành vi viết của mình, như Maugham đã làm. Tôi đã thực hiện điều đó lần đầu tiên trong tác phẩm "In a Free State" (Booker Prize, 1971), diễn ra phần lớn ở Phi châu. Vì chẳng có người Ấn nào viết sách về Phi châu, nên tôi không thể dùng ngôi thứ ba để viết. Tôi phải xác định tôi là ai trước và tôi đã làm điều đó ngay trong phần mở đầu bằng cách sử dụng hình thức của một nhật ký của một người Ấn đang ở Ai Cập. Tôi giải thích hoàn cảnh tôi như thế nào và tôi là ai.

H: *Trong hơn bốn thập niên, cách viết của ông ít thay đổi.*

Đ: Trong những tác phẩm đầu tay, tôi là người học việc. Tôi chuyên tâm viết một cách giản dị và không viết những câu quá dài. Tự tự luyện. Tôi trau chuốt câu văn. Cho đến khi tôi cảm thấy mình đã là một nhà văn rồi - điều này diễn ra trong khi tôi viết cuốn "A House for Mr. Biswas" - tôi bắt đầu bung ra. Trong tác phẩm thứ tư này, tôi triển khai, viết những câu dài hơn. Nhưng ngôn ngữ thì vẫn thế, trong sáng.

H: *Ông viết suốt ngày?*

Đ: Khi tôi viết một tác phẩm, tôi không làm gì hết. Tôi thường xuyên sống với tác phẩm. Tôi làm việc suốt thời gian. (...). Tôi cố gắng thể nhập

hoàn toàn vào nội dung tác phẩm. Tôi viết chừng 200 chữ một ngày, khoảng nửa trang giấy. Tôi sáng tác chậm, nhưng viết thì nhanh vì một khi tôi đã tìm ra ý rồi, thế là nó tự khởi phát.

H: *Trong bài tiểu luận nổi tiếng của ông viết về Joseph Conrad (1857-1924), ông đã xác định về sự "trung thành hoàn toàn" của ông ấy đối với những gì cảm giác mang lại.*

Đ: Tôi suy nghĩ nhiều về Conrad. Nhất là khi ông ấy viết về nước Mã Lai và các hòn đảo ở Indonesia. Ông viết rất nghiêm túc về những nơi chốn đó. Chính đó là một nỗ lực đặc biệt về mặt tình cảm bởi vì Mã Lai quá xa đối với chúng ta, anh biết đấy. H.G. Wells dám chê Conrad là một nhà văn chậm chạp và buồn nản. Conrad viết nhiều điều còn sâu sắc hơn Wells nhiều. Ông ta luôn luôn trung thành với cảm giác. Nếu anh nhắm mắt lại và nghe người ta đọc cuốn "Almayer's Folly" anh sẽ nghe và sẽ thấy tất cả. Anh thấy khung cảnh. Anh thấy giòng sông và anh nghe nước sông vỗ vào những thân cây. Thật là một nhà văn kỳ lạ. (...)

H: *Ông có đọc tiếng Pháp không?*

Đ: Có. Đầu năm nay, tôi đọc bộ "Les confessions" của Jean-Jaques Rousseau bằng tiếng Pháp. Cuốn đầu thật hay. Điều mà Rousseau nói về chuyện viết lách là điều mà mọi nhà văn đều gặp phải. Phải tốn nhiều thời gian để viết. Khi người ta hỏi ông "tại sao ông không viết những tác phẩm ngắn hơn và nhẹ nhàng hơn?", ông trả lời rằng viết như thế hay viết sâu hơn cũng tốn chừng ấy thời gian.

H: *Ông có còn đọc bằng thứ tiếng nước ngoài nào nữa không?*

Đ: Tiếng Tây Ban Nha, năm này, tôi bắt đầu đọc "Nouvelles Examplaires" của Cervantès. Cái mà tôi thích, là thứ tiếng Tây Ban Nha hồi thế kỷ thứ 15, đó là một thứ ngôn ngữ gân guốc.. Jorge Bergès (1899-1986) cũng xác nhận như thế và cho rằng về sau, ngôn ngữ ấy trở nên hư hỏng.

H: *Ông đã dành cho Ấn Độ nhiều cảm tình đến nỗi người ta tưởng rằng thế nào ông cũng viết tác phẩm thứ tư về chuyến du hành sang đó.*

Đ: Không đâu. Tôi xem như mình đã hoàn thành một vài điều gì đó rồi. Nếu người ta có gợi ý cho tôi viết thêm một cuốn nữa, thì có phần chắc là tôi sẽ từ chối. Cuốn đầu, viết vào năm 1962, toàn là chuyện riêng tư; tôi khám phá ở đó là xứ sở của tổ tiên tôi. Cuốn kế, viết năm 1975, phân tích xứ sở tôi. Chỉ đến cuốn thứ ba, viết năm 1988, mới là cuốn mang lại cho tôi nhiều thú vị và thỏa mãn nhất. Nó tạo ra một cái nhìn tức thời (instantanée) về văn hóa, về văn minh xuyên qua kinh nghiệm của nhiều cá nhân trong nhiều vùng khác nhau của xứ sở. Tôi đã theo dõi những cuộc đời đến tận từng chi tiết nhỏ nhặt của mỗi cá nhân để diễn tả

ra.

H: *Các cơ quan truyền thông thường quy cho ông là có liên hệ chặt chẽ với một tổ chức Ấn Độ giáo cực đoan (intégrisme hindouiste) và đảng tôn giáo BJP.*

Đ: Tôi biết là người ta quy cho tôi điều đó. Nhưng khi đề cập đến xu hướng Ấn giáo cực đoan, là sử dụng những hạn từ mâu thuẫn, vì điều đó không hề có. Ấn giáo không phải là loại tôn giáo này. Như anh thấy, chẳng có một thứ luật tắc nào trong Ấn giáo cả. Và có nhiều phái trong Ấn giáo chẳng mang xu hướng của BJP. Tôi có cảm tình với những phong trào quần chúng này ở chỗ sự kiêu hãnh mà những phong trào đó cung cấp cho những người đã sống trong một xứ sở bị tàn phá trải qua 5, 6 thế kỷ do đường lối cai trị tàn bạo của những người Hồi giáo xâm lăng. Những khối quần chúng này, nhất là nông dân, đã bị ép chế đến nỗi bất cứ phong trào nào cũng có thể mang lại cho họ sự kiêu hãnh. Những kẻ tả khuynh cho rằng những người nghèo này là những người phát-xít là điều sai lầm. Thật phi lý! Tôi chỉ nghĩ rằng họ đòi hỏi một ít từ cái căn cước riêng của họ. Người ta không thể dùng thứ ngôn ngữ Âu châu để nói về điều đó.

H: *Ông đã từng tuyên bố rằng ông không có chính kiến. Đó là điều mà Flaubert đã nói: nhà văn không nên phê phán.*

Đ: Đúng thế. Tôi không có vai trò cũng như không có niềm tin chính trị nào. Tôi không có gì cả. Tôi không có lý tưởng chính trị. Tôi có những xúc động, những phản ứng, những tình cảm sâu xa đối với nhân loại. Thế cũng quá đủ. Tôi khó mà tiếp thu những ý tưởng chính trị của một ai, cái đó hầu như là thừa nhận một thứ thần học, nó không thích hợp với tôi.

H: *Trong khi nhận giải Nobel lần thứ 100, ông có bao giờ tự hỏi là số phận những tác phẩm của ông sẽ như thế nào?*

Đ: Tôi mong là có một cái gì đó còn tồn tại vì tôi gửi gắm vào đó rất nhiều tâm huyết. Nếu một hoặc hai cuốn còn tồn tại, tôi quá sung sướng. Đó là lời chứng của một ai đó; ý tưởng về lời chứng rất thích hợp với tôi. Một số nào đó trong các tác phẩm của tôi nằm đó, kéo dài từ bốn mươi năm qua. Tôi tin rằng chỉ mới là bắt đầu. Bây giờ, khi tôi bắt đầu cầm bút viết, tôi có một cảm giác kỳ quặc: tôi tưởng tượng có một độc giả đã đọc chúng trong vòng 20 năm. Khi những tranh biện đã qua đi, độc giả ngay lập tức tìm thấy một điều gì ở đó. Chính nhờ ý tưởng này mà tôi viết. Nhưng ai mà đoan chắc được một tác phẩm sẽ tồn tại bao lâu.

H: *Ngoài Conrad, Maugham và Flaubert, ông còn thích ai những ai nữa?*

Đ: Gogol, người đầu tiên đã cho một cái nhìn về nước Nga, trình bày đời sống của con người ở đó, sự nhàn rỗi. Sau sự diễn tả này, ông chẳng

còn thêm gì nữa. Ông ta đã thực hiện xong chuyến du hành của một nhà văn, ông đã hoàn tất. Và Balzac. Balzac lần đầu tiên đã tạo ra một xã hội trong khi quan sát đời sống chung quanh ông. Nhưng mà có lần tôi có hơi bị "choc" khi đọc "La Peau de Chagrin". Tôi xúc động mạnh khi đọc tác phẩm này cách đây 27 năm. Tôi thử đọc lại và lạ thay, tôi nhìn thấy Balzac đang viết nó. Tôi nhìn thấy ông ta thật. Đây không phải là chuyện tà ma quỷ mị gì. Tôi phải đọc lại "Les illusions perdues". (...). Còn Stendhal nữa, ông là một nhà văn kỳ lạ, một nhà giáo dục, một bậc thầy về giáo dục tình cảm. Maupassant cũng là một nhà văn lớn, ngay cả nếu những tác phẩm của ông ấy không dài.

H: *Hãy trở lại với cảm tưởng của ông, ông có cảm thấy rằng, chính ông, ông đã hoàn tất cuộc du hành của mình?*

Đ: Tôi không muốn mình trở nên thừa đi, nhưng tôi tin rằng, vâng, tôi tin rằng mình đã hoàn tất chuyến du hành nọ. Tất cả điều mà tôi làm bây giờ, là viết thêm. Tôi muốn lấp chỗ trống.

100 năm giải Nobel văn chương

Không cần phải giải thích dài giòng, chỉ cần hai chữ "giải Nobel" tự nó cũng đã nói lên tất cả. Tự nó đã là một vinh dự. Đồng thời cũng là một quyền năng. Đó là chưa nói đến tiền bạc. Giải trao cho nhà văn Naipaul năm nay lên đến chín trăm mấy chục ngàn, một số tiền không dễ gì kiếm được đối một nhà văn, ngay cho dù nhà văn có sách bán chạy đi nữa.

Đến tháng 12/2001, giải Nobel cao quý này vừa tròn 100 tuổi. Cách đây 106 năm, vào ngày 27/11/1985, tại Paris, nhà hóa học Thụy Điển Alfred Bernhard Nobel đã đặt bút ký vào tờ di chúc, để tại tài sản cho Hàn Lâm Viện Thụy Điển, mà tiền lời sinh ra "sẽ được chia làm 5 phần bằng nhau, phân phối như sau: một phần dành cho người nào có khám phá quan trọng hoặc phát minh trong lãnh vực vật lý học; một phần dành cho người nào có khám phá hoặc cải tiến ngành hóa học quan trọng; một phần dành cho người nào có những khám phá quan trọng trong lãnh vực sinh lý học hay y học; một phần dành cho những sáng tác văn chương ngoại hạng có khuynh hướng lý tưởng; và một phần dành cho người nào đã thực hiện được công việc nhiều nhất hoặc tốt nhất cho tình huynh đệ giữa các quốc gia, cho sự thủ tiêu hoặc giảm thiểu những đội quân thường trực và cho sự gìn giữ và quảng bá những hội nghị hòa bình", di chúc viết.

Ngược lại với các giải y học, hóa học, vật lý và hòa bình, giải Nobel văn chương là giải phức tạp nhất, gây ra nhiều tranh cãi và nhiều ngộ nhận nhất kể từ ngày ra đời cho đến tận hôm nay. Lý do là những giải kia,

các thành tích nêu ra để tặng giải tương đối rõ ràng, giản dị, cụ thể, tự bằng chứng đưa ra là có đủ sức thuyết phục và bịt miệng bất cứ ai ưa điều rắc rối. Văn chương, trái lại, không có biên giới rõ ràng giữa hay và dở, giữa giá trị và vô giá trị - hơn nữa, cái hơn, kém giữa các tác phẩm có giá trị hầu như không có tiêu chuẩn nào phân định rõ ràng (vì nếu có như thế thì văn chương sẽ mất ngay ý nghĩa cao quý của nó). Cũng do đó, khác với các giải kia, ngày công bố giải Nobel văn chương bao giờ cũng được giữ bí mật cho đến giờ phút cuối cùng. Việc bình chọn và công bố giải diễn ra theo một lịch trình đặc biệt riêng. Đối với các thành viên của Hàn Lâm Viện Thụy Điển phụ trách phần bình chọn, im lặng được xem là quy luật vàng.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển được thành lập vào năm 1758, dựa theo kiểu mẫu của Hàn Lâm Viện Pháp, gồm có 18 thành viên, được chọn vào và giữ chỗ cho đến cuối đời. Họ là những tiểu thuyết gia, nhà tu, sử gia, nhà ngôn ngữ học, đứng đầu là nhà bác học Horace Engdhal. Hàng năm, họ tiếp nhận vô số gợi ý từ khắp nơi trên thế giới. Đó là những góp ý, giới thiệu của các người đoạt giải những năm trước, các nhà văn, các chính khách và vô số những người khác ít nhiều có dính líu đến sinh hoạt văn học. Từ 18 người, họ thành lập một Ủy ban gọi là "Ủy ban Nobel" gồm 5 thành viên, có trách nhiệm xem xét tất cả các đề nghị, gợi ý, để rồi lần lượt chọn lọc. Danh sách chọn rút từ 200 xuống đến 20, rồi xuống còn 5 tác giả trước mùa hè hàng năm. Suốt hai tháng tiếp sau đó, toàn thể thành viên Hàn Lâm Viện làm việc cật lực để đi đến việc chọn một người trao giải.

Từ khi bắt đầu cho đến năm 1912, Hàn Lâm Viện lấy tiêu chuẩn chọn trao giải là dựa hoàn toàn vào một số từ then chốt trong bản di chúc, đó là các tác phẩm có xu hướng lý tưởng, được hiểu theo nghĩa bảo thủ. Chính vì thế mà giải Nobel văn chương đầu tiên được trao cho Sully Prud'homme năm 1901 trong lúc Ibsen, Zola hoặc Tolstoy bị xem là quá bạo loạn, Thomas Hardy bị xem là "tác phẩm không mang lại một sự hòa giải", Henry James thì các tác phẩm, nhất là "Les Ailes de la colonne" được xây dựng trên những đề tài "không giống ai và kinh tởm"

Đến năm 1912, trước sự phê phán của nhiều người, Hàn Lâm Viện Thụy Điển nhận ra rằng họ đã lý giải di chúc một cách thiển cận, đây thành kiến. Chính vì thế, mà năm sau, 1913, giải được trao cho nhà thơ Ấn Độ Rabindranath Tagore, người đầu tiên ngoài châu Âu. Tưởng đây là điềm tốt báo hiệu cho tương lai của giải, không ngờ, rủi thay, năm kế, thế chiến thứ I bùng nổ. Mọi dự tính bị đảo lộn hoàn toàn. Hàn Lâm Viện trở lại cung cách làm việc cũ và xu hướng bảo thủ tiếp tục ngự trị cho đến...30

năm sau. Mà như ta biết, giai đoạn mấy chục năm giữa hai kỳ thế chiến là giai đoạn cực kỳ ngoạn mục của thế giới văn chương toàn cầu với sự nổ bùng của năng lực sáng tạo trên mọi loại hình nghệ thuật. Chính vì thế mà chẳng có một nhà văn thuộc khuynh hướng siêu thực nào, không có một nhà thơ hay kịch tác gia xuất thân từ trường phái "đa-đa" (dadaisme) hay "phi lý" (absurdisme) như André Breton, Hugo Ball hay Gertrude Stein được trao giải.

Kjell Espmark, ông Hàn và là tác giả của "Le prix Nobel" nhận xét rằng Hàn Lâm Viện "gồm một nhóm người có tài năng và học vấn nhưng thiếu hẳn đầu óc thụ cảm với cái mà chúng ta hôm nay gọi là tài sản phong phú của văn chương thời đại chúng ta".

Sự chuyển đổi căn bản chỉ bắt đầu từ sau khi thế chiến thứ II chấm dứt. Năm 1945, Paul Valéry đã được chọn, nhưng bất hạnh thay, nhà thơ của chúng ta đã chết trước ngày được công bố. Sau đó, dần dần, Hàn Lâm Viện bù đắp lại cái thiếu sót của mình trong quá khứ bằng cách liên tiếp trao giải cho nhiều nhà văn, nhà thơ "cách tân" như Herman Hesse, Gide, Eliot, Faulkner và hơi muộn về sau này là Saint John Perse và Samuel Beckett. Không những thế, Hàn Lâm Viện còn trao giải cho những tác phẩm viết bằng những ngôn ngữ không phổ thông trên thế giới như Do Thái cổ, tiếng Hy Lạp hay Ba Lan.

Như nhiều nhà phê bình đã nhận xét, không có một, nhưng có nhiều giải Nobel, khởi đi từ hậu quả của một chuỗi những xu hướng mà tinh thần không ngừng thay đổi tùy theo cá tính của vị chủ tịch Viện cũng như khả năng cảm thụ của các ông Hàn - của những người tự cho là mình thừa kế đúng tinh thần của Nobel. Do lầm lẫn và do những giới hạn tự nhiên của con người, qua 100 năm trao giải, ngoài vô số điều đáng trân trọng, không thiếu những chuyện đáng tiếc xảy ra khiến cho nhiều nhà văn tầm cỡ trên thế giới bị gạt tên như Marcel Proust, James Joyce, Musil, Borges, André Malraux.

Bị phê bình, chỉ trích từ nhiều phía, rốt cuộc, mười mấy ông Hàn quyết định biến Hàn Lâm Viện thành một cái gì tương tự như một "Câu lạc bộ gia đình" (Cercle de famille). Mỗi lần chấm dứt họp, cả nhóm thường rút về một cái quán rất cũ thuộc một khu hẻo lánh, cổ kính của Stockholm để tránh mọi thăm chừng, đòm ngó của đủ hạng người tạo nên sự nghi kỵ lẫn nhau. Nhưng thế mà nào dâu có yên. Các ông Hàn, do lý do này hay lý do khác, vẫn không tránh được những bất hòa, có khi đưa đến thảm kịch. Số là có lần, ông Hàn Harry Martinson được giải (1974), chia cùng với một nhà văn Thụy Điển khác là Eyvind Johnson. Bị báo chí và dư luận phê bình dữ dội, vài năm sau đó, ông Hàn này dùng một cây kéo

mổ bụng tự sát. Lần khác, sau vụ nhà văn Salman Rushdie bị giáo chủ Hồi giáo lên án tử hình vì đã xúc phạm đến Hồi giáo qua tác phẩm "Satanic Verses", nhiều ông Hàn quyết định rời Viện vì cho rằng Viện đã không đứng lên bảo vệ nhà văn này trong việc sáng tác tự do. Một số ông Hàn khác có lúc không chịu đi họp vì bất hòa với bạn đồng viện hoặc vì nhà văn mà mình giới thiệu và ủng hộ không được các bạn đồng viện khác xem xét đến. Vân vân và vân vân.

Xem ra thì những chuyện như thế cũng là chuyện thường tình. Phương chi ở đây, giải Nobel nó lớn quá, cả mọi mặt. Cho nên, duy trì được 100 năm như thế cũng đã là chuyện vô tiền khoáng hậu rồi. Nào ai mong mỏi gì hơn!

Một chuyện nhỏ: không phải hễ tác giả nào đoạt được giải Nobel là tác phẩm cũng bán chạy cả. Năm 1995, ông Jérome Lindon, giám đốc nhà xuất bản Minuit, người đứng ra xuất bản tác phẩm của nhà văn đoạt giải Claude Simon, thú nhận, cuốn "L'Acacia", tác phẩm đưa ông lên đài vinh quang, khó khăn lắm mới bán được ... 600 cuốn một năm, trên toàn thế giới! Than ôi!!!

Hãy "thơ" cho tôi! *Poem me!*

Cũng lại là sản phẩm của thời đại điện tử. Chuyện xảy ra ở Anh, nơi mà hiện nay, hơn một tỷ (tức là một ngàn triệu) "lời nhắn viết" được gửi đi hàng háng qua điện thoại cầm tay.

Sau "lời nhắn viết" (text message) đến thơ. Lần này, chữ "poem", danh từ, có cơ trở thành động từ. *Poem me!* Cũng được chứ sao! Ta có "bill me" (hãy gửi hóa đơn cho tôi), "mail me" (hãy gửi thư cho tôi) thì bây giờ "poem me". Hãy "thơ" cho tôi. Hay nói cho rõ nghĩa hơn là "hãy gửi cho tôi bài thơ". Hoặc "poem my friend", hãy "thơ" cho bạn tôi.

Như Tin Văn đã đề cập đến trong một bản tin trước đây (xem Tin Văn, VH số 185), tiếng Anh đã được tăng cường thêm một số từ ngữ mới nhờ dịch vụ điện tử, đặc biệt là nhờ sự sáng chế ra điện thoại cầm tay (cell phone). Qua đó, người ta gửi cho nhau những "lời nhắn viết", tức là những "message" ngắn gọn, sử dụng một thứ tiếng Anh tốc ký được chính thức công nhận gọi là SMS (short message system). Bây giờ, thay vì để tiếp nhận những lời nhắn, điện thoại cầm tay trở thành một thứ giải khuây, giải-stress, giúp cho người sử dụng có thể "take it easy", tạm thời quên đi những công việc nhọc nhằn trước mắt.

Dịch vụ mới gọi là "poem-me service", xuất hiện ở Anh vào cuối tháng 10/2001 rồi, là một sáng kiến thoát thai từ hai người bạn thân, một

người là nhà thơ Fredrik Lloyd và người kia là Dalhan Lassalle, một nhà sản xuất phim ảnh, video game. Ý tưởng về dịch vụ bắt đầu khi, một hôm, bỗng nhiên giữa lúc đang làm việc, thì Lassalle nhận được từ Lloyd một bài thơ ngắn gửi qua SMS. Thoạt đầu, ông ngạc nhiên, nhưng sau đó, khi đọc xong bài thơ, ông bỗng cảm thấy lòng có vẻ nhẹ nhàng, thênh thang hơn trước, dù đang bận bịu với công việc. Bài thơ buộc ông phải ngừng làm việc trong một ít phút để suy gẫm. "Tôi thấy một số bài thơ của Lloyd đặc biệt gợi cho ta suy gẫm, một số bài khác tặng cho ta một nụ cười nhẹ nhàng. Nhưng dù cái nào, chúng cũng giúp ta có một vài phút lắng lòng lại giữa chỗ bộn bề công việc", Lassalle cho biết.

Sáng kiến của Lassalle được một số người bận bịu công việc hoan nghênh. Thế là "poem-me service" ra đời, có bổn phận gửi "thơ" cho khách hàng. Tất nhiên là phải gửi vào lúc người ta đang làm việc. Người cung cấp thơ hiện nay là thi sĩ Lloyd. Thơ ở đây chỉ là những câu thơ ngắn có chứa đựng một ít tư tưởng hay một chút hài hước, hóm hỉnh, vừa đủ để nằm gọn trong chiếc màn nhỏ xíu của điện thoại di động. Nhà thơ sản xuất theo đơn đặt hàng và những câu thơ phải làm sao tạo cho khách hàng vui và thư thả. Những bài thơ như thế được gọi là "SMS poems". Giá đăng ký cho một tháng "SMS poems" là 4 bảng Anh. Nếu đăng ký luôn ba tháng một lần thì chỉ có 10 bảng Anh. Những người đăng ký sẽ nhận được 5 ngày một tuần, một ngày một bài thơ gửi đến điện thoại cầm tay của mình. Lassalle cho biết sau hơn một tháng khai trương, ông đã có 50 khách hàng. Được dà, ngoài "poem-me service" ra, Lassalle còn mở thêm "poem a friend in need service" dành cho những ai muốn gửi thơ tặng bạn bè. Ông đang nghĩ cách cải tiến dịch vụ để tăng nhanh số khách hàng trong năm tới (2002).

Khách hàng nào làm việc mệt nhọc cần có những phút thư giản, có thể đăng ký qua Internet, địa chỉ là "poem-me.com". Hãy thử đọc một vài "SMS poems" của Fredrik Lloyd:

- Rose petals filled with ounces of snow bend meekly
  Saints sold for less beauty
- Fields fell apart,
  separated by the shallow breathing of a damaged fence

Thì cũng là "nhà văn"!

Từ Iraq. Tác phẩm là một cuốn tiểu thuyết có tựa đề "The Impregnable Fortress" (Pháo đài bất khả xâm phạm). Đó là một tác phẩm đặc biệt. Vì nhiều lý do. Trước hết, nó không có tên tác giả, nghĩa là một tác

phẩm nặc danh. Thứ đến, hình bìa của tác phẩm - hình một thiếu phụ với những đường nét rất quyến rũ - được trình làng một cách trân trọng một tuần trước khi tác phẩm thực sự xuất hiện. Và rồi, trung tuần tháng 12/ 2001, tác phẩm được mang ra giới thiệu trên đài truyền hình trung ương với những lời khen ngợi nồng nhiệt: *The Impregnable Fortress* là "một công trình nghệ thuật tuyệt tác". Tác phẩm dự tính sẽ được dóng thành phim để chiếu từng kỳ trên đài truyền hình trong năm tới.

Và điều đặc biệt cuối cùng là, theo dự đoán, những độc giả hăng hái nhất đợi chờ đọc tác phẩm này không phải là người Iraq, mà là các tay tình báo viên của CIA.

Tại sao?

Vì tác giả của tác phẩm chính là nhà độc tài Saddam Hussein. Cơ quan tình báo CIA đang chờ đợi có được tác phẩm để tìm xem trong đó có chứa đựng bất cứ dấu hiệu nào mô tả trạng thái tinh thần của Saddam Hussein trong lúc tổng thống Bush có vẻ như đang sửa soạn kế hoạch để tấn công Iraq sau khi chấm dứt cuộc chiến tại Afghanistan.

Tác phẩm chứa đựng những ẩn dụ đề cập đến cuộc chiến đấu chống "con quỷ dữ Tây phương" của nhân dân Iraq. Nhưng đừng vội tưởng đó chỉ là một tác phẩm tuyên truyền. Nó là tiểu thuyết hẳn hoi, là một tổng hợp của những nét lãng mạn, lòng ái quốc và cuộc phiêu lưu tình ái với những pha gay cấn. Đây là tác phẩm thứ hai của nhà độc tài. Cuốn đầu tiên được xuất bản năm 2000 có tựa đề *Zabibah and the King*, cũng không có tên tác giả. Nhân vật chính là một ông vua yêu một người phụ nữ thường dân đã có chồng tên là Zababah, tượng trưng cho nhân dân Iraq. Chồng của phụ nữ này là một người đàn ông tàn bạo, tượng trưng cho "kẻ thù Tây phương". Ông ta hiếp dâm nàng vào ngày 17 tháng 1, tức là ngày mà 10 năm trước đó, Hoa Kỳ phát động cuộc chiến vùng Vịnh tấn công Iraq, bảo vệ Kuwait. Trên đường đi, nhà vua, lòng thấp thỏm không yên về việc cái chết và kẻ nối ngôi, đã hỏi phụ nữ: "Nhân dân có cần những biện pháp nghiêm khắc từ vị lãnh đạo hay không?", người đàn bà trả lời "Vâng, nhân dân cần những biện pháp nghiêm khắc để cảm thấy được bảo vệ".

Cơ quan tình báo CIA kết luận rằng Hussein không tự mình viết truyện, nhưng nhờ người viết với sự xem xét cẩn thận của ông ta. Tuy nhiên, nhiều người Iraq không nghĩ như vậy. Họ cho rằng ông ta không dựa nhiều vào những tay viết thuê mà chính Hussein đích thân viết phần lớn, vì giọng điệu và ngôn ngữ "quanh co như những bài diễn văn mà ông ta đọc và giọng điệu đầy tính chất tự cao tự đại". Nhiều đoạn chẳng khác gì những huấn thị mà ông ta truyền cho các cấp thừa hành.

Đầu năm nay, một nghệ sĩ Canada đã tố cáo Saddam Hussein ăn cắp bản quyền một tác phẩm nghệ thuật của ông để làm bìa cho tác phẩm "Zababah and the King", vẽ một thiếu phụ rất đẹp bao quanh bởi bướm và chim bồ câu.

Từ lâu, Saddam Hussein cho biết là ông rất có tham vọng về mặt văn chương. Mặc dù ông ta chỉ bắt đầu đi học vào lúc lên 8 tuổi, nhưng về sau, ông ta đọc ngấu đọc nghiến rất nhiều sách, đặc biệt là sách về các nhân vật lịch sử, kể cả Stalin. Sau này, với sự giúp đỡ của một tay viết thuê sung sức, ông đã công bố nhiều bài biên khảo, đủ đề tài, từ những cuộc thảo luận về chủ nghĩa xã hội cho đến những lời khuyên về vệ sinh cá nhân, chẳng hạn như đàn ông nên tắm một ngày một lần, còn phụ nữ thì nên tắm hai lần, vân vân.

Hussein không phải là nhà lãnh tụ Ả Rập duy nhất có tham vọng văn chương. Một nhà độc tài khác, đại tá Muammar Qaddafi của Libya, viết một tuyển tập gồm những chuyện trẻ con bán rất chạy vào năm 1996. Truyện có tựa đề "The Village is the Village, the Land is the Land, the Suicide of the Spaceman and Other Stories" bán được 100.000 bản trong vòng 2 tuần lễ sau khi phát hành. Một tờ báo Ai Cập gọi Qaddafi là một "tay kể chuyện xuất sắc".

Hai nhà độc tài là hai "nhà văn". Chẳng biết có nên tin hay không?

Văn Học trân trọng giới thiệu một diễn đàn mới trên Internet:
TALAWAS

Talawas là một diễn đàn độc lập, mong đối diện những vấn đề của hiện thực Việt Nam bằng cách đặt chúng vào những góc nhìn của thế giới bên ngoài. Nội dung chủ yếu của Talawas là chuyển tải thành tựu văn hoá thế giới và những thảo luận thời sự của trí thức quốc tế vào các tương quan Việt Nam. **Talawas cũng là điểm gặp và cọ xát giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.**

http://www.talawas.net (http://members.tripod.de/talawas)

giới thiệu sách mới

THƠ

🕮 Nguyễn Hữu Nhật, ***Đã đời,*** tập thơ, Anh Em (Na Uy) xuất bản, Nguyễn Hữu Nhật trình bày, thơ in rất đẹp trên giấy trắng, là sưu tập 700 bài thơ lục bát (phần lớn đài bốn câu) viết về mọi thể dạng của tình yêu thương trong thời gian tác giả sống lưu vong ở Na Uy.Sách dày 220 trang. Giá 18 Mỹ kim.

Liên lạc: Làng Văn
PO Box 218, Station "U"
Toronto, Ontario M8Z-5P1 Canada
Phone: (905) 607-8010 / Fax: (905) 60-8011
hoặc Anh Em
Phone: 47 22 38 28 53 Email: anhem01@frisurf.no
Helgesensgata 72
0563 Oslo Norway

🕮 Thận Nhiên, ***Đa giác,*** tập thơ, tác giả ấn hành hạn chế 300 cuốn, trình bày bìa Đinh Trường Chinh, tranh phụ bản Nguyễn Đại Giang & Đinh Trường Chinh, Hoàng Đình Bình phổ nhạc. Trong thế hệ những nhà thơ trẻ, Thận Nhiên có một vị trí riêng, nhờ cái mới được diễn tả trong chừng mực có thể phổ cập được. Ngoài thơ, Thận Nhiên còn viết kịch, truyện ngắn đăng trên nhiều tạp chí văn chương.

Liên lạc: Thận Nhiên
16002 - 184th Ave S.E. Renton WA 98058
Phone: 425-235-7277 hoặc 206-723-7235
Email: tuedan7@cs.com

KHẢO CỨU, TRUYỆN

📖 Trần Hồng Châu, ***Dăm ba điều nghĩ về văn học nghệ thuật***, Tiểu luận, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 380 trang, giá 16 Mỹ kim.

Trần Hồng Châu là bút hiệu của Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, nguyên Khoa trưởng Đại học Văn khoa Sài Gòn, nguyên chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ Hai Mươi (Sài Gòn 1960). Suốt một đời tận tụy cho việc giáo dục, sau khi qua định cư ở Mỹ Giáo sư mới có thì giờ trở lại với đam mê ấp ủ từ thời thanh niên: đam mê sáng tạo, với những tác phẩm đã xuất bản "Thành Phố Trong Hồi Tưởng" (tùy bút, 1991), "Nửa Khuya Giấy Trắng" (thơ, 1992), Nhớ Đất Thương Trời (thơ, 1995), Hạnh Phúc Đến Từng Phút Giây (thơ, 1999).

Năm may, nhà thơ Trần Hồng Châu cho xuất bản một tập tiểu luận văn học sưu tập những bài viết trong suốt cuộc đời cầm bút của ông. Nội dung tập tiểu luận gồm các phần: Thử kiểm điểm và dự đoán, Trong khuôn viên đại học, Tác giả và tác phẩm, Trao đổi.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản và Nhà sách Văn Nghệ

📖 Lê Minh Hà, ***Thương thế, ngày xưa***, tập truyện ngắn và tùy bút của một nhà văn nữ quen thuộc với bạn đọc Văn Học, Văn Mới xuất bản, bìa của Lê Nguyên Diệu, sách dày 136 trang, giá 10 Mỹ kim.

Đây là tác phẩm thứ ba của Lê Minh Hà được xuất bản ở hải ngoại, sau "Trăng Goá" (tập truyện, Thanh Văn 1998), "Gió Biếc" (tập truyện, Văn Mới 1999). Tác phẩm này gồm hai phần: phần truyện ngắn nhan đề chung là "Cổ tích cho ngày mới" gồm các truyện cổ tích VN quen thuộc tác giả viết lại theo cái nhìn hiện đại; phần sau là các tùy bút có tên chung là "Miếng ngon, thời khó nhọc".

Sách do nhà xuất bản Văn Mới xuất bản và phát hành.

📖 Nguyễn Hữu Nhật, ***Bờ bên kia (I & II)***, tiểu thuyết thiền, cả hai tập dày 430 trang, Anh Em xuất bản, giá trọn bộ 25 Mỹ kim.

Thơ thiền, công án thiền là những hình thức diễn đạt tư tưởng Thiền khá quen thuộc trong văn chương Việt Nam. Nhưng tiểu thuyết thiền thì chỉ mới có một vài nhà văn thử nghiệm (như Thượng tọa Thích Nhất Hạnh). Nguyễn Hữu Nhật đổn nỗ lực cho thử nghiệm này. Thành công hay không, ở cả Đạo lẫn Văn, là tùy cái Tâm của từng bạn đọc, cùng cái

Duyên giữa bạn đọc và tác giả.

Liên lạc với Làng Văn hoặc Anh Em theo địa chỉ trên.

🕮 Lê Đình Điểu, ***Tuyển tập Lê Đình Điểu***, VAALA (Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ) xuất bản, do Phạm Phú Minh, Ngô Mạnh Thu, Phạm Quốc Bảo, Phạm thị Dung, Lê Đình Nhất Lang, Lê Đình Y Sa, Vũ Quí Hạo Nhiên biên tập. Tranh bìa Mai Chửng. Trình bày bìa Trịnh Cung. Phụ bản tranh của Trịnh Cung, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em, Thái Tuấn. Sách dày 482 trang, giá 25 Mỹ kim.

Lê Đình Điểu sinh thời từng là chủ bút nhật báo NGười Việt (Nam California Hoa Kỳ), chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21, giám đốc đài phát thanh VNCR, và sáng lập viên của VAALA. Là một nhà hoạt động văn hóa tích cực và có óc tổ chức cao, ông đã có nhiều đóng góp và ảnh hưởng lớn lao đến ngành truyền thông tại miền Nam California.

Sau khi mất, bạn bè và gia đình ông đã cho sưu tầm lại những bài viết của ông từ thời thanh niên đến lúc mất, và xuất bản Tuyển tập quí giá này. Sách in đẹp, trang trọng, những người cần tìm hiểu về hoạt động văn hóa của Lê Đình Điểu cần có cuốn sách này.

Liên lạc Hội VAALA
11022 Acacia Parkway # A, Garden Grove CA 92840
Phone: (714) 537-7678

🕮 ***Quảng Đà***, Đặc san biên khảo Văn học Nghệ thuật, Sông Thu xuất bản, Thái Tú Hạp và Ái cầm chủ trương, nhiều tác giả tên tuổi đồng hương Quảng Nam Đà Nẵng hoặc thân hữu của Quảng Đà đóng góp bài vở, dày trên 600 trang, giá 15 Mỹ kim.

Cũng như những số đặc san Quảng Đà đã xuất bản trước đây, Quảng Đà số này qui tụ được rất nhiều bài vở giá trị liên quan tới vùng đất từng sản xuất rất nhiều anh tài, trong chính trường cũng như trong sinh hoạt văn hóa. Điều đặc biệt khiến Quảng Đà vượt trội hơn các đặc san địa phương khác, là công phu chăm sóc và nguồn tài chánh đồi dào của hai vợ chồng nhà thơ Thái Tú Hạp-Ái Cầm.

Thư từ liên lạc xin gửi về Quảng Đà
PO Box 428 Rosemead CA 91770
Phone: (626) 288-2696

🕮 Văn Bia, ***Những ngày chung sống với chí sĩ Ngô Đình Diệm***, hồi ký của Văn Bia, cựu ký giả các nhật báo Thần Chung, Tiếng Chuông, Tiếng Dội từ năm 1948, Lê Hồng xuất bản, sách dày 360 trang, giá 15 Mỹ

kim. Bạt của Đỗ Khiêm, Nguyễn văn Sâm, Võ Kỳ Điền.

Có lẽ nhận xét của nhà thơ Đỗ Khiêm về cuốn hồi ký này xác thực hơn hết:

"Đằng sau mỗi cây viết, đều có một người cầm. Sự hiển nhiên này, rất nhiều tác giả muốn né tránh một cách đáng buồn (cười), nhất là trong thể loại hồi ký. Đã viết hồi ký thì không thể nào cất cái tôi, cái ta, cái người dưới trang giấy được và nếu không muốn phiền lòng ai thì nhìn trời mà thở dài chứ đừng nên viết lách làm gì. Ở đây, cái tôi của tác giả được thể hiện một cách rất lương thiện, không luồn lách ẩn nấp mập mờ, lúc hay ho thì tỏ, lúc bối rối thì...biến."

Liên lạc tác giả ở địa chỉ:
31 Lincoln Street, Methuen MA 01844
Phone: (978) 689-0770
Email: vanbia@yahoo.com

📖 Trần văn Chi, ***Hoạt động tại Hoa Kỳ***, hồi ký, Đông □ xuất bản, sách dày 288 trang, giá 15 Mỹ kim.

Tác giả là một lãnh tụ sinh viên tranh đấu ở Sài Gòn trước 1970, sau một thời gian bị tù được tự do trở thành phó khoa trưởng Viện Đại học tân lập Long Xuyên cho đến 1975. Cùng gia đình vượt biên sang Hoa Kỳ năm 1988, tác giả là một nhà kinh doanh thành công, đồng thời tiếp tục hoạt động văn hóa và chính trị. Điều đặc biệt của tập hồi ký này là tác giả không "kể" chuyện đời mình theo lối thường, mà đưa ra những mẩu chuyện hoặc bài viết ngắn cho từng sự việc, biến cố, khiến tập hồi ký giống như tập hợp của những tài liệu liên quan đến đời tác giả.

Thư từ góp ý hoặc cần mua sách, gửi về email
tranvanchi@earthlink.net

📖 Kiêm Thêm, ***Truy lùng Osama Bin Laden***, Văn Mới xuất bản, sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim.

Một cuốn sách thời sự, sưu tầm những điều ai cũng muốn tìm biết về lãnh tụ khủng bố Hồi giáo này. Sách có kèm theo nhiều hình ảnh của Bin Laden, và những hình khác liên quan đến cuộc chiến tranh chống khủng bố hiện nay. Các phần trong sách: Truy lùng Bin Laden, Truy lùng tổ chức Al Qaeda, Truy lùng Taliban, Mạng lưới khủng bố Bin Laden, Hồ sơ tội ác, Tình hình hậu Taliban.

Sách do Văn Mới xuất bản và đã phát hành rộng rãi ở các hiệu sách.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Fields Corner Branch Library (Dorchester MA), Rick Thuan Nguyen (Rochester MN), Nails & Co. (Edina MN, mua sách), Hanh Luc (San Jose CA), San Francisco Public Library (SF CA) Trần Doãn Nho (Worcester MA), Tường Thụy (Falls Church VA), Khanh Nguyen (Denton TX), Võ Đình Tấn (El Monte CA), Nguyễn Khoa Điềm (Reseda CA), Trịnh văn Đáng (Westminster CA), Trần văn Nam (San Gabriel CA), Van Camp Etienne (Belgique), Đoàn Thế Hoàng (Lincoln NE), Trương văn Nhi (Houston TX), Jade's Cleaners (Fountain Valley CA), Clinic Pharmacy An (Ottawa Canada), Lại thị Nghĩa (Fair Oaks CA), Đức Phổ (Peachtree City GA), Nguyễn Nguyên Phương (Denver CO), Hanh H. Le (Lexington KY), Ngô văn Tuấn (Eden Prairie MN), Suzy Ngo (Winnetker CA), Bùi Quang Diễm Thu (Smyrna, GA), Tan Nguyen (San Diego CA), Lưu Thiện (Camarillo CA), Rev. Dương Công Huỳnh (Philadelphia PA), Tien Vo (Charlottsville VA), Pham Tuyet Nga (Setttle WA), Hùng T. Nguyễn (Cupertino CA), VUT Footscray Campus Library (Australia, đổi địa chỉ đại diện tại Mỹ), Tôn Thất Quỳnh Tiêu (Richardson TX), Nham Phan Ta (Eden Prairie MN), Bib National de Paris (from RowCom France), Quang Nguyen (New York NY), Kathy-Nha Nguyen (Tallahassee, FL), Nguyễn Quý Bỗng (Ottawa Canada), Dương Minh Châu (Scarborough Ont Canada), Thu Huong Le (Alexandra VA), Lương Thư Trung (Dorchester MA), Thiên Nga Bookstore (Houston TX), Phan Tấn Thiện (Toronto Ont Canada), Ngô Bút (Oak Hill VA), Thien Kiep Van (Manchester NH), Footscray Campus Library Australia.

Bài nhận được qua bưu điện.

"Lặng thầm" gửi từ Long Beach CA, "Tân Xuân" gửi từ Rosemead CA, "Hình ảnh con ngựa trong Truyện Kiều" gửi từ Sài Gòn VN, "Lục bát với quê nhà" gửi từ Phoenix AZ, "Về chào tiếng lạ, Khúc xuân xanh" gửi từ San Jose CA, "Biển động" gửi từ Yorba Linda CA, "Văn tế thím" gửi từ Anaheim CA, "Cảm đề Xuân Nhâm Ngọ", "Một mối tình đẹp trong chiến tranh" gửi từ Irvine CA

Trong tháng Mười hai 2001, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ. Kính cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn.

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 ● WESTMINSTER ● CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)
TEL: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's,
Tự điển, Sách học Anh văn có băng,
Videos, Băng đọc truyện, Poscards

SÁCH MỚI VỀ MÙA XUÂN NĂM 2001

Gọng Kìm Lịch Sử (609 p., bìa cứng)
Bùi Diễm $25.00
Đặng Tiểu Bình, Nhà Chính Trị Lỗi Lạc (440p.)
Ngộ Thiện $18.00
Sài Gòn Cali 25 Năm Gặp Lại (206p.)
Phóng sự Sài Gòn của Văn Quang $13.00
Bạn Bè Gần Xa (460 p.)
Hồi ký của Phan Lạc Phúc $22.00
Đảng CSVN Qua Những Biến Động Trong PTCSQT (230p.)
Nguyễn Minh Cần $13.00
Bí Mật HậuTrường Chính Trị Miền Nam 64-75 Tập 3
Đặng Văn Nhâm $25.00
Window 98 - Tự Học Nhanh Trong 24 Giờ (356 p.)
Greg Perry $15.00
Được Vay Nụ Cười (313p.)
Truyện dài tình cảm của Kathy Trần $12.00
Bói Toán, Số Mệnh Mỗi Người (413 p.)
Đoàn Văn Thông $16.00
Lưu Hương Đạo Soái (2 Vol. 508 p.)
Tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung $25.00
Trời Xanh Cũng Khóc (3 Vol., 864 p.)
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ dịch $36.00
Ở xa, mua sách:
Xin gửi chi phiếu đề cho VĂN KHOA, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ.

BÓNG NẮNG KHUYA
Bạn và Nghệ Sĩ 11
Chủ Nhật, 20 tháng 1 năm 2002
2 giờ trưa tại Jones Auditorium
University of St. Thomas Houston, Texas
Bóng Nắng Khuya
Ca sĩ Nguyễn Thảo
Ca sĩ Julie (Quang)
Hòa âm: NS Lý Giai Niên
Piano,Guitars,Saxophone,Violin.
Đến nhập đồng nhạc Nga Yên
và buổi chiều nhạc Jazz

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1127 W. Gardena Blvd.
Gardena, CA 90247
Điện thoại: (310) 366-6867
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính, giá $10
Truyền Thống Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Văn Chương Đối Liễn
Minh Chánh Học Sĩ TrầnCông Định, giá $15
Chữ Nghĩa Bể Bề
Chuyện văn chương Đặng Trần Huân, giá $12
Hạnh Phúc Có Thật
Tập truyện Bùi Bích Hà, giá $10
Phía Bên Kia Mặt Trăng
Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm, giá $10
Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21
Ký của Lê Thị Huệ, giá $14
Bức Phù Điêu Khắc cạn
Tập truyện Nguyễn Thị Thảo An, giá $12
Cuối Ngày, Một Ngày Ngồi Lại
Tập truyện Song Thao, giá $10
Tuyển Tập Võ Phiến
780 trang, giá $25
Dặm Trường
Truyện dài Trần Doãn Nho, giá $17
Miêng
Tuyển tập truyện dịch, giá $12
Huyết Đằng
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12
Thương Thế Ngày Xưa
Tập truyện Lê Minh Hà, giá $10

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI
1127 W. Gardena Blvd.
Gardena, CA 90247
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967

Đã phát hành khắp nơi tác phẩm mới của nhà văn nữ
Lê Minh Hà

thương thế, ngày xưa...

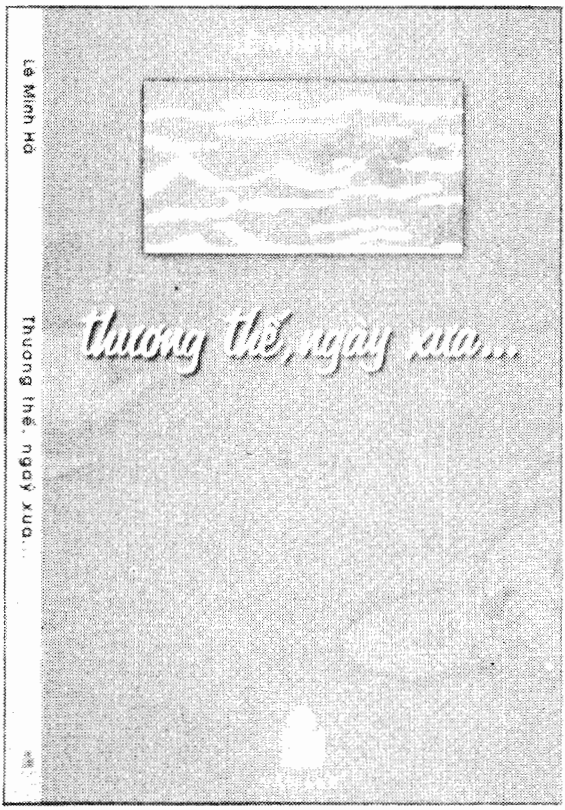

Quý vị muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, giá 10 đô la tính luôn cước phí, và gửi về địa chỉ trên.

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Số 189&190 Giá $10.00

NHỮNG CUỐN SÁCH ĐÁNG ĐỌC TRONG MÙA XUÂN

• **Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng** 25MK
(tái bản) *Ngô Thế Vinh*, nhiều hình ảnh,
một bản đồ màu bảy nước sông Cửu Long chảy qua.

• **Dăm Ba Điều Nghĩ Về Văn Học Nghệ Thuật** 16MK
Trần Hồng Châu tức giáo sư *Nguyễn Khắc Hoạch*

• **Trần Dần Ghi 1954-1960** 18MK
một kiện tướng Nhân Văn Giai Phẩm

• **Bè Bạn Gần Xa** 22MK
bút ký *Phan Lạc Phúc*

• **Hẹn Thắp Lên, Lời Chứng 25 Năm 1975-2000** 17MK
cựu linh mục *Nguyễn Ngọc Lan*

• **Sống Với Bệnh Viêm Gan** 18MK
bác sĩ *Bùi Xuân Dương*

• **Huyết Đằng** 12MK
tập truyện *Phạm Hải Anh*

• **Giấc Mơ Và Huyền Thoại** 10MK
truyện *Vĩnh Hảo*

• **Giấc Mộng Đình Mai (Mai Đình Mộng Ký)** 10MK
Nguyễn Huy Hổ, tiểu luận *Hạnh Cơ*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 934-8574

VĂN MỚI

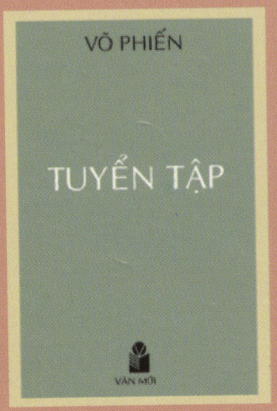
VÕ PHIẾN
TUYỂN TẬP
VĂN MỚI

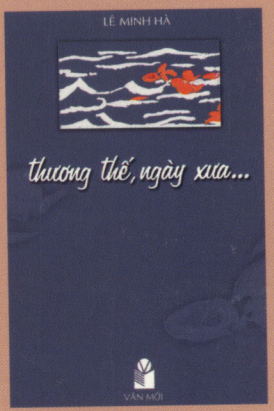
LÊ MINH HÀ
thương thế, ngày xưa...
VĂN MỚI

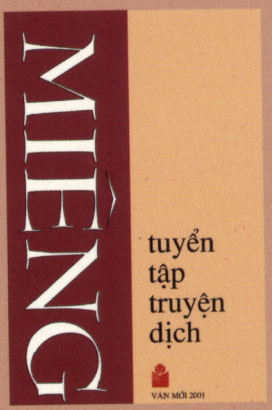
MIỆNG
tuyển
tập
truyện
dịch
VĂN MỚI 2001

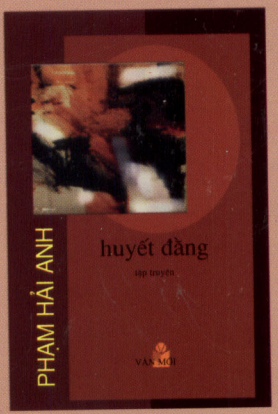
PHẠM HẢI ANH
huyết đằng
tập truyện
VĂN MỚI